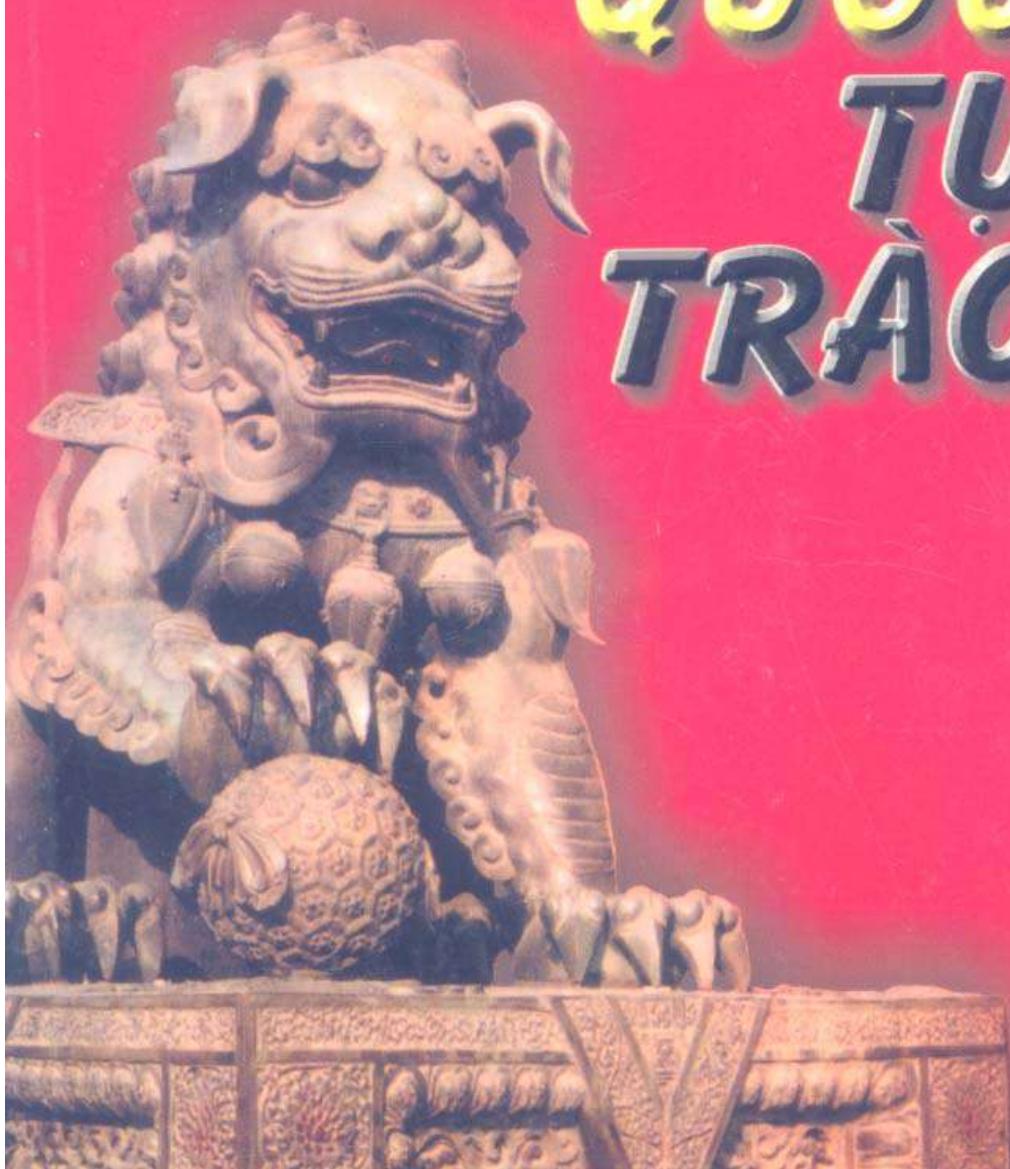


TRƯƠNG BÌNH TRI
DƯƠNG CẨM LONG

NGƯỜI TRUNG QUỐC TỰ TRÀO



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRƯƠNG BÌNH TRỊ
DƯƠNG CẨM LONG

NGƯỜI TRUNG QUỐC TỰ TRÀO

(**DƯƠNG QUỐC ANH** biên dịch, dựa theo
cuốn *Những khuyết điểm của người Trung Quốc*, của
hai tác giả Trương Bình Trị và Dương Cảnh Long, Nxb
Trung Quốc xã hội, Bắc Kinh, in lần thứ 3, 1998)

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI, 2002**

Chương I

NHÂN CÁCH

"Nhân cách" là thế giới nội tâm của con người, là bản tính, bản chất của con người, cũng là vấn đề rất quan trọng khi con người tự nhận thức bản thân. Mặt chính cần phải được phát huy, mặt phụ cũng không thể xem thường.

1. NGOÀI MẶT BẮT TAY HOAN NGHÊNH, DƯỚI DÙNG CHÂN NGÁNG CHẶN

Trung Quốc cận đại đã lạc hậu, lại bị sự uy hiếp của chiến hạm và súng lớn của đế quốc chủ nghĩa phương Tây, không thể không khuất phục mờ chiếc cửa lớn phong kiến. Trước sự so sánh đầy sức mạnh của văn minh phương Tây, thần thoại kiêu ngạo "bố mày đứng đầu thiên hạ" đã không đánh mà tự sụp đổ. Thế là một loạt những nhà tiên phong về tư tưởng đã tìm ra những nguyên nhân

lạc hậu của người Trung Quốc, để cuối cùng, đều quy vào những tệ hại của văn hóa truyền thống và bệnh thái nhân cách của người Trung Quốc. Không nghi ngờ gì nữa làm được như vậy là đã nắm được cốt lõi của vấn đề.

Lương Khải Siêu nói: sở dĩ Trung Quốc nghèo yếu không vượng là vì người Trung Quốc "ngu muội, khiếp nhược, vẫn đục", cũng có nghĩa là tố chất của quốc dân quá kém. Chính vì thế trong "Bàn về công đức" ông nhận định: "Cái mà quốc dân ta thiếu nhất, công đức là một mục vây... người người đều giỏi lo cho mình gọi là tư đức, người người đều giỏi lo cho số đông gọi là công đức, hai cái đó đều không thể thiếu trong nhân sinh". Ông còn đề xuất "Thuyết tân dân", cho rằng có "tân dân" thì lo gì không có chế độ mới, chính phủ mới, quốc gia mới.

Ông còn cho rằng, cái thiếu hụt về phẩm cách của quốc dân Trung Quốc, chủ yếu là ở lòng yêu nước, tính độc lập yếu kém, thiếu tính cộng đồng, thiếu ý thức tự trị. Vì thế mới chịu "sự sỉ nhục, chia cắt xâu xé" của người nước ngoài và bị rơi vào nước yếu. Trung Quốc muốn tự lập, tự cường chỉ có cách là người người phải nêu cao cảnh giác, tự hoàn thiện mình, kiện toàn nhân cách.

Trần Độc Tú nói: sở dĩ Trung Quốc phải chịu khuất phục các cường quốc phương Tây, nguyên nhân căn bản là thiếu sức đề kháng, và điều này

lại do ảnh hưởng tai hại của nền văn hóa Trung Quốc, đã thâm vào tinh thần quốc dân. Sự thối nát của chính phủ, tình trạng ngu muội lười biếng của nhân dân khiến ông bị kích động, phẫn nộ, gần như tuyệt vọng.

Lỗ Tấn ngay từ thuở thanh niên đã thấy bệnh trạng, nhân cách quốc dân là nguy cơ chủ yếu của Trung Quốc. Có thay đổi được thối xấu thâm căn cố đế của người Trung Quốc thì mới hy vọng giải quyết căn bản vấn đề Trung Quốc. Vì thế khi lưu học tại Nhật Bản, ông đã vứt bỏ nghề y để theo đuổi nghiệp văn chương, mong cứu vớt tinh linh con người. Ông viết *A Q chính truyện* nhằm lấy một tấm gương, cảnh giới quốc dân, trong tiếng cười chua xót hãy ngắm nhìn lại bệnh trạng nhân cách bản thân với mục đích cứu chữa nhân cách bệnh hoạn của quốc dân.

Tóm lại, các nhà tiên phong tư tưởng trước sau "phong trào Ngũ Tứ", đều xuất phát từ những thiếu sót và bệnh trạng của nhân cách quốc dân mà đi tìm nguyên nhân nghèo yếu của xã hội Trung Quốc và đề ra đối sách là: nước giàu là ở dân mạnh, nếu không lo tạo dựng nhân cách thì dân tộc Trung Hoa sẽ mãi mãi không có ngày mở mặt. Sự hiểu biết sâu rộng của các vị tiên phong tư tưởng này, rõ ràng là có tính xây dựng. Họ vừa trình bày, vừa lên tiếng kêu gọi: "Muốn nước mạnh trước hết phải bắt đầu từ việc kiện toàn nhân cách

quốc dân".

Nội hàm của khái niệm "nhân cách" cực kỳ phong phú. Nhân cách một người được hình thành từng bước trên cơ sở tố chất sinh lý nhất định, trong giáo dục gia đình, giáo dục xã hội và ảnh hưởng của môi trường xã hội cũng như tự nhiên. Ngay từ tuổi ấu thơ đã có thể bước đầu thấy được mạnh nha nhân cách nào đó của một người, và đến khi trưởng thành thì nhân cách đã có tính ổn định và tính thống nhất tương đối.

Nói tóm lại là nhân cách bao gồm đặc trưng tâm lý về các mặt khí chất, năng lực hứng thú, tính cách... của con người. Xét nghĩa hẹp thì "nhân cách" và "tính cách" giống nhau. Từ "nhân cách" còn được dùng để chỉ phẩm chất đạo đức của một người. Có người còn cho rằng nhân cách là sự tổng hòa của các yếu tố như: cảm giác, nhận biết, tình cảm, giá trị, tín ngưỡng và phản ứng sinh hóa của con người, là một loại tổ chức ổn định bên trong có sức sống lâu dài. Cái chủ yếu nhất của nó là thế giới tinh thần và ý thức tự mình.

Trong khi nghiên cứu nhân cách của người Trung Quốc chúng tôi cố gắng phân tích có mức độ mặt bệnh trạng, hơn nữa, do năng lực hạn chế và số trang viết có hạn nên không thể đi sâu vào mặt lý luận mà chỉ nêu một số hiện tượng thường gặp trong cuộc sống. Dưới đây xin bàn trước về chứng bệnh giả dối.

Tính thành thật, nói những lời thành thật, làm những việc thành thật, làm con người thành thật, là loại nhân cách chính trực, ngược lại là tính tình giả dối, nói những lời giả dối, làm những việc giả dối, là phái hai mặt, bụng nghĩ một đằng miệng nói một nẻo, là ngụy quân tử, lừa dối để lấy tiếng, hư danh, làm việc thiện giả, là nhân cách bệnh hoạn.

Tiên sinh Tào Tiên Nguyên đã miêu tả bức tranh "lộ mặt giả dối" là: đóng cửa lại mới nói lời thật, ra cửa là nói lời giả. Trước mặt bắt tay, mọi người đều tốt; sau lưng đá ngầm, hại người. Khi cần đến bạn thì mặt tươi hơn hớn, khi xong việc thì lạnh tanh. Có mặt lãnh đạo hay không có mặt lãnh đạo không giống nhau, trước mặt người, sau mặt người có khác, lúc còn quyền với lúc hết quyền, không nhất trí. Cùng qua lại, ăn ở với người giả dối, dường như bạn phải đổi mặt với một người luôn đeo mặt nạ. Bên trên, anh ta có thể bắt tay bạn hoan nghênh, ai biết là bên dưới anh ta lại dùng chân ngáng chận. Khi anh ta làm ra vẻ thành khẩn nói với bạn điều gì đó, cần phải hiểu là anh ta nói một đằng nghĩ một nẻo. Anh ta đang lừa gạt bạn đó! Cù Thu Bạch đã viết bài "Bà mẹ nhà từ thiện", vạch trần bộ mặt giả dối của nhà từ thiện:

"Ngày trước có một nhà từ thiện, mùa đông cho áo, mùa hè cho thuốc, khi mùa màng thất bát

còn mở xương nấu cháo. Xin hỏi, tiền của lo đó lấy từ đâu vậy? Hoặc là do cho vay nặng lãi, hoặc là do thu tô, hoặc là từ ruộng đất của tổ tiên để lại. Chẳng cần phải nói, đó đích thị là một nhà nhân đạo chủ nghĩa giả dối. Ông ta chu cấp cho một bọn người nghèo rớt mùng tơi, có cơ hội là gọi họ đến làm việc, nào là nhổ cỏ, tát nước, dọn phân gia súc, sửa chữa nhà... Và những người nghèo rớt đó chỉ biết căm kích ông ta, không hề nghĩ đến việc đòi tiền công.

Lúc đó, chợt có một hiệp khách hùng dũng đi tới tay cầm thanh bảo kiếm, theo lời ông ta thì là dùng để "Bổ dưa hấu". Hiệp khách còn khoe đã nhìn thấu thói giả dối của nhà từ thiện này. Ông ta cầm phần chạy tới trước cửa nhà từ thiện chửi đồng một hồi. Lại rút bảo kiếm ra nói: "Ta muốn bổ dưa hấu của nhà ngươi! Ta muốn bổ dưa hấu của nhà ngươi!" Một số người nghèo rớt thấy vậy có phần không hiểu: vì sao phải mang đầu nhà từ thiện ra bổ như là bổ dưa hấu?..

Quả thực, hiệp khách do căm phẫn quá nên đã không nói rõ được lý do. Hiệp khách cho rằng chỉ cần nói thô lỗ một chút là những người nghèo rớt này sẽ hiểu được ý muốn của ông. Hiệp khách đã mơ hồ, lại làm cho những người nghèo rớt càng mơ hồ hơn, thậm chí còn đồng tình thêm với nhà từ thiện giả dối đó. "Nhà từ thiện" trong bài viết, là một nhà nhân đạo chủ nghĩa giả dối rất khó nhận

chân tướng. Quả thật, nhận ra sự giả dối không dễ, những kẻ giả dối thường thường đeo mặt nạ giả dối. Về lý thì ai cũng bảo thành thật là tốt, nhưng có người lại cho rằng thành thật là biệt danh của vô dụng. Có lúc người thành thật quá hóa thiệt, người ta có thể làm việc theo ánh mắt, gió chiều nào che chiều ấy, tròn tria một chút, chẳng mất lòng ai, không bị coi là việc xấu, ở chỗ nào cũng được lợi.

Là dân thường mà giả dối có khả năng là do bị ép, tuy đáng ghét nhưng còn có thể tha thứ. Là nhà chính trị mà thông thoạo đạo này, lấy nó để ngầm đạt được mục đích, thì vô cùng nguy hiểm cho quốc dân. Có người nói, chính trị là những cuộc thi đấu của thủ đoạn, đã nói chính trị là phải giả dối. Về việc này có thể nói, Lâm Bưu là một điển hình.

Lâm Bưu là một kẻ có dã tâm chính trị, nói một dằng, làm một nẻo. Theo hắn, "không nói lời nói giả dối không thể thành việc lớn", không cướp được dâng, đoạt được quân đội, không nắm chắc đại quyền đảng, chính, quân. Để theo đuổi âm mưu, và để đạt được mục đích đó, tất phải nguy trang thành người trung thành nhất với Mao Trạch Đông.

Năm 1959, sau hội nghị Lư Sơn, Bành Đức Hoài bị bãi quan, Lâm Bưu được cử làm bộ trưởng Bộ quốc phòng, đồng thời chủ trì công tác quân ủy.

Khi lên nắm quyền, Lâm Bưu đã ra sức sùng bái cá nhân, tâng bốc một cách vô si Mao Trạch Đông. Hắn nêu ra khẩu hiệu "chính trị đột xuất", kêu gọi ra sức học tập trước tác của Mao chủ tịch. "Đại cách mạng văn hóa" đã tạo thành đại động loạn trong cả nước, lúc ấy Lâm Bưu đã giả dối tâng bốc Mao Trạch Đông, coi việc giành được lòng tin và sự tín nhiệm của lãnh tụ là đường tắt để đoạt đảng, đoạt quyền. Lâm Bưu là kẻ đại già dối, đầy mưu ma, chước quỷ khoác chiếc áo ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin làm thuật vượt trùng môn mới. Lâm Bưu đã viết trong sổ tay cá nhân: "Được một người là được thiên hạ". Đúng, chỉ một câu lô rô cả thiên cơ!

Với thuật già danh tiến bộ, ngầm ngầm hoạt động, quả nhiên Lâm Bưu đã thu được một số hiệu quả nhất định. Tại đại hội Đảng lần thứ 9 năm 1969, Mao Trạch Đông được bầu làm Chủ tịch TW Đảng, Lâm Bưu được bầu làm phó chủ tịch, là phò thống soái, dưới một người trên vạn người, là người thừa kế Mao Trạch Đông. Những sự việc sau này cho thấy Lâm Bưu như chó cùng rút giậu, trù tính làm đảo chính vũ trang, muốn hâm hại Mao Trạch Đông. Khi ám mưu bị bại lộ, y sợ hãi chạy trốn, cuối cùng thì tự diệt vong.

Qua hiện tượng Lâm Bưu có thể chứng minh một cách hùng hồn rằng, trong tình thế chính trị không bình thường, sự giả dối, hành vi nguy trang

tiến bộ, âm mưu quỉ kế nhất thời có thể đạt được ý đồ. Nhưng hậu vận thì lại không tốt đẹp.

"Bộ mặt giả dối" vốn là một khuyết điểm của quốc dân, qua trào lưu tư tưởng chính trị cực tả, đặc biệt là "đại cách mạng văn hóa" nó đã phát thành ác tính. Thời kỳ này, người ta chỉ có thể theo yêu cầu của tình thế, nói một số lời cách mạng tiến bộ quá khích, làm một số hành động cách mạng, nếu không sẽ phải tự chuốc lấy những bất hạnh thế này thế khác, không dám nói lời thật. Đánh, cướp, lục soát như thổ phỉ vẫn phải coi là hành động cách mạng. Báo cáo thành tích sản xuất, phải ra sức thổi phồng, nói một thành mươi, nói ngàn thành vạn, còn nếu báo cáo như thật, thì sẽ là hữu khuynh, sẽ phải chịu phê phán. Những sự việc như vậy rất nhiều! Không giả dối liệu có được không? "Chân thành" phải là một trong những phẩm chất căn bản của con người. Trong những việc quốc gia đại sự, trong quan hệ bạn bè, quan hệ luyến ái, lòng chân thành quan trọng biết bao nhiêu, cái giả dối đáng ghét biết bao nhiêu !

2. CHỊU LÀM CON CỦU NHỎ, MẶC NGƯỜI LĂNG NHỰC GIẾT HẠI

Tâm lý hèn nhát là tự khinh, tự cho là hèn, tự mình không coi mình ra gì, tự chó rằng trời sinh ra đã không bằng người. Không tự tin vào mình sẽ

không thể làm được việc gì lớn. Có lúc được người khác khẳng định, yêu mến ủng hộ thì cảm thấy kinh sợ, say mê, kiêu ngạo. Một khi gặp phải sức ép, vấp khó khăn là hoảng sợ, pháp phỏng không yên, thậm chí có cảm giác như sa xuống vực sâu. Bảo đi về bên trái thì không dám cất nửa bước về bên phải. Bảo đứng lại thì không dám. Rõ ràng là đi về vực thẳm mà vẫn cam chịu nhảy xuống.

Kẻ hèn nhát chịu khuất phục trước kẻ mạnh, trước khó khăn thì co lại. Mẫu ngữ ngôn của Krullop "Chó sói và con cừu nhỏ" ngầm ý rằng, kẻ yếu không đủ lý để đấu kẻ mạnh, kẻ mạnh nói anh có tội là anh có tội, dù có thanh minh cũng vô ích. Còn cừu nhỏ thuộc loại tính cách hèn nhát, trước mặt kẻ địch hung ác thì không dám phản kháng (kết quả của phản kháng như thế nào, lại kể chuyện khác, chúng ta không lấy thành, bại bàn luận anh hùng, chỉ nói đến tinh thần thôi). Điều đó, cho thấy mềm yếu là bị ức hiếp, hèn nhát là bị khuất phục. Từ câu chuyện ngữ ngôn này, quan sát so sánh hàng loạt hành trang của một số người Trung Quốc nào đó, chẳng phải khó khăn mới phát hiện được rất nhiều chỗ giống nhau kinh người. Tâm lý hèn nhát là tâm lý của con cừu nhỏ.

Trong xã hội truyền thống của Trung Quốc chuyện kẻ mạnh lăng nhục kẻ yếu đâu đâu cũng có, nhưng chuyện tương tự như cho sói và cừu nhỏ đã thấy nhiều lần, một tiêu nhân thân phận rơm

rác, cứ đến nha môn là kinh hoàng khiếp sợ. Trong xã hội phong kiến quan niệm **đẳng cấp** là nghiêm ngặt, con người không chỉ chịu sự bất bình đẳng về pháp luật mà về nhân cách cũng vậy. Thế nhưng bát kẽ là nói như thế nào, nhìn chung người dũng mạnh so với kẻ hèn nhát tốt hơn nhiều. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: "Ăn hồng nên chọn quả mềm", nghĩa là, người càng mềm yếu càng bị người ta ức hiếp. Những kẻ hèn nhát thường thường chịu thiệt mà không dám kêu, bị lăng nhục, tổn hại mà vẫn cố nhịn.

Ở đây xin nêu một ví dụ đơn giản nhất: hồi thứ 29 "Hồng Lâu mộng" viết về cảnh đi tết ở quán Thanh Hư, một đoàn các bà, các tiểu thư vừa vào cửa là các đạo sĩ trong quán vội vàng lẩn tránh. Vừa khéo có một tiểu đạo trạc mười hai, mười ba cầm kéo đang chăm sóc các hoa sáp, cậu ta vội chuồn đi không ngờ đám đầu vào lòng Phượng Thư. Phượng Thư liền và mạnh vào mặt làm chò cậu bé ngã lộn nhào. Phượng Thư mắng: "Thằng ranh con mắt dày, định chạy đi đâu ?" Tiểu đạo sĩ vứt cả cái kéo cắt sáp, bò dậy chạy ra ngoài. Đang lúc bọn Bảo Thoa xuống xe, các bà các cô vừa thấy tiểu đạo sĩ trốn ra, đều lên tiếng: "Cầm lấy mau! Đánh, đánh đi!"

Xin hỏi: công lý ở đâu? Thế nhưng ở đây, bảo tiểu đạo sĩ đi nói với ai ? Vào lúc Giả Dung vì Giả Liễn dụ dỗ Vương Nhị Thư, nói cần phải buộc họ

Trương thoái hôn. Giả Dung nói: "Hắn biết là nhà chúng ta như thế này, chẳng ngại là hắn không theo". Quả nhiên, bọn chúng đã thừa cơ buộc người thoái hôn. Chó sói đã định ăn thịt cừu nhỏ, át là phải thành công. Trăm họ Trung Quốc là thuận dân, thuần dân, rất an phận thủ thường, hay cam chịu ở yên, có câu nói "oan chết không đi kiện", rất không muốn tranh cãi với kẻ đang làm quan, sợ quan đến chết, sợ không chú ý sẽ đắc tội, sẽ bị báo thù, bị đả kích, bị chụp mũ, đó chính là tâm lý hèn nhát của bọn tiểu nhân.

Tiên sinh Lỗ Tấn trong bài "Tùy cảm dưới đèn" từng đau đớn khai quát lịch sử Trung Quốc làm hai thời đại; một là thời đại muốn làm nô lệ mà không được, hai là thời đại tạm thời làm nô lệ. Từ đó có thể thấy, trước sau người Trung Quốc đều ở vào địa vị nô lệ, nói một cách chuẩn xác, dân chúng ở tầng lớp dưới, trước sau đều ở vào địa vị nô lệ. Làm nô lệ đã quen, tất nhiên sẽ thiếu nhân cách độc lập, hèn nhát, tự hạ mình, coi đó là việc đương nhiên. Cũng giống như thái giám Giả Quế, khi được chủ ban cho phép ngồi, ông ta khúm núm nói: "Nô tài đứng quen rồi, không quen ngồi trước mặt ông chủ".

Giáo dục chính trị, đạo đức của chúng ta, nói chung đều nhấn mạnh cái vĩ đại của chủ nghĩa tập thể, cái nhỏ bé của cá nhân. khi khuynh hướng tư tưởng này phát triển đến cực đoan, sẽ ảnh hưởng

tới việc xây dựng nhân cách cá nhân, cá nhân chỉ là vật phụ thuộc của tập thể, cố ý hay không cố ý đều làm cho người ta hướng về tính nô lệ, quả không đẹp vậy.

Khi thấy có người quở trách "nhân cách ngọn cỏ nhỏ" tôi rất xúc động, cảm thấy trong câu nói đó có đạo lý, có kiến giải sáng suốt. Nguyên do là từ bài hát có tên: "Tôi là ngọn cỏ nhỏ".

Lời bài hát như sau: "Không có hương hoa, không có cây cao, tôi là một ngọn cỏ nhỏ không ai biết, chẳng bao giờ cô đơn, chẳng bao giờ thiếu muộn, anh thấy đấy, bạn bè tôi ở khắp chân trời góc biển. Anh nắng ơi, anh hãy chiếu cho tôi sáng, gió xuân ơi, chị hãy thổi cho tôi xanh, đất lớn ơi, bà mẹ của tôi, người hãy ôm con vào lòng..." Lời bài hát là lời thơ, giai điệu đẹp, rất đáng ca ngợi, thế nhưng lại khiến người ta chau mày. Bài hát này đã vỗ về cái nhỏ yếu, ca ngợi cái bị động, khẳng định sự yên phận, cổ vũ cái nhỏ nhoi! Vì sao người Trung Quốc lại tự xưng là "ngọn cỏ nhỏ" (chứ không phải là cây đại thụ), hơn nữa còn thích thú vì được cưng chiều một cách bị động?.. Đối với người phương Tây, khi giá trị cá nhân chủ nghĩa luôn được dùng để cân nhắc mọi thứ thì đó là một cách hạ thấp nhân cách. Tuy vậy, bài hát này vẫn được không ít người Trung Quốc hâm mộ. Đó là vì nó phù hợp với những cái đã hình thành nhân cách thân nô từ lâu rồi.

Có nhà bình luận chỉ ra rằng "tâm thái" của tôi là ngọn cỏ nhỏ chính là do chính trị tập quyền, văn hóa chính thống và trạng thái kinh tế lạc hậu nghèo nàn gây nên. Trong xã hội truyền thống, ý thức nhân cách độc lập của người ta cực kỳ nhó yếu. Về chính trị, do giai cấp thống trị đã thần hóa quyền lực, khoảng cách giữa con người với quyền lực càng lớn, ngoài việc kính trọng khâm phục ra, chỉ có thuận theo. Về kinh tế người ta chỉ giãy giụa trong cái nghèo. Trong quan hệ giao tiếp với người, theo cách đánh giá của người đời để tùy thời diều chỉnh hành vi của mình...

Cách phân tích như vậy là rất hay, rất chân thực. Tâm lý người Trung Quốc "rất dễ dàng" biến thành nô lệ, hơn nữa tâm lý ấy còn được che giấu trong cái vỏ "bì kịch hẫu như vô sự". Vì thế, việc kiện toàn nhân cách của quốc dân đã trở thành một việc lớn.

Trăm ngàn năm nay, trong xã hội Trung Quốc tư tưởng trọng nam khinh nữ đã thành thâm căn cố đế trong đầu óc mọi người, vì thế so với đàn ông, tâm lý hèn nhát của đàn bà còn hơn rất nhiều. Có người nói, tính của đàn bà là mềm yếu, đàn bà thường thiếu tính độc lập, cam chịu làm công dân loại hai, cam chịu phụ thuộc vào đàn ông. Câu nói này không chính xác, nhưng xem ra rất được lòng người.

Phụ nữ Trung Quốc có chứng bệnh quen dựa

dẫm vào người khác, cho nên sự nghiêng lệch trong nhân cách của họ có tính tất nhiên của nó. Tâm lý hèn nhát ở phụ nữ so với nam giới nghiêm trọng hơn, khi phải đóng vai con cừu nhỏ, chịu ngược đãi, chịu hâm hại, thậm chí bị chà đạp thê thảm vẫn cứ nuốt giận chịu đựng.

Tới đây lại xin kể chuyện một "con cừu nhỏ" khác: trong thời kỳ lên núi xuống làng, Bắc Đại Hoang là nơi mà nhiều thanh niên hướng về. La Diễm Mỹ, nữ thanh niên tri thức Thượng Hải cũng đã đến đây ngụ lại "làm cách mạng". Một bông hoa, giống như tên gọi của cô, vừa kiều diễm vừa mỵ lệ, khiến ai cũng phải động lòng, đặc biệt là đội trưởng sản xuất có biệt hiệu là Trâu Đen. Hắn ta xấu xí, đen nhẻm, lại mù chữ, nhưng vào những năm tháng đó, vì là thành phần bần nông nên hắn được cử làm đội trưởng sản xuất. Hắn đã có vợ và đang làm bố nhưng rất hiếu sắc. Đội trưởng sản xuất tuy chưa là quan nhưng có thực quyền phân phối công việc, lại quản thêm việc sắp xếp cuộc sống của thanh niên tri thức. Hắn quyết tâm hạ thủ, không lôi được La Diễm Mỹ vào lòng là không thôi. Nhưng Trâu Đen lại thô lỗ vụng vê. Hắn thẳng thừng nói với La Diễm Mỹ: hắn muốn cô ngủ với hắn, nếu cô đáp ứng, hắn sẽ chiều cô, cho cô làm những việc nhẹ, và có thể tìm cách giúp cô sớm được trở về thành phố. La Diễm Mỹ không muốn bị chết một cách oan uổng trong vùng rừng núi biên giới phía bắc. Cô đã khuất phục. Và khuất phục

nhiều lần.

Cái ác của một số kẻ là thích đối xử thô tục nhẫn với đồng loại. Khinh kẻ yếu, sợ kẻ mạnh, lấy mạnh lấn át yếu, bọn họ rất hả lòng làm như vậy. Một số người Trung Quốc khác, bản tính cùu nhốt rất rõ rệt, nhẫn nhục chịu đựng, thường nuốt thầm nước mắt, không dám kêu oan, không muốn nói lý với người. Như vậy vô hình dung đã tạo nên hệ quả "ngựa giỏi vẫn có người cưỡi được". Quan hệ giữa sói và cùu ấy là một loại quan hệ giao tiếp của người mang tính bi kịch.

Mười năm "đại cách mạng và văn hóa" là thời kỳ hỗn loạn không còn trời đất pháp luật, đấu tranh giai cấp bị coi là cương lĩnh, đấu bằng năm, bằng tháng, đấu hằng ngày, mọi người đều biến thành con gà trống đấu đỏ cả mắt, ra sức thổi làn gió chính người, tạo nên cục diện người tự nguy, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ Trong tình huống đó, tâm lý hèn nhát của người Trung Quốc đã được bộc lộ một cách rõ rệt, trước thiên tai nhân họa, đã thể hiện đầy đủ tính nô lệ, đúng là đã đến thời đại "muốn làm nô lệ mà không được, muốn khóc mà không có nước mắt. Để được an phận, để giữ được mạng sống, dù mình có phải thế nào cũng được, thì nhân cách lúc ấy còn có ý nghĩa gì nữa!

Có người vừa nghe nói phải tham gia hội nghị phê đấu là cuồng cuồng sợ hãi bị lôi ngay ra đấu lại chồ; vừa nghe nói phải tạo phán đền cửa là

run cầm cập, như sợ Diêm Vương phái quỉ sứ đến đòi mạng. Chuyện của kế toán họ Vương là một minh chứng. Vào đêm trù tịch 1967, kế toán họ Vương quá lo nghĩ đến nỗi mất hết cả hứng thú đón tết. Bởi vì phái tạo phản đã thông báo: sáng mồng một tết phải tham dự đại hội đào sâu phái di con đường tư bản! Kế toán cũng là cán bộ. Nghe xong, họ Vương sợ rún người.

Đến hội trường, kế toán họ Vương lách vào một góc của hàng ghế cuối. Vừa tạm an toạ, đã thấy tư lệnh họ Lỗ lớn tiếng "... phái di con đường tư bản còn chưa bị đào sạch, ở hội trường hôm nay cũng có, dù rằng hắn ngồi ở hàng cuối, chúng ta vẫn lôi được hắn ra!" Nghe đến đó, họ Vương hồn xiêu phách lạc, nghĩ rằng, điều tư lệnh họ Lỗ nói có thể là chỉ mình... Thế nhưng, họp xong buổi sáng chẳng thấy ai lôi ông ta ra cả - ông ta đã được một phen sợ bóng sợ gió.

Buổi chiều tiếp tục họp "đào sâu". Rút kinh nghiệm, kế toán họ Vương đổi lên ngồi hàng ghế đầu. Tư lệnh họ Lỗ lại phát biểu: "... hắn làm ra bộ không có vấn đề. Thực ra, loại người này trong bụng đầy mưu mô, phái tạo phản chúng ta cảnh cáo loại người này, dù người cố làm ra vẻ trán tĩnh, ngồi ở hàng đầu, dù người có là con ruồi đậu ngay trên lông mi, chúng ta vẫn cứ nhận ra người! Ha ha... hậu vận của người không tốt đẹp đâu!" Kế toán họ Vương sợ quá, gục ngay tại chỗ. Tối hôm

đó, ông ta nói với vợ: anh biết sáng sớm hôm nay làm vỡ cốc nước chè là điềm không tốt! Sau khi anh bị "đào sâu", chúng ta sẽ khốn khổ đây!

Nói xong, hai vợ chồng ôm nhau khóc thảm thiết. Vì việc này, kế toán họ Vương bị ốm liệt nhiều ngày, đêm thường gặp ác mộng... Thời kỳ mươi năm động loạn, lòng người lo sợ, chứng bệnh hèn nhát, yếu ớt có dịp bộc lộ rõ rệt nhất. Phú nông Vương Khánh Sinh ở làng nọ, nhiều năm nay chịu đủ kỵ thị và giày vò, chỉ hận là chưa được chết; đến thời kỳ "cách mạng văn hóa" cuộc sống ngày càng cùng quẫn. Mới gió lay, cỏ động mà đã sợ mất mật. Một Giản, có người trêu ông ta, đưa cho ông ta một "thông tri" viết: công xã định sáng mai mở hội nghị phê đấu, nay lệnh cho phân tử phú nông Vương Khánh Sinh tự trói mình, đợi dân quân đến áp giải tới hội nghị, không được để lỡ! Thoạt nhìn mấy chữ "tự trói", ông ta nghĩ ngay là mình sắp mất mạng rồi ? Do quá căng thẳng, sợ hãi, bệnh tim bột phát, ông ta đã chết.

Thời kỳ này, những người có tâm lý hèn nhát, chứng bệnh hoảng sợ hèn yếu, đều để mặc người lăng nhục, chèn ép, hâm hại, dã hóa tê liệt đến mức không biết nhân cách là gì. Kẻ hèn nhát mềm yếu là đáng khinh, đáng thương? Đáng giận?

3. DÙ ĐƯỜNG CÓ DÀI HƠN VĂN CÓ THỂ ĐI VÒNG THEO ĐƯỜNG CONG

"Tròn trija" là để hình dung loại người thế này: trong đôi nhân xú thế chỉ chú ý đến quan hệ các mặt, lấy lòng người khác, không đặc tội người, là tâm lý xú thế dung tục, là tính cách "con lươn". Một ngọn cỏ trên đường, gió thổi ngả ra hai bên, là phái bắt cá hai tay, người ba phải, làm ra vẻ mơ hồ, anh tốt, nó tốt, mọi người đều tốt. Ngoài cái tế nhị, sự tròn trija còn giống như lời bài hát sau: núi không chuyển thì nước đang chuyển, nước phòng chuyển thì mây đang chuyển, mây không chuyển thì gió đang chuyển, gió không chuyển thì lòng đang chuyển, lòng không chuyển thì gió đang chuyển, gió không chuyển thì mây đang chuyển, mây không chuyển thì nước đang chuyển, nước không chuyển thì núi cũng chuyển... Bài hát này dễ hát, dễ hát nhưng cũng khó, lộ trình dù dài hơn vẫn có thể di vòng theo đường cong. Con người tròn trija rất khó nắm bắt, tất cả đều tựa như trong đúng mà sai, tựa như trong sai mà đúng, tựa như trăng trong nước, hoa trong gương, có chút mông lung, khó nhìn rõ hoàn toàn.

Người có tác phong tròn trija, ra cửa là phải nhìn sắc trời, vào nhà phải nhìn sắc mặt. Tùy cơ ứng biến, đến ngọn núi nào sẽ hát bài nào, hoàn toàn nhìn người mà gọi món ăn. Đi với bút mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy. Đã nói ra lời là bốn bể

yên ổn, dù anh cố tìm vẫn không thấy góc cạnh. Trao đổi với người muốn nói lại thôi, thế nào cũng được: thái độ bên ngoài xem ra công bằng xác đáng nhưng lại tựa như đúng mà sai. Bốn phía đều lấy lòng, mặt nào cũng khoe mẽ, đầu xuôi, đuôi lợt. Khi có lợi lộc tốt lành thì vơ quào vơ quáo, khi gặp khó khăn nguy hiểm thì lẩn như trạch.

Người tròn trija không thể trong ngoài như một, đó là vì nhu cầu cần thiết của việc vận dụng tâm kế, tuy vậy không phải ở đâu, lúc nào cũng lô rõ ác ý mà thường đeo mặt nạ, với thủ pháp hai mặt, thường không xuất phát từ thiện ý nào mà chỉ là nhu cầu tự vệ.

Lúc công khai, nói chung bọn họ không muốn biểu lộ ham muốn lợi ích mà thường bao che bằng những tiêu chuẩn đạo đức. Vì vậy khi biểu đạt công khai, đã thể hiện rõ nhất "nhân cách tính dương" của người. Còn khi riêng tư, như giữa bạn thân với nhau, giữa vợ chồng với nhau thì có thể không cần che giấu mà sẵn sàng bộc bạch nội tâm, khi bàn những vấn đề liên quan đến lợi ích cá nhân, còn có thể thỏa sức nói những lời qui quái, thắc mắc lung tung. Đây là lúc "nhân cách tính âm" của con người được thể hiện rõ nhất.

Phàm là những người hết lòng vì sự nghiệp, phần lớn đều có ham muốn thành danh. Nhưng họ biết rằng một khi công khai hoài bão cá nhân thì sẽ bị người khác đối xử lạnh nhạt hoặc quở trách,

vì vậy họ phải học cách giả dối, nhất là cách nói khuôn sáo, mọi người đều nói như thế, làm một người tính dương mũ áo đường hoàng, điều này phảng phất như một loại bí quyết làm người của Trung Quốc: bạn có thể nghĩ thế này thế nọ, nhưng đừng nói ra, nếu không sẽ không hay đâu.

Nếu một ngôi sao điện ảnh nói với người xem: để sự nghiệp điện ảnh nước ta phồn vinh, tôi tình nguyện hiến dâng tuổi thanh xuân của mình! Anh ta sẽ được vỗ tay nhiệt liệt. Ngược lại, nếu anh ta nói: tôi làm diễn viên điện ảnh là để chơi trội, để kiếm nhiều tiền, hưởng thụ cuộc sống khoái lạc. Chắc chắn sẽ được những trận cười cùng những tiếng la ó.

Người Trung Quốc chịu ảnh hưởng lâu dài của Nho giáo ở sự khắc kỷ, lê nhượng, vâng lệnh thi hành, quan niệm xử thế tiêu cực "hòa vi qui". Cái gọi là ôn hòa vô nguyên tắc, chính trị thống nhất của người Trung Quốc, đều là câu chuyện bể ngoài do nhân cách tính dương tạo nên, còn trong bụng lại dùng nhân cách tính âm để suy nghĩ vấn đề, đối với người không thể không tin, nhưng không thể tin hoàn toàn.

Qua chuyện bầu cử có thể thấy sự khác biệt giữa người Trung Quốc và người phương Tây. Tác phong của người phương Tây là: tôi là người thích hợp nhất, xin mọi người chọn tôi. Người Trung Quốc lại khiêm tốn kiểu Gia Cát Luượng, cho dù có

người thành tâm thành ý muốn bâu anh ta, anh ta cứ vờ khiêm tốn thoái thác: ôi, xin cảm ơn nhiều vì định tốt để cùi tôi, tôi thật không xứng! Tôi đâu có đủ tư cách? Nhưng nếu bạn không bỏ phiếu cho anh ta mà anh ta biết, anh ta sẽ thù bạn suốt đời.

Lúc khiêm tốn sẽ nói: "Các vị, tôi đến đây là để học kinh nghiệm, vứt hòn ngói đi lấy về hòn ngọc, không tránh khỏi sai lầm, xin được chỉ giáo và giúp đỡ..." cốt để tránh tiếng kiêu ngạo, tự phụ v.v... Lời nói trông rõ ràng như: tình hình là rất tốt, thành tích là chủ yếu, phải tranh thủ giành lấy thắng lợi càng lớn hơn, phải leo lên một tầng lầu nữa, phải không đạt mục tiêu thì không nghỉ... mà mục đích là che giấu mình, bịt mắt người khác, cũng có thể là người nói không hề có nhận thức cảm tính gì đối với sự vật nên khó nói cụ thể, đành chống đỡ ngoài miệng như vậy.

Lời nói tròn trịa như: mặc dù... thế nhưng..., phàm mọi việc đều phải một chia làm hai mà. Về nguyên tắc tôi đồng ý, nhưng tôi còn bảo lưu một số cách nhìn của mình. Trên đời này nhân vô toàn tháp, và cũng khó có việc nào hết sức vừa ý mọi người v.v.. Tác dụng của việc nói như vậy là: tránh được bất kỳ khả năng không công bằng nào, giấu giếm được sự sắc sảo về tư tưởng, khiến người không nắm nổi chủ đề câu chuyện của mình.

Do tròn trịa, do sự tồn tại của nhân cách lưỡng tính, nên phẩm chất khiêm tốn, đối nhân xử

thế hòa khí của người Trung Quốc có một ngoại diên vô hạn, nhưng lại có một nội hàm mơ hồ. Ví dụ, nếu công ty bạn thông báo mời một nữ thư ký, bạn hỏi người đến dự thi: cô có kinh nghiệm sống phong phú không? Chắc cô ta sẽ trả lời: cũng có chút từng trải xã hội, nhưng kinh nghiệm của tôi còn chưa đủ. Còn cần phải rèn luyện nâng cao! Cô ta tròn triết trả lời bạn như vậy, làm cho bạn không hiểu được rõt cuộc sự từng trải xã hội của cô ta là như thế nào ? Có đúng là từng trải xã hội chưa đủ, hay là muốn tỏ ra khiêm tốn trước mặt lãnh đạo?

Tiên sinh Lâm Ngữ Đường đã coi sự "tròn triết" của người Trung Quốc là sự "giáo hoạt khác thường" và "chủ nghĩa hòa bình". Ông viết: cái chất giáo hoạt khác thường rất khó làm cho người phương Tây hiểu rõ, vậy mà lại hàm nghĩa sâu sắc nhất, bởi vì nó trực tiếp chỉ về một loại triết học nhân sinh không giống người phương Tây... Người giáo hoạt là người nhiều từng trải, là kẻ theo chủ nghĩa trực lợi, hoài nghi với mọi tiến bộ. Giả sử cuộc sống có thể dạy người ta điều gì đó, thì nên hướng đến hòa nhã cảm thông được nối thống khổ của nhân quần. Giáo hoạt là đại biểu cho một tư tưởng triết học cực đoan. Ông còn chỉ ra rằng: "Đạo đức kinh" của Lão tử đã trình bày một cách tinh túy tư tưởng triết học của sự giáo hoạt khác thường. Tinh thần đó của Lão tử đã được biểu đạt bằng thơ văn, ngôn ngữ của chúng ta, như trong tam thập lục kí, kể chyện là thượng sách; hảo hán

có thể nhân nhượng tạm thời; lùi một bước trờ cao biển rộng v.v... Mỗi một người khi đối xử với các vấn đề trong cuộc sống, thái độ của họ có thể thâm thấu vào bản chất tư tưởng của người Trung Quốc. Trong sinh hoạt, nói chung người ta thường suy ngẫm nhiều lần, nói chung là có "ba mươi sáu kẽ" vì thế mọi góc cạnh bị mài nhẵn, một cá nhân lại thu được cái từng trải đôn hậu chân chính tượng trưng cho văn hóa Trung Quốc.

Ông lại cho rằng giáo hoạt là sự kết tinh sự thông minh tài trí của người Trung Quốc, khuyết điểm lớn nhất của nó là đối lập chủ nghĩa lý tưởng với chủ nghĩa hành động, nó cười giễu mọi cố gắng của nhân loại, làm cho con người mất lòng tin, thiếu nghị lực, thậm chí mất lý tưởng, không dám hành động.

Nói tóm lại, người giáo hoạt khác thường cho rằng: chúng ta vừa phải nhận thức được sự tật yếu của các cố gắng của nhân loại, lại vừa phải thừa nhận sự tồn công vô ích trong các cố gắng của nhân loại; tâm thái chung đó đã buộc người ta phải coi trọng loại sách lược phòng ngự tiêu cực. "Việc lớn hóa nhỏ, việc nhỏ hóa không". Theo nguyên tắc này, mọi rạn nứt giữa người với người Trung Quốc đều được bổ khuyết, mọi kế hoạch đều được điều chỉnh, mọi phương án của cải cách đều bị chiết khấu, cho đến khi có hòa bình, trong bát mỗi người đều có cơm ăn.

Người giáo hoạt khác thường lại cho rằng: "Thêm một việc không bằng bớt một việc". Câu ngạn ngữ đó rất đúng. Và người Trung Quốc đã sống như vậy, cực ít đấu tranh và cũng cực ít chống đối. Điều này đã đẻ ra một sách lược phòng ngự nào đó, nhưng so với sách lược tiến công, sách lược này còn đáng sợ hơn.

Lấy một ví dụ: bạn đến một quán cơm, bụng đói cồn cào, mà nhà hàng cứ chậm chạp không mang thức ăn ra, bạn sẽ phải mời người phục vụ đến, nếu anh ta tỏ ra thô lỗ, bạn có thể trút giận lên đầu của hàng trưởng. Thế nhưng, nếu anh ta lễ phép nói: "Dạ, sắp xong rồi đây ạ!" thì bạn cũng chẳng nỡ tỏ thái độ, họa chăng chỉ trách khéo vài câu. Đó chính là tính trội trong mặt tiêu cực của người Trung Quốc. Tính trội này chỉ có người giáo hoạt mới có thể nắm bắt được.

Trong "Hồng Lâu Mộng", Tiết Bảo Thoa bị coi là tròn trịa. Cô ta là thực nữ phong kiến điển hình thể hiện được sự ám áp đôn hậu, đoan trang, lúc nào cô cũng làm ra vẻ ngu dần vụng dại, theo phận tùy thời, thích lấy lòng người, thích hòa giải tranh cãi, khoáng đạt độ lượng. Các nhà phê bình vĩ đại của Trung Quốc, xưa nay thường khen ngợi Lâm Đại Ngọc và chê bai Tiết Bảo Thoa, điều đó ít nhiều có chút không công bằng. Bình tâm mà xét, Bảo Thoa có nhiều ưu điểm hơn khuyết điểm, là một người rất được "nhân duyên". Cô ta vừa đến

Giá phủ là đã được lòng trên, dưới, ngay dù Triệu, con người lòng dạ không ngay thẳng, cũng ca ngợi cô là người rộng rãi. Cô ta đã làm cho người già, trẻ, sang, hèn v.v.. trong nhà Giá phủ đều ăn ở hòa thuận đúng mức, nếu không có điểm khiến người đời ưa thích, liệu có thể được như vậy không? Vì vậy, từ xưa đến nay, không ít đàn ông Trung Quốc đã say mê cô ta, nuôi nguyện vọng "lấy vợ nên như Tiết Bảo Thoa", cảm thấy cô ta mới là người vợ hiền tài, tướng mạo, đức dung toàn diện nhất, chỉ việc "hưởng thụ". Từ đó, có thể thấy tính phức tạp của người "tròn trija", không nên phủ định một cách đơn giản hóa. Xem xét từ góc độ nhân cách, "người tròn trija" rất đáng được đi sâu nghiên cứu.

4. VỀ TRUYỆN NGẮN "CON KỲ NHÔNG" ĐỐI MÀU CỦA A. SÊ-KHỐP

Bàn đến kẻ tiểu nhân có con mắt lợi thế-xu thời, tự nhiên người ta nghĩ đến truyện ngắn "Con kỳ nhông" đối màu của nhà văn Nga Sê-khốp. Thông qua câu chuyện nhân vật chính Ôtsumêlốp xử lý một con chó cắn người, tác giả vạch trần những hành vi xấu xa, nịnh trên, chèn dưới của cảnh sát Sa hoàng.

Ôtsumêlốp là một tiểu nhân điển hình về thói xu thời (hay thế lợi). Hắn là một sĩ quan đi tuần ngang ngược tàn ác, gió chiều nào che chiều ấy.

giống như loài kỳ nhông. Ánh mắt của hạng tiểu nhân xu thời thường rất nhanh nhẹy. Bọn họ nhận quyền không nhận người, cần thế không cần lý, có quyền có thể sẽ là "cha" là "mẹ", chuyên nỗi trên nước, lấy đó làm vui. Hắn có thể thay thầy, đổi chủ tùy lúc tùy nơi, ai nắm quyền thì nhận người đó, ai lớn thế thì theo, hơn nữa, khi đã bám được quyền thế lớn hơn là lập tức vứt bỏ quyền thế nhỏ hơn, lại lấy "cái lớn" khinh thường "cái nhỏ". Mọi sự việc mà bọn họ làm đều được thăm dò từ trước nhằm hiểu được bối cảnh, hỏi han lai lịch của người, rồi mới quyết định đối sách, mà điểm xuất phát là lợi ích cá nhân, chí ít cũng phải thỏa mãn được tâm lý vui vẻ xấu xa của hắn. Kẻ tiểu xu thời và con kỳ nhông đổi màu trong tự nhiên vừa giống nhau lại vừa không giống nhau. Về mặt ứng xử với đời, giới biến hóa, là giống nhau. Không giống nhau ở chỗ, con kỳ nhông căn cứ vào sự không giống nhau của môi trường, mà thay đổi màu da của mình, để tự bảo vệ, tránh bị tổn thương, nó không làm tổn thương động vật khác và cũng không làm tổn thương đồng loại của mình. Nhưng hạng tiểu nhân xu thời thì lại khác, chúng thường gio chiêu nào che chiêu ấy, nịnh bợ quyền thế, nếu không đạt được mục đích sống thì nhất định đắc tội hoặc làm hại đồng loại của mình. Bọn họ chỉ cần lấy lợi lộc làm mục đích, ngược lại, có làm tổn thương người khác cũng chẳng sao. Người và động vật đều là "thích ứng thì tồn tại", vì vậy người cần phải thích

ứng với môi trường, hướng về cái có lợi, tránh cái có hại, đổi với cái đó không thể chê trách nhiều, nhưng nếu lấy kết quả hại người, lợi mình để làm thì lại là vấn đề nhân cách, là đồ bỏ đi. Kẻ xu thời sở dĩ là tiểu nhân là vì "tiểu" ở mặt làm tổn thương người.

Kẻ có con mắt xu thời có thể "tạm thời nhẫn nhường", có lúc còn có thể giành được tiện lợi nào đó, nhưng hạng người này không được người ưa thích. Nó có khác với người tròn trija. Người tròn trija chủ yếu lo bảo vệ mình, đãi bôi với người khác, nói chung không làm tổn thương người khác, hoặc là nói không để tâm làm tổn thương người khác, kẻ có con mắt xu thời, một là để mưu lợi riêng, hai là tổn thương người khác mà vẫn hoàn toàn yên lòng, vì vậy, loại người này tất bị người đời ghét bỏ, bị dư luận người phi nhổ.

Hạng tiểu nhân xu thời cũng rất dễ phân biệt vì xương cốt họ quá mềm, phẩm cách quá thấp, da mặt quá dày, nịnh bợ người quá hạ lưu, tâng bốc người cũng quá mức, lại nữa, cách làm tùy cơ ứng biến, tùy lúc đổi màu của bọn họ còn thiếu nhiều kỹ xảo, cho nên khó có hiệu quả lâu dài.

Kẻ tiểu nhân xu thời vì hám lợi đã hun đen lòng người, thường thường vì lợi mất khôn, dễ bộc lộ hết mình, đổi đi đổi lại, càng thay đổi kẽ hở càng nhiều, luôn luôn bất chấp tất cả để tự mình phủ định mình, tự bạt tai mình trước mọi người. Vì

vậy, kẻ có con mắt xu thời kiêu con kỳ nhông đổi màu tát sẽ trở thành đối tượng bị người đời cười chê. Nhưng con mắt xu thời rất có dát dụng vô. Cũng có thể, trong cái hành tinh quá đông đúc này, bao giờ cũng có số rất đông người sống một cách hèn mọn, khúm núm, bọn họ không có lòng tin và cũng không có năng lực thay đổi môi trường và cải tạo môi trường, thậm chí còn không ý thức được sự tôn nghiêm và giá trị của mình. Bọn họ chỉ mong được yên thân, dễ chịu một phút, lại không có kế sách hay nào khác, chỉ thấy làm một con kỳ nhông đổi màu trong nhân gian là điều rõ ràng rành mạch... xem ra có chỗ có thể lượng thứ được. Về điểm này, hàng tiêu nhán xu thời lại có mặt đáng thương. Dùng con mắt xu thời nhìn người, nhìn việc có thể thấy ở bất cứ lúc nào, nơi nào trong đời sống xã hội.

Trong khách sạn, một số nữ tiếp viên trang điểm rất đẹp vừa thấy mấy vị có vẻ lấm tiền bước vào là vội vàng tươi cười, săn đón, đưa khăn lau, rót rượu, liếc mắt, bởi vì các cô rất biết cách chỉnh phục mấy vị khách sộp này để liếm tiền "boa". Ngược lại, thấy khách hàng bình thường, ít màu mè, thì các cô có cách ứng xử khác hẳn. Con mắt xu thời đã khiến họ không thể làm đúng chức năng tối thiểu của một tiếp viên nhà hàng.

Tại một số cửa hàng chuyên bán hàng cao cấp, các nhân viên nhà hàng thấy khách nước

ngoài đến mua, họ tỏ ra rất nhã nhặn lịch sự, khách hỏi cả trăm lần cũng không bức, hàng hóa nhắc lên, đặt xuống hàng trăm lần cũng không giận. Nhưng nếu là đồng bào đến mua, đặc biệt là mua các thứ hàng cao giá, thì họ dè bỉu, cho là khách chỉ cốt xem cho thỏa mãn thói hiếu kỳ, chứ làm sao mà có tiền mua! Thật không may cho các cô khi gặp phải một khách hàng khó tính, có lòng tự trọng! Trước thái độ khinh thị của nhân viên vi khách này bèn quẳng túi tiền lên mặt bàn, cố giữ thái độ nhã nhặn nhưng rồi không dừng được, dành gắt: "Đừng nhìn người bằng nhãn cầu, - mắt chó, như vậy!" Rõ ràng, dùng con mắt xu thời để nhìn nhận khách hàng đã xúc phạm đến lòng tự trọng nói chung của con người.

Sàn nhảy vốn là nơi giải trí, nhưng ở đây cũng tồn tại con mắt xu thời như vậy. Đặc biệt là một số tiểu thư xinh đẹp thời trang nào đó, chọn bạn nhảy rất kỹ. Nếu như một "thảo dân" ăn mặc bình thường mời nhảy, cô ta sẽ tỏ ý không vui hoặc coi như không xứng cặp. Nhưng nếu người mời là cán bộ lãnh đạo, là danh lưu phú quý, là lập tức thay đổi thái độ. Đường như được nhảy với họ là một vinh dự lớn.

Tóm lại, con mắt xu thời tồn tại khắp nơi, đó không chỉ là sự tồn tại của một nhân cách bệnh hoạn và còn là biểu hiện một quan hệ nhân thế không lành mạnh, có ảnh hưởng đến sự ổn định

của xã hội, đến sự hòa nhịp của các mối quan hệ khác.

5. KHÔNG CÓ TIỀN LÀ TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC

Trong cuộc sống có một thực tế: hiện nay những người theo chủ nghĩa bái kim càng ngày càng nhiều, bọn họ kiếm tiền bằng mọi thủ đoạn. Có câu nói đang lưu hành: "Tiền bạc tuy không phải là vạn năng, nhưng không có tiền là tuyệt đối không được".

Có người đã vẽ chân dung kẻ hờn như sau: người chết vì tiền, chim chết vì ăn. Câu nói đó vẫn là chân lý. Không muốn túi rỗng tuyếch, không chịu trong tay túng bẩn, sáng nghĩ đến "Money", chiều suy đến "bốn cụ (đồng 100 NDT). Chỉ cần có tiền thì việc gì cũng làm, đàn ông, dù có đi ăn cắp ăn trộm cũng không xấu hổ, đàn bà, dù có đến bán mình cũng chẳng biết ngượng. Tóm lại, vì tiền có thể không cần nhân cách, sùng bái kim tiền không gì hơn.

Gần đây, tác giả có được đọc một bài viết ngắn về chuyện tiền bạc, nhan đề là: "Cần phải lý giải lại tiền bạc". Bài văn có đoạn: "Có một sự thật là ở nước Mỹ khi đánh giá năng lực một người là cao hay thấp, đều xét xem họ có tiền nhiều hay ít.

Tiền bạc bao hàm nhiều thứ, từ tranh cử tổng thống, lập mở công ty, đến mua nhà cửa, mua ô tô, đi siêu thị v.v... tất cả, tất cả đều cần tiền, không trách tôi chỉ coi cuộc đời của người Mỹ lại là tất cả vì tiền bạc. Muốn sắp xếp thứ tự các nước trên thế giới, phải xem tổng giá trị sản xuất quốc dân bình quân theo đầu người. Một nước có tiến lên hay không, phải nhìn tỷ lệ tăng trưởng kinh tế. Một nước có giàu đủ hay không, phải xem dự trữ vàng nhiều hay ít. Cuộc chiến tranh vùng Vịnh nên gọi là cuộc chiến tranh đô la Mỹ, vì dầu lửa không tiếc khi phải chi phí một cho một phát tên lửa trị giá 1 triệu USD. Ngay cả việc cứu trợ nạn nhân vùng lũ lụt, động đất, thăm nghèo, hỏi khổ v.v... đều không rời khỏi một chữ tiền. Trong việc ăn, mặc, ở, đi lại, giải trí chúng ta lại càng có những linh hội mới về vị trí đồng tiền, chính vì vậy mà nói cần phải lý giải lại tiền bạc.

Đích xác, tiền bạc khó đánh ngã kè anh hùng, nhưng tiền là cái phải có trong cuộc sống, không có tiền, nhiều việc làm không nổi. Cuộc sống, không thể rời khỏi tiền, quan niệm của chúng ta đối với tiền nên có sự lý giải mới. Trước đây, tiền luôn luôn là con chữ bẩn thỉu bốc đầy hơi đồng, quan niệm giá trị truyền bá lâu dài trong quốc dân là: tiền bạc là nguồn gốc của vạn ác, quân tử cố cùng, tiểu nhân yêu thích tiền của. Có tiền là giai cấp tư sản, mà giai cấp tư sản là bóc lột v.v. Quan niệm này là sản vật của văn hóa truyền thống và chính

trị cực tả. Đương nhiên là phiến diện.

Khi người Thâm Quyến nhấn mạnh tầm quan trọng của tiền bạc, cả nước trên dưới đều ngạc nhiên. Cứ nói đến tiền là như cô gái thận thò ăn nói, bởi vì trong suy nghĩ của người Trung Quốc, tiền bạc gắn liền với chủ nghĩa tư bản, mà chủ nghĩa tư bản thì là phản động, thối tha. Trong mươi năm động loạn, "bọn bốn người" đi đến cực đoan, đã từng kêu gào phái thủ tiêu tiền tệ. Tuy vậy, cách nhìn của người ta đối với tiền bạc, cuối cùng đã có sự thay đổi, từ chố không dám hé răng, đến "ôm cây ty bà che khuất nửa mặt", rồi tới chố thẳng thắn nói tiền bạc rất quan trọng. Nâng cao sự nghiệp quốc phòng, xây dựng bốn hiện đại hóa, mức sống của nhân dân, đều không tách rời tiền bạc. Tuy vậy, việc đi từ cực đoan này đi tới cực đoan khác mới là điều đáng ngại. Từ chố coi tiền bạc là nguồn gốc của vạn ác đến chố coi tiền bạc là tất cả, trở thành kẻ điên cuồng báu kim, tất cả mọi cái đếm mơ ngày tưởng chỉ là tiền. Vì tiền bạc, kẻ to gan dám làm những việc phạm pháp, thực sự trở thành nô lệ cho tiền bạc.

A Tam là một ngư dân gan dạ vùng ven biển, từng trải nhiều rủi ro. Trước sau năm 1990, anh ta bắt đầu tham gia hoạt động buôn lậu, lúc đầu là giúp việc, sau đó làm một mình. Phần lớn hàng hóa đều nhận từ các tàu lớn, chủ yếu là video, máy ghi âm, máy ảnh, TV màu v.v... Tay giao hàng, tay

giao tiền, mỗi lần trao đổi hàng trị giá ít nhất là trên 10 vạn NDT (khoảng 160 triệu VND). Chỉ sau hai, ba năm, anh ta phát tài lớn, nào xây nhà, mua ô tô du lịch; ăn chơi, cờ bạc, gái điếm, việc gì cũng làm, mà tiền vẫn rủng rỉnh. Xem ra kiếm tiền dễ dàng thì có vung tay quá trán cũng không xót. Vương Anh là người Thụy Lê, Vân Nam, nơi giáp giới với Mianma, bọn buôn ma túy hoạt động rất diên cuồng. Một phụ nữ nông dân nứa chữ không biết như cô ta đã dám to gan vận chuyển hàng từ nước láng giềng về, truyền tay bán đi, thu được món lợi kinh xù. Lại có một lần cô ta bán ma tuý, thu lợi rất nhiều, chồng cô ta là kẻ nghiện ngập, thường hung ác, bịp bợm lừa dối người, và là bảo kê cho cô ta; hắn công khai nói: vợ tôi kiếm tiền bằng con đường đen tối, gánh vác hết rủi ro, tiền là mạng sống của chúng tôi, kẻ nào phá hoại công việc, cản đường, tôi sẽ liều mạng với hắn?" Để kiếm tiền, cái thuận tiện nhất của đàn bà là dùng xác thịt thanh xuân của mình. Đi vào con đường mại dâm để theo đuổi đồng tiền một cách diên cuồng đã không còn là hiện tượng lạ. Vương Hải Hoa ở Thượng Hải đã mại dâm ở Thượng Hải trước, sau đó đến Quảng Châu, Thâm Quyến hành nghề. Chỉ trong mấy năm, dựa vào nhan sắc hơn người của mình, cô ta đã kiếm được một số tiền lớn, mua được ngôi nhà trị giá hàng chục vạn NDT, những người biết rõ nội tình gọi cô ta là "gái mại dâm chuyên nghiệp".

Câu chuyện dưới đây có thể chứng minh ma lực của đồng tiền. Hai cô gái Lâm Tiểu Lê, Trần Quyên vốn sinh sống ở một vùng núi miền tây Phúc Kiến, sau khi đến Tam Minh, Vĩnh An, Hạ Môn... làm nghề mại dâm, đã kiếm được một số tiền. Khi về làng, hai cô đã hoàn toàn khác xưa. May cô gái trong làng biết chuyện đã tỏ ra thèm thuồng. Có một số cô còn yêu cầu hai người, lần sau đi tiếp, dắt họ theo cùng, vì cuộc sống ở quê nhà quá nghèo khổ! Thế là hai cô đã dẫn theo một đội quân nương tử có tới 9 người cùng đi. Rõ ràng là tiền bạc cũng có sức hút siêu phàm với đàn bà, khiến họ dám trả mọi giá. Tạp chí *Thanh niên thời đại* của tỉnh Hà Nam từ số 8 đến số 5 năm 1997 đã dấy lên một cuộc thảo luận lớn về tiền bạc và nhân cách, với đầu đề "Trên cán cân tiền bạc và nhân cách". Cuộc thảo luận được khơi ra bởi một bức thư độc giả.

"Đồng chí biên tập: gần đây đã xảy ra một sự việc có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi, làm tôi cảm thấy buồn bực và khó xử. Sự việc như sau: Hiểu Hà, sinh viên năm thứ nhất khoa Trung văn bạn học cùng lớp với tôi, là người bạn tốt nhất của tôi, có thể nói là thân như chị em. Năm nay Hiểu Hà 20 tuổi, gia đình sống tại một thị trấn nhỏ ở vùng núi, cuộc sống rất khó khăn, mỗi lần nộp học phí năm là một lần lo lắng, nhưng bạn ấy rất tự giác, ăn mặc cẩn kiêm, học tập chăm chỉ. Mẹ bạn ấy ốm đau cả năm, vì vậy nợ không ít. Anh trai do không

dáp ứng nỗi lẽ ăn hỏi của nhà gái mà chưa dám kết hôn. Cố lúc bạn ấy than thở: không biết năm học tới có còn tiếp tục học được không? Ngày hôm kia, Hiếu Hà làm ra vẻ bí mật nói với tôi: bạn Phượng Hoa, tôi có một ý kiến muốn hỏi bạn, nhưng đề nghị bạn giữ kín. Trong một vũ hội, mình tình cờ gặp một phú thương Hồng Công. Sau cuộc nhảy, ông ta bảo mình: tôi mới gặp cô mà đã đem lòng yêu quý, tôi rất thích vẻ dịu dàng xinh đẹp của cô và biết gia đình cô rất khó khăn, tôi có thể giúp cô, xin lỗi, tôi có thể bao cô một năm, cho cô 10 vạn NDT (khoảng 160 triệu VND). Tôi nói rõ với cô: ở Hồng Công tôi đã có vợ con. Cô có thể trú tại Thâm Quyến, một tháng tôi đến đón ba lần, qua đêm cùng cô là được rồi. Một năm là mấy! Sau đó, cô có thể tự thu xếp cuộc sống riêng của mình, được không?... Nói thật với bạn, mình đã có chút động lòng. Với khoản tiền to lớn đó, mọi khó khăn của gia đình mình sẽ được giải quyết hết. Mình chuẩn bị nghỉ học một năm, đi với ông ta, mình sẽ nói với gia đình, mình ra ngoại tỉnh làm thuê... Nói xong, bạn ấy nước nở khóc. Tôi rất bất ngờ và thấy rất khó xử. Tôi có thể nói gì với bạn ấy? Tôi đau đớn cảm thấy ma lực của tiền bạc thật là ghê gớm. Hôm bạn ấy ra đi một mình, tôi đã ra sân bay tiễn, thấy vị phú thương bao bạn ấy mặc dù ăn mặc sang trọng nhưng xem ra đã tới 50 tuổi rồi. Tôi đã suy nghĩ nhiều về hàng loạt vấn đề xung quanh chuyện tiền bạc và cuộc sống. Hiếu Hà là một cô

gái tốt, tôi không nỡ chỉ trích. Vì sao người tốt lại làm như vậy, đề nghị có thư trả lời và nói cho biết cách nhìn của các bạn, được không?"

Biên tập viên đã viết thêm lời chú vào bức thư: "Trong cái thời đại tôn sùng tiền bạc này, tiền bạc có phải là tất cả hay không, tiền bạc có phải là toàn bộ cuộc sống của chúng ta hay không, trên cán cân tiền bạc và nhân cách, rốt cuộc cái nào nặng, cái nào nhẹ ? Đây là vấn đề mà mỗi người chúng ta đều có thể gặp phải trong cuộc sống, vì vậy tạp chí chúng tôi cho đăng bức thư của vị đồng học này và cho triển khai thảo luận. Xin mời mọi người phát biểu ý kiến của mình.

Có rất nhiều bài viết gửi đến tham gia thảo luận, có bài biểu thị đồng tình, nhưng phần nhiều là phê bình và chỉ trích, nói bất kể Hiếu Hà như thế nào, nhưng làm như vậy là mất nhân cách, là đánh mất lòng tự tôn.

Xin trích ra đây một số ý kiến. Nữ sinh viên đại học Lý San San nói: Hiếu Hà là một sinh viên có phẩm chất rất tốt, nhưng khó khăn của cô ta và gia đình quá lớn, cô chịu đựng đau khổ nhất thời để đổi lại hạnh phúc cho cả gia đình, vì vậy cô được coi là xứng đáng. Nhìn nhận một con người phải xét từ bản chất, phải xem từ chính thể nhất quán, có như vậy mới công bằng. Nếu chỉ nắm một điểm mà phủ định cả con người, đó là cách nhìn quá tấp nập. Tóm lại, chúng ta không nên coi Hiếu

Hà là một cô gái xấu.

Nhà văn Vượng Trung Triều viết: tôi nghĩ, đối với bất kỳ người nào, tiền bạc đều vô cùng quan trọng, cách làm của Hiếu Hà chí ít cũng được người ta đồng tình và lý giải, nhưng cách làm ấy không thể dùng được kẻ bao cô ta là người không có đạo đức, là người được bao, cô ta đã đánh mất nhân cách. Trên thực tế là đã bán xác thịt mình.

Giáo sư Trương Bắc Xuyên nói: nói một cách thực sự cầu thị, tình hình phụ nữ mại dâm đều không giống nhau. Mặc dù về tính chất đều là quan hệ mua bán tiền bạc, nhưng tác dụng xã hội của bọn họ rất không giống nhau. Tôi kết luận Hiếu Hà là một "cô gái gọi", cô ta là một "cô gái gọi" phát sinh quan hệ bán dâm với chỉ một người đàn ông trong một thời gian nhất định, đóng một vai giống như "người tình ngoài hôn nhân".

Phóng viên Trương Kiến Vy viết: tôi chỉ muốn nói về trực giác sau khi đọc xong bức thư này, rõ ràng là hiện tượng gần kề lầm tiền, bao chị hai đang tồn tại Hiếu Hà do cảnh nhà nghèo túng cuối cùng đã chọn con đường "gần kề lầm tiền", rất có cái "bi tráng" của người con gái yếu đuối "xả thân vì nghĩa". Dương nhiên, Hiếu Hà còn ít tuổi, hiểu biết cuộc đời còn nông cạn, suy tính của cô cũng còn chưa lý tính lắm, ví dụ việc anh trai cô ta trả không nổi lẽ ăn hỏi mà không kết hôn được, cô ta đâu cần vì việc đó mà phải làm hết nghĩa vụ?...

Sinh viên đại học Trương Cǎng Vân nói: Hiếu Hà quá thơ ngây, đó là cảm giác đầu tiên của tôi sau khi đọc bức thư, học sinh chúng ta chịu sự giáo dục chính thống, học sinh là phương thức tư duy kiểu đường thẳng đơn thuần, từ góc độ ấy mà nói thì g'ưa Hiếu Hà và một số gái bán dâm, một số gái bao kiểu vợ hai, có sự khác nhau về bản chất. Động cơ của Hiếu Hà là đơn thuần, nguyện vọng là tốt đẹp không thể chê trách quá, nhưng con đường mà Hiếu Hà lựa chọn là sai lầm, người đời khó khoan dung, ắt bị coi là mất nhân cách. Đối với Hiếu Hà, tôi thương cho sự không may, nhưng giận vì sự không tranh đấu của cô ấy.

Biên tập Hoa Sinh viết: xem ra, Hiếu Hà dường như có mặt đáng đồng tình, ví dụ: nhà cô ta quá là quá nghèo, hơn nữa cô ta còn rất yêu ngành học của mình, cô ta không tiếc mọi giá phải trả để hoàn thành, thế nhưng, chúng tôi cho rằng bất kể giàu nghèo, cao thấp, sang hèn, ai cũng phải chú ý nhân cách, cũng có thể xem như Hiếu Hà "lùi một bước", tuy vậy cái bước lùi ấy lại là đường phân ranh giới giữa cao thượng và đê hèn. Hiếu Hà có rất nhiều ưu điểm: thiện lương, không ngừng cố gắng... nhưng tất cả những cái đó đều không thể che đậy cho việc đã đánh mất nhân cách tôn nghiêm của cô ta.

Điều đáng chú ý là, những tiếng nói đồng tình hoặc cho là được, đối với Hiếu Hà, chủ yếu đến từ

sinh viên các trường đại học. Nhưng một bức thư của sinh viên Viện Kinh tế tài chính Hà Nam đã phê bình gay gắt những quan điểm chỉ trích Hiếu Hà, mà còn chỉ ra một cách rõ ràng chính xác: cần phải vứt bỏ chủ nghĩa lý tưởng, đối mặt với hiện thực sinh hoạt của sinh viên đại học đương đại, những cái gọi là công trình cứu trợ, vừa học vừa làm đều không đi đến đâu, nhưng tôi cho rằng, nếu vì điều đó mà vứt bỏ nhân cách tôn nghiêm và lý tưởng đạo đức tối thiểu thì có thể nói rằng thế hệ của thanh niên chúng ta đã đánh mất phẩm chất ý chí.

Do số trang hạn chế, tác giả không thể trích dẫn nhiều hơn nữa, nhưng từ những điều đó có thể thấy, cách nhìn đối với Hiếu Hà, sự lý giải đối với tiền bạc và nhân cách, là da nguyên hóa, đó cũng là hiện tượng đáng mừng. Người Trung Quốc thích dùng một mô thức đạo đức, một tiêu chuẩn dứt khoát không có ngoại lệ nhằm đo lường mọi lời nói việc làm của người. việc lớn việc nhỏ, lời nói phải xứng với đạo đức, đưa đạo đức cao tới mức kinh người, trong khi trên thực tế đánh giá đạo đức chỉ là một tiêu chuẩn, không phải là tiêu chuẩn cuối cùng thay cho tất cả. Chỉ dùng đạo đức, sẽ lau sạch các phẩm chất tốt đẹp của con người, điều đó gọi là đánh vào một điểm không bằng đánh những cái còn lại, đó là cách làm cục tâ. Tác giả đồng tình với Hiếu Hà không còn biết làm thế nào, về mặt làm người, cách làm đó rất đáng thương thảo, nhưng cô

ta không phải là kẻ theo chủ nghĩa báي kim, không phải là vì tiền, tiền không phải là cái theo đuổi duy nhất trong cuộc sống của cô, với phẩm chất và thành tích học tập rất khá, cô vẫn là một cô gái tốt.

6. KHÔNG NHÌN VỀ PHÍA TRƯỚC, CHỈ NHÌN VỀ PHÍA SAU

Tư tưởng Nho gia là một loại tư tưởng nhìn về phía sau. Không Tử sinh vào thời loạn, chu du các nước, gặp hơn 80 ông vua mà không được trọng dụng, trong hiện thực tìm không thấy con đường tế thế cứu dân, dành quay đầu về lịch sử nhớ lại thời thịnh trị ngày trước. Trong tư tưởng của Khổng Tử và nhà Nho, thời đại Tam Hoàng, Ngũ đế là xã hội lý tưởng nhất. Về mặt nhìn về phía sau, so với Nho Gia, Đạo gia chí có hơn chứ không kém. Do nhìn thấy các loại tật bệnh của xã hội văn minh, Đạo gia đã hướng về xã hội cộng sản nguyên thủy. Dưới ngòi bút tưởng tượng của Trang Tử, xã hội nguyên thủy hiện ra đẹp đẽ vô cùng, trở thành trạng thái tồn tại lý tưởng tốt nhất.

Người Trung Quốc tiếp nhận ảnh hưởng tư tưởng truyền thống chủ yếu là từ Nho gia và Đạo gia. Người ta tuân theo các qui củ và tập tục đã có, giữ gìn lề pháp truyền thống, bảo vệ chế độ đã có, thực hiện tập quán tổ truyền. Người Trung Quốc

thời xưa, thấy quan lại, phú hào, bê trên đều phải quỳ lạy, nếu không quì là thất lễ, thậm chí bị ngờ là phạm thượng, tạo phản. Phụ nữ thời xưa phải bó chân, nếu bạn không tuân thủ, sẽ có nguy cơ không lấy nổi chồng. Hôn nhân thời xưa là phải nghe theo "lệnh của cha mẹ, lời nói của bà mối", luyến ái tự do, là phạm vào lễ. Sự lớn mạnh của thế lực truyền thống đã không ngừng làm mạnh thêm ý thức, tư tưởng thủ cựu của người trong nước. Người ta chỉ cần noi theo, không cần sáng tạo cái mới, không nghĩ tới biến đổi, lịch cũ giờ đã mấy ngàn năm mà vẫn không ngừng lật giờ kiểm tra tám chữ ngày sinh, ngày lành hoàng đạo. Tính cách sùng cổ thủ cựu của người Trung Quốc, người nước ngoài nhìn thấy rất rõ Người Hà Lan là Idys và người Đức là Brand trong cuốn "Bút ký đoàn sứ thần nước Nga đi sứ Trung Quốc" đã chỉ ra: "những cư dân già của Trung Quốc đã tuân theo các qui củ cổ lão như tôn thờ tôn giáo: không hề thay đổi kiểu dáng y phục, cũng không cho phép kiến lập qui củ mới".

Thói thủ cựu làm cho học giả Trung Quốc thỏa mãn với việc chú giải, khảo chứng những tác phẩm kinh điển cổ xưa, thỏa mãn với việc trình bày mà không sáng lập học thái, học thuyết mới; thủ cựu làm cho lịch sử của Trung Quốc đặc biệt phát đạt, sự quan tâm của Trung Quốc đối với quá khứ vượt hơn hẳn sự nhìn về tương lai; thủ cựu làm cho văn học Trung Quốc bất chấp thực tế ngữ

ngôn thay đổi, vẫn một mực tuân theo cú pháp của cổ văn minh Tần, Hán và cách luật thơ từ Đường, Tống; thủ cựu làm cho người Trung Quốc mang theo lòng tôn kính và sự tôn sùng ủng hộ tự đáy lòng đối với hoàng đế và hoàng quyền; thủ cựu làm cho nghệ đồ cổ của Trung Quốc đặc biệt thịnh vượng phát đạt. đã là sách cổ, chữ cổ, tranh cổ, đồ chơi cổ, đồ cổ... phần lớn đều có giá trị rất lớn, ngay những đồ vật chôn theo người chết trong các ngôi mộ cổ cũng được người ra yêu thích không muốn rời tay.

Trong con người đương đại, thủ cựu cũng có dấu hiệu dột xuất. Do trong một thời gian dài đến mấy chục năm người ta đều mặc bộ đồ Tôn Trung Sơn, quần áo thường ngày của quân đội, vì vậy vào lúc mới cải cách và mở cửa, phải do Tông bí thư, và Thủ tướng Chính phủ dẫn đầu mặc âu phục, âu phục mới được dần dần lưu hành trong dân gian. Thời kỳ gần đây, do các vấn đề xã hội như hủ bại, phong thái xã hội, trật tự trị an... có những biểu hiện khá dột biến, nên có không ít người đã chuyển sang hoài niệm, ca tụng những năm 50 và thời kỳ "cách mạng văn hoá". Những người này không tích cực thay đổi hiện trạng, đấu tranh với hủ bại và tác phong không lành mạnh để xây dựng một tương lai hiện đại hóa, giàu có. Trong "cách mạng văn hoá" người người đều lâm vào cảnh ngộ nguy hiểm, ngôn luận rất mất tự do, vật chất cực nghèo, cuộc sống tinh thần quá đơn điệu... nhưng những người hoài cổ này đã quên đi

một cách dễ dàng. Loại tâm thái do bất mãn với hiện trạng mà mĩ hóa quá khứ, không nhìn tới mai sau, vẫn là phiên bản hiện đại của ý thức thủ cựu sùng cổ của người Trung Quốc truyền thống.

Trong cuộc sống hàng ngày, trong hành vi hàng ngày của người Trung Quốc, đi đâu cũng thấy hiện tượng tùy thế tục, theo số đông. Vào những năm tháng lưu hành mặc quân phục, cả nước đều mặc quân trang màu cờ úa; thời cải cách mở cửa dấy lên phong trào vận áu phục, người người đều mặc veston đi giày da. Ngẫu nhiên thấy có người mặc quân phục, người ta dường như cảm thấy phát hiện được đồ cổ mới đào từ đất lên. Đối với một số quan chức hú bại, ngang ngược, không ít người bất mãn, người bi hại đều có tâm lý theo số đông; người khác không chống đối, vạch trần, việc gì ta phải chống đối, vạch trần ? Người khác không quan tâm, ta quản việc đó làm gì ? Đối với đơn vị là nội cõm chung, không ít người cảm thấy dựa vào đó không có sức, ăn cũng chẳng ngon; nhưng người khác không bỏ đơn vị, ta cũng không thể bỏ đơn vị; người khác có thể vét nồi, ta còn có thể theo đó húp cháo; ngừng san xuất thì mọi người cũng nghỉ, rời khỏi cương vị thì tất cả đều thất nghiệp. Đối với việc mời khách, đưa tặng phẩm, phô trương lâng phí trong việc cưới xin, ma chay, nhiều người thấy không quen, nhưng cũng dành theo số đông, nếu không sẽ là "bất cập thân tình", "không thông hiểu

việc đời" "không có lẽ phép", "quan hệ giao tiếp kém"...

Căn bệnh trên có lúc được thể hiện bằng sự theo đuôi mù quáng và theo đuôi thời trang. Ví như trong cách mạng văn hóa, người khác tạo phản, ta cũng tạo phản; người khác ra sức phê phán, ta cũng ra sức phê phán; người khác phá "bốn cái cũ", ta cũng phá "bốn cái cũ"; người khác đau "bè lú đen" ta cũng đau "bè lú đen"; người khác hô "muôn năm", ta cũng hô "muôn năm"; người khác làm kiểm thảo, ta cũng làm kiểm thảo. Còn từ khi cải cách đến nay, lại có thời thượng mới: mọi người đều mời khách, ta cũng mời khách; mọi người đều đưa tặng phẩm, ta cũng đưa tặng phẩm; mọi người đều mua cổ phiếu, ta cũng mua cổ phiếu; mọi người đều chán học, ta cũng chẳng đọc sách; mọi người đều khiêu vũ, ta cũng đi khiêu vũ; mọi người đi karaôkê, ta cũng gào mای bài; mọi người đi thẩm mỹ, ta cũng sửa thành hai mí mắt; mọi người xoa mặt chược, ta cũng ngồi vào bàn; mọi người đua nhau sửa chữa, trang bị nội thất, ta cũng không thể tỏ ra lạc hậu...

Còn có sự coi trọng phổ biến con số "8", đó đúng là một loại tâm lý thời trang tùy thế tục theo số đông. Hàng năm cứ vào ngày 18 tháng 5 ở các nơi đua nhau cử hành lễ cưới, động công trình, mở cửa hàng, đào móng... đặc biệt nhiều. Bởi vì, có rất nhiều người tin rằng hôm đó là "ngày tốt, giờ tốt",

ẩn chứa ý "ta phải phát". Ngày 15-8 - người Trung Quốc viết là tháng 5 ngày 18 và phát âm ba chữ số 5.18 gần giống với chữ ta phải phát. Trong phương ngôn Quảng Đông số 8 và chữ "phát" đồng âm và thế là con số tám đã từ nam chuyển lên bắc, được ưa chuộng trong cả nước. Ai cũng khát vọng phát tài, cho là hễ được con số 8 là có thể "phát", và thế là biến xe ô tô, tầng nhà, số phòng, số điện thoại đều lấy con số 8 làm mốc, tốn bao nhiêu tiền cũng mặc. Do bị chi phối bởi tư tưởng mê tín cũ người ta vẫn tùy thế tục, theo số đông, tranh nhau quỳ bái con số 8.

Một dân tộc mà có quá nhiều cái cũ, sẽ bảo thủ, giậm chân tại chỗ, một dân tộc chỉ nhìn về phía sau, ngập sâu vào truyền thống của mình là một dân tộc không có tiền đồ; trong xã hội phát triển với tốc độ nhanh hôm nay, tầm mắt của chúng ta phải vượt quá người đi trước, phải nhìn về phía trước, sẵn sàng đón mọi thử thách của thế kỷ mới.

7. Ở NƠI TỐI TĂM CÓ LỰC LƯỢNG GI VẬY?

Người Trung Quốc xưa nay lấy việc vui với số phận trời cho để sống, tin vào số phận là một đặc điểm tính cách lớn của người Trung Quốc. Cái gọi

là số phận là chỉ những nhân tố ngẫu nhiên ngoại tại trong cuộc sống mà rất nhiều người không có cách gì đoán trước, không có cách gì chống đối được, nó thường xuyên chi phối cuộc sống của mọi người, mang lại do người ta những kết quả không ngờ. Khi người ta theo đuổi một mục tiêu, có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến việc thành bại, được mất, trong đó có một bộ phận có thể do điều kiện, tình trạng về sự cố gắng của cá nhân mà giải quyết được, nhưng bộ phận còn lại, không những cá nhân không có cách gì khống chế và nắm vững, thậm chí còn không có cách gì dự kiến được sự tồn tại và đi đến của nó, những nhân tố đó, người Trung Quốc gọi là số phận. Trong cuốn *Giản sử triết học Trung Quốc*, Phùng Hữu Lan viết: "Các Nho gia sau này, đã coi mệnh là tất cả điều kiện và lực lượng tồn tại của toàn vũ trụ. Mọi hoạt động của chúng ta, muốn giành được thành công ngoại tại, nói chung cần phải có sự phối hợp của những điều kiện đó. Nhưng sự phối hợp này, nhìn một cách tổng thể, lại ở ngoài phạm vi chúng ta có thể khống chế". Vì vậy thực ra số phận là chỉ một số lực lượng dị kỹ khách quan nào đó, có thể ảnh hưởng, thậm chí quyết định cảnh ngộ mà con người ta không có cách gì đoán biết và khống chế được. Đứng trước số phận, trước lực lượng dị kỹ to lớn, người ta đã từ chối sợ hãi, mà sinh ra mê tín. Việc người Trung Quốc tin vào số phận, xem xét từ góc độ chính trị xã hội thì đó lại là kết quả của sự thi hành chính

sách ngu dân của chế độ chuyên chế phong kiến trong một thời gian dài.

Các nhà tư tưởng, nhà chính trị cổ đại Trung Quốc, có nhiều cách nói về "số" (mệnh). Theo Khổng Tử "Sống chết có mệnh". Mạnh Tử nói: "Câu thì có đạo, được thì có mệnh". Trang Tử nói: "Biết là không thể làm gì mà cứ tuân theo là mệnh". Từ những câu nói này có thể thấy rõ họ đều là những định mệnh luận gia, đều tin tưởng vào số phận và rõ ràng tư tưởng của họ đã có ảnh hưởng rộng rãi đối với đông đảo quần chúng. Trong xã hội có rất nhiều câu tục ngữ, ngạn ngữ phản ánh lòng tin và sự phục tùng số phận, như: "nghe trời, theo mệnh", "nhờ trời có cơm ăn", "là phúc không là họa, đã là họa thì trốn không nổi", "tính việc do người, việc thành do trời" "xấu số vàng biến thành sắt, tốt số sắt biến thành vàng" v.v...

Đối với người Trung Quốc, các mặt của đời người đều do "số phận định trước", không ai lựa chọn được giờ phút ra đời và dòng dõi gia đình xuất thân, nhưng giờ phút ra đời và dòng dõi gia đình lại quyết định việc hưởng phúc hoặc chịu khổ của cả một đời người. Dòng dõi gia đình có quan hệ rất lớn với cảnh ngộ một đời người, với cái gọi là "rồng sinh rồng, phượng sinh phượng, chuột vừa đẻ ra đã biết đào hang". Thế nhưng ra đời ở một gia đình như thế nào, đều do kiếp trước định sẵn, kiếp trước tích đức làm điều thiện, thì sẽ được đầu thai vào

các gia đình long phượng phú quý để hưởng phúc; kiếp trước làm điều tàn ác, sẽ phải đầu thai vào các gia đình nghèo hèn chịu tội. Đối với người Trung Quốc thì việc hôn nhân của con người cũng chịu sự chi phối của số phận. Hai thanh niên nam nữ, ở rất xa nhau, rồi ngẫu nhiên gặp gỡ quen biết nhau, yêu nhau, rồi kết hôn, vì sao lại là người này chứ không phải là người khác, rốt cuộc là có lực lượng trung gian gì đó tác động. Người Trung Quốc cho rằng "năm trăm năm trước", "việc của ba kiếp đều là định trước, là do ông tơ bà nguyệt nối hai người lại với nhau, là duyên phận, "có duyên ngàn dặm lại gặp nhau, vô duyên đối mặt cũng không gặp là sự sắp xếp của trời đất thần linh; "trời sinh một đôi, đất trao một cặp". Vì vậy tình yêu, hôn nhân vui buồn, ân oán của Bảo Ngọc, Đại Ngọc, Bảo Thoa trong *Hồng lâu mộng* là có tiền định. Việc Trương Sinh trên đường đi thi qua chùa Phổ Cứu tình cờ gặp Oanh Oanh, vừa gặp đã dung tình, được coi là có "oan gia từ năm trăm năm trước". Nếu như một đôi nam nữ, sau khi kết hôn, chung sống không hòa thuận sẽ được người ta giải thích là chẳng phải oan gia phong gặp nhau. Tóm lại, hôn nhân nam nữ xem ra là việc ngẫu nhiên nhưng thực ra là tất nhiên. Cách nhìn của người Trung Quốc là "không phải là người cùng một nhà thì không vào cùng một cửa". Vì việc cùng ai chung sống cả đời là có định trước, cho nên đối với những cuộc hôn nhân bất hạnh dành phải chịu đựng cảnh

lấy gà theo gà, lấy chó theo chó", tạm sống cho xong.

Cảnh ngộ của đời người được người Trung Quốc gọi là "sinh gặp thời" hoặc "sinh không gặp thời", mỗi cá nhân không có cách gì lựa chọn. Sinh vào thời thái bình thịnh trị, cả đời được yên vui; sinh vào thời loạn, mạt thế thì sẽ loạn ly, mang người không bằng con chó thái bình. Một người sinh vào thời đại như thế nào sẽ gặp phải cảnh ngộ như vậy, đó cũng là số phận. Ví như Lý Quang, danh tướng nhà Hán, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, yêu thương binh lính, tài khí hơn người, nhiều lần đánh bại Hung Nô, có biệt hiệu là "Phi tướng quân", nhưng cả đời vẫn không được phong hầu, cuối cùng ra quân bị lạc đường, sai ngày hẹn khiến Lý Quang phải đau thương mà than: "Lạc đường chẳng phải tại trời ư?" Rồi tự sát mà chết. Trước những việc đó, người ta đều cho là Lý Quang có "số lạ", tức mệnh không tốt, nên mới gọi là "Vệ Thanh không thua trận là do may mắn, Lý Quang không được phong do số lạ". Ngay Hán Văn đế đã từng nói với Lý Quang khi còn trẻ rằng: "Tiếc thay, người không gặp thời, nếu người sinh vào thời Hán Cao tổ, thì đâu chỉ là hầu vạn hộ". Phùng Đường, thời Tây Hán, rất có tài nhưng đến cuối đời vẫn không được hoàng đế trọng dụng, ông ta đã tổng kết cuộc đời mình như sau: Hán Văn đế trọng dụng người già, thì lúc đó mình lại quá trẻ; đức kim thượng (chỉ Hán Vũ đế) trọng dụng thanh niên, tài

giỏi, thì mình đã quá già. Sinh không gặp thời cho nên nói chung không gặp may, không theo kịp thời cơ. Diêm Công, đô đốc Nam Xương đời Đường, cù hành bữa tiệc lớn long trọng ở Đằng Vương các, nhà thơ trẻ Vương Bột trước đó còn cách Nam Xương mấy trăm dặm, trong tình hình bình thường, về căn bản không có cách gì đến dự tiệc kịp được, thế nhưng nhờ thần sông giúp đỡ, khiến ông thuận buồm xuôi gió, nhanh chóng đến kịp để trong bữa tiệc đó viết nên bài "Đằng Vương các tự" nổi tiếng muôn đời. Thời Tống có một thư sinh nghèo tên là Trương Hào, bung đầy thi thư nhưng không có cửa tiến thân, phải ở nhờ tại chùa Tiến Phúc, hòa thượng trong chùa thấy anh ta nghèo quá, xuất phát từ ý tốt đã đưa cho anh ta một ít mực để tô lại "Bia Tiến Phúc" do Nham Chân Khanh viết nhằm kiêm ít tiền duy trì sinh kế, không ngờ Long thần đánh sét phá vỡ bia đá. Vì vậy mới có câu ngạn ngữ: "Gặp thời gió đưa tới Đằng Vương các, không gặp vận sét đánh bia Tiến Phúc.

Trong quan niệm của người Trung Quốc việc thành bại về sự nghiệp trong đời không hoàn toàn do con người quyết định mà do số phận chi phối. Đức của Khổng Tử không đứng dưới chủ hầu, nhưng cả đời ông lưu lạc cùng khốn, không biết làm thế nào, ông không thể không thừa nhận: "Đạo được thi hành, là mệnh vậy; đạo bị phế bỏ, là mệnh vậy". Gia Cát Lượng là người túc trí đa mưu.

nhưng sáu lần ra Kỳ Sơn đều vô công mà trở về, cuối cùng đánh ngửa mặt lên trời thở dài: "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên". Vì thế, thái độ của cổ nhân đối với nhân lực và thiên mệnh là "hết sức làm việc người, nhưng phải nghe mệnh trời". Người Trung Quốc đối xử với ba mệnh: phúc mệnh, lộc mệnh, thọ mệnh đều áp dụng cách làm thuận theo. Ngạn ngữ nói: "Có phúc chẳng việc gì phải vội", "Diêm Vương bảo anh sống tới tám mươi, anh đừng mơ sống tới một trăm", "giàu nhỏ do cần kiệm, giàu lớn do mệnh". Đối xử với những bước ngoặt của cuộc đời, phần lớn người ta cũng tiến hành lý giải từ góc độ số phận. "Vận đi mất vàng thành sắt, thời cơ đến sắt thành vàng"... thể hiện thái độ chờ đợi số phận bản phát.

8. NHA MÔN LÀ ĐIỆN DIÊM LA

Một đặc điểm tính cách lớn khác của người Trung Quốc là sợ quan. Có hai nguyên nhân tạo thành tính cách này: một là chế độ đảng cấp nghiêm ngặt, hai là sự thống trị chuyên chế tàn bạo. Chế độ đảng cấp tàn bạo khiến quan hệ giữa người và người về cẩn bản không có bình đẳng, người làm quan cao cao tại thượng là người cai trị, là ông chủ; trăm họ thì thâm thấp ở dưới, là người lao lực, bị người khác cai trị, là nô lệ. Trong lĩnh vực xã hội chính trị, uy nghi của quan lớn vô cùng,

không chỉ thể hiện ở khi xuất hành cưỡi 'ngựa lớn, hoặc ngồi kiệu tám người khiêng, đội nghi trượng đi trước xua đuổi, quát tránh đường, nha dịch tiền hô hậu ứng, trăm họ lặng im lẩn tránh, giới nghiêm đường đi lại; một mặt khi trăm họ gặp quan phải quỳ gối khấn đầu, nó càng được thể hiện rõ ở mặt chúc năng trấn áp của các bộ máy quốc gia chuyên chế, quan lại phong kiến coi mạng người như cỏ rác, nghiện giết người, lạm sát thành tích, dùng các hình phạt tàn ác vô nhân đạo như chặt tay, chặt chân, xẻ mũi, thích chỉ vào mặt, chém ngang lưng, thiến, bóc gân, lột da, lăng trì v.v... rồi thi diệt ba họ, diệt chín họ, diệt mười họ, diệt hết người. Vương Ông Thự, một quan lại tàn bạo đời Hán, khi làm thái thú Hà Nội, bắt người "liên đới hơn ngàn nhà", giết người "máu chảy hơn mươi dặm" mà còn cảm thấy chưa đủ tận hứng; hổ ăn thịt người, trăm họ sợ, "chính sách hà khắc còn ác hơn hổ" trăm họ càng sợ. Trong "Liêu Trai chí dị" của Bồ Tùng Linh có một thiên "Mơ thấy chó sói" viết Bạch Ông vào thủ quan, nhìn thấy "trên công đường, dưới công đường, kẻ ngồi người nằm đều là chó sói cả, trong phủ sói lớn chặn đường, xương trắng như núi; trong thiên hạ ở đâu cũng quan là hổ, lại là chó sói. Vì vậy cổ nhân mới có câu ngạn ngữ: "Chết oan cũng không dám đi kiện". Trong cuốn "Yếu nghĩa văn hóa Trung Quốc", Lương Thấu Minh cho rằng đó là thể hiện sự trân trọng tình cảm, dì hòa vi quý của người Trung

Quốc, chân thành là cao kiến, nhưng nên nhìn thấy trong đó bao hàm tâm lý không tin nhiệm và sợ hãi quan lại. Sự sống, chết, cho, đoạt của trãm họ đều nằm trong tay quan lại, làm sao trãm họ không sợ.

Nếu như nói trong thời đại phong kiến trãm họ sợ quan chủ yếu là vì khiếp sợ sự lạm dụng quyền uy của chính trị chuyên chế phong kiến, vậy thì, sau khi lật đổ sự thống trị phong kiến, xây dựng Dân quốc, quan dân nhất luật bình đẳng, hơn nữa trãm họ còn là người chủ quốc gia, quan chức là đầy tớ của chủ nhân, theo lý mà nói thì người Trung Quốc sẽ không sợ quan nữa. Thế nhưng sự tình quyết không đơn giản như vậy. Tôn Trung Sơn, người cha của chính thể dân chủ Trung Quốc, khi đảm nhiệm đại Tổng thống lâm thời Trung Hoa Dân quốc, thấy việc trãm họ gặp ông vẫn còn quỳ. Năm 1917, khi viết bài "Phương lược kiến thiết", ông đã đau đớn nói: "400 triệu nhân dân Trung Quốc, sinh ra từ viễn tổ đến nay, quen làm nô lệ cho quân chủ chuyên chế. Vì vậy phần lớn luôn luôn không biết làm chủ nhân, không dám làm chủ nhân, không thể làm chủ nhân".

Ngày thành lập nước là ngày mở đầu thời đại nhân dân chân chính làm chủ. Một mặt nhiều lần xác nhận địa vị ông chủ của trãm họ, một mặt cường điệu quan chức là đầy tớ của trãm họ, là người cản vạn phục vụ nhân dân. Trong các quan

chức rõ ràng là đã xuất hiện một số điều tốt, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Song, cũng cần phải nói thẳng ra rằng, hiện tượng "sợ quan" vẫn còn tồn tại y nguyên, ở mức độ khác nhau, trong một số người. Thời kỳ cuối của cách mạng văn hóa từng có không ít chuyện như vậy.

Tình hình hiện nay thì thế nào? Huyện X, thuộc vùng Trung Nguyên, có một trưởng phòng giao thông, khi còn trẻ lái xe tung hoành khắp thôn xóm, bị dân chúng bản địa gọi là trung bá thiên". Sau đó ta từ đội trưởng đội xe hẵn được đề bạt lên trưởng phòng giao thông huyện, và còn được cử tri bỏ phiếu bầu vào hội đồng nhân huyện. Vì "Trung bá thiên" này sau khi làm trưởng phòng giao thông huyện đã sử dụng một số lưu manh vô lại làm tay sai, đưa chín tên vào làm ở các ngành thuộc phòng giao thông. Mấy năm nay bọn chúng thường xuyên khiêu khích gây sự với những người không may sách nhiễu tiên của. Đã có hơn 100 người bị chúng đánh đập, 31 người bị thương, trong đó có 10 người bị gãy xương, 3 người tinh thần thất thường, 2 người mất sức lao động. Ngay đối với cấp dưới, vị trưởng phòng này nhẹ thì luôn mồm chửi mắng, nặng thì ra tay đánh đập. Một lần họp phòng, phó giám đốc công ty vận tải (vốn là bạn đồng học hồi nhỏ của hẵn) đã vô ý gọi tên tục của hẵn, làm hẵn nổi giận, tuyên bố ngừng họp, gọi hai tay chân đến đánh cho vị phó giám đốc này gục ngất ngay tại chỗ, đợi đến khi tỉnh dậy, lại

ra lệnh phải làm kiểm thảo tại cuộc họp buổi chiều. Thế mà, một trưởng phòng ác ôn có tội danh như vậy mãi đến gần đây mới bị công an "bắt". Điều này khiến người ta phải suy nghĩ: trong số hơn 100 người bị đánh đập, chẳng lẽ không có lây một người tố cáo, ngay đến viết một bức thư nặc danh cũng sợ sao? Nếu nói những nông dân bị đánh đập đó là "không có văn hóa", "không hiểu pháp luật" "dễ ăn hiếp" nên không dám làm việc tày trời, thế nhưng trong số người bị đánh đó còn có 44 công nhân viên chức, nói chung là có trình độ văn hóa, có ý thức pháp luật nhất định, mà có người sợ đến mức không dám tới bệnh viện chữa chạy, hơn nữa còn có bốn người sợ quá phải bỏ việc. Chúng ta không thể không đặt ra câu hỏi: vì sao bọn họ lại sợ hãi đến mức như vậy?

Ô hô, người trong nước đúng là sơ quan!

9. CHỈ TIN VÀO NHỮNG GÌ MÌNH ĐÃ LÀM

Nhà Nho thừa nhận "muốn phú quý là tính chung của con người". Khổng Tử và các học trò thường xuyên cùng thảo luận vấn đề tòng chính. Đối mặt với đồng đảo đệ tử, Khổng Tử đã thẳng thắn nói: "Giàu, có thể cầu được vậy, tuy là kẻ sỹ cầm roi, ta cũng muốn thế". Ông chu du các nước, cố gắng để đời dùng, đối với những học trò có tài

năng, ông thường tích cực tiến cử họ ra làm quan và còn kiên trì truyền thụ cho họ các phương pháp làm quan. Ngoài việc tích cực mưu tìm công lợi chính tri, Khổng Tử cũng rất biết hướng thụ cuộc sống đời thường. Ông rất biết ăn, "khi ăn không ghét những thức tinh, khi nhấm không chán những thức tỉ mỉ" ; ông dạy học trò sáu nghề: lễ, nhạc, bắn cung, cưỡi ngựa, sách, số học, đều là những tri thức có tính kinh nghiệm thực dụng thường ngày, mà ông vô cùng tinh thông. Ông mê say âm nhạc đến mức sau khi nghe nhạc Thiều, "ba tháng không biết vị thịt". Đối với việc nam nữ, Khổng Tử cũng giữ một thái độ rất hiện thực. Khi Khổng Tử than: "Ta chưa hề thấy kẻ nào hiếu đức như hiếu sắc", sợ rằng ông đã có sự thể hội nội tâm việc "Khổng Tử gặp Nam Tử rất có ý chí, mặc dù chưa có đủ thực tế chứng minh Khổng Tử và Nam tử - phu nhân Vệ Linh công xinh đẹp, đã có chuyện chăn gối. Nhưng Tử Lộ, người đã cùng ở bên cạnh thày sớm tối, do đó mà biết sâu sắc tâm trí của thày đã không thể bình thản trước việc không có lửa sao có khói, màn nghi ngờ thày học. Khổng Tử rất thực tế, vì vậy ông thừa nhận: "Ăn uống, nam, nữ, đó là ham muốn lớn, người đời đều có". Đối với vấn đề tôn giáo, Khổng Tử kính thần quỷ mà xa vội. Thái độ đó không hề huyễn hoặc.

Tiên sinh Lương Khải Siêu nói: "Phần lớn học vấn của kẻ sĩ là học về hành vi nhân loại, chứ không phải là theo đuổi tri thức lý luận" ("Triết

học nhà Nho"). Dương Đồng Quýnh trong cuốn "Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc"" đã chỉ ra: "Tư tưởng học thuật xưa nay của nước ta lấy việc nghiên cứu lý pháp cuộc sống hiện thực của nhân loại làm trung tâm, nên chỉ có tác phẩm về triết học nhân sinh và tư tưởng chính trị". Tiên sinh Tiên Mục cho rằng: "Cái mà người Trung Quốc coi trọng là hành. Người ta không thể nghĩ hết cái trí của mình, nhưng phải làm hết cái hành của mình". Tiên sinh Lâm Ngữ Đường đã có cách nhìn hiện thực cảm đối với triết học nhân sinh của Trung Quốc là: "Công dụng chủ yếu của cảm giác hiện thực này là phải gạt bỏ tất cả mọi cái không cần thiết trong triết học nhân sinh, nó giống như bồ phật lấy cỏ người ta, nhằm tránh cho đôi cánh ảo tưởng mang nó đến một thế giới tựa như là mỹ lệ nhưng thực ra là hư áo. Hơn nữa, trí tuệ của nhân sinh thực ra cũng là ở chỗ gạt bỏ những cái không tất yếu, để đưa những vấn đề của triết học đến những bước rất đơn giản - hưởng thụ gia đình chồng, vợ, con trai, con gái), hưởng thụ sinh hoạt, hưởng thụ giới tự nhiên và văn hóa - đồng thời đình chỉ những huấn luyện khoa học và theo đuổi tri thức khác không có liên quan. Một khi điều đó xảy ra, vấn đề nhân sinh của nhà triết học Trung Quốc lập tức biến thành rất giản đơn thưa thớt, đồng thời trí tuệ nhân sinh cũng là chỉ một thái độ không bực bội - một loại triết học vô tình, cũng như thái độ không bực bội của tri thức không có quan

hệ thực tế với nhân sinh. ("Nghệ thuật sống"). Dẫn những điều nói trên của các nhà, những điều chỉ ra đó đều là tư tưởng chỉ đạo nhân sinh của người Trung Quốc khuynh hướng triết học nghiêng về thực tế nhân sinh mà coi nhẹ sự suy nghĩ, biện luận tư tưởng.

Những nguyên nhân căn bản đưa đến khuynh hướng đó, là ở điều kiện sinh tồn hiện thực mà các nhà nhân chủng học gọi là "văn hóa Hoàng thổ", hoặc các nhà xã hội học gọi là "kinh tế tiểu nông". Do phải "dựa vào trời mà sống" nên phải kiềm chế lòng ham muốn suy nghĩ, biện luận của mình, phải nắm chắc phương thức sản xuất giản đơn bao gồm kinh nghiệm cảm kích để cầm lấy việc thỏa mãn nhu cầu cơ bản, thỏa mãn ham muốn của cái bụng, cái mồm. Quan hệ nhân thế quá phát triển, lại tiêu hao quá nhiều sinh lực của người Trung Quốc, đưa ánh mắt của người Trung Quốc hướng về vũng bùn của hiện thực mà không có cách gì nhìn ra xa tới biển rộng trời cao của tư tưởng và tri thức. Đôi chân của người Trung Quốc đạp lên mảnh đất hiện thực vũng chắc, không ôm áp quá nhiều ảo tưởng đối với hiện thực, cho rằng đời người chẳng qua là ứng phó với vấn đề ăn cơm, áo mặc, vấn đề sinh con dạy con, cũng như tiến tới sản sinh ra cái vấn đề hiện thực như tình cảm, lợi ích, vinh nhục, lề luật v.v.. giữa người với nhau. Ngoài những vấn đề thực tế luân thường hàng ngày đó ra, còn có cái gì đáng để nghĩ ngợi, đáng để làm nữa?

Loại coi trọng quá mức đối với lợi ích, kinh nghiệm thực tế của nhân sinh đã làm cho người Trung Quốc xem thường việc quan tâm đến vấn đề cuối cùng của đời người: "chưa biết sống, đã biết chết". Đối với linh hồn, với thiên đường, với kiếp sau, người Trung Quốc "bình thường không thấp hương, tâm sự mới ôm chân Phật", hoàn toàn dùng thái độ thực dụng đối với thần linh. Người ta hi vọng thông qua việc dâng cúng cúc cung, dập đầu, thấp hương quá đơn giản là có thể được sự hồi báo hiệu quả ngay. So sánh với các tín đồ đạo Cơ đốc mỗi ngày trước bữa ăn đều cầu chúa và việc ăn kiêng hàng tháng hướng về thánh của giáo đồ Islam, thì ngay cả việc cúng tế long trọng của người Trung Quốc đều có chút nghi ngờ "lợi dụng để hối lộ thần". Đối với các nhà khổ hạnh phật giáo, thông kinh nhưng chịu không nổi thì phần lớn người Trung Quốc hi vọng mình sẽ làm một "cử sĩ có thể uống rượu, ăn thịt có thể lấy vợ lấy nhung mà không cần phải xuất gia, để lúc trà dư tửu hậu ngâm mấy câu thơ Phật; để sau lúc xong việc công ngồi thiền một lúc; khi có bổng lộc thì thí xá cho cao tăng trong chùa vào dịp lễ tết, đưa người nhà đến miếu thấp mây néng hương, giữ "giao tình lễ, tục" với các phật để khi cần thiết bảo hộ, che chở; còn trong cuộc sống hàng ngày, các thiện nam tín nữ kiểu Trung Quốc thường rất ít cung phụng các vị thần lớn như Như Lai, Lão Quân, Ngọc Hoàng, họ chỉ vui lòng cung phụng các loại thần có lợi ích.

thiết thân với mình như vua bếp, thô thân, tài thân... bởi vì họ chỉ cần trước mắt được bình yên như ý, được lợi ích thực tế Trước mặt thần, người Trung Quốc nói chung không có cảm giác có tội, không thể nói đến sự hối hận, càng không thể hiến dâng một cách vô điều kiện xác thịt và linh hồn mình cho thần; mặc dù ở Trung Quốc có rất nhiều thần, nhưng đều là đối tượng để người Trung Quốc nhất thời lợi dụng. Đối với người Trung Quốc, thần chỉ có giá trị thực dụng mà không có sức mạnh ràng buộc.

Tín nhiệm coi trọng kinh nghiệm thực tế khiến đa phần người Trung Quốc xem nhẹ tri thức văn hóa. Những kẻ thống trị của xã hội phong kiến Trung Quốc vì lợi ích bản thân đã thực hành chính sách ngu dân, thù hận tri thức văn hóa. Trong truyện dân gian, nói chung người không có văn hóa thường thông minh hơn người có văn hóa, người không đọc sách, không biết chữ nói không thường gièu cợt người đọc sách, biết chữ. Các "tú tài", người có văn hóa thời xưa, trong các truyện dân gian không ai là không lộ ra sự vụng dại, cỗ hủ, nghèo kiết xác ngu xuẩn, đáng thương, trở thành đối tượng châm biếm, trêu chọc, đúng là "đọc sách càng nhiều càng ngu", "vô dụng là thư sinh", khi tri thức văn hóa và những người có nó, trong con mắt người Trung Quốc coi trọng thực tế mắt đi giá trị thực dụng, thì người Trung Quốc cũng đồng thời mắt đi hứng thú và nhiệt tình học tập nấm vừng

tri thức văn hóa. Hậu quả là nghiêm trọng.

Coi thường tri thức văn hóa đã dẫn tới tổn thất văn hóa quốc dân phổ cập thấp xuống. Từ những năm 50 của thế kỷ này đến nay, mặc dù nước ta trên các mặt xóa bỏ mù chữ, phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm đã thu được thành tích tương đối lớn, nhưng thống kê gần đây nhất cho thấy, trước mắt nước ta còn có 145 triệu người mù chữ, nửa mù chữ - nếu theo tiêu chuẩn của các nước phát triển để tính toán thì số người còn nhiều hơn. Số người mù chữ, nửa mù chữ tính từ hàng trăm triệu, về kinh tế thì nghèo nàn, lại thêm hình ảnh tật bệnh đi kèm, tỷ lệ sinh để còn cao đã cản trở nghiêm trọng đến sự phát triển chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật của Trung Quốc. Trình độ quốc dân được hưởng giáo dục ngoài số mù chữ và nửa mù chữ ra, theo điều tra dân số toàn quốc lần thứ tư năm 1990, thì tỷ lệ số người có trình độ văn hóa các loại và tổng dân số lần lượt là: đại học 1,42%, xếp thứ hai từ vị trí cuối trở lên trong các nước và các khu vực trên thế giới, nước Anh là 81,9%, Canada là 37,4%, Philipin là 15,2%, trình độ phổ thông trung học là: 8,04%, trung học cơ sở là 23,34%; tiểu học là 37,06%; giáo dục trung bình của người nước ta chưa được 5 năm, còn Nhật Bản thì ngay từ năm 1907 đã phổ cập giáo dục nghĩa vụ 6 năm, so với Nhật Bản lạc hậu gần một thế kỷ. Theo tư liệu khác, sinh viên đại học chiếm tỷ trọng trong dân số từ 20 đến 24 tuổi ở các mức. thu nhập

cao là 39%, ở các mức thu nhập loại khá và vừa là 20%. Ở các nước thu nhập vừa và dưới là 16%, ở các nước thu nhập thấp là 3%, ở các nước thu nhập thấp nhất là 2%; ở nước ta còn thấp hơn. Biểu hiện đột xuất của việc người Trung Quốc coi thường tri thức văn hóa là không thích đọc sách. Người Đức trên đường du lịch, trong công viên, trên xe điện ngầm, thường đọc Kant, Goethe, Heine; trên quảng trường, trên xe điện người Nga thường đọc Puskin, Sêkhôp, Éxen Hin. Cái mà người Trung Quốc thích đọc là các loại sách sắc hình, chém giết tàn bạo, mê tín, say mê với những ca múa, karaokê. Người Trung Quốc rất ít cất giữ sách. Theo điều tra bằng cách trả lời những câu hỏi viết sẵn trên giấy tố chất văn hóa cư dân thành thị Trung Quốc do Hội xúc tiến văn hóa dân tộc Trung Hoa và Hội nghiên cứu sức ngưng tụ dân tộc Trung Hoa tỉnh Quảng Đông tổ chức, thì số người cất giữ trên 300 cuốn sách chỉ chiếm 10%, số người cất giữ dưới 100 cuốn sách chiếm tới 60%; cư dân ở thành phố mà còn như vậy, tình hình nông thôn với dân cư chiếm số đông, không nói rõ ràng. Thời kỳ thanh niên là thời kỳ mà trong cuộc đời người ta thích học tập nhất, ham muốn trí thức mạnh mẽ nhất, chịu bỏ tiền mua sách nhiều nhất.

Theo kết quả điều tra mẫu của Trung tâm nghiên cứu thanh thiếu niên Trung Quốc thì đối với thanh niên ở thành thị và nông thôn tại tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị trong đó có

Thượng Hải, Quảng Đông cho thấy: 40% thanh niên nước ta ở trong nhà ngoài sách giáo khoa ra, về cơ bản không cất giữ sách; 36% thanh niên trong nhà chỉ cất giữ khoảng 50 cuốn sách, cất giữ trên 100 cuốn sách chỉ chiếm 2%. Thanh niên mà còn như vậy, những người ở các độ tuổi khác không nói cũng rõ. Người Trung Quốc nổi tiếng thế giới với vốn phát minh lớn, đã sớm có tri thức toán học và thiên văn học sâu sắc uyên bác, nhưng lại không phát triển được thành một hệ thống tri thức khoa học hiện đại. Trong lĩnh vực khoa học, cái mà người Trung Quốc quan tâm nhiều là những vấn đề thực tế mà cụ thể có quan hệ trực tiếp với quốc kế dân sinh, với trật tự xã hội, với sự sinh tồn của con người. La bàn và làm chỉ nam được dùng để xem phong thủy, thuốc súng được dùng để dốt pháo, sự phát triển của nghề in khiến sách vở đoán số mệnh và các cuốn lịch được lưu truyền, tri thức thiên văn học được dùng cho thuật chiêm tinh, những hiện tượng đó không có cái nào là không có liên hệ với tính cách quá coi trọng thực tế của người Trung Quốc.

Vì người Trung Quốc quá tin vào kinh nghiệm thực tế, không coi trọng học tập tri thức văn hóa, không yêu thích đọc sách, cho nên người Trung Quốc thiếu tri thức khoa học, không hiểu phương pháp khoa học. Rất nhiều thói quen, hành vi thường ngày của những người phổ thông là không khoa học, nó làm cho sức khỏe và công tác

của người ta bị tổn hại; quyết sách của một số người lãnh đạo trái với qui luật khoa học, mang lại tai họa cho lợi ích quốc gia và tính mệnh, tài sản của nhân dân. Vụ án "phát minh biến nước thành xăng dầu" của Vương Hồng Thành kéo dài suốt 10 năm, lan khắp nước, kinh động đến lãnh đạo cấp cao, từ địa phương đến trung ương, lại có một số cán bộ lãnh đạo ở vị trí cao và một số ngành nắm thực quyền, dựa vào việc nhìn xem cái gọi là biểu diễn "tận mắt" của Vương Hồng Thành, đã ra sức ủng hộ hắn; giới tần văn truyền thông cũng lấy việc "nhìn tận mắt là thực" ra sức nhiệt tình đưa tin, có nguồn tin gọi đó là "phát sinh lớn thứ năm của Trung Quốc", có nguồn gọi đó là "đã mở ra kỷ nguyên mới của lịch sự nhân loại"; không ít nhà doanh nghiệp ra sức tài trợ để lắp ráp thiết bị, đầu tư khoản tiền lớn cùng Vương Hồng Thành liên hiệp khai thác hạng mục "nước biến thành xăng dầu". Trong 10 năm đó, số đối tượng hợp tác với Vương Hồng Thành đã tới hàng trăm người, số tiền bị hắn lừa gạt cao tới 400 triệu NDT (khoảng hơn 640 tỷ đồng VN). Vương Hồng Thành chỉ học 4 năm tiểu học, là một lái xe ô tô, ngay công thức hóa học cũng không biết viết, dùng một "phát minh" trái với thường thức khoa học tối thiểu mà vẫn lừa bịp lâu đến 10 năm, chẳng lẽ những kẻ tuyên truyền, những kẻ ủng hộ, những kẻ hợp tác với "phát minh nước biến thành xăng dầu' đã quên hết những tri thức hóa học trong đầu óc? Sự coi

thường của người Trung Quốc đối với khoa học còn thể hiện ở chỗ không ít người còn chưa xác lập được quan niệm giá trị của khoa học. Đầu vào của chính phủ đối với khoa học kỹ thuật đã rất thấp trong một thời gian dài, đối xử với khoa học kỹ thuật như một hạng mục "sự nghiệp tiêu dùng", đồng thời chưa thực sự nhận thức được tác dụng "sức sản xuất thứ nhất" của nó trong phát triển kinh tế; phần lớn trăm họ cho rằng "khoa học kỹ thuật không thơm"; điều tra bằng trả lời câu hỏi với hơn 4500 nhân viên khoa học kỹ thuật ở 68 xí nghiệp lớn và vừa tại Thượng Hải năm 1991, cho thấy rõ: trong 10 nhân tố quyết định địa vị xã hội cá nhân, trình độ văn hóa khoa học xếp vị trí thứ ba, tính từ cuối trở lên, trong 14 loại thứ tự lựa chọn nghề nghiệp xã hội, công tác khoa học kỹ thuật xếp thứ năm, tính từ vị trí cuối trở lên; hiện nay sinh viên đua nhau báo thi vào các trường đại học đối ngoại, tài chính, ngân hàng v.v.. Số thi vào các trường chuyên nghiệp toán, lý tương đối ít.

Chương II

AQ

AQ chính truyện của Lỗ Tán đã nói rõ những nhược điểm của tính quốc dân Trung Quốc, vẽ ra linh hồn một quốc nhân. Hơn 70 năm đã qua, về tinh thần dân tộc và tính cách dân tộc, con cháu của AQ vẫn còn có không ít khuyết điểm. Điều đó cho thấy việc cải tạo tính quốc dân, loại bỏ thói xấu thâm căn cố đế vẫn là một nhiệm vụ bức thiết trước mắt chúng ta.

1. BÓNG MA AQ VẪN ĐANG VẬT VỜI TRÔI NỐI QUANH TA.

Năm 1921, tiên sinh Lỗ Tán viết "AQ chính truyện", đó là tác phẩm kiệt xuất nhất trong các tiểu thuyết của ông, và cũng là tác phẩm đặt nền móng cho văn học hiện đại Trung Quác. "Tinh thần AQ" đã trở thành từ thay thế cho sự vừa tự tôn quá đáng lại vừa tự khinh tự hạ mình, tự lừa dối mình, mềm nắn rắn buông, nhẫn nhục chịu

đụng, tê liệt hay quên, theo tập tục cũ, ý thức nô tài, tư tưởng tiêu cực. Tác phẩm bất hủ này từ khi ra đời đến nay vẫn còn ảnh hưởng và ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với chúng ta.

Vì sao Lỗ Tấn lại viết "AQ chính truyện" ? Khái quát lại là để vạch trần nhược điểm có tính quốc dân, vẽ ra một linh hồn của người trong nước. Một đời theo đuổi phong trào văn nghệ cách mạng, Lỗ Tấn chỉ có mục đích căn bản là chữa trị khuyết điểm tinh thần của người Trung Quốc, thay đổi tính ngu muội ốm yếu của quốc dân.

Lỗ Tấn là một nhà khai sáng tư tưởng vĩ đại, trước sau ông rất chú trọng đến vấn đề tính quốc dân. Trong bài "Bàn về việc mở to mắt ra nhìn" ông đã đau xót viết: "Người Trung Quốc không dám nhìn thẳng vào các mặt, dùng che giấu và lừa gạt tạo ra một con đường tránh kỵ diệu mà lại tự cho là con đường chính. Con đường đó đã và đang chứng minh sự khiếp nhược, lười biếng nhưng lại xảo quyết của tinh quốc dân. Càng thỏa mãn thì càng trụy lạc, nhưng lại cảm thấy càng vinh quang.

AQ là nhân vật như thế nào? Hắn là một nông dân nghèo khổ sống vào thời kỳ cách mạng Tân Hợi. Hắn ở một nơi gọi là "làng Mùi", thuộc miền đông tỉnh Triết Giang. Hắn không có nhà, mà ở ngay tại đền thờ Thổ Cốc của làng. Hắn là thẳng độc thân và cũng không có nghề nghiệp cố

dịnh, chuyên đi làm mướn, bảo cắt lúa thì cắt lúa, bảo giã gạo thì giã gạo, thuê chèo thuyền thì chèo thuyền. Làm thuê dài ngày thì ở ngay tại nhà chủ, nhưng hết việc là đi.

Tính cách AQ có tính phức tạp nhiều mặt.

Có lúc hắn rất tự cao tự đại, tất cả dân cư làng Mùi hắn đều không coi ra gì, kể cả hai vị tú tài. Vào thành mấy ngày hắn càng tự phụ. Hắn coi thường người trong thành, như cái ghế làm bằng gỗ dài ba thước, rộng ba tấc, người làng Mùi gọi là cái ghế dài, hắn cũng gọi là cái ghế dài, nhưng người trong thành lại gọi là ghế băng, hắn nghĩ đó là sai lầm đáng buồn cười. Khi rán đầu cá to, làng Mùi đều cho thêm lá hành dài nửa tấc, người trong thành lại cho lá hành thái nhỏ, hắn nghĩ làm thế cũng sai.

AQ thích nói: "Bố mày trước đây giàu hơn mày nhiều, mày là cái thá gì?" Nhưng đáng tiếc trên đầu có cái sẹo nên hắn kiêng nói chữ "sẹo" cũng như tất cả những âm gần giống. Khi phạm húy, không kể người ta vô tình hay cố ý hắn liền nổi giận, đánh giá đối thủ, thấy người vụng ăn nói là hắn chịu, thấy kẻ yếu sức là hắn đánh. Mỗi lần như vậy, nói chung hắn đều chịu thua thiệt. Thế là hắn trợn mắt nhìn, gọi là chủ nghĩa trợn mắt. Người ta giễu hắn là sáng mắt, hắn lên nói: "Mày còn không xứng!". Sau khi bị đánh, hắn nói: "Ta bị con trai đánh rồi, con mà đánh cha, chẳng ra làm

sao". Đó là phép thắng lợi tinh thần, có thể chuyển bại thành thắng. Thật là một loại lừa mình, dối người.

AQ thuộc loại người mềm nắn rắn buông. Vào một mùa xuân, hắn và Vương Hồ thi bắt rận, do ngôn ngữ bất hòa mà động đến chân tay. Hắn cho là Vương Hồ đánh không nổi hắn, nên đã tranh đấm trước một cú kết quả là không địch nổi Vương Hồ, bị túm đuôi sam, bị đập đầu vào tường". Bị đánh, hắn cảm thấy bị lăng nhục. Thằng tây giả - con trai cụ cố Tiền dùng ba tay ôm đầu bỏ chạy. Nhưng khi gặp ni cô nhỏ ở am tịnh Tu, AQ có cơ hội để trút giận. Hắn quay lại bắt nạt ni cô, nhổ nước bọt đánh "phi" một cái. Ni cô nhỏ không để ý, cuí đầu bước đi. Hắn liền đi gần đến cô, vươn tay xoa cái đầu trọc của cô rồi giơ giọng lưu manh: đầu trọc về chùa nhanh lên, sư cụ đang đợi đấy. Hắn còn véo má ni cô. Mọi người cười ầm lên, hắn đắc ý bỏ đi. Lần này hắn thắng lợi, quên luôn Vương Hồ và thằng tây giả, dường như hắn đã trả được thù, trong người nhẹ nhõm, có chút lâng lâng bay bổng. Nghe tiếng khóc từ xa của ni cô, hắn càng đắc ý.

AQ còn có tướng lưu manh. Hắn đã từng veo đùi một phụ nữ ngay trong đám đông dưới sân khấu. Nhưng do cách một lớp quần, nên hắn không cảm thấy lâng lâng. Có một lần hắn nghĩ tới phụ nữ, nghĩ đến phát thèm (điều này có thể coi là yêu

cầu sinh lý của người bình thường), hắn đang giã gạo ở nhà cổ Triệu, buổi tối thấy vú Ngô người ở gần một mình ở trong bếp, hắn liền bước vào quỳ hai gối trước mặt vú, van xin: "Tôi muốn ngủ với vú, tôi muốn ngủ với vú!" Kết quả bị tư tài đánh cho một trận, nói hắn trêu ghẹo người hầu nhà họ Triệu, phải phạt rượu Địa Bảo giá bốn trăm đồng. AQ không có tiền mặt dành phải để lại cái mũ dạ làm vật thế chấp và cam kết năm điều: từ nay không được bước vào cửa nhà họ Triệu, không được đòi tiền công...

Lúc không có việc làm, AQ đã bị đói, cái rét uy hiếp. Một lần đói quá hắn đã chạy đến am Tịnh Tu ăn trộm. Bị ni cô già phát hiện, hắn đã nói liều: cù cải này là của bà à, bà có thể bắt nó thưa được không? Rồi cầm cù cải chạy đi. Khi thực không còn cách nào sống nữa hắn vào thành, tham gia vào một băng trộm cắp. Có điều hắn vừa nhát gan vừa vụng chân tay, nên chỉ có thể làm vai phụ. Khi kẻ khác vào ăn trộm, hắn ở ngoài tiếp tay. Khi chia của, AQ được chia một số quần áo, hắn mang về bán ở làng Mùi. Bị lộ tẩy là ăn trộm, hắn bị bắt.

Trong cách mạng Tân Hợi, AQ đã có một thời tỏ ra đặc ý, khi thấy loại như lão già cử nhân kinh hoàng, hắn rất khoái chí, trong lòng nghĩ, cách mạng con mẹ bạn này, ác quá ? Hắn không hiểu cách mạng là gì và cũng không biết mình đi cách mạng như thế nào, mà chỉ hò hét nhau: "Tạo phản

rồi ! Tạo phán rồi!" Hắn ảo tưởng: được.., ta muốn gì thì được nấy, ta thích ai là được... trước tiên hãy khiêng chiếc giường của mụ vợ tú tài về đền Thổ Cốc, rồi lại nghĩ về một người đàn bà nào đó sẽ ngủ với mình...

Cách mạng như một cơn gió qua đi. Làng Mùi không mấy thay đổi, thằng tây giá cũng trở thành "đảng cách mạng", bọn cựu cố Triệu vẫn vô tư, thay đổi lớn nhất là long bài "Hoàng đế vạn tuế, vạn vạn tuế" ở am Tinh Tu bị dỡ đi. Cách mạng chưa mang lại cho AQ điều gì tốt đẹp, ngược lại, hắn đã bị bắt một cách vô cớ, bị coi là kẻ thù niêng. Cuối cùng, hắn bị đưa về thành, bị quy vào tội chết, phải xử bắn.

Đáng thương cho AQ không rõ là mình gặp chuyện gì! Trước khi bị tử hình do không biết chữ, nên hắn phải khuyên một vòng thay cho việc chấp thuận. Cả đời AQ chưa bao giờ cầm bút, nên khi cầm đến bút thì tay cứ run lấy bẩy, cúi người xuống dùng hết sức bình sinh mới vẽ được cái khuyên tròn. Vì sợ bị chê cười hắn hạ quyết tâm phải vẽ cho tròn, thế nhưng cái bút tai quái này, không những rất nặng mà còn không nghe lời, hắn vừa run run định nổi vòng, bút lại chêch ra ngoài, kết quả vẽ thành hình quả dưa. AQ rất xấu hổ, nhưng điều đáng thương là hắn không rõ vì sao hắn lại phải vẽ cái hình tròn đó.

Mãi đến lúc mặc áo chịu hình phạt hai tay bị

trói quặt, rồi bị lôi lên một cái xe không mui, chiếc xe lập tức chạy đi, phía trước là một đám lính cầm súng tay, hai bên có nhiều người xem đang há hốm, thì AQ mới ngó ra: thế này chẳng phải là bị đưa đi chặt đầu ư?

Chẳng ai rõ được lúc đó AQ nghĩ gì?

Hình tượng nghệ thuật AQ như một nội hàm phong phú, tính cách phức tạp. Tiên sinh Mao Thuấn viết bài khái quát cực hay: "Tướng mạo AQ". Xin trích lục ra đây, giúp chúng ta có thể hiểu và lĩnh ngộ được tinh túy của AQ: "Những ai đã đọc "AQ chính truyện" thì không thể nào quên được ý thức tư tưởng của AQ. Tinh túy của "AQ chính truyện" là ở sự vạch trần có sức mạnh "tướng mạo AQ". Những điểm quan trọng trong "tướng mạo AQ" có thể nêu như sau:

Trên thực tế, lúc bị thất bại hoặc bị khuất phục, đã lấy phép "thắng lợi tinh thần" để tự an ủi, từ đó mà chuyển bại thành thắng, giấc ngủ cũng trở nên ngọt ngào. Câu cửa miệng của AQ quanh cái lý cùn: "Bố bị con trai đánh" hoặc "Tổ tiên tao khỏe hơn chiếc gậy lớn của mày nhiều!", thực chất đó là phép "thắng lợi tinh thần" của AQ. Cái gọi là "tướng mạo AQ" đó cũng là tướng mạo phổ biến của đại đa số quốc dân Trung Hoa từng chịu ảnh hưởng sâu sắc về tư tưởng của Nghiêm Thuấn, Vũ Thang, Văn Vương, Vũ Vương, Khổng Mạnh qua mấy ngàn năm !

Sau khi "AQ chính truyện" ra đời, "tướng mạo AQ" rất bị người chế giễu; thế nhưng cho dù bị chế giễu, "tướng mạo AQ" vẫn được lan truyền trong xã hội đông đảo. Đặc biệt là sau quốc nạn "18-9", thắng lợi tinh thần và không chống đối của "tướng mạo AQ" nói chung vẫn còn phát huy tác dụng tích cực. Vậy thì liệu "tướng mạo AQ" có thể gọi là tinh thần dân tộc của dân tộc Trung Hoa được không? Điều này thì chưa hẳn!

Tiên sinh Mao Thuân chỉ ra: cái gọi là "tướng mạo AQ" là tướng mạo phổ biến của đại đa số quốc dân Trung Hoa. Nên chú ý đến ba chữ "tính phổ biến", chính là vì có tính phổ biến nên mới trở thành vấn đề tính quốc dân nghiêm trọng. Loại "tướng mạo AQ" này là do sự trại rèn của lịch sử, văn hóa, giáo dục của nước Trung Quốc lâu đời mới hình thành nên, nó có thể cản trở sự tiến bộ của quốc dân, xét về ý nghĩa nào đó mà nói, nó sẽ ảnh hưởng, cản trở sự đổi mới của Trung Quốc. Những nhược điểm như sự tê liệt vô tri, hay quên về tinh thần của AQ là kẻ địch lớn về tinh thần của chúng ta hôm nay.

AQ đã chết hơn nửa thế kỷ rồi, thế nhưng người ta phát hiện thấy AQ vẫn còn sống, con cháu của AQ vẫn giống như AQ năm đó, đang sống. Xem xét một số lời nói, hành động của người Trung Quốc đương đại là sẽ cảm thấy tinh thần AQ vẫn tồn tại, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc nhẹ hoặc ít, hoặc

nhiều hoặc ít, thể hiện ra trên thân mình, điều này không thể không khiến chúng ta phải trầm tư.

Những người có tư tưởng nhạy bén đương thời đều phát hiện, âm hồn của AQ không tan, mà thường ở trong cuộc sống xã hội của chúng ta, thường đi đi lại lại quanh ta, bay đi bay lại, cái thân ảnh mông lung của nó làm chúng ta ngày càng quen thuộc, luôn quấy rầy chúng ta, muốn thoát khỏi mà không thoát khỏi nổi, hơn nữa có người còn tiếp thu nó, noi theo nó nên càng không thể thoát khỏi.

Tiên sinh Tăng Tiên Nguyên là người phát hiện "âm hồn AQ", và đã kể tỉ mỉ hàng loạt thể hiện đổi mới của AQ trong hiện tại. Âm hồn của hắn gửi vào con cháu hắn, để cho nó phát ra, phô diễn ra. Bây giờ xin mời xem bài viết hay: "Lúc nào thì âm hồn AQ tan" của ông.

Gập ngón tay mà tính, AQ hạ thế đã hơn nửa thế kỷ rồi, mặc dù hắn là "kẻ ngu, kẻ yếu" nhất trong "đông đảo chúng sinh", nhưng nó "truyền" mà bất diệt, âm hồn như vẫn sống. Nói kỹ là cũng không kỳ lạ, cái "tổ truyền" đó còn có chút thật giống đậu phụ ích dương của chúng ta: ngủi thì thôi, nhìn thì bẩn, nhưng ăn lại thơm. Nếu chưa tin, hãy xem thời sự: mệnh lệnh của trung ương đây, cả nước chuyển động, tác phong bất chính, hành vi hù bại, hiện tượng xấu xa đã trở thành: chuột chạy qua phố, người người hò đánh... sát khí

đằng đằng, oai phong lầm liệt, khí thế hùng hục. Thế nhưng tôi thấy người đứng ra nhận tội, đến nay vẫn như Khổng Át Ký đã nói: "Nhiều vạy thay, không nhiều vạy". Phỏng đoán tâm lý vẫn chẳng khác gì AQ, chỉ có thể hiện theo cách mới mà thôi.

- Bí nhân luôn luôn giữ mình trong sạch, vốn không có cái gì, làm sao nhiễm tràn ai được? Có người nói bản thân tôi cũng đã bị cuốn vào vực xoáy tác phong bất chính, sợ rằng anh ta hoa mắt thôi, bị cuốn vào đó là một cái "bản thân" khác, không liên quan gì với bản thân. Nếu không, làm sao tôi có thể thần thái như thường? Làm sao tôi có thể trước mặt mọi người khảng khái hiên ngang chửi mắng đánh đập?

- Những năm tháng này, "trên có chính sách, dưới có đối sách", người ở giang hồ, thân đâu cửa mình, những cái "đốt lửa bời tro" còn ít à? Một mình tôi không xoay chuyển nổi càn khôn "có không thể có, thời không trở lại", thỉnh thoảng có một số khuyết điểm không kiểm điểm cũng chẳng ghê gớm gì, nhiều lắm là rơi vào tính cảnh giác chống hù bại không cao, có là cái gì ? Ông đây so với mày còn sạch sẽ hơn nhiều ?

- Cần biết rằng bằng khen, giấy khen các loại của tôi chất thành đống, hồ sơ lý lịch sạch sẽ, trong sạch. Chính sách cán bộ của đảng xưa nay đều chủ trương phải xét cả hai mặt, tôi mới có lần này, lần sau không kể, nói chung không thể một gãy đánh

chết được!

- Người ta không phải là cây cỏ, làm sao thoát hết bụi trân? Tôi cũng là người, có máu có thịt, thường đứng ở bên sông làm sao không thể ướt giầy, hà tất phải ầm ī lên thế!

- Chẳng qua vì đơn vị, vì quần chúng, tôi kiém tìm một chút phúc lợi, người ta không làm, tôi cũng không hèn, cá nhân có mất gì đâu, có cái gì mất mặt với người, anh mà có tài thì anh cũng "kiếm", đừng vì không ăn được nho mà nói nho chua.

... AQ năm đó tự mình giải thoát, thể hiện ở chỗ tự khinh mình, tự coi rẻ mình, kết quả chỉ có cá nhân bị đánh, bị nhục, nên coi là việc nhỏ. Còn người hôm nay tự mình thoát khỏi thì thể hiện ở chỗ mất tư cách, lộng quyền, phạm pháp, kết quả là hại đảng, hại nước, hại dân! Nhưng chỉ có than thở, không có biện pháp, dành giống như AQ trốn mắt mà nhìn. Thật không ngờ, kết quả là ngay bài viết vụng về này cũng có âm hồn AQ trong đó, ô hô?"

Bài viết này than thở âm hồn AQ không tan. Chỗ thông minh của AQ đương đại là: làm những việc kiểu AQ, nhưng đến đâu cũng vì mình tìm cách thoát tội, biện hộ, giải thích, che giấu hành vi xấu xa của mình, hình như là vốn không muốn làm mà do hàng loạt nguyên nhân khách quan mình

mới bát đắc dĩ phải làm. Nói rất đẹp, nhưng ai có thể tin.

AQ năm đó ngu độn quá, làm cái gì hấn cũng không hề che giấu, càng không biết biện hộ cho mình, về điểm này hấn thua xa con cháu, đúng là đến sau ngồi trên, đời sau mạnh hơn đời trước.

Còn con cháu AQ hiện nay, bản lĩnh lớn hơn nhiều, gan cũng to hơn. Dám làm những việc bất chính, dám nịnh trên, dè dưới, đối phó với cấp trên, dám mưu lợi riêng, dám hại dân... Sau đó tìm ra các loại lý do để có thể thoát khỏi, tự tha thứ mình... Những cái đó so với AQ năm ấy còn AQ hơn và đó cũng là điều mà tác giả cảm khái: bọn chúng thể hiện rất mất tư cách, lộng quyền, phạm pháp mà kết quả là hại đảng, hại nước, hại dân, không thể xem thường!

2. "CHÚNG TAO TRƯỚC ĐÂY GIÀU CÓ HƠN MÀY NHIỀU, MÀY LÀ CÁI THÁ GIÌ?"

Phép thắng lợi tinh thần là khuyết điểm chủ yếu về tư tưởng của AQ, cũng là đặc điểm tính cách AQ được thể hiện rõ nhất. Điểm này cũng có ảnh hưởng lớn nhất đến lớp con cháu đời sau. Cái gọi là phép thắng lợi tinh thần là chỉ, đứng trước thất bại, áp bức và lăng nhục mà cứ nhắm mắt lại không nhìn thẳng vào thực tế, không thừa nhận

thất bại của mình. Đường như đã chuyển bại thành thắng, mà trên thực tế là thắng giả bại thật. Đây là cách tự làm tê liệt, tự lừa mình dối người. Dù cho giả tưởng này thỏa ý người ta đến đâu, say mê trên mây trên gió, về thực tế đều không bổ ích gì.

Cụ cố họ Triệu quả là quá khinh người, bởi vì AQ thân phận đê hèn thì đến họ Triệu cũng không được mang. Rồi sau này, cuối cùng AQ đã "thắng lợi". "Chúng tao trước kia giàu có hơn mày nhiều, mày là cái thá gì!" - AQ trừng mắt nói. Nói xong, AQ tràn đầy thỏa mãn vì đã thắng lợi về tinh thần. Tuy nhiên, tổ tiên AQ trước đây lại không giàu có, mà nếu trước đây giàu có thật thì bây giờ đã phá sản rồi, nói lại vinh quang của quá khứ nào có tác dụng gì!

Thắng lợi tinh thần của AQ làm người ta buồn cười nhất là ở sự kiện sau. AQ đánh bạc với người khác, hắn thắng to, thắng rất to, trước mặt là một đống tiền xu, hắn rất vui. Nhưng trong một cuộc đánh nhau loạn xạ, đồng tiền của hắn không còn nữa. Thật là làm hắn cực giận, làm thế nào bây giờ? Phải chuyển bại thành thắng! Thế là hắn đang cánh tay phải ra, ráng hết sức và vào mặt mình luôn hai cái, có một chút đau rát. Nhưng đánh xong trong lòng đã bình tĩnh lại được rồi hả hê tựa như người đánh là mình còn người bị đánh là một mình nào khác. một lúc sau đường như là

mình vừa đánh một đứa nào ấy mặc dù vẫn còn chút đau rát, hắn vẫn hả dạ đặc thăng nằm xuống. Hắn ngủ.

Miêu tả chỗ này, cố nhiên có chút khoa trương nghệ thuật, nhưng theo tính cách của AQ có thể có khả năng đó. Hắn có tính hay quên quá mức bình thường và cũng rất biết tự làm mình tê liệt, cuối cùng có thể dựa vào tưởng tượng thay cho sự thực, phảng phất như đánh bọn cướp tiền được bạc của hắn, rốt cuộc hắn vẫn thắng lợi về tinh thần. Nói chung vẫn có cách thắng lợi, nói chung vẫn có thể đứng ở vị thế không bại, nếu không thể, hắn không phải là AQ nữa.

Từ ví dụ điển hình này có thể thấy AQ là kẻ lừa minh dối người, hoang đường, đáng cười biết chừng nào. Nhưng trong cuộc sống của người Trung Quốc, dù đúng là đã xảy ra những chuyện giống như vậy, vẫn không mất đi sự không chân thực. Phép thăng lợi tinh thần ở đây còn có chỗ dựa là cuộc sống thật, vì thế có sự chân thực nghệ thuật cao, đủ để người ta tin phục.

Phép thăng lợi tinh thần của con cháu AQ, không những tồn tại y nguyên mà còn đâu đâu cũng thấy, tuy cách thể hiện có khác, chúng tôi xin đưa ra một số ví dụ có thực cuộc sống dưới đây:

Gần nửa thế kỷ qua, do nhiều nguyên nhân phức tạp khó nói rõ, Trung Quốc đã tương đối tụt

hậu, đến nay vẫn là nước đang phát triển. Nhưng không ít người Trung Quốc, trước vấn đề này không chịu cam tâm nhận thua, mà đã viện ra hàng loạt lý do để thuyết minh rằng đất nước mình có tính ưu việt đặc biệt mà các nước khác khó có, nhằm chứng minh sự lạc hậu về kinh tế của nước mình là có nguyên nhân khách quan, là có thể lý giải và lượng thứ được, vì thế mà bình tĩnh trở lại, về tinh thần đã thắng lợi.

Trung Quốc dựng nước năm 1949, Nhật Bản và Tây Đức với thân phận nước bại trận trong thời kỳ đại chiến thế giới lần thứ hai, năm 1945 cũng khôi phục và phát triển kinh tế của mình, như vậy xem ra Trung Quốc và Nhật Bản, Tây Đức đều cùng cất bước ở những năm 40. Trải qua hơn nửa thế kỷ, đến nay Nhật Bản và Tây Đức đều đã trở thành nước kinh tế lớn hàng đầu thế giới, đem so sánh với họ, Trung Quốc đã lạc hậu, có khoảng cách rất lớn, đó là sự thực.

Nhưng người Trung Quốc luôn luôn tự phụ, không chịu nhận thua. Đã không dám so sánh trực tiếp giữa tiên tiến và lạc hậu, mà hơn nữa còn trốn tránh, tìm con đường khác chứng minh mình vô cùng tiên tiến. Một trong những cách làm là, trong cùng một thời kỳ chỉ so sánh theo chiều dọc, tức tự mình so sánh với mình. Như thời kỳ đầu xây dựng nước, kinh tế Trung Quốc lạc hậu như thế nào; trải qua mấy chục năm khổ phẫn đấu ngày nay đã

như thế nào, đã tăng trưởng bao nhiêu, nâng cao bao nhiêu v.v... Điều đó đương nhiên là sự thật. Nhưng tại sao lại không so sánh theo chiều ngang? Trong cùng một thời kỳ, nước ta so với Nhật bản và Tây Đức thì thế nào, thế nào ? Bởi vì chỉ có so sánh theo chiều ngang mới thấy rõ tốc độ phát triển kinh tế của mình là chậm chạp. So sánh theo chiều ngang như vậy có nghĩa là mình lạc hậu, còn chỉ so sánh với chính mình thì mãi mãi là tiến bộ, là tiên tiến, là ưu việt. Đây cũng là một phép thắng lợi tinh thần tài tình.

Tính cách của người Trung Quốc xưa nay là **ca công tụng đức, huênh hoang, tự tôn quá đáng, tướng không ai bằng mình**. Có chút thành tích thì tự tâng bốc, muốn ai cũng biết; khi thất bại thì tìm cách tránh, và bưng bít.

Đối mặt với sự lạc hậu ngày nay, người Trung Quốc lại thích nói về vinh quang trong quá khứ. Như thế cũng giống như AQ đã nói: "Chúng ta trước kia giàu có hơn mày nhiều, mày là cái thá gì?" Chúng ta có bốn phát minh lớn (giấy, phép in ấn, kim chỉ nam, thuốc súng), rồi sau đó truyền đi khắp thế giới. Đó là bốn phát minh lớn mà người Trung Quốc đã cống hiến cho nhân loại, rồi đời Đường thịnh ư, đời Hán hưng phát ư, đất nước rộng lớn, tài nguyên phong phú ư... chứ không so sánh với những nền khoa học của những nước phát triển trên thế giới ngày nay. Đó là bán tư cách cũ.

hảo hán phải nói tới dũng khí năm nào, bất kể hôm nay anh mạnh hơn chúng tôi bao nhiêu, anh vẫn phải thừa nhận quá khứ của anh kém chúng tôi. Điều này đương nhiên cũng là một thắng lợi tinh thần có thể mang ra tán gẫu để tự an ủi.

Nhà Thanh về cuối trào do khiếp nhược trước sức mạnh phương Tây liền nảy sinh tư tưởng dối mình, lừa người, tự giễu cợt: cái bọn quý Tây dám ức hiếp thiên tử ta, rồi sẽ có ngày trời đất không dung. Sau khi chửi thầm, tâm tình thấy khoan khoái dễ chịu đi nhiều. Thắng lợi tinh thần nhưng rốt cuộc là không tưởng, là vô bổ.

Trăm họ bình dân Trung Quốc sống trong nền kinh tế tiểu nông đầy rẫy khó khăn, không ai giúp đỡ, bị bế tắc, dễ nảy sinh phép thắng lợi tinh thần, tự làm mình tê liệt, tự lừa mình, dối người. Tương lai hay kiếp sau mới là hy vọng đây ?

Nếu như họ dễ dàng thoả mãn, gặp việc không hướng lên trên để so mà lại hướng xuống dưới, không so với người mạnh hơn mình mà lại so với người kém hơn mình - cái đó gọi là: "Trông lên thì không bằng ai - trông xuống thì chẳng thấy ai bằng mình!" Đó chính là tâm lý "biết đủ thường vui", tự giải thoát, trên thực tế cũng là phép thắng lợi tinh thần. lấy lùi để tiến lên. Người mà như vậy thì còn đâu chí tiến thủ!

Giống như AQ đấm chìm trong cuộc sống đần

độn, chỉ cần có bát cơm ăn là được, chỉ cần không thiếu một cái quần mặc là được, không có phòng ở thì gửi thân ngay tại đền Thổ Cốc là được. Từ sáng đến tối hắn đều đánh đánh trân, gày trợ xương với dáng bộ lười, biếng uể oải đi làm thuê làm mướn cho người; bán thân hắn không có yêu cầu gì nhiều hơn, tự nhiên ít phải phiền muộn. Trong cuộc sống, thời gian hắn chịu thiệt thòi nhiều hơn, thời gian hắn bị ức hiếp và gièu cợt cũng nhiều hơn, nhưng hắn không thích bàn đến những cái đó, càng không muốn nghĩ nhiều về những chuyện đó.

Triết lý "biết đủ thường vui" của người Trung Quốc thực ra đã đạt đến mức kinh người. Người nước ngoài không thể hiểu được điều này. Tại một số làng quê hẻo lánh lạc, có tình trạng thiếu cơm ăn áo mặc đến mức làm người ta kinh ngạc, nhưng đương sự lại cho là việc thường tình, không hề cảm thấy khổ sở, ví như ngâm hoàng liên trong miệng, cũng chỉ âm thầm chịu đựng không hề kêu đắng. Gặp năm mất mùa, không có cơm ăn áo mặc, chạy dối khắp nơi, anh cũng chẳng thoát nổi? Dù như vậy, họ vẫn cho rằng như thế còn tốt hơn kẻ ăn mày lâu năm một chút đấy. Chỉ cần chịu được năm này, năm sau sẽ tốt. Tóm lại là còn có hi vọng. Cuộc sống trốn chạy mất mùa chỉ là tạm thời, thế là thắng lợi về tâm lý rồi. Nếu như còn thu hoạch được vài phần, đến mức đủ để cả nhà rau cháo là toại nguyện rồi, bởi vì được như vậy, so với năm mất mùa không gặt hái được hột nào thì vẫn tốt

hơn nhiều. Nghĩ như thế là lại thắng lợi về tinh thần. Con đường của tư tưởng thoái mái lưu rong vô cùng, nói chung vẫn còn đường lùi, như thế nói chung có thể đạt được thắng lợi về tinh thần.

Người nước ngoài tới Trung Quốc du lịch, thấy những người kéo xe tay ở Bắc Kinh trong những năm 20, đều cảm thấy làm cái công việc dùng sức trâu ngựa này thật khốn khổ, thế nhưng khi thấy người vát và kéo xe vẫn trò chuyện vui vẻ như thường thì họ khó tránh khỏi kinh ngạc! Ngày nay đi du lịch Tứ Xuyên vẫn có thể thấy những "cu li" thở hổn ha hổn hển, lưng đẫm mồ hôi, dùng kiệu khiêng khách lên đỉnh núi; nhìn những "phu" kéo thuyền trên sông Trường Giang và chi lưu của nó, bạn sẽ quan sát được những khổ cực của họ. Mà số tiền kiếm được mỗi ngày chỉ đủ cho họ ăn bữa cơm đậm bạc. Thế mà khi hỏi cả người khiêng kiệu và người kéo thuyền, họ đều nói rằng đã quen rồi, không cho đó là khổ, nói chung là tốt hơn so với không có cơm ăn. Rõ ràng đây là một phép thắng lợi về tinh thần và cũng là một cách "biết đủ thường vui" vậy.

Người Trung Quốc rất có tinh thần nhẫn nại "không nhịn việc nhỏ sẽ hỏng việc lớn". Đây thật sự không phải là một đức tính tốt mà là hành vi nhát

gan, sợ sệt. Nhẫn nại phải có nguyên tắc, có giới hạn. Người ta cưỡi lên đầu rồi té ra, cũng cam

chịu ư? Nhẫn nại không phải là một đức tính đẹp mà là một thói quen xấu.

Thái độ nhẫn nại được dùng thường do địa vị, thân phận mỗi người quyết định. Giống như AQ ở làng Mùi, có thân phận tì tiện, là một người mà ai cũng có thể ức hiếp, trước sau hắn diêu ở vào địa vị bị làm nhục, bị tổn hại. Khi AQ chịu lăng nhục, khi cảm thấy không có sức mạnh phản kháng, hắn đành phải chịu đựng, nhưng trong lòng không thuận. Hắn lựa chọn hai cách chống trả. Một là "chính sách trợn mắt". Hắn dám phản nộ mà không dám nói, càng không dám đánh trả. Hai là "mày còn không xứng..." Nếu có người giễu cợt cái sẹo trên đầu hắn: Ô, nó sáng lên kia ! Trước tiên, AQ trợn mắt, sau đó nghĩ ra câu trả thù: "Mày còn không xứng...". Nói xong cảm thấy cái sẹo trên đầu là một cái sẹo vinh dự, cao thượng, chứ không phải là một cái sẹo tầm thường!

3. MỘT NAM MỘT NỮ NÓI CHUYỆN Ở CHỖ ẤY, KHẲNG ĐỊNH LÀ CÓ TRÒ RỒI!

Có ai nghĩ rằng một người như AQ mà lại có quan niệm nam nữ lỗi thời như vậy. Một mặt hắn rất muốn đàn bà, muốn ngủ với đàn bà, mặt khoe lại cho rằng đàn bà là thứ hại người.

Tiên sinh Lỗ Tán viết: Có tới hơn một nửa

dàn ông Trung Quốc có thể làm thánh hiền, đáng tiếc đều bị dàn bà hủy diệt. Nhà Thương bị Đát Ký làm mất, nhà Chu bị Bao Tự làm hỏng, nhà Tần bị... , tuy sử sách không viết rõ, nhưng nếu chúng ta già định họ cũng vì dàn bà mà... thì chia chắc đã sai hoàn toàn. Còn Đồng Trác thì chắc chắn là bị Diêu Thuyền hại chết.

AQ vốn là người lương thiện, mặc dù chúng ta không biết hắn đã thụ giáo vị thày sáng suốt nào, nhưng xưa nay hắn vô cùng nghiêm khoe đói với quan niệm "cấm ky lớn giữa nam và nữ" và rất có chính khí bài xích dị đoan - như loại ni cô nhỏ và thằng quỉ giả râu. Học thuyết của hắn là: phàm đã là ni cô nhất định phải tu thông với hòa thượng; một người dàn bà đi ở bên ngoài, nhất định muốn dụ dỗ người dàn ông buông thả; một nam một nữ nói chuyện ở chỗ ấy, nhất định là có trò. Để đạt được mục đích trừng trị bọn họ, hắn thường trộn mắt nhìn, hoặc lớn tiếng nói mấy câu "vạch trần", hoặc là ở nơi vắng vẻ, tiện tay từ phía sau ném một hòn đá.

Ai ngờ đến tuổi "nhi lập" hắn đã bị ni cô nhỏ làm cho lâng lâng phơi phới. Về lê giáo tinh thần lâng lâng phơi phới này là không nên có - vì thế dàn bà quả là ác thật, giả sử mặt ni cô không trắng mịn, AQ chắc đã không bị đầu độc, hoặc nếu ni cô che một miếng vải lên mặt, chắc AQ cũng không đến nỗi bị đầu độc năm, sáu năm trước, trong đám

đóng đứng dưới sân khấu hắn đã véo đùi một người đàn bà, nhưng vì cách một lớp quần nên sau đó không thấy lâng lâng phơi phới, nhưng ni cô này lại không như vậy, điều này cho thấy dị đoan quả là tàn ác.

Hắn thường để ý nhìn những người đàn bà được cho là nhất định muốn dụ dỗ đàn ông, dù cô ta không cưới với hắn. Hắn thường để ý lắng nghe người đàn bà nói chuyện với hắn dù là người đàn bà đó không nói câu cám dỗ nào. Ôi, đó cũng là một trong những nét độc ác của đàn bà, bọn họ đều làm ra vẻ "giả đúng đắn".

Quan niệm nam nữ của AQ, ngoài mặt dường như đúng đắn, nhưng sự thực hé thấy đàn bà là lâng lâng phơi phới, muốn đàn bà tưởng chết nhưng lại làm ra vẻ đứng đắn, dù địa vị của AQ có thấp hèn đến đâu, về mặt bản năng bản tính của con người vẫn giống như những nhân vật tôn quý. Đó cũng là điều thánh hiền đời xưa đã nói: "Ăn và sắc đẹp, đều là ham muốn lớn của người ta". Có lòng ham muốn lớn đó là bình thường, không có lòng ham muốn lớn đó là không bình thường. "Đạo nam nữ" là việc đứng đắn trong cuộc sống của nhân loại, chứ không phải là việc làm mất mặt người ta.

Chủ nghĩa phong kiến đã dùng các biện pháp khép kín, thậm chí cấm cố đối với nam nữ, để xuống nam nữ thụ thụ bất thân. "Thụ thụ" là chỉ

giao tiếp, là một bên trao cho, một bên tiếp thụ, ý tứ là dưới sự trói buộc qui định của lễ giáo phong kiến, giữa nam nữ với nhau không được tùy tiện tiếp cận và qua lại, thậm chí không thể tùy tiện nói chuyện, ngay nhhin đổi phương một cái cũng không được. "Lễ ký" nói: "Trai gái không ngồi lân nhau, không treo cùng giá áo, không dùng khăn chung, không được gần gũi", có ý là để ngăn ngừa dâm loạn, nam nữ không được cùng ngồi, quần áo của trai gái không được cùng treo một giá áo, không được dùng chung dụng cụ sinh hoạt thường ngày, không được tiếp cận với nhau, nếu không thế, sẽ bị coi là tổn thương phong hóa, không giữ lễ giáo.

"Đê phòng lớn giữa nam và nữ" mà AQ nói cũng có cùng ý nghĩa trên, "phòng" là phòng thủ, phòng ngự vậy, như đê lớn của dòng sông, chỉ cho thấy giữa nam nữ phải có giới tuyến nghiêm ngặt, không được tùy ý vượt qua. Nhưng trên thực tế, lại là việc khó hoàn toàn làm được, bởi vì nó trái với yêu cầu về tình dục bình thường của con người, dù có cưỡng bức, kiềm chế nhưng vật cực tất phản, lửa đồng cháy không tắt, gió xuân thổi là lại bừng sáng.

AQ một chữ không biết, không biết sách là cái gì thế mà lại hiểu rõ việc cấm kỵ giữa nam và nữ. Hắn hiểu lễ giáo và nghiêm túc tuân thủ, luôn luôn nghiêm khắc đối với việc "đê phòng lớn giữa

nam và nữ", đầu óc hắn đã nặng cẩn ý thức phong kiến, hơn nữa hắn còn cố chấp cho rằng: phàm đã là ni cô nhất định phải tư thông với hòa thượng, một người đàn bà đi ở bên ngoài, nhất định muôn dụ dỗ người đàn ông buông thả, một nam một nữ nói chuyện ở chỗ ấy, nhất định là có trò. Xét từ ba điểm đó, có nghĩa là nói, một khi nam nữ tiếp cận sẽ tất nhiên phải làm "việc đó", không thể có ngoại lệ, rõ ràng là AQ quá vỗ đoán.

Đất nước Trung Quốc rất rộng, giữa các thành phố lớn và thành phố vừa và nhỏ, giữa các thành phố vừa và nhỏ với nông thôn rộng lớn vẫn còn tồn tại một số chênh lệch, tàn dư phong kiến hoặc nhiều hoặc ít hoặc sâu hoặc nông vẫn đang ảnh hưởng tới mọi người. Có một số vùng xa xôi lạc hậu, việc cấm ky giữa nam nữ vẫn tồn tại như cũ, nam và nữ chưa được tự do qua lại. Đặc biệt, các bạn gái còn phải chịu rất nhiều ràng buộc. Điều đó chứng tỏ lý luận "để phòng lớn giữa nam và nữ" của AQ đến hôm nay vẫn còn sức sống.

4. HÓI ĐẦU SỢ NGƯỜI CHỦI HÒA THƯỢNG.

"Kiêng ky" là hiện tượng văn hóa phổ biến vốn có của nhân loại mà nghĩa cơ bản của nó biểu thị ý "thần kinh" và "không thể tiếp xúc". Theo cách nói thông tục dân gian thì cấm ky là "kiêng

dè". "Quảng Văn" viết: Ký là húy vậy." Lẽ ký, khúc lẽ" viết: vào biên giới thì hỏi điều cấm, vào đến kinh đô thì hỏi phong tục, vào cửa thì hỏi điều kiêng". Từ đó có thể thấy, từ xưa đến nay "kiêng" đã có cội rễ từ dân gian.

Do phong tục, tập quán hoặc lý do cá nhân mà hàm nghĩa thông thường của kiêng kỵ là kiêng dè một số ngôn ngữ hoặc cử động nào đó, lâu dài trở thành cấm kỵ.

Kiêng kỵ của AQ thuộc về mặt thiếu sót sinh lý; chế giễu châm chọc người có thiếu sót về sinh lý là một hành vi không văn minh, không đạo đức. Không nên gọi bọn họ là thằng mù, thằng què, thằng rồ, thằng điếc v.v.. loại kiêng kỵ này là cần thiết, thể hiện sự tôn trọng con người. Những người bị khuyết tật về cơ thể thường mang sẵn tư tưởng mặc cảm, tự ti, bối rối, sự căm thông, nồng dở của cộng đồng là liều thuốc tinh thần vô giá đối với họ.

Bây giờ hãy xem xét các kiêng kỵ của AQ.

Tiên sinh Lỗ Tấn đã viết về việc này như sau: Trước kia AQ giàu có, kiến thức cao, lại làm việc giỏi, dường như là một "người toàn vẹn". Nhưng đáng tiếc có thể, hắn còn có một số khuyết điểm. Cái làm người ta buồn bực nhất là trên da đầu hắn có một vài chỗ không biết bị chốc đầu từ lúc nào. AQ cho đó là điều không quí, đã kiêng nói từ "chốc" và mọi từ có âm gần như chốc, sau đó mở rộng ra, ngay từ "hói" cũng kiêng, từ "sáng" cũng kiêng, rồi từ "đèn", từ "nến" đều kiêng cả. (Đây là những từ đồng âm trong tiếng Hán, bắt đầu là

những từ đọc gần như bệnh chốc đâu, sau phát triển thành một số từ khác, khó dịch được chính xác - BT).

Chỉ cần phạm húy, bất kể là cố tình hay vô tình, AQ đều giận dữ đến mức các vết seо đều đỏ lèr, sau khi đánh giá đối thủ, nếu là vụng ăn nói thì hắn chửi, nếu sức lực yếu thì hắn đánh. Tuy vậy chẳng biết vì sao, nói chung AQ bị thua thiệt nhiều. Vì vậy hắn đã dần dần thay đổi phương châm, đổi thành trọng mắt nhìn giận dữ. Cách ứng xử này ta thường gặp ở những người bị dồn vào bước đường cùng. Đôi khi đó cũng là một cách tự vệ bất đắc dĩ.

Ở đây không nhắc lại phép thắng lợi tinh thần của AQ, chỉ nói về việc kiêng kỵ "bệnh chốc đâu". AQ tự cho rằng, bệnh chốc đâu này không dễ coi, nên không muốn người ta nói tới cũng là điều có thể hiểu được.

Nhưng AQ đã "bảo vệ thiếu sót" hơi quá mức, tức là khi người ta không trực tiếp đề cập tới bệnh chốc đâu, mà chỉ có chút nghi ngờ là nói hắn "trọc" hoặc "sáng", thậm chí ít nhiều nói vòng vo là "đèn", là "nến" hắn đều không nghe, không cần hỏi người ta cố tình hay vô tình là nỗi cơn giận dữ làm cho tất cả seо đều đỏ lên, thế rồi hoặc là chửi, hoặc là đánh có phần hơi quá đáng, thực là một loại thần kinh quá nhạy cảm tự gây rối mình, đúng là cái gọi là "thiên hạ vốn vô sự", kẻ tầm thường tự chuốc lấy phiền toái".

Qua phân tích tâm lý cho thấy: coi trọng

kiêng ky là loại ý thức tự bảo vệ, với tư cách là một loại hình thái quan niệm, có một quá trình kinh nghiệm hình thành, nó dùng phương thức ngăn chặn hoặc ức chế để lẩn tránh mâu thuẫn và đấu tranh, để hướng về cái lợi, tránh cái hại cho mình. Nếu người ta ai cũng đều suy nghĩ đến vấn đề kiêng ky, và lấy việc không làm tổn thương về mặt tinh thần đôi với người khác làm nguyên tắc, thì, khi biết điều hòa và xử lý tốt các loại quan hệ giữa người với người, sẽ đưa lại những tác dụng tích cực, chí ít cũng có lợi cho sự đoàn kết và sự ổn định của xã hội. Nói chung, vấn đề kiêng ky nên thuyết phục chứ không nên khuất phục bằng sức mạnh.

Người Trung Quốc thích người ta thoa phấn thơm lên mặt mình chứ không thích người ta bôi đen lên mặt mình.

Trâm họ bình dân cũng thế, cũng thích được khen, dù chỉ là bằng mấy câu thơ sáo rỗng, thế nhưng vừa nói đến khuyết điểm, sai lầm của mình là mặt đã đỏ tía tai, nếu bị vạch trần là thiếu đạo đức thì nổi trận lôi đình, nghiến răng, nghiến lợi. Đối với người làm quan, nếu ai đó chạm vào điều kiêng ky của họ, tất sẽ bị rơi vào kết cục đáng thương. Với họ, quyết không thể có chuyện bôi đen. Phạm vào điều kiêng ky đó là có tội, tội này không do pháp luật quy định mà do quyền uy đặt ra.

Người Trung Quốc có nhiều loại cấm ky,

không chỉ về mặt chính trị mà còn thể hiện ở những việc nhỏ mọn trong đời sống. Lấy chuyện nam nữ lấy nhau làm ví dụ, thấy vẫn tồn tại kiêng kỵ "hôn nhân đẳng cấp".

Không ít dân tộc ở Trung quốc đều thực hiện chế độ hôn nhân đẳng cấp nghiêm khắc. Quan niệm môn đệ trong dân gian Hán tộc rất nghiêm trọng, có "môn đăng hộ đối" mới có thể kết hôn.

Nói chung, địa vị của chú rể cao hơn địa vị của cô dâu thì cuộc hôn nhân đó được mọi người ngầm đồng ý cho là được. Nếu địa vị của cô dâu cao hơn địa vị của chú rể thì dễ bị người ta ngờ vực và bàn tán. Vào thời kỳ thịnh hành hôn nhân làm thay ở xã hội phong kiến đã coi trọng môn đăng hộ đối. Không coi trọng môn đăng hộ đối là một điều kiêng kỵ, nhất là bên có địa vị cao thường kiêng kỵ tìm bên có địa vị thấp hơn làm bạn đời, và bên địa vị thấp xuất phát từ những suy nghĩ về các mặt thiên kiến của thói đời, sức ép của dư luận và quan hệ thông gia sau khi kết hôn cũng thường kiêng kỵ việc "với cửa cao". Một là sợ việc không thành sẽ bị người đời cười chê, hai là lo ngại sau khi thành thân rồi, phía mình sẽ bị đối phương kỳ thị và ngược đãi.

Trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, hôn nhân có những năm tháng lấy đấu tranh giai cấp làm then chốt, thành phần giai cấp được coi trọng hơn tất cả, nên mới có cái gọi là "lấy được nhau hay

không là do thành phần giai cấp", kiêng ky những cuộc hôn nhân giữa giai cấp đối địch. Ví dụ, một đảng viên cộng sản mà kết hôn với phản tử địa chủ, phú nông, phản động, phái hữu, sẽ bị coi là mất lập trường cách mạng, sẽ bị tước đảng tịch, hai người có thực sự yêu nhau hay không, điều đó không quan trọng, điều kiện chính trị mới là trên hết.

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, do sức ép lớn của làn sóng kinh tế, người ta càng ngày càng coi trọng đồng tiền, thế là hôn nhân lại có điều kiêng ky không có tiền, khi lựa chọn bạn đời thường coi trọng điều kiện kinh tế của đối phương mà hạ các điều kiện nhân phẩm, tài học, tướng mạo, tuổi tác v.v... xuống thứ yếu thậm chí không để ý tới các điều kiện đó nữa, có tiền là có tất cả, vì cái đó mà không tiếc mọi hy sinh, tình yêu biến thành nô lệ của đồng tiền thực đáng buồn biết bao!

Người Trung quốc có rất nhiều kiêng ky, thể hiện ở các mặt như hình dáng người, chuyện buồng the, trang sức, ăn uống, cưới xin, tang lễ... cho đến kiêng ky về tôn giáo, kiêng ky về quỷ thần... Kiêng ky nhiều là tiêu cực có hại, là sự trói buộc hạn chế vô hình và hữu hình đối với con người, là xiềng gông về tinh thần và tâm lý. Rất mong mọi người từng bước giải phóng mình ra khỏi nhận thức quan niệm, hành vi cũ chỉ, thực hiện được "không còn cấm ky" gì nữa, để tiến vào vương quốc tự do, trờ

thành một người tự do tự trị.

5. KHÂM PHỤC CĂM GHÉT VÌ KHÔNG CÓ NHIỀU RẬN NHƯ VƯƠNG HỒ.

"Bệnh đỏ mắt" của AQ - không chỉ nói về mặt sinh lý mà chỉ mất tâm lý, tức cái thông tục gọi là "đỏ mắt" hoặc "nóng mắt", "thèm mắt", để chỉ việc vô cùng khâm phục nhưng lại ghen ghét khi nhìn thấy người khác có danh có lợi hoặc được cái gì tốt đẹp, rồi từ đó rất muốn được như vậy, thậm chí muốn chiếm làm của mình hoặc cướp trắng trợn.

"Bệnh đỏ mắt" là bệnh thường gặp cửa không ít người Trung Quốc, nội dung là về các mặt khâm phục ghen ghét người khác làm quan to, có rất nhiều tiền, học vấn đại học, tướng mạo đẹp, vợ người ta quá đẹp, nhà người ta quá sang...

AQ của làng Mùi chỉ là một nhân vật nhỏ, hình như hắn không có chí lớn, chẳng hề nghĩ tới việc làm quan to, phát tài, nhưng hắn vẫn có "bệnh đỏ mắt" mà lại có phong cách riêng, "bệnh đỏ mắt" của hắn, nói ra khiến bạn có thể bật cười. Trước việc trên người Vương hồ rận nhiều mà lại to, mỗi khi cắn kêu lép bék, AQ đã sinh ra "bệnh đỏ mắt". từ khâm phục đến căm ghét.

Mỗi khi AQ nhìn thấy Vương Hồ cởi trần ngồi bất rận, hắn chợt cảm thấy người mình ngứa ran.

Hắn cũng cởi chiếc áo đụp ra, lật đi lật lại, chả biết là vì mới giặt hay là vì vụng về mà tốn bao nhiêu công phu cũng chỉ bắt được ba, bốn, con. Còn Vương Hồ thì sao ? Hắn bắt hết con này đến con khác đưa lên mồm cắn lép bếp. Lúc đầu AQ thất vong, sau đó bất bình, hắn thấy nghịch mắt trước việc Vương Hồ bắt được nhiều như vậy, còn mình thì bắt được ít, rõ ràng là quá mất thể diện ! Hắn rất muốn bắt được hai con thật lớn, nhưng vẫn hoàn toàn bắt lực. Phải khó khăn lắm hắn mới bắt được một con vừa vừa, thế là hắn vội vàng đưa lên miệng, ra sức cắn, nhưng tiếng cắn bật lên vẫn không kêu, không vang bằng tiếng cắn của Vương Hồ; hắn tức giận đến mức các sẹo chốc đầu phút chốc đều đỏ rực cả lên..

Tiên sinh Tăng Tiên Nguyên trọng bài: "Bàn về bệnh đỏ mắt" của AQ đã nói: "bệnh đỏ mắt" của AQ không phải vì hiền tài, không phải vì danh lợi mà là vì mấy con rận làm hỏng đại nhã, làm mất sức khỏe, để rồi đấu võ một trận, thật ngu ngốc vô cùng! Bài báo viết tiếp: "Xôn xao thế sự vô cùng tận", điều đó vốn có thể làm cho người ta nghi hoặc "bệnh mắt đỏ" hoàn toàn là bằng phát minh sáng chế' của AQ, thực ra là sai lầm lớn rồi ! Tin báo cho biết: Công bộ X. tuy chức quan không cao, thực quyền rất sống động, chí trong vòng nửa năm đã hoàn thành một loạt động tác rất khó - giờ trò lừa gạt chuyển hộ khẩu nông nghiệp của bà vợ thành hộ khẩu phi nông nghiệp. sửa hồ sơ đưa cậu em

nửa mù chữ thành cán bộ nhà nước, đào tường khoét ngạch đưa con trai đang giam tại ngục trốn thoát pháp luật... vi phạm pháp luật và kỷ luật thuộc loại "cao thủ" như vậy mà sau khi bị vạch trần chỉ chịu có xử lý "cảnh cáo"?

Tin tức truyền đi, ai cũng khâm phục. Người ta nối gót nhau đến để xin "xử lý" như vậy. "Kẻ trí vui chốn sông nước, người nhân vui chốn núi non", vui đều có nguyên nhân, người đương thời khâm phục "xử lý", nhưng đối với "xử lý" cũng mắc bệnh đỏ mắt, sau khi cân nhắc được mất, cảm thấy duyên cớ được "nhiều hơn mất" thì coi là một tin giật gân. Chủ ý của xử lý là làm cho người vi phạm kỷ luật pháp luật đau khổ, để từ đó biết tự nhắc nhở, tự răn mình, thấy điều phạm pháp là phải tránh. Thế nhưng xử lý quá nhẹ, kẻ phạm pháp lại được lợi riêng nhiều...

Đỏ mắt "vi phạm kỷ luật" chẳng phải là hoạt kê hoang đường ư ?

Ngày nay, xã hội Trung Quốc càng có nhiều con cháu AQ, nhưng đó là một thế hệ đầy thông minh, sáng tạo, quyết không phải là những kẻ ngu ngốc như tiền bối AQ đỏ mắt vì Vương Hồ nhiều rận. Nếu có đỏ mắt là vì mắc bệnh đỏ mắt thật - một căn bệnh phổ biến và không cần đến thuốc đặc trị. Xin phép không kể lể dông dài.

6. CON CHÁU VƯỢT TỔ TIỀN, NGƯỜI ĐI SAU VƯỢT NGƯỜI ĐI TRƯỚC

Theo đà phát triển của xã hội, AQ cũng có những tiến bộ nhiều, chẳng còn là AQ năm xưa nữa mà địa vị, thăng cấp, đã thay đổi, bản lĩnh cũng lớn hơn, ăn nói cung tài, hành động cơ trí, chỉ có cảm giác gây cho người ta là không tốt, nói thẳng ra là: AQ càng ngày càng giáo hoạt.

Cảm giác "giáo hoạt" này đến từ những AQ đủ hình dù vẻ trong đời sống xã hội, khiến ngày nay không thể xem thường AQ.

Tiên sinh Tào Tiên Nguyên đã viết: AQ may mà gặp nạn lớn không chết, khi vận tới phúc lại không đến một lần. Tiếp đó, do "thế" mà được tuyển vào lãnh môn... cuối cùng, có vàng bạc, được "hậu phúc".

Cố nhân có câu "áo gấm đi đêm", AQ thì thuận thế "lấy gương để răn mình", tự mình làm một so sánh theo hướng dọc khiến tâm huyết trào dâng, lâng lâng phơi phới váy. Nghĩ năm đó, con mẹ nó, ta AQ cõi cút mệt thân, áo rách, mũ nát, từ đường Thổ Cốc... còn bây giờ, cấp trưởng khoa, thắt cravat, đội mũ phớt... đúng rồi, nên trở về làng Mùi ra mắt, tỏ vẻ ta đây để cho cố Triệu, cố Tiền cho đến vú Ngô, Vương Hồ, D nhỏ, rồi cả ni cô già, ni cô trẻ... từng người lau mắt nhìn xem mà sợ hãi. Còn buộc họ hiểu rõ: AQ ta đây muốn gì thì được

này, ta thích ai người đó phải theo, ai không nghe lời sẽ bị đuổi, đuổi đi thật xa, càng xa càng tốt.

Sau khi đã định chú ý, AQ liền vẫy tay gọi hai chiếc tắc xi sang trọng tới, theo thói quen móc điện thoại di động ra gọi một "con gái nuôi" vừa mới nhàn, chuẩn bị lên đường. Không ngờ câu trả lời của cô con gái nuôi đã làm hắn thất vọng lớn. Thì ra trong đơn yêu cầu gia nhập "đảng đầu húng" đã khẳng định rằng hắn trước kia giàu có, rất hay làm, là "người trọn vẹn" nhất trong thiên hạ, thế nhưng khi nhà đương cục đến làng Mùi tìm hiểu "hành trạng" thì người làng Mùi thật lòng mau miệng, đã mang những chuyện xấu như giữa thanh thiên bạch nhật như việc xoa dầu trọc của ni cô nhỏ, veo đùi dàn bà dưới sân khấu, trêu ghẹo vú Ngô trong bếp nhà họ Triệu, ăn cắp củ cải ở am tinh Tu, đánh bạc v.v... Có người còn nói AQ là AQ trời sinh ra đã đóng vai chăn trâu, còn kiếm được cái "thè đảng" đấy? Nghe đến đó AQ đã từ "trọn mắt nhìn" chuyển sang luôn miệng "con mẹ nó", đến "tay ta cầm roi sắt sẽ đánh mà".

Trở về nhà khách, mặc dù có con gái nuôi nhưng AQ vẫn bức bối không vui. Nói con trai làm xấu mặt bố nó, nhưng vẫn bức bối không vui. Hắn nghĩ: đứa nào đã chủ tâm gây khó dễ cho ta đây?

Vương Hồ, D. nhỏ, xem ra chúng nó không dám, hai có Triệu, Tiền từ lâu đã không quản việc gì rồi, vú Ngô, ni cô nhỏ chẳng? Bọn dàn bà chẳng

lẽ không biết ngượng mà lại nói ra ư? Đúng rồi, nhất định là thằng tú tài, nhưng mà nó có là cái thá gì đâu?

Xưa nay AQ không chịu thua, được coi là một "Quác dân thường thắng", thế là hắn chuẩn bị trước một cuộc phán kích rất đặc sắc, lồng lộn điên cuồng, tiến hành xỉ và, chuẩn bị hành động trước để kiềm chế người, tung tin nói sẽ đánh về làng Mùi, lại khoa trương thanh thế sẽ kiện ở thành phố. Hắn trình bày miệng, cô con gái nuôi ghi chép, giận dữ chuẩn bị một đơn kiện mà mũi nhọn đương nhiên là chĩa vào tiên sinh tú tài, nội dung trung tâm là bác bỏ những lời trách móc do người làng Mùi đưa ra. Bản bác bỏ viết thế này:

1/ Vấn đẽ sờ đâu ni cô nhõ: hòa thượng đã chạm được, sao ta không chạm được, thật không thể như vậy được!

2/ Vấn đẽ véo dùi dàn bà: Bút tích lớn đều nói cách một lớp quần, giấy trắng mực đen, có gì là ghê gớm đâu, đó là ít thấy thì lạ nhiều thôi!

3/ Vấn đẽ trêu ghẹo vú Ngô: Quân tử động mồm không động tay, lúc đó chẳng qua là đùa mà thôi, quỳ một cái, không quỳ còn được coi là quân tử mà.

4/ Vấn đẽ ăn cắp củ cải: lúc đó trước mặt mì cô già ta đã chất vấn: "Vào lúc nào ta đã nhảy vào tường nhà bà ăn trộm củ cải, (củ cải) đó là của bà,

bà có thể gọi nó đối chất với bà không? Bà là..., thế mà bây giờ lại còn dám lật lọng nói ra, xì!

5/ Ván đê đánh bạc: đó là do bọn D. nhởn làm, có quan hệ gì với ta đâu, chẳng qua là ta tình cờ gặp gỡ, bô khuyết, giải trí cho thỏa mái mà thôi, thế nào? chẳng lẽ cũng đưa ta vào à?...

"Đơn kiện" đến đó vốn viết xong, nhưng từ trong tâm tư AQ quay đầu lại, như có phát hiện gì, bật dậy khỏi *sôpha*, nói với con gái nuôi: có rồi đây, con hãy thêm cho bố một câu, nói bố không những là gốc cố Triệu mà còn là bạn đánh bài của cử nhân Bạch trong thành, người làng Mùi chỉ có ta là có thể diện lớn như vậy, tìm đâu cũng không ra người thứ hai?

Xin xem, lời bào chữa của AQ ở đây thuần túy là ngụy biện, không đáng bác bỏ, hoàn toàn là cá vú lắp miệng em, bậy bạ, điều đó chỉ có thể nói lên AQ là một kẻ vô lại, hờn càng ngày càng giáo hoạt. Trên thực tế, hờn bão cô con gái nuôi viết lời bào chữa, chẳng qua là để khoa trương thanh thế mà thôi. Trong lòng hờn hiểu rõ, tự biết là không có lý, kiện tụng không thể thắng được. Vì vậy hờn không về làng Mùi để công khai biện hộ và cũng chẳng vào thành kiện lên cơ quan pháp luật.

Vâng, AQ vẫn còn sống, hồn ma của hờn đến hôm

nay vẫn chưa tan, vẫn còn quấy phá trong đời

sống

xã hội chúng ta, xem ra việc tiêu diệt ảnh hưởng tư tưởng của AQ thật không dễ dàng, chúng ta sẽ còn phải làm công tác tư tưởng một cách gian khổ, tinh tế, tỉ mỉ.

Tinh thần AQ vừa phản ánh một trong những nhược điểm chung của nhân loại, vừa miêu tả bệnh thái tinh thần của người Trung quốc, hình thái thể hiện của nó là đủ các chúng loại. Do điều kiện lịch sử của xã hội mới, nó vẫn có các loại thể hiện mới. Mong chúng ta hãy cảnh giác ! Không thể để cho âm

hôn của AQ bám vào người chúng ta, chúng ta phải hạ quyết tâm dùng hết sức mình rửa sạch mọi ảnh hưởng tiêu cực có hại của AQ.

Chương III

QUAN TRƯỜNG

Xưa nay, quan trường nhiều thị phi, có cả thanh quan, tham quan, hòn quan, hồn quan v... Có người sỉ đồ thuận lợi, có người hoạn đở không thể lưu luyến lâu dài, có người nói quan trường là nơi thể hiện được tố chất và năng lực tổng hợp nhất của một con người, ở đó diễn học vấn quá lớn, những điều sâu xa huyền diệu quá sâu. Chương tổng này nặng về phân tích, mổ xé mặt trái của nó.

1. THEO ĐUỐI QUAN TRƯỜNG, PHẢI DỰA VÀO THỦ ĐOẠN KHÔN KHÉO.

Nói, xã hội Trung Quốc truyền thống là một xã hội đẳng cấp của bản vị quan, có thể không cần phải bàn cãi nữa. Giữa người với người có sự sai khác đẳng cấp nghiêm ngặt. "Tá truyện" - bộ sách lịch sử theo thể biên niên sớm nhất, viết: "Trời có

mười ngày, người có mười loại, vì thế dưới thờ trên, trên thờ thần vậy?".

Khổng Tử - người sáng lập học phái Nho gia thời Tiên Trần, đặc biệt nhấn mạnh trật tự đẳng cấp: "quân, thần phụ, tử", mỗi người phải giữ bản vị, không được làm loạn. Đời Nguyên có thuyết người chia làm mười loại, theo Trịnh Tư Tiên ghi trong "Tâm sử" thì thứ tự là: một là quan, hai là lại, ba là sư bốn là đạo (sī), năm là y, sáu là công, bảy là thợ săn, tám là dân, chín là nho, mười là ăn mày. Cách nêu của Tạ Phương trong "Điệp sơn tập" có hơi khác: "người có mười loại, một là quan, hai là lại, người đứng trước là loại quý, gọi là có ích cho đất nước; bảy là thợ, tám là kỹ sử, chín là nho, mười là ăn mày, người đứng sau là loại hèn, gọi là không có ích cho đất nước". Người đời sau khi phân chia đẳng cấp xã hội có xu thế đơn giản hóa, nói chung phân chia xã hội truyền thống làm bốn giai tầng, tức sĩ, nông, công, thương. Cách nhìn của các học giả hiện đại trong việc phân chia đẳng cấp xã hội cũng không thật nhất trí, như Diện Tổ Đồng cho rằng nên phân chia làm ba loại: quan lại quý tộc, lương dân và tiện dân (Pháp luật Trung Quốc và xã hội Trung Quốc), sự phân chia của Văn Sùng Nhất là: hoàng đế và hoàng thất, quan loại sĩ thân, thương nhân, nông dân và công nhân (sự ổn định và biến thiên của những giá trị truyền thống Trung Quốc)

Do quan được hưởng nhiều loại đặc quyền về chính trị, kinh tế, nên trong xã hội Trung Quốc đã hình thành tâm lý trọng quan, tôn quan. "Phạm Tiến trúng cử" là câu chuyện mà mọi người đều biết trong "Nho lâm ngoại sử". Trước đó, Phạm Tiến nghèo rớt mùng tơi, đến đâu cũng bị người ta lạnh lùng; nhưng khi thi đỗ, vị thế lập tức thay đổi hẳn: "ăn, mặc, dùng, ở, đều có người đưa đến cửa". Chu Diệu, đời Tống, trong "Thanh Ba ký sự" đã ghi lại câu chuyện: Hàn Nam Lão người Phúc kiến, thi đỗ tân khoa. Bảy mươi ba tuổi được làm quan, lại có người đến bàn chuyện hôn nhân. Hai câu chuyện dẫn ở trên ứng với hai câu nói cổ: "Thư trung tự hữu hoàng kim thất; thư trung tự hữu hạn Như ngọc" (Trong sách tự có nhà vàng, trong sách tự có ngọc Nhan Như rồi). Thơ Trần đồng viết: "Thiên tử trọng anh hào. Văn chương giáo nhí tào. Vạn ban giai hạ phẩm. Duy hữu đọc thư cao". Tạm dịch: nhà vua coi trọng anh hùng hào kiệt.. Văn chương dạy dỗ lớp chúng mày. Muôn nghệ đều kém cá. Chỉ có đọc sách mới cao quý). Xin các độc giả đương đại khi đọc bài thơ này đừng bao giờ hiểu nhầm rằng thời xưa vô cùng coi trọng người đọc sách, tôn trọng tri thức, cho nên coi đọc sách "cao" hơn làm ruộng, buôn bán, mà chỉ vì đọc sách có thể làm quan. Thời xưa những người buộc tóc vào đám nhà (để khi ngủ gật, gục đầu xuống, tóc sẽ bị giật mạnh phải tỉnh ngủ) khổ học bên cửa sổ lạnh, không phải là để theo đuổi tri thức, chân lý

mà là để theo đuổi chức quan, động lực quyết tâm cố gắng học hành đến, từ việc sẽ làm quan". Khổng tử nói rất đúng: "canh dã, nỗi tại kỳ trung hĩ; học dã, lộc tại kỳ trung hĩ" (Luận Ngữ. Vệ Linh công) dịch nghĩa: làm ruộng, (có khi) đổi không có ăn, học đạo (có khi) được bộc lộc". Thông qua học tập có thể cầu lộc cầu quan. Từ đời Tùy, Đường trở đi đã thực hành chế độ khoa cử lâu hàng ngàn năm, đã dùng hình thức chế độ quốc gia trực tiếp nối hai việc đọc sách và làm quan lại với nhau, một người đọc sách thông qua việc thi đỗ tư tài, cử nhân, tiến sĩ có thể cởi bỏ chiếc áo vải để đổi lấy bộ quần áo qua phẩm sắc. Nếu như may mắn trúng đệ nhất danh "trạng nguyên trong diện thức thì vinh dự và đặc quyền đã đạt đến cực điểm. (vinh qui bái tổ...)

Tồn tại quyết định ý thức, sự hình thành tâm thái trọng quan của người Trung Quốc chính là có căn nguyên thực tế, những người trong quan trường tức các quan viên lớn nhỏ, được hưởng nhiều loại đặc quyền. Quan càng lớn, cấp bậc càng cao, đặc quyền hưởng thụ càng nhiều. Dưới sự chi phối của bản vị quan, một số kẻ nói phát, nịnh bợ, mồi khánh, đưa lê, nhờ quan hệ, chạy cổng sau, bán mình nương nhờ người khoe để cầu lấy một chức quan. Tâm lý và hành vi này vẫn còn đến ngày nay, chưa dễ mà triệt ngay được. Bởi vì nếu một người có chiếm được một "cái ghế" hay không, chiếm được "cái ghế" ở cấp bậc nào, nói chung gắn liền với "nhà cửa, ô tô.... gắn liền với lợi ích của "vợ,

con". Ở ngôi nhà như thế nào, ngồi ô tô loại nào, làm việc ở văn phòng như thế nào, có trợ thủ cấp bậc ra sao, khi họp ngồi ở vị trí nào trên bàn chủ tịch đoàn, đến đơn vị khác thì do người có cấp bậc như thế nào tiếp đón, thứ tự nói chuyện, vị trí ngồi khi ăn tiệc, thứ tự sắp xếp họ tên trước sau trên báo, thậm chí sau khi chết sẽ đến nhà tang lễ nào, lò tro xương để ở nhà nào, hàng nào, tầng nào.

Ý thức bản vị quan đã từ quan trường lan tràn đến dân gian. Cơ cấu, tính chất của các đoàn thể dân gian như hội Liên hiệp văn học nghệ thuật, hội nhà văn... đều có cấp bậc đối ứng là cấp bộ, cấp sở, cấp phòng; rất nhiều công ty vốn là tính chất xí nghiệp, nhưng Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đều có cấp bậc đối ứng trong quan trường; các trường đại học, cao đẳng nên lấy việc bồi dưỡng tri thức, nghiệp vụ, chuyên gia, nhân tài làm mục đích chủ yếu, nên là nơi tôn trọng trí thức, thế nhưng hiện trường, giáo sư, giảng viên đều có dãi ngộ hành chính đối ứng; họp đồng học, đồng hương v.v... lẽ ra phải là bình đẳng nhất, thế nhưng ai là quan sẽ được tôn trọng, người nào quan to, người đó có thể diện nhất, được hoan nghênh nhất, thậm chí là nhân vật trung tâm. Gần đây, nghe nói hòa thượng, ni cô cũng có sự phân biệt là cấp khoa, phòng, cục bộ, người xuất gia bốn cái lớn đều không mà cũng nói tới cấp bậc như chôn quan trường, dù thấy uy lực của bản vị quan lớn như thế nào, không có nơi nào không có ý

thúc bản vị quan.

Về chính trị, xã hội Trung Quốc là một xã hội đẳng cấp, vì vậy người Trung Quốc truyền thống lấy quan làm bản vị; xã hội Trung Quốc, đặc biệt chú trọng nhân tình, vì vậy người Trung Quốc đều hết sức chú ý điều hòa quan hệ giữa người với người, nhất là ở chốn quan trường, luôn luôn kết thành mạng lưới quan hệ đan xen dọc ngang, ngàn đầu vạn mũi, chạm một sợi là động toàn cục, người trong mạng lưới, lợi dụng lẫn nhau, gia ân cho nhau, cùng chia hưởng chỗ tốt, cùng chiếm lợi ích với phương châm mất cùng mất, vinh cùng vinh, một người đắc đạo, gà chó lên trời. "Tơ sợi" để dệt lưới quan hệ trong quan trường có: quan hệ huyết thống, quan hệ cấp trên, quan hệ cấp dưới, quan hệ bạn bè v.v... chính là sử dụng các sợi dây quan hệ đó mà dệt thành mạng lưới quan hệ trong chốn quan trường. Phương thức dệt lưới, theo những người nghiên cứu, có thể qui thành bảy loại: 1: Huênh hoang, người lãnh đạo có quyền thế có chỗ dựa và con cái thân thuộc thường sử dụng; 2. Trao đổi do những người ở quyền lực nhất định sử dụng; 3. Vụ hồi; 4. Đường viền, để cho người không có bối cảnh quan hệ đặc biệt sử dụng. Khi sử dụng hai phương thức này mặt phải dây, lưng phải dẻo; 5. Nói khoác 6. Nịnh bợ, để tăng cường quan hệ hoặc cấp dưới đối với cấp trên sử dụng; 7. Đua lě, ai cũng có thể dùng.

2. BAO GIỜ THÌ THÔI DÙNG NGƯỜI CHỈ CĂN CỨ VÀO QUAN HỆ THÂN CẬN.

Thời đại thế tập Tiên Tần, từ thiên tử, chúa hầu đến công khanh đại phu, đều dựa vào quan hệ huyết thống, ông, cha, cháu, đời đời kế thừa. Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước, thực hành chế độ quận, huyện, hủy bỏ chế độ phán phong, quan lại quận huyện do triều đình bổ nhiệm, không thể tập nữa. Thế nhưng về chính trị vẫn chưa thực sự loại bỏ được quan hệ huyết thống. Trước tiên, hoàng đế - người nắm quyền lực tối cao, vẫn dựa vào huyết thống, gia truyền trong hoàng thất, con trai trưởng thừa kế ngôi vua được coi là một loại thừa kế huyết thống thuần túy. Sau khi triều Hán kiến lập, rút bài học kinh nghiệm nhà Tần bị diệt vong quá nhanh, đã cùng thi hành cả phân phong và quận huyện. Đầu đời Hán đã phân phong nhiều người cùng họ và công thần khác họ làm vương hầu, dựa vào huyết thống, chức vụ được thế tập. Sau đời Hán, anh em và con trai hoàng đế vương triều phong kiến các đời đều được phong vương, công thần cũng được phong các tước vị vương công hầu v.v..., nói chung theo lệ, chức vụ cũng có thể thế tập. Hậu duệ dòng đích của đại thần, dựa vào "chế độ ân ám" mà được làm quan, "chế độ ân ám" này rất coi trọng quan hệ huyết thống. Nam bắc triều Ngụy Tấn thực hành chế độ trung chính của

phẩm, dựa theo trình độ gia thế phú quý chia người thành ba bậc chín loại "thượng phẩm không nghèo đói, hạ phẩm không thê tộc" hình thành hiện tượng chính quyền lũng đoạn thế gia hào tộc, về thực chất không khác gì với thế tập huyết thống. Trong thời đại phong kiến, một người làm quan đặc thế, cha anh con cháu trong nhà, họ hàng bên ngoài và bạn cũ của gia đình, theo đó đều được điều tốt, thậm chí được làm quan, từ đó kết thành mạng lưới quan hệ huyết thống, cạp vây rất phổ biến trong chốn quan trường. Đời Tây Hán một nhà hạ Trường có năm vị hầu, đời Đông Hán, họ Dương bốn đời đều là tam công, tất cả đều dựa vào huyết thống. Đời Tây Hán, Phòng Đường có tài hơn người nhưng qua ba triều vẫn đế. Cảnh đế, Vũ đế trước sau đều không được trọng dụng. Con cháu hai nhà Trương Thang, kim Nhật Đê, dựa vào huyết thống che chở của ông, cha, bản thân không có kỳ tài mà bảy đời đến làm quan cao, tiền lương chỉ còn trọng bối cảnh gia thế, chỉ dùng người dựa vào huyết thống, chôn vùi, áp chế nghiêm trọng nhân tài, là có tính phổ biến trong lịch sử xã hội phong kiến.

Đỗ phú, thi nhân đời Đường trong bài ngũ ngôn cổ thi nổi tiếng "Từ kinh đô về huyện Phụng Tiên vịnh tâm sự năm trăm chữ" đã viết hai câu "Huống văn nội kim bàn, Tận tại vệ, Hoắc thất" (Nghe thấy nói bao mâm vàng trong nội; chuyển hết sang nhà họ Vệ họ Hắc cả rồi) để ám chỉ việc

Đường Huyền Tôn sùng ái Dương Quý Phi, của cải quý báu trong đại nội hoàng cung đều thưởng cho nhà họ Dương. Họ Vệ, họ Hoắc trong thơ là chỉ gia tộc Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, danh tướng nhà Hán. Gia đình họ Vệ, họ Hoắc hưng thịnh là dựa vào quan hệ cạp váy. Trong nhà công chúa Dương Bình, chị Hán Vũ đế có một nữ nô tì tên là Vệ Tử Phu, được Vũ đế nhìn trúng, mang về cung, rất được sủng ái. Vệ Thanh em trai Vệ Tử Phu, dựa vào quan hệ với chị, mười tuổi được vào cung, trước làm vệ sĩ, sau phong là Phiêu kỵ tướng quân, dẫn quân đánh Hung Nô, nhiều lần lập chiến công, được cử làm đại tướng quân, Vệ Thanh thăng quan tiến chức vùn vụt, có tài, nhưng cái có tác dụng quyết định là thân phận ngoại thích của ông ta. Lý Quang cũng là danh tướng cùng thời đại với Vệ Thanh mà tài năng tiếng tăm đều trên Vệ Thanh, nhưng do không có quan hệ đặc biệt, lại bị bọn Vệ Thanh chèn ép, nửa đời không đắc chí, tự đâm cổ chết, kết cục vô cùng bi thảm. Người xưa cảm khái cảnh ngộ khác nhau của Vệ Thanh, Lý Quang đã có thơ: "Vệ Thanh bất bại nhờ trời, Lý Quang không phong tại người lạ duyên". Thực ra, nguyên nhân căn bản là Lý Quang không có bối cảnh hoàng cung, còn Vệ Thanh có bà chị làm hoàng hậu. Cái "trời ban" của Vệ Thanh là nhờ quan hệ cạp váy mà được Hán Vũ đế sủng ái. "Trời" ở đây thực ra là Hán Vũ đế, Vệ Thanh "bất bại", về cơ bản là do được Hán Vũ đế sủng ái, khen thưởng, đê

bạt, Lý Quảng chỉ dựa vào tài năng cá nhân, tất nhiên không sánh được với Vệ Thanh.

Hoắc Khứ Bệnh là cháu ngoại Vệ Thanh. Em gái Vệ Tử Phu cũng là gia nô tại nhà bà chị Hán Vũ đế, người này tư thông với Hoắc Trọng Nhủ - một người đầy tú trai, rồi đẻ ra Hoắc Khứ Bệnh. Do quan hệ với vệ Tử Phu, Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh được vào cung, năm 18 tuổi theo di đánh Hung Nô, làm Phiêu kỵ đại tướng quân. Hoắc Khứ Bệnh biết mình có người em cùng cha khác mẹ chưa từng gặp mặt tên là Hoắc Quang, liền đưa vào cung, làm vệ sĩ. Hoắc Quang tính tình thận trọng, sau được cử làm Phụng quân đô úy, ra vào cung đình hơn 20 năm, sau được chiếu phù tá Chiêu đế, làm Đại tư mã đại tướng quân, phong Bác học hầu, nắm đại quyền trong triều. Chiêu đế chết, Hoắc Quang lập Tuyên đế. Hoắc Quang trước sau nắm quyền hơn 20 năm tột đảng đầy triều, quyền nghiêng trong ngoài, hạ Hoắc trở thành gia tộc hiến hách nhất đương thời. Cả nhà họ Hoắc phú quý không ai so sánh nổi là chỉ dựa vào quan hệ huyết thống, cắp váy, lũng đoạn triều chính đương thời.

Vinh hoa phú quý của nhà họ Dương, thời Đường Huyền Tông cũng là dựa vào quan hệ cắp váy huyết thống. Sau khi Dương Ngọc Hoàn được phong làm thứ phi, gia tộc họ Dương với địa vị ngoại thích đã được hưởng nhiều loại đặc quyền do vua ban. Họ Dương bất kể là người còn sống hay

đã chết, đời trước hay cùng đời đàn ông hay đàn bà, dường như đều được hoàng ân.

Dương Huyền Diên, bố đẻ Dương Ngọc Hoàn, đã chết, nhưng Thống tán, Thiên Bảo năm thứ tư (765) được truy tặng Bình bộ thượng thư, hàm chánh tam phẩm; sau này lại được truy tặng Thái úy. Tề Quốc Công, hàm chánh nhất phẩm, vinh dự lên đến đỉnh điểm. Mẹ đẻ Ngọc Hoàn, cũng đã mất, được truy tặng Lương quốc phu nhân. Chú ruột Ngọc Hoàn là Dương Huyền Huê, còn sống, được phong là Quang Khanh, hàm tòng tam phẩm, sau được thăng Công Bộ thượng thư, chánh tam phẩm. Ba người chị ruột của Ngọc Hoàn đã gả về nhà họ Thôi, họ Bùi, họ Liễu, đầu năm Thiên Bảo mới đến kinh đô. Tháng 11, Thiên Bảo năm thứ bảy (768), Đường Huyền Tông phong cho Thần thị làm Hàn Quốc phu nhân, Bùi thị làm Quắc quốc phu nhân. Liễu thị làm Tân quốc phu nhân. Đường Huyền Tông còn ban cho mỗi người hàng tháng 10 vạn tiền phẩn son. Họ được tự do ra vào cung đình, thể nghiêng thiên hạ, ngay trong hoàng thất cũng phải kiêng dè.

Anh ruột Dương Ngọc Hoàn là Dương Tiêm, mới bắt đầu là Điện trung thiếu giám, hàm tòng tứ phẩm. Sau thăng Hồng La Khanh, tòng tam phẩm, rồi được thăng Thượng trụ quốc, được hưởng vinh sủng "Tư đệ lập kích" (một loại nghi truong tiêu chí thân phận cao quý đời Hán, Đường), Dương Kỳ.

con trai Dương Huyền Khuê, bước đầu là Thị Ngự sủ, bậc quan tòng lục phẩm; sau khi Ngọc Hoàn là Quý Phi, Huyền Tôn đã gả một công chúa trong hoàng tộc cho Dương Kỳ. Dương Kỳ thăng làm Phó mã đô úy.

Dương Kiếm, sau này được Đường Huyền Tông ban cho tên là Dương Quốc Trung, là em họ Dương Ngọc Hoàn, từ nhỏ học hành dốt nát, nghiện rượu, thích cờ bạc, nhưng dựa vào quan hệ với Quý Phi, quan lộ của hắn thênh thang, từ Thập Dư sứ, thăng Ngự sủ trung thừa, rồi Bình bộ thị lang, trở thành nhân vật số hai, chỉ sau Lý Lâm Phố. Thiên Bảo năm thứ 11 (752) Dương Quốc Trung thay thế Lý Lâm Phố làm Trung Thư lệnh (hữu thừa tướng) kiêm Lại Bộ thượng thư, đồng thời còn kiêm hơn 40 chức quan trọng nữa, nắm hết tài chính, quân quốc đại quyền.

Cùng với sự diệt vong của chế độ phong kiến huyết thống cạp váy kết thành mạng lưới quan trường cũng dần dần tan rã. Tổ chức xã hội không ngừng được tăng cường, từng bước thay thế thế lực huyết thống, cạp váy. Thế nhưng do ảnh hưởng của tư tưởng, ý thức nhất thời phong kiến khó có thể loại bỏ, lại thêm bản thân chế độ tổ chức xã hội hiện đại cũng có một số vấn đề, nên làn gió huyết thống, cạp váy đã "tro tàn lại cháy" với xu thế càng diễn ra càng mạnh. "Bố anh hùng, con trai hào hán", "Bố mẹ giành lấy giang sơn, con cái cai quản

giang sơn" trong "cách mạng văn hóa" là điển hình của huyết thống luận phong kiến. Gần đây, một số phần tử hủ bại vận dụng quyền lực trong tay để bạt con cái, trọng dụng thân tín, một số cá biệt nhân vật kiểu nhà môn lắc mìn một cái đã biến thành cán bộ lãnh đạo có cấp bậc không thấp. Trong dân gian đã có lời xàm luận về "đảng thái tử".

Theo báo chí, trong cuộc điều tra mẫu ở 3 nhà máy trực thuộc Bộ xây dựng đã hơn 20 năm với 100 cán bộ bình thường và 48 cán bộ trung cấp đang làm việc ở 15 phòng ban, thấy trong 100 cán bộ bình thường có 76 người có thân thuộc trực hệ công tác cùng đơn vị; trong 48 cán bộ trung cấp, người nào cũng có thân thuộc trực hệ làm việc trong cùng đơn vị. Trong 500 người ở bộ X có 104 thân thuộc ở cùng cơ quan; Cục X. thuộc bộ X. trong 84 người có 13 đôi vợ chồng cùng công tác. Một giám đốc nhà máy nói: giám đốc xí nghiệp có thể không hiểu sản xuất, nhưng phải hiểu quan hệ học.

Hiện tượng quan hệ huyết thống, cạp vây tồn tại khá dai dẳng trong các cơ quan đảng, chính quyền, đơn vị sự nghiệp, tất nhiên sẽ dẫn đến việc dùng người chỉ căn cứ vào quan hệ thân cận.

3. XƯA NAY QUAN TRƯỜNG NHIỀU THỊ PHI.

Vận tác chính trị, đổi thay quyền lực của xã hội phong kiến Trung Quốc dù nói là có dựa vào văn bản phép tắc tổ tông, có điều luật hoàng triều ràng buộc, nhưng hễ đến giờ phút then chốt thì những phép tắc tổ tông và điều luật hoàng triều đều không còn công dụng nữa, công dụng bê này là âm mưu và bạo lực. Vận tác chính trị cổ đại của Trung Quốc đầy rẫy tính không trật tự, đổi thay quyền lực mang theo cảm giác thần bí nặng nề, bốc lên mùi máu tanh tàn nhẫn. Tâm màn che tông pháp luân lý: vua yêu tôi trung, cha hiền con hiếu, anh kính, em nhường từng che mắt người ta nhiều đời, chỉ trong khoảnh khắc đã bị bàn tay tìm kiếm quyền lực điên cuồng xé ra thành mảnh vụn. Làm gì còn vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, chỉ cần tạo thành chướng ngại cho quyền lực là để ra cuộc quyết đấu mà sống tao chết, làm gì còn vẻ dũng dâng thăm thiết.

Xuân Thu, Chiến Quốc là loạn thế, lẽ hư, nhạt hỏng, là một thời đại vận tác chính trị, đổi thay quyền lực vô trật tự mà tanh mùi máu. Thời đó "ba mươi sáu vua bị giết, bảy mươi hai nước bị diệt", ngay Tề Hoàn công đứng đầu Ngũ bá, người một đời làm chúa hùng, đã chín lần hợp chư hầu, thuần phục thiên hạ, cuối cùng bị khốn vì lũ gian xảo, chết đói, xác để thối rữa. Những vị vua yếu

khác bị giết, bị phế không đếm được. Nước nhỏ bị thôn tính diệt vong, nước lớn như Ngô cũng bị mất, nước Tấn bị ba đại phu họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy chia nhau. Nước Tề của họ Chương bị họ Điêu cướp mất. Vì vậy Hàn Phi Tử cho rằng giữa vua tôi vốn không có việc lấy nghĩa mà hợp như nhà nho đã nói, mà là lấy lợi mà hợp, giữa nhà vua và quyền thần tồn tại tính đối kháng tự nhiên. Quan hệ "vua tôi" quan trọng nhất đứng đầu ngũ luân trong xã hội phong kiến, dưới ngòi bút của Hàn Phi Tử là một bức vẽ tanh mùi máu khủng bố "cướp", "giết".

Sau Tân, Hán, vua tôi vẫn lấy lợi mà hợp nhiều, lấy nghĩa mà hợp ít, khi cùng mưu cầu phú quý, có thể cùng hoạn nạn, đến khi cùng hưởng phú quý nếu liên quan đến việc phân phôi lại quyền lực thì không có cách gì cùng yên vui nữa, mọi đạo lý đều có thể bị xáo trộn. Vì vậy các vị vua khai quốc nhiều đời như Hán Cao tổ Lưu Bang Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương... một khi thiên hạ vừa định là ra sức giết hại công thần; chuyện các vị hoàng đế các đời tìm cớ giết quyền thần sử sách còn ghi. Có lúc thần tử đối với nhà vua cũng không mềm tay, như Triệu Cao giết Tân Nhị tể, Tử Văn Hóa Cậy giết Tùy Dạng đế. Từ Tân Hán đến Minh Thanh, việc quyền thần giết vua có lúc xảy ra, nhưng việc quyền thần âm mưu phế lập nhiều hơn, giống như các vua cuối đời Đông Hán chẳng qua là thủ đồ chơi đã bị bọn ngoại thích, hoạn quan, quyền thần, lợi dụng khi tranh giành quyền lợi sấp

đặt. Sự đổi thay quyền lực cao nhất vào cuối đời Đông Hán là điển hình của một tình trạng vô trật tự.

Mà sự vô trật tự nghiêm trọng nhất lại đến từ nội bộ hoàng thất. Theo phép tắc tổ tông đã có, kế thừa ngôi vua là cha chết con lên thay, hơn nữa là chế độ kế thừa con trưởng hé đích, xét từ góc độ chế độ pháp luật mà nói, việc thừa kế ngôi vua không có vấn đề gì các thao tác đều có trật tự, có qui tắc làm căn cứ; nhưng trên thực tế, những thành viên có tài năng có dã tâm trong hoàng thất, không ai là không nhìn trộm ngôi báu hoàng đế, âm mưu trù tính, canh đậu nấu hạt đậu... mưu toan làm đảo chính cung đình, cuộc nọ tiếp cuộc kia mà người thắng lợi sẽ thành hoàng đế. Hoàng gia lập vựa chờ kế vị, chọn Đông cung thái tử là theo qui củ "lập trưởng không lập thứ". Vì vậy Đường Cao Tô Lý Uyên sau khi xưng đế đã lập con trưởng là Lý Kiến Thành làm thái tử, nhưng trong cuộc chiến tranh thống nhất thiên hạ, Trần Vương Lý Thế Dân có công lao nhất. Do kế thừa ngôi vua, anh em đã xảy ra mâu thuẫn, một bên là thái tử Kiến Thành và Tề Vương Nguyên Cát, một bên là Tàn Vương Lý Thế Dân, mỗi bên đều xây dựng vây cánh, ra sức tranh đoạt. Kiến Thành định đánh thuốc độc chết Lý Thế Dân nhưng không thành. Lý Thế Dân liền phục giáp linh ở ngoài cửa Huyền Vũ, thừa lúc thái tử Kiến Thành. Tề Vương Nguyên Cát trên đường lên triều đi qua, đã sai

lính giết chết anh trai và em trai. Đó là cuộc biến của Huyền Vũ "nổi tiếng trong lịch sử". Sau việc này Lý Thế Dân được Cao Tổ Lý Uyên lập làm thái tử, trở thành người thừa kế ngôi vua hợp pháp. Tháng 8-626, Lý Thế Dân lên làm vua (tức Đường Thái Tôn nổi tiếng); sau khi Đường Cao tổ thoái vị thì xưng là Thái thượng hoàng. Đường Thái Tôn Lý Thế Dân một mình quân thời xưa đã thông qua cuộc đảo chính cung đình đẫm máu giết anh, giết em mới lên được ngôi hoàng đế.

Xoay quanh cuộc tranh đoạt quyền lực tối cao đời Đường đã có nhiều cuộc đảo chính cung đình, đó là thời kỳ Vũ Tắc Thiên, người đàn bà có một không hai trong lịch sử Trung Quốc, nắm quyền xưng đế cho đến lúc Đường Huyền Tông Lý Long Cơ tức vị. Sau khi Cao Tông chết bà ta không chịu làm thái hậu, mà muốn làm nữ hoàng. Đường như bà ta đã giết sạch các thành viên hoàng thất Lý Đường. Trước sau bà ta đã lập hai người con của mình là Lý Hiển và Lý Đám lên làm hoàng đế, rồi lại lần lượt phế bỏ để tự mình làm nữ hoàng, đổi quốc hiệu là Chu, tiếp tục đả kích hoàng tộc Lý Đường, ra sức sát hại phái chống đối, trọng dụng hai anh em đì đực Trương Xương Tôn, Trương Dị Chi làm loạn triều chính. Cuối đời Vũ Tắc Thiên, nhân tâm đều nghĩ về nhà Đường.

Tháng giêng Trường An năm thứ năm (năm 705) đời Vũ Tắc Thiên, tể tướng Trương Giản Chi

và một số người khác làm đảo chính, dẫn quân Vũ lâm vào cung giết anh em Trương Xương Tôn, Trương Dị Chi, buộc Vũ Tắc Thiên đang túc phải thoái vị, Đường Trung Tôn Lý Hiển được phục hồi. Sau khi Lý Hiển trở lại ngôi vua, Vi hoàng hậu can thiệp vào triều chính, cấu kết với bọn Vũ Tam Tư, khống chế triều đình. Để cướp ngôi sau khi đã gạt bỏ, bức hại đến chết Trương Giản Chi và một số người khác, đã cùng con gái là công chúa An Lạc, bắt đầu hại thái tử Lý Trọng. Không nín nhịn được nữa, thái tử phát động đảo chính, giết cha con Vũ Tam Tư, nhưng sau đó thua trận, bị giết. Tháng sáu năm Cảnh Long thứ tư (710), Vi hoàng hậu, công chúa Sơn Lạc... đánh thuốc độc chết. Đường Trung Tôn, lập Lý Trọng Mậu, con trai nhỏ của Trung Tôn mới 16 tuổi tên làm vua. Vi hoàng hậu buông rèm nghe việc triều đình. Trước ngày 20 tháng 6 cùng năm, Lâm Trú Vương, Lý Long Cơ phát động quân Vũ Lâm đánh vào cung, giết chết Vi hoàng hậu, công chúa An Lạc, đồng thời giết hết toàn bộ tay chân của Vi hoàng hậu và họ Vũ, trẻ mới sinh cũng không tha. Ba ngày sau khi diệt xong tập đoàn họ Vi, Lý Long Cơ và cô ruột là công chúa Thái Bình hạ bệ Lý Trọng Mậu, đưa Trương vương Lý Đán trở lại ngôi vua. Lý Long Cơ là con trai thứ ba của Lý Đán, con trai lớn là Lý Thành Thế kiên trì không làm thái tử mà nhường chỗ Long Cơ. Lý Long Cơ được lập làm thái tử.

Trong quá trình tiêu diệt loạn đảng Vi hoàng

hậu, công chúa Thái Bình có công hiến nhất định. Bà ta là một phụ nữ mà tài năng và tính tình gần giống Vũ Tắc Thiên, tích cực can thiệp vào công việc triều chính, muốn làm nữ hoàng, nên mâu thuẫn với thái tử Lý Long Cơ ngày càng gay gắt. Tháng tư Cảnh Vân năm thứ ba (711) Lý Long Cơ - 28 tuổi, lên ngôi hoàng đế. Duệ Tôn thoái vị làm Thái thượng hoàng. Công chúa Thái Bình mua chuộc cung nữ định đầu độc Long Cơ nhưng không thành, liền chuẩn bị phát động đảo chính vũ trang. Tiếp thu kiến nghị của các quan, trước khi công chúa Thái Bình dự định làm đảo chính một ngày, Đường Huyền Tông ra lệnh do Vương Mao Trọng dẫn quân Vũ lâm, liên hiệp với bọn Cao Lực Sĩ giết chết mấy chục người là con cái và tay chân của công chúa Thái Bình, và ban cho bà ta chết ở nhà. Tháng 12 năm sau, đổi niên hiệu là Khai Nguyên. Cuộc tranh đoạt quyền lực cao nhất trong triều đình nhà Đường đến đó mới kết thúc. Lý Long Cơ trở thành người thắng lợi cuối cùng, lịch sử vương triều Đường bắt đầu một thời kỳ mới.

Triệu Khuông Dân, hoàng đế khai quốc triều Tống, tương truyền là bị Triệu Quang Nghĩa, em trai ám hại. Triệu Quang Nghĩa lên làm hoàng đế, đó là Tống Thái Tông, từ đó, các hoàng đế đời Tống đều là con cháu nối dõi Thái Tông. Con cháu hoàng đế khai quốc Triệu Khuông Dân đã mất tư cách làm hoàng đế. Thế là vị hoàng đế đầu tiên của đời Tống vì chuyện quyền lực mà bị giết. Vấn đề này

đã được lập lại trong "chiến dịch dẹp loạn ôn" sự biến cướp của đời Minh và việc kế vị của Ung Chính, đời Thanh.

Minh thái tổ Chu Nguyên Chương ở ngôi khá lâu, thái tử chết trước ông ta, sau này trao ngôi vua cho cháu là Chu Doãn khuê, tức Kiến Văn Đế. Đầu đời Minh, các vương được phân phong thế lực rất lớn, hơn nữa đều là bậc chú Kiến Văn Đế, đã tạo nên sự đe dọa về quyền lực đối với Kiến Văn Đế, trong đó con thứ tư Thái tổ là Yên Vương Chu Khang.

Chu Khang, một kẻ đầy dã tâm, đang đóng quân ở Bắc Bình, muốn cướp ngôi, Kiến Văn Đế tiếp nhận kiến nghị của bọn Tề Thái, Hoàng Tử Đăng, bèn loại bỏ thiên thần. Yên Vương Chu Khang thừa cơ mưu phản, trách Hoàng Tề là gian thần, dùng danh nghĩa "Thanh quân trắc", từ Bắc Bình dẫn quân xuống Nam hạ, gọi là "dẹp loạn", trên thực tế là ông chủ muốn cướp ngôi vua từ tay cháu. Chiến tranh tiến hành gần bốn năm, quân Yên Vương chiếm được Nam Kinh, chính quyền trung ương sụp đổ, không rõ tăm tích Kiến Văn Đế ở đâu. Các mưu thần chủ yếu của Kiến Văn Đế đều bị diệt cả. Khi Chu Khang vào Nam Kinh, muốn Phương Hiếu Nho, "cố vấn hàng đầu" của Kiến Văn Đế khởi thảo chiếu lên ngôi, nhưng bị Phương Hiếu Nho từ chối và mắng chửi là "giặc Yên cướp ngôi", tuyên bố "thà chết chứ không viết chiếu".

Chu Khang ra giết chết Phương Hiếu Nho cùng họ hàng, thuộc hạ của ông ta.

Giả sử Phương Hiến Nho khuất phục uy quyền, khởi thảo chiêu thư, chắc chắn rằng chiêu thư sẽ ra sức bôi xấu vua tôi Kiến Văn Đế, hết lời ca tụng công lao to lớn "dẹp loạn" của Chu Khang. Chỉ tại Phương Hiếu Nho không "thức thời" thường vào giờ phút then chốt suy tính lợi hại cá nhân để bỏ chỗ tối đến chỗ sáng, quay giáo đánh lại. Thực ra sau cuộc chính biến cung đình ở mỗi triều đại, bất kể là kẻ thắng lợi bằng thủ đoạn dâm máu như thế nào, đều có thể xuống chiêu báo cho trăm họ trong thiên hạ, chửi kẻ thù chính một trận, mỹ hóa mình, để chứng minh việc kế thừa ngôi lớn là trên thuận lòng trời, dưới vừa dân ý. Thế là âm mưu biến thành nghĩa cử. Trăm họ không biết rõ cuộc chân tướng thế nào, bởi vì chính trị phong kiến không hề có độ công khai nào có thể tin được, mà càng không công khai càng lộ ra vẻ thần bí, kẻ thắng lợi trong âm mưu đảo chính sẽ biến thành thiên tử thần thánh, thành hoàng đế anh minh.

4. BÀ VƯƠNG BẢN DỰA PHẢI TỰ KHOE

Trong chốn quan trường xưa ở Trung Quốc không thiếu những cao thủ mưu bợ. Trong cuốn "Tây Hồ du lâm dư chí" có kể chuyện Hàn Thác Trụ lòng quyền luôn bợ đỡ kẻ có quyền thế. Có

quan chức tên là Tùng Thọ, muốn làm hắn ta vui lòng nhầm có lợi cho việc thăng tiến đã mua một mỹ nữ đem biếu Hàn Thác Trụ làm tỳ thiếp và lấy tên mình đặt tên cho người con gái đó. Một hôm, Hàn Thác Trụ gặp viên quan này, hỏi, vì sao tên gọi của người tiểu thiếp lại giống như tên gọi của tôn ông? Câu trả lời là: tôi cố ý đặt tên cho cô ta như vậy để cho "tiện danh thường ở bên cạnh ngài". Nghe xong, Hàn Thác Trụ rất vừa ý. Thủ đoạn nịnh bợ của Tùng Thọ quả thật làm cho người ta không thể không bật ra lời "tán thưởng" ! Cái mà Tùng Thọ muốn là trong lúc ăn cơm, đi ngủ hay lúc tìm vui hưởng thú, Hàn Thác Trụ đều không thể quên được tên mình để cất nhắc hắn. Trong thuật nịnh bợ, việc làm này của Tùng Thọ đáng gọi là một màn trình diễn hàng đầu.

Nhưng như vậy chưa phải là siêu hạng. Trong lịch sử còn nhiều kẻ nịnh bợ biếu diễn còn hơn cả Tùng Thọ khiến người đời phải chép miệng. "tuyệt". Thời Xuân Thu, bên cạnh Tề Hoàn Công - người đứng đầu Ngũ bá, có một "đại sư nấu ăn" tên là Dịch Nha, thường nấu nướng các loại mỹ vị cho Tề Hoàn Công ăn để thay đổi khẩu vị. Một hôm, nhà vua hỏi Dịch Nha: trong thiên hạ còn có món ngon gì nữa không? Dịch Nha trả lời: Mỹ vị trong thiên hạ chỉ còn có một thứ mà nhà vua chia ăn, đó là thịt người ? Trở về nhà Dịch Nha giết ngay con trai nhỏ của mình, dùng thịt con trai nấu thành món ăn dâng lên tể Hoàn Công. Quá nhiên Tê

Hoàn Công ăn rồi khen rất ngon, vì thế Dịch Nha được trọng dụng.

Để được vua yêu, giết con cũng chẳng tiếc dâng thịt con trai cho người ăn cũng chẳng từ, sự nịnh bợ của Dịch Nha đến mức đẫm máu, nhưng cũng chứng thực ma lực của quyền thế lớn đến như thế nào, lớn hơn cả tình máu mủ ruột thịt cha con, hơn cả tình mạng của đứa con. Những sự việc tương tự như vậy còn có Nhạc Dương Tử tự ăn thịt con trai mình, Ngô Khởi giết vợ để cầu tướng, Lã Bất Vi dùng ái thiếp làm thứ "hàng hóa đặc biệt" tặng người. Còn có một người tên là Cẩu Quan Sát, biết tin ái thiếp của Chế đài đại nhân vừa chết, trong nhà ông ta vừa có một nàng dâu tuyệt sắc, thế là cả hai vợ chồng Cẩu Quan Sát đều quỳ trước mặt con dâu, xin người này cải giá để làm phu nhân của Chế đài đại nhân; người con dâu không chịu, hai vợ chồng liền ngầm cho con dâu uống thuốc kích dục, người này không chịu đựng nổi đành phải đáp ứng. Thủ đoạn nịnh bợ bỉ ổi đến như vậy, thật khiến người ta buồn nôn.

Thời Đường Huyền Tông, gian tướng Lý Lâm có nghệ thuật nịnh bợ đứng đầu hàng cao thủ. Trong những năm Thiên Bảo, Lý Lâm Phố chủ trì khoa thi tiến sĩ, hắn không muốn nhân tài mới xuất đầu lộ diện, càng không muốn một số người sau khi thi đỗ nói những sự thực ở các địa phương trong thời gian hắn ta chấp chính. Nhưng hắn lại

lo rằng nếu không lấy đỗ một ai thì cũng khó thua bẩm với Đường Huyền Tôn, bởi vì thi tiến sĩ là đã lựa chọn nhân tài cho đất nước. Thế là, Lý Lâm Phố dâng một biểu chúc mừng riêng lên Đường Huyền Tôn, nói cả nước không có một ai thi đỗ tiến sĩ rất đáng chúc mừng, bởi vì điều đó cho thấy "đã dùng hết người hiền tài trong dân gian" trước kỳ thi, triều đình đã lựa chọn để bạt hết nhân tài trong cả nước rồi, một người cũng không để lọt, đức vua Đường Huyền Tôn anh minh biết đường nào, trọng dụng nhân tài đến đường nào! Các hoàng đế đều ưa thích thần dân ca tụng minh anh minh. Đường Huyền Tôn lúc cuối đời càng như vậy. Lý Lâm Phố thật xứng là đại quan, từ lâu hắn đã nắm bắt được nhược điểm tâm lý của chủ nhân, dùng việc "đã dùng hết người tài trong dân gian" để che giấu cái tài ác của mình, vừa đạt được mục đích áp phế nhân tài, lại vừa mượn cớ đó để "nịnh" Đường Huyền Tôn. Bạn không khâm phục công phu nịnh bợ của Lý Lâm Phố, liệu có được chăng?

Người trong chốn quan trường sở dĩ dày da mặt là để giấu cái lương tâm bất chấp nhân cách, "nịnh bợ" đến mức cả tính người, chủ yếu vì "nịnh bợ" rất đặc dụng đối với người trong chốn quan trường. Trong bài "Sử thoại về công năng của nịnh" đã tổng kết các loại "công dụng lớn" của nịnh bợ.

Một là, được lòng cấp trên. Tống Ngọc nước

Sở đã chia ra làm: "hàng phong của đại vương" và "thư phong của thứ dân", được Sở Nang vương đánh giá cao... Tùy cơ ứng biến có Giải Tân đời Minh, thấy Chu Nguyên Chương câu mồi cá không cắn đã đọc ngay hai câu thơ "cá thường đâu dám châu thiên tử, vạn tuế quân vương chỉ câu rồng", khiến nhà vua quên ngay nỗi buồn rầu bức bối; làm cho buồn cười như Cao Sĩ Kỳ đời Thanh, theo Khang Hy đi săn, thấy nhà vua ngã từ lưng ngựa xuống, mình cũng cố ý ngã lăn vào vũng bùn, nhằm làm cho chủ nhân nhìn thấy mà dễ chịu... Những việc làm để lấy lòng ông chủ ấy đều không uổng công, rõ ràng là mỗi người đều được lợi.

Hai là biến nguy thành yên. Càn Long mời bạn Kỷ Hiền Phụng ngâm trăng làm thơ, đặc ý ngâm về đối đầu: "Ngoé hoàng hành quân, gió là dao, mưa là tên, mây là cờ, sấm là trống, trời là trận địa." Họ Kỷ thuận miệng đổi lại ngay: "Long vương mở tiệc, đèn mặt trời, nến mặt trăng, món nhắm núi, rượu biển sâu, đất làm mâm bát", không chỉ đổi rất chỉnh mà còn hơn câu đối ra về khí phái. Càn Long vốn thích làm thầy người, nét mặt từ bình thường đã chuyển sang "u ám", họ Kỷ với tinh ngộ, biết là không nên thua với hoàng đế, chuyển sang giải thích: câu đối ra mới thực sự tỏ ra "chúa thượng có thần uy to lớn", về đổi lại thể hiện": làm tôi chẳng qua được cái bụng to" mà thôi. Đến đó Càn Long mới lộ nét cười, cơn giận mới tan.

Bà là, chết đi sống lại...

Bốn là, thăng quan phát tài...

Năm là, luôn gặp vận đỏ...

Dưới đây sẽ dùng ví dụ hiện đại để nói một chút về "khoác lác". Hồ Kiến Học trong thời gian giữ chức bí thư thành ủy Thái An đã dặn riêng Cục trưởng cục thống kê: công tác thống kê phải phục vụ chính trị ! Năm 1994, thành phố Thái An xảy ra hơn 5000 vụ án hình sự, nhưng Hồ Kiến Học chỉ cho phép báo cáo lên trên 800 vụ, trình độ trị lý tổng hợp xã hội đứng đầu trong số hơn 180 thành thị cả nước; năm 1994, giá trị sản lượng công nghiệp của các thôn thuộc thành phố Thái An chỉ đạt 4 tỷ NDT, nhưng con số mà Hồ Kiến Học công bố với bên ngoài là hơn 26 tỷ NDT; thu nhập tài chính thực tế của thành phố Thái An năm 1994 chỉ đạt hơn 500 triệu NDT, nhưng Hồ Kiến Học đã báo cáo trực tiếp với lãnh đạo tỉnh là 1200 triệu; điều mà những bậc thầy khoác lác khác còn thua xa!

Loại người tương tự như Hồ Kiến Học không hiếm. Loại người khoác lác này ngoài nguyên nhân phẩm chất ra còn có nguồn gốc ảnh hưởng của dư độc cực tả. Hãy nhớ lại năm 1958, với làn gió ba hoa trong cả nước, lúc đó đang nhảy vọt lớn, muốn "đi bộ thực hiện chủ nghĩa cộng sản", hô to "người ta gan bao nhiêu, đất có sản lượng cao bấy nhiêu", nào là "lúa đạt sản lượng 97.5 tấn một ha", "lúa mì

đạt sản lượng 187,5 tấn một ha"... Một số cán bộ cơ sở khi báo cáo với cấp trên về sản lượng, nếu báo cáo thấp, người đó là hữu khuynh và phải nhận cờ trắng, nên đành phải khoác lác phóng vệ tinh để đón ý, vừa lòng cấp trên, nên có lúc vệ tinh bay đầy trời. Dư độc của ngọn gió ba hoa đèn nay vẫn chưa tiêu tan hết, trước mắt ở một số địa phương làn gió ba hoa giả dối đã bắt đầu thổi lại, mà đầu ngọn gió thì thường rất mạnh.

Xét tình hình trước mắt, sự nguy hại của khoác lác gay gắt hơn nịnh bợ, làm ô nhiễm nghiêm trọng phong khí xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội, không thể để căn bệnh này tiếp tục hoành hành mãi nữa!

5. HAI BỘ MẶT CỦA CHỦ NGHĨA QUAN LIÊU

Quan nhiều hơn việc, dây dưa cãi cọ, lên mặt ta đây, đến nay vẫn là ba loại thể hiện của chủ nghĩa quan liêu.

Ván đế thừa quan, thừa nhân viên xưa nay, trong ngoài đều tồn tại. Trong cải cách mở cửa, ván đế tinh giản cơ cấu thu gọn biên chế, vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Theo số liệu, chỉ kể cán bộ cấp huyện cấp phòng, Trung Quốc hiện nay đã có tới hơn 2,5 triệu

người, rõ ràng đó là một con số kinh người. Đất nước Trung Quốc rộng lớn, nhưng cả nước chẳng qua cũng chỉ có hơn 3000 huyện, làm gì mà cán bộ cấp huyện nhiều đến như vậy? Số rằng nguyên nhân là ở chỗ các đơn vị có quá nhiều cán bộ cấp huyện, cấp phòng, cũng tức là vấn đề cơ cấu phù thêng. Căn cứ vào số liệu của báo "Liêu vong" (ban hải ngoại) thì: các tỉnh trong cả nước trung bình có từ 57 đến 58 đơn vị cấp vụ, cục, mỗi vụ, cục trung bình có từ 5 cán bộ cấp vụ, cục trở lên. Mỗi vụ, cục có nhiều phòng, một phòng hồi đầu những năm 50 nay đã tách ra thành mấy cục hoặc mười mấy phòng, tăng nhanh hơn nhiều so với tốc độ tăng dân số của Trung Quốc. Trong tỉnh có bao nhiêu vụ, cục thì dưới địa khu và thành phố cũng phải bố trí cơ cấu tương ứng nhiều như vậy, mà những cơ cấu đối ứng ấy theo cấp bậc đều là những đơn vị cấp huyện, cấp phòng. Cứ thế mà tính ra, số đơn vị cấp huyện, phòng trong cả nước đương nhiên sẽ hơn nhiều lần số 3000 huyện chia theo khu vực hành chính, cho nên cũng đừng trách cả nước sao lại có tới hơn 2,5 triệu quan chức cấp huyện, phòng, và cũng đừng khó hiểu khi hiện nay số trưởng phòng trong xã hội còn nhiều hơn cả gái trinh (!)

Có người nói dùa hiện nay các khoa (đơn vị hành chính dưới cấp phòng) thuộc cơ quan hành chính đều là "ngũ quan khoa" - mỗi khoa nếu có 5 người thì một người là trưởng khoa, bốn người là

phó trưởng khoa, người người đều là quan, người người đều có mõi cánh chuồn trên đầu, quan nhiều hơn lính. Nói tất cả đều như thế, đương nhiên không phù hợp thực tế, nhưng nếu nói hiện tượng quan nhiều đang tồn tại ở một bộ phận thì là sự thực. Chẳng hạn, một huyện thuộc tỉnh X. có 22 xã và trấn với hơn 60 vạn dân, mà có tới 848 cán bộ cấp khoa, mỗi năm chi phí hành chính tới 5 triệu NDT. Số lượng quan chức quá nhiều không chỉ làm nặng thêm gánh vác của nhân dân, mà còn để một vấn đề nghiêm trọng là tác phong công tác, là chủ nghĩa quan liêu.

Nhiều năm trước đây đã có kế hoạch xây dựng một tòa nhà lớn ở Phúc Châu, nhưng do địa chỉ xây dựng không nhất trí mà các bên có liên quan đã tranh cãi suốt 10 năm sau vẫn chưa thể bắt tay vào việc, nghĩa là ai cũng có lý của mình cả mà không có trọng tài, chỉ có điều là cả hai bên đều ăn chung nồi cơm xã hội chủ nghĩa, lương cứ lĩnh như thường, tiền thưởng cũng phát theo lệ, nâng lương đê bạt cũng không chậm một ngày (!)

Câu nói cửa miệng của những kẻ quan liêu gặp việc thì cãi cọ, hiệu suất thấp, là: "Để suy nghĩ, suy nghĩ, nghiên cứu!", đưa đi đẩy lại, rồi đánh bài chuồn. Triệu Phú và một số người ở Viện nghiên cứu tự động hóa, chế tạo ra một sản phẩm mới, vinh dự được giải thưởng vàng Quốc gia, nhưng do tiêu chuẩn đo thử chưa được các bộ môn có liên

quan chấp nhận, mà nhà máy và đơn vị chủ quản thì chẳng ai muốn chịu trách nhiệm nên phát minh mới bị kìm lại không đưa vào sản xuất nổi.

Những kẻ quan liêu gặp việc thì cãi cọ, hiệu suất thấp còn cái làm việc "cho con dấu đi du lịch". Chỉ có một việc cõn con mà cũng dâu má. Vì thế làm một việc có khi phải đóng mươi mấy con dấu, thậm chí đến hơn một trăm con dấu. Báo chí đã tin: một nhà máy ở Quý Châu định khởi công xây dựng nhưng những người nắm giữ con dấu mãi vẫn chưa phê duyệt. Gấp gáp quá rồi ! Có người nghĩ đến việc dứt khoát cho "khoán": khoán cái việc khổ sai chạy con dấu ấy cho 8 cán bộ trung cấp. "Những người nhận khoán" bay lên Bắc Kinh, xuống Thâm Quyến, chạy Tứ Xuyên, đi Hà Nam, đến Sơn Tây. Sau hơn 40 ngày "duỗi theo tung tích", túm nhặt được những người quản con dấu, cuối cùng đóng đủ được 270 con dấu cần thiết cho việc khai công. Nói chuyện này cho những người không hiểu rõ tình hình Trung Quốc, chắc chắn họ sẽ cho là chuyện "ngàn lẻ một đêm".

Những người quan liêu thích làm ra vẻ ta đây. "Làm ra vẻ" là một ví dụ, vốn được dùng trong giới vũ thuật, chỉ chân tay thế võ của một thầy dạy võ nào đó xem ra rất ưa nhìn, nhưng trên thực tế chịu không nổi đòn, ngoài mạnh trong yếu. Hiện nay người ta dùng ví dụ đó để hình dung những người quan liêu thích hình thức, không thực sự cầu

thì, không chú ý đến hiệu quả thực tế, chỉ say sưa vào những bài viết bô ngoài giả dối, phù hoa. Trong bài: "Các loại làm ra vẻ" của Chung Văn Tinh đã miêu tả rất hay về những biểu hiện của hiện tượng "làm ra vẻ": "Năm năm tổng kết, tháng tháng tiếu kết, không kết thì thôi, kẻ kết là vạn lời, dường như bài viết càng dài càng chứng minh rằng công tác làm càng nhiều, càng tốt. Tuy dài nhưng đưa vào được những sự việc nửa thật nửa giả là được rồi. Còn như tính đáng tin và tính có hiệu quả như thế nào, không có gì là quan trọng cả, ngược lại, không có người kiểm tra nghiêm túc đâu."

Một số cơ quan nào đó năm năm được bình là đơn vị văn minh, cờ thường treo đầy tường, nhưng nội bộ lại không ngừng xảy ra những sự việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Nhưng người chủ quán vẫn nhắm mắt làm ngơ, dùng trăm phương ngàn kế che giấu nhằm giữ bằng được cái quán quán văn minh. Sao lại thế? Việc xấu trong nhà không thể bên ra ngoài, hư vinh không thể không tranh lấy. Có một nhà văn nữ đã kể: Tối hôm đó tôi đến thành phố X, ở đông bắc, định đến một quán trọ trước rồi đi thăm bạn bè sau, không ngờ đến nơi nào cũng đều "hết chỗ", chẳng còn cách gì nữa, đành đến quấy rầy bạn. Ngày hôm sau mới biết, có đoàn kiểm tra vệ sinh sắp đến, một số nhà khách, quán trọ đã làm vệ sinh trước rồi, sợ khách trọ làm bẩn, nên thà đóng cửa treo biển "hết chỗ", chứ

không đón khách. Mấy người bạn rủ nhau đi dạo phố, có người muốn tiêu tiệc, nhưng tất cả cái nhà vệ sinh công cộng đều treo bảng "tạm đóng cửa", nguyên nhân là vừa phun nước hoa! Rõ ràng là đoàn kiểm tra vệ sinh sắp tới. Để đáp sự kiểm tra của cấp trên, nơi nào đều làm dối làm trái, tự dối mình lừa người. Từ những ví dụ trên có thể thấy, việc "làm ra vẻ" là chủ nghĩa hình thức, chỉ chú ý ngoài mặt, bất chấp thực tế như thế nào. "Làm ra vẻ" đã đổi lập danh và thực, nội dung và hình thức, chỉ quan tâm đến danh và hình thức, không quan tâm đến thực tại và nội dung. "Ô nhiễm bệnh" của cái bệnh quan trường đó là tính quốc dân của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Chữa trị bệnh quan trường, xem ra cần phải kết hợp với phê phán tính quốc dân.

6. HAI HIỆN TƯỢNG HỦ BẠI CỦA QUAN LIÊU

Trung Quốc cải cách và mở cửa, phát triển kinh tế hàng hóa, xây dựng hiện đại hóa, một số cán bộ lãnh đạo nắm thực quyền về đảng và chính quyền, buông lỏng việc tự mình giáo dục, bị ảnh hưởng của chủ nghĩa bái kim, không chịu nổi thử thách của đồng tiền, nhiễm phải độc tố giao dịch quyền tiền do thây ma chính trị phong kiến để lại, coi thường kỷ luật của đảng, pháp luật của nhà

nước, lợi dụng quyền lực ra sức đối lấy tiền tài, cuối cùng bị nhân dân tháo mạ và phải hầu toà. Trong tiến trình cơ quan đảng, chính các cấp trong cả nước tăng cường xây dựng liêm chính, trên dưới triển khai theo chiều sâu cuộc đấu tranh chống hủ bại, bọn hủ bại lũ lượt sa lưới. Vụ án nhện hối lộ đặc biệt lớn ở Thái An, Sơn Đông gây chấn động cả nước. Nó có hai điểm dột xuất: một là giao dịch quyền tiền, hai là hủ bại tập thể. Hai đặc điểm này chính là đặc trưng phổ biến của tội phạm quyền lực trong những năm 90.

Năm 1992 tại Thái An xuất hiện cái gọi là "Công ty hữu hạn thực nghiệp Hải Thiên", tổng giám đốc tên là Uông Đức Hải, hơn 20 tuổi, trình độ văn hóa tốt nghiệp tiểu học, đã từng nhập ngũ. Khi xây dựng Công ty, Hải lợi dụng ngon triều lón kinh tế hàng hóa mới dâng, tìm cách đục nước béo cò. Trước tiên là mánh lừa gạt nhỏ, đưa hối lộ, thông đồng móc tiền nhà nước. Khi đã móc được tiền, ngoài phần để cá nhân, số còn lại mang đi hối lộ, để móc được tiền càng lớn hơn. Cứ đưa hối lộ, móc được tiền, tiêu xài phung phí, lại đưa hối lộ... tuần hoàn liên tục như vậy, hấn ngang nhiên "giấu trời qua biển". Từ một kẻ không đồng xu dính túi, hấn đã nhanh chóng lưng đất vạn quan. Cuối cùng cơ hội đã đến. Trong một dịp tình cờ gặp Đô Truyền Kỳ, phó bí thư quận ủy kiêm Chủ tịch hội đồng nhân dân quận Thái Sơn, thành phố Thái An tại Thâm Quyến, Uông Đức Hải đã ăn cân tiếp đai

và giành được cảm tình của Đỗ Truyền Kỳ. Sau khi trở về Thái An, Uông Đức Hải còn luôn tìm cách tiếp xúc, hấn mờ cuộc thăm dò bằng cách mua biếu Đỗ Truyền Kỳ một bức tranh đẹp trị giá tới 1000 USD. Đỗ Truyền Kỳ thu nhận bức tranh một cách dễ dàng. Thấy thế, Hải tiến thêm một bước, xin phép để Công ty được trực thuộc HĐND quận Thái Sơn với lý do phát triển toàn diện Công ty, đồng thời góp phần vào sự chấn hưng kinh tế của địa phương.

Nhưng mục đích thật sự của hắn là tìm một kẻ phung phí tiền của làm chỗ dựa. Đỗ Truyền Kỳ chỉ thấy Hải là một miếng "mồi ngon" rơi vào nhà, lúc này không lo kiếm xác, khi về hưu sẽ khổ. Có chỗ dựa rồi, Hải đã ra sức lợi Đỗ Truyền Kỳ, móc được những khoản tiền lớn của ngân hàng. Một số quan chức chính quyền, ngân hàng bị hoa mắt trước những khoản "đền ơn" hậu hĩnh đã ngoan ngoãn làm theo ý hắn. Chỉ chưa đầy hai năm, số tiền mà Hải chiếm đoạt bằng lừa gạt đã lên tới 20 triệu NDT. Nhân dịp Đỗ Truyền Kỳ đơn đến nhà mới, Hải đã giúp không hoàn lại toàn bộ đồ dùng trong nhà như video, TV màu, tủ lạnh, máy giặt... còn biếu cả đồ trang sức bằng vàng. Sau đó nhân khi mua ô tô du lịch, Hải đã tặng cho Đỗ Truyền Kỳ 5,6 vạn NDT. Nhận hồi lộ giống như hít chất độc, đã nghiên rót rất khó bỏ, mà chỉ ngày càng nặng thêm. Đỗ Truyền Kỳ cảm thấy một cách sâu sắc sự diệu kỳ của quyền lực, quyền lực trong tay

ông ta đang phát ra những ánh vàng rực rỡ... Để ra vẻ, Hải muốn chiếc ô tô của mình được đeo "biển đen" (loại biển ô tô chỉ có những đơn vị liên doanh với nước ngoài mới được dùng). Nhưng muốn có "biển đen" phải được người phụ trách chủ yếu của công an thành phố phê chuẩn. Nhờ người môi giới, hắn đã làm quen được Diêm Khắc Tranh, phó giám đốc Cục công an thành phố kiêm chi đội trưởng chi đội cảnh sát giao thông, và sau khi chỉ cho Diêm Khắc Tranh và người môi giới, mỗi người 2000 NDT Hải đã đạt được mục đích. Lúc này, Diêm Khắc Tranh biết Hải là kẻ lăm tiền, nên Diêm đã chủ động làm quen, nhằm lấy tiền của hắn hồi lộ cho cấp trên là Cục trưởng cục Công an thành phố Lý Huệ Dân. Sau này, chuyện làm ăn đen tối của Hải bị phát giác, hắn đã khai ra Đỗ Truyền Kỳ và Diêm Khắc Tranh. Từ Đỗ Truyền Kỳ, Diêm Khắc Tranh lộ ra Lý Huệ Dân, Lô Giao Thanh, bí thư trưởng thành ủy, Tôn Kháng Tường, phó bí thư thành ủy. Cuối cùng truy ra Hồ Kiến Học, nhân vật đứng đầu thành ủy Thái An - một vụ án cán bộ hủ bại tập thể rung động cả nước! Đặc trưng của tội phạm quyền lực trong những năm 90 là hủ bại tập thể. Bọn hủ bại về mặt tham ô nhận hồi lộ đã kết thành màng lưới quan hệ, quan nọ quan kia bảo vệ lẫn nhau, cấu kết với nhau, bọn chúng dường như không "tác chiến một mình" mà phần lớn là "tác chiến hiệp đồng", chỉ cần tóm được đuôi một con cáo là có thể lôi ra cả một ổ cáo. Lý Huệ

Dân, khi khám nhà đã thu được những "tặng phẩm" phải dùng đến 3 ô tô tải chở mới hết gồm: tủ lạnh, TV, máy ghi hình, máy ảnh, điều hòa không khí, thảm len, rượu quý (riêng rượu Mao Đài 174 chai), ngoài ra còn tiền mặt, sổ tiết kiệm, cổ phiếu các loại với tổng số giá trị tiền khoảng 80 vạn NDT (khoảng 1,2 tỷ VND). Lư Giao Thành, từ tháng 5/1992 đến 12/1994 chỉ trong thời gian hơn 2 năm đã nhận hối lộ 1.4 triệu NDT, trung bình mỗi ngày nhận hối lộ gần 1500 NDT. Số tiền nhận hối lộ bằng thu nhập tiền lương của 300 cán bộ nhà nước trong một năm. Tôn Thánh Tường, phó bí thư thành ủy Thái An, trong 2 năm 3 tháng giữ chức đã nhận hối lộ 42 lần với tổng giá trị trên 12 vạn NDT, trung bình mỗi tháng nhận hối lộ 5000 NDT. Đặc điểm nhận hối lộ của hắn là bất kể lượng tiền nhiều hay ít, bất kể quan hệ thân sơ, bất kể thái độ đối phương như thế nào, hắn đưa là nhận.

Hồ Kiến Học, thị trưởng kiêm bí thư thành ủy Thái An, sau khi bị kiểm tra, đã phát hiện tổng số tiền nhận hối lộ là 66 vạn NDT, ngoài ra còn 50 vạn NDT gia sản bất minh. Hồ Kiến Học công tác ở Thái An 5 năm, trung bình mỗi tháng nhận hối lộ 1,1 vạn NDT, trung bình mỗi ngày nhận hối lộ trên 400 NDT, trong khi thu nhập cả năm của một nông dân Thái An chưa được 400 NDT.

Ngoài mấy nhân vật kể trên vụ án này còn có mấy chức cán bộ cấp thành phố, cấp huyện bị bắt,

trong đó có ủy viên thường vụ, phó thị trưởng thường trực, ủy viên thường vụ kiêm trưởng ban tuyên huấn thành ủy phó cục trưởng cục tài chính thành phố v.v... Thanh kiểm pháp luật chính nghĩa tất sẽ chặt đứt từng bàn tay tham nhũng bẩn thỉu của các phản tử hủ bại tập thể.

Chương IV

VĂN NHÂN

Văn nhân nho sĩ là một bộ phận tinh hoa của dân tộc, phần lớn họ có tư tưởng nhạy bén, học rộng, nhiều tài, nhưng do quá khôn khéo và trực lợi, cùng với ảnh hưởng mặt trái của tư tưởng truyền thống nên họ cũng mắc rất nhiều thói hư, tật xấu.

I. CUỐNG NHIỆT THEO ĐUỔI CON ĐƯỜNG LÀM QUAN.

“Học nhi ưu túc sĩ” (học giỏi ra làm quan) câu nói nổi tiếng đó của Khổng Tử như là điều luật ngàn đời không đổi đã nói lên cái cốt lõi của sự lựa chọn giá trị của văn nhân truyền thống Trung Quốc, mục đích của việc học là để mưu cầu “sĩ”, đọc sách là để làm quan chứ không phải để làm giàu tri thức, tìm tòi chân lý, hiểu biết thế giới, phục vụ xã hội. Bậc thầy về phân tích tâm lý tinh thần nổi tiếng thế giới Sigmund Freud khi phân tích vở bi kịch cổ đại Hy Lạp “Ô-díp làm vua” (Oidipous), với cách nhìn soi rọi vào mọi ngóc ngách của trái tim

con người, đã rút ra “tâm lý Ô-díp” nổi tiếng (tức “tâm lý thù cha, yêu mẹ” từ vở bi kịch Ô-díp giết cha, lấy mẹ). Ở đây không bàn đến “tâm lý Ô-díp” có tính phổ biến của nhân loại hay không, mà chỉ mượn từ “tâm lý” để đổi chiếu tâm lý của văn nhân truyền thống Trung Quốc, sẽ thấy họ đang ngầm deo đắng một “tâm lý” vững bền mà hàng nghìn năm qua chưa tháo gỡ nổi - đó là “tâm lý làm quan”. Đối với văn nhân Trung Quốc hầu như người nào cũng có cái tâm đó và tâm nào cũng có cái lý đó.

Hãy nói từ Khổng Phu Tử, con người có ảnh hưởng vô cùng sâu sắc và to lớn đối với tri thức Trung Quốc, cả cuộc đời hầu như không ngừng theo đuổi mưu cầu làm quan. Ông dẫn dắt theo đồ đệ, đánh xe đi khắp chư hầu, hết lương chịu đói, vẫn không từ, chặng qua là vì mưu cầu quan chức. Lão Phu Tử nói: “Bán đi thôi ! Ta chờ giá để bán thôi!”. Con người đại tài này muốn thi thố tài năng, khát khao cứu dân khỏi cảnh loạn lạc. Chính Khổng Phu Tử đã nói: “Nếu mà làm giàu được, dù cho phải cầm roi đánh xe hầu người, ta cũng không từ!” - “Nếu không có vua ba tháng, hoang mang làm sao”, thì rõ ràng là dáng dấp của kẻ đã mất hết tự chủ; không được làm quan, không được sử dụng thì không thể sống nổi.

Khuất Nguyên là nhà thơ yêu nước vĩ đại hàng đầu trong lịch sử văn học Trung Quốc.

Nhưng nếu đọc kỹ tác phẩm “Ly tao” v.v... vẫn có thể tìm thấy trong đó có một số vấn đề khác đáng suy nghĩ ngoài lý tưởng chính trị và nhân cách hoàn mỹ mà nhà thơ theo đuổi. Trong phần mở đầu “Ly tao”, Khuất Nguyên đã lấy ví dụ nam nữ để nói vua tôi, lấy sự tranh đoạt yêu thương, ghen tuông của người đàn bà để ví với cuộc đấu tranh giữa trung và nịnh trong triều đình nước Sở. Khuất Nguyên đường đường là một đấng trượng phu mà trước mặt Sở Hoài vương lại cam chịu thủ vai người đàn bà, phải chăng là bị tâm trạng muộn dược vua tin dùng tác quái? Cũng trong “Ly tao”, ông lặp đi lặp lại lòng trung thành tuyệt đối “dù nát thân nỗi lo chẳng đổi” đối với hôn quân Hoài vương và bằng ngôn ngữ thông tục dân gian, ông viết lên nỗi ai oán đổi với Hoài Vương “trở mặt phụ tình”, “xưa vốn cùng ta hẹn lời, sau lại hối rồi khác ý”. Cái dáng dấp muôn treo cổ chết trên cây của Sở Hoài vương phải chăng cũng là một sự biếu lộ không thể kìm nỗi của cùng một tâm trạng? Chúng ta không nên lấy lý do Khuất Nguyên là tôn thất cùng họ của Sở Hoài vương, lấy lý do trung quân tức là yêu nước mà bỏ qua tất cả, không suy nghĩ sâu xa.

Đỗ Phủ được mệnh danh là thi thánh. Người đời tán tụng, tôn sùng ông hết mực, cuối cùng đã quên rằng bản thân thi thánh cũng có tính hạn chế lịch sử. Thực ra, tính lệ thuộc vào hoàng quyền, ý thức làm quan và tâm trạng muộn dược vua dùng

thể hiện trong con người Đỗ Phủ còn nổi bật hơn nhiều nhà thơ khác. Giai đoạn “mười năm Trường An” trong đời Đỗ phủ là một chứng minh rõ nhất.

Đời Đường Huyền Tông năm Thiên bảo thứ năm (năm 746), Đỗ Phủ lên Trường An tìm đường làm quan để thực hiện lý tưởng chính trị của mình “Giúp vua vượt Nghêu Thuấn lại làm cho phong tục thuần”. Năm thứ hai Đỗ Phủ thi sát hạch ở triều đình. Lý Lâm Phủ gây vụ lừa đảo “Giả vô di hiền” (người tài trong dân gian đều được dùng hết), toàn bộ thí sinh đều bị đánh hỏng. Đỗ Phủ cũng trở thành kẻ bị thiệt. Trong quãng đời ở Trường An, Đỗ Phủ đã ba lần dâng phú lên Hoàng đế mong được đánh giá nhưng đều không có hiệu quả gì. Nhà thơ đành phải bán thuốc, ăn nhờ ở nợ bạn bè. Ông vẫn kiên trì suốt 10 năm dâng lên Hoàng đế “Tam đại lễ phú” ca tụng công đức nhà vua, cuối cùng đã kiếm được một chức quan nhỏ, đó là Tào tham quân - tương đương với cán bộ phường ngày nay, chuyên giữ chìa khóa kho binh khí.

Bồ Tùng Linh, ông vua truyện ngắn của Trung Quốc, dự thi hơn 50 năm, cuối cùng vẫn không đỗ được cử nhân. Trong “Liêu trai chí dị”, Bồ Tùng Linh đã có rất nhiều bài vạch trần tệ hại của chế độ khoa cử và nhìn thấy rất rõ bản chất xấu xa của nó, nhưng chính ông lại không rút chân ra được. Cái mâu thuẫn giữa nhận thức và hành động của Bồ Tùng Linh đối với khoa cử đã trở

thành một đề tài châm biếm có tính bi kịch sâu sắc.

Khổng Tử, Đỗ Phủ, Khuất Nguyên, Bồ Tùng Linh... những anh kiệt thiên cổ, những người thày vạn đại trong văn nhân Trung Quốc đã thể hiện mình như thế đó, mà đã như thế thì các văn nhân truyền thống từ bậc đó trở xuống, không nói cũng biết sẽ như thế nào. Xem xét chủ đề "Hoài tài bất ngộ" (có tài không gặp) xuyên suốt mấy nghìn năm lịch sử văn học Trung Quốc sẽ thấy ngoài nguyên nhân cản bǎn là sự kìm hãm, chôn vùi nhân tài của chế độ chuyên chế phong kiến ra, cái vĩnh cửu của chủ đề này có lẽ là có liên quan lớn đến tâm lý làm quan và tâm trạng mong được vua tin dùng của văn nhân. Mất hết tự chủ, không được làm quan, đối với văn nhân truyền thống Trung Quốc như là mất cha mẹ. Có loại văn nhân vì mưu tìm một chức quan nhỏ, vì được trọng dụng mà ca tụng công đức, tô son trát phấn thái bình, hoặc a dua nịnh hót, bợ đỡ luôn cui, loại người đó sử sách ghi không hết. Vì sao như vậy? È rằng nguồn gốc ở chỗ xã hội truyền thống Trung Quốc là xã hội bản vị quan, tất cả đều xoay quanh việc có làm quan hay không, đẳng cấp giữa người với người rất chặt chẽ, một khi ra làm quan, tức là có thể ngẩng cao đầu, trở thành người đứng trên người, được hưởng các loại đặc quyền, muốn gì có nấy. Bia miệng ngàn đời còn ghi "chỉ cho quan chúa đốt lửa, không cho dân đen đốt đèn", "mọi thứ đều thấp hèn, chỉ có

“học là cao sang”, “một khi làm tri phủ thanh liêm, tiêu 10 vạn bạc”, v.v... đều nói lên rằng việc đọc sách, làm quan sẽ mưu được rất nhiều cái lợi. Chính vì thế các văn nhân mới say sưa theo đuổi làm quan. Điều người ta lo âu là cho đến nay “tâm lý làm quan” của văn nhân Trung Quốc vẫn chưa nguôi. “làm quan” vẫn là mục tiêu nhân sinh số một mà nhiều tri thức ngày nay theo đuổi. Tất nhiên, ngày nay “làm quan” là làm “đày tö” của dân, là phục vụ nhân dân, có sự khác biệt về bản chất so với làm quan ngày xưa. Nhưng việc các ông “đày tö” ngày nay được hưởng rất nhiều đặc quyền, dãi ngộ ưu tiên đó là nguyên nhân cảm dỗ không ít văn nhân từ bỏ văn nghiệp đi làm quan. Dù nhà văn, nhà nghệ thuật, chuyên gia, học giả gắn bó với công việc chuyên môn, phần lớn đều say sưa cấp bậc hành chính, xem mình đáng được dãi ngộ theo cấp phòng, cấp vụ, cục hay cấp tỉnh, cấp bộ, và lấy đó để an ủi, để khoe khoang, nhảm nháp niềm vui. Vì vậy có thể thấy nhiệm vụ quét dọn tàn dư nọc độc phong kiến vẫn còn khá gian truân nặng nề.

Còn về “tâm trạng mong được vua tin dùng” của văn nhân Trung Quốc lại là một sản phẩm của chính thể chuyên chế phong kiến truyền thống Trung Quốc: con người không có tính độc lập, con người bị hạ thấp thành “đồ vật”. Cùng một người “được dùng thì như con cọp, không được dùng thì như con chuột”, tất cả đều quyết định bởi ông vua

và ông chủ có “dùng” anh hay không. Sống và chết, cho và cướp, vinh nhục thăng trầm, tất cả đều nằm trong tay vua và ông chủ. Điều đó đã làm gia tăng tính lệ thuộc của các văn nhân. Nếu ai đó muốn giữ một phần tính độc lập của mình thì có thể tự chuốc lấy tai họa. Hoàng đế khai quốc triều Minh Chu Nguyên Chương đã từng quy định: “Các sĩ đại phu trong trời đất này không được vua dùng thì tội đáng chém”. Nhà thơ Cao Khởi tài hoa nhất triều Minh, chính vì không muốn làm quan Thị lang bộ Lễ nên bị Chu hoàng đế “chém lưng”. Được dùng có thể được nhiều ân huệ thăng quan phát tài, từ chối thì sẽ bị tai họa, vì thế các văn nhân thông minh mà lại yếu đuối càng thi nhau khom lưng cúi đầu trước vua, bày tỏ lòng trung hiếu mong được sử dụng. Chuyển sang một góc độ khác, nhìn từ mặt tích cực, những văn nhân muốn thực hiện hoài bão lớn lao, thi thoảng năng của mình dưới chính thể chuyên chế, cũng chỉ biết tranh thủ sự tín nhiệm của nhà vua, mong được nhà vua trọng dụng, nếu không thì chẳng làm được việc gì. “Dưới gầm trời này đều là đất của vua, bách tính trong thiên hạ đều là dân của vua... Trẫm là quốc gia, Trẫm là luật pháp, Trẫm là chân lý” - chính là mảnh đất này mầm cho “tâm trạng mong được vua tin dùng” của văn nhân.

2. TRỜI SINH TA CÓ TÀI HẦM ĐƯỢC DÙNG

Văn nhân phần nhiều là người sống bằng tình cảm, nhưng yếu đuối, khi phải đối mặt với nền chuyên chế tát oai và thói đời vẫn đục, khó lòng chịu đựng nổi, họ thường không muốn nước chảy theo dòng nhưng cũng không dám đứng lên chống đối. Hoặc ngạo nghễ ngông cuồng, hoặc rụt rè tự ti - cách biểu hiện xem ra tuy trái ngược nhau, nhưng thực chất đều là bát đắc dĩ chong lại hiện thực xã hội. Nhưng ngông cuồng và tự ti của văn nhân thường cực đoan, rất khó nhìn thấy nhân cách bình thường tự tôn tự trọng. Chính vì thế, chúng ta coi lời nói và hành động khác thường của sự ngông cuồng hoặc rụt rè, tự ti của các văn nhân là một thứ bệnh hoạn.

Nhiều danh nhân văn hoá trong lịch sử đều có duyên với thói ngông cuồng. Á thánh nho gia Mạnh Tử đã không chút giấu giếm tự khoe: “Nếu muốn bình trị thiên hạ, trên đời này ngoài ta ra thì còn có ai!”. Nhà sử học đời Hán Tư Mã Thiên nói trong “Sử ký - Thái sử công tự tự”: Sau Chu Công có Khổng Tử, sau Khổng Tử thì đến lượt ta - Tư Mã Thiên. Thực ra cái ý bằng vai phải lứa với Khổng Tử đâu chỉ có một mình Tư Mã Thiên. Đại thi hào Lý Bạch đời Đường nói rõ: “Ta lập chí viết sách, để lại ánh hào quang cho đời. Mong lập được thánh hiền. Ta gác bút khi lân bị bắt” - cũng là cái ý muốn học tập Khổng Tử, làm Khổng Tử thứ hai.

“Ngông cuồng” không bình thường ở không ít văn nhân truyền thống thường là do chính trị đen tối đẻ ra, hoặc là do đánh giá quá cao tài năng của cá nhân mình; hai thứ ngông cuồng đó đều nên xếp vào loại “bệnh hoạn”.

“Ngông cuồng” do chính trị đen tối đẻ ra thể hiện nổi bật nhất ở các văn nhân thời Nguy - Tân cuối đời Hán. Di Hoành cởi trần đánh trống chửi mắng Tào Tháo đã bị “Tam quốc diễn nghĩa” thổi phồng. “Trúc Lâm thất hiền” ở vào thời Nguy Tân đổi đời thường “lô mang sống” do sự thống trị khủng bố của họ Tư Mã cho nên lấy “ngông cuồng” để tránh tai họa. Nguyễn Tịch nhìn người với đôi mắt lục xanh lúc trắng, say một mạch sáu mươi ngày không tỉnh để tẩy chay ý đồ của họ Tư Mã muốn thông gia, đánh xe đi chơi lung tung, chẳng chọn đường đi, khi hết đường đi mới khóc than quay lại. Lưu Linh, nghiện rượu, xem rượu như mạng sống “cởi truồng nhảy múa” trong nhà, biểu diễn “thoát y vũ”, khách đến chơi nhìn thấy quở trách, ông còn dõng dạc lên tiếng: “Ta coi trời đất là nhà, coi nhà là quần áo, vì sao các vị chui vào trong quần áo của ta?” (“Thế thuyết tân ngũ”). Còn có Nguyễn Hàm, cháu của Nguyễn Tịch, cùng uống rượu bằng bát với đàn lợn. Hành vi ngạo nghễ của họ là để đạt mục đích tránh tai họa.

Người ngông cuồng nổi tiếng nhất đời Đường phải kể đến Lý Bạch. Có thể coi Đỗ Phủ là tri âm

thực sự của Lý Bạch, người có thể nhìn thấy được cái ngông cuồng của Lý Bạch. Đầu năm Thiên Bảo, Đường Huyền Tông liên tiếp ra chiếu chỉ cho Lý Bạch về kinh, Lý Bạch tưởng rằng thời cơ thực hiện lý tưởng chính trị vĩ đại “nguyễn làm phò tá” của mình đã đến, liền cao hứng làm thơ “ngẩng nhìn trời cười vang ra đỉ, chẳng lẽ đời ta là rơm rách”, ngang nhiên vào kinh, nhưng lúc này Huyền Tông kiêu căng, chuyên vui túu sắc, chỉ cần một văn nhân bồi bút viết những lời tán tụng khi ông vui chơi với Quý Phi. Lý Bạch vô cùng thất vọng, không chịu đóng vai bồi bút văn học, lại bị bọn tiểu nhân dèm pha hâm hại, đành gửi thân vào rượu. Ngông cuồng của Lý Bạch trong say rượu thực ra chứa đựng sự đau thương cảm phẫn. Vào đời Minh còn có Từ Vi. Biểu Trung Lang đã nói về Từ Vi “cuối đời càng phẫn chí, càng ngông cuồng”, ông lấy dùi chọc hai tai của mình, lấy búa đập vào thận, lấy rìu chặt vào trán, máu chảy tràn trề, tàn hại thân mình như thế đều là hành vi phản kháng mãnh liệt đối với hiện thực xã hội.

Người “Ngông cuồng” thường đánh giá quá cao tài năng của mình, mà trong văn nhân cổ đại có thể nói Đỗ Thẩm Ngôn là người tiêu biểu. Đỗ Thẩm Ngôn là một trong “tứ hưu văn chương”, có đóng góp cho sự chín muồi của luật thơ năm chữ, nhìn chung thành tựu không lớn. Nhưng ông lớn tiếng nói rằng: “văn chương của ta sánh với Khuất Nguyên, Tống Ngọc, còn thư pháp của ta thì Vương

Hỵ Chi phải quay mặt về phương Bắc mà tôn ta”⁽²⁾. Khi ông bệnh nặng, các nhà thơ nổi tiếng Tống Chi Văn và Vũ Bình cùng đến thăm ông, ông ngang nhiên nói với họ rằng: “Ta sống, chưa ai vượt ta. Nay ta chết, chưa có ai thay”.

Cái tính kiêu căng ngạo mạn được biểu lộ trong văn nhân thời nay không ít. Nhà thơ Nam Xã Liễu Á Tử đã từng ví các nhà thơ trong hội là nhân vật “Thủy Hử” và tự ví mình như Tống Giang, trở thành “Thiên khôi tinh đệ nhất” đè bẹp đám anh tài. Quách Mạt Nhược tự cho “ta có cái nhìn suốt bốn biển”, nghĩa là các nhà thơ dưới gầm trời này đều khó lọt mắt ta, đều không như ta. Nhưng Liễu Á Tử là cao thủ Nam Xã, Quách Mạt Nhược là nhà thơ mới nổi tiếng, họ đều có cái vốn kiêu ngạo, không lấy gì làm lạ. Một số nhân vật trên văn đàn thời nay, vừa đăng mấy bài thơ, hoặc tự bô tiền ra xuất bản tập thơ, trong lời nói đâu cũng như lời nói cuối, dám tự xưng là “đại thi nhân”, không cảm thấy ngượng mồm. Vừa đăng mấy bài viết liền được giới báo chí “bơm lên” một dạo, thì lâng lâng không biết trời cao đất dày, “nhìn trời Ngô Sở thấp, mắt chẳng thấy vật nào”;

⁽²⁾ Theo dịch học: Phương Nam thuộc Càn. Càn là trời, vua là con trời nên ngồi quay mặt về hướng Nam, còn bê tôi phải quay về hướng Bắc để chầu vua.

cái cảm giác "đặc biệt" ấy chỉ đáng để cho thiên hạ chê cười.

Đối lập với kiêu căng, ngạo mạn là thói rụt rè, tự ti - một cực đoan khác của tâm tư văn nhân, tuy hình thức bên ngoài khác nhau, nhưng tâm lý thực chất thì giống nhau, đều là tâm hồn yếu đuối của văn nhân trước trọng trách chính trị. Vào thời kỳ xã hội phong kiến đang lên, sự rụt rè, tự ti của văn nhân thể hiện không rõ nét lắm. Thời Nguyên, Minh, Thanh, sự thống trị dị tộc đã man lẠC hậu, lại thêm chuyên chế tập quyền phát triển đến cực đoan, văn nhân đứng trước cảnh sinh tồn ngày càng bi đát, họ hoàn toàn mất hết lòng tin đối với xã hội và cá nhân, cho nên khuynh hướng rụt rè tự ti của văn nhân vào thời kỳ này được biểu hiện rõ nét nhất.

Địa vị xã hội của tầng lớp văn nhân đời Nguyên càng bị hạ thấp so với văn nhân đời trước, trước hết là ở chính sách dân tộc của đời Nguyên. Phân tử tri thức tộc Hán chiếm đại đa số văn nhân đời Nguyên bị xếp vào loại người hạng ba, hạng bốn và có sự phân biệt đối xử; thứ đến là việc ngừng chế độ khoa cử đến 80 năm, càng làm cho văn nhân đời Nguyên mất đi tận gốc bậc thang tiến thân. Họ trở thành những người câu cá, đốn củi, uống rượu, oán đời, đa số trong họ gia nhập thư hội ở đô thị, có kinh tế hàng hóa phồn vinh, làm "tài nhân thư hội", "tiên sinh thư hội", nhà

sáng tác nhạc, cùng hội cùng thuyền với đào kép, đứng đầu trong bốn thứ dân “sĩ, nông, công, thương” trong xã hội truyền thống rơi vào vực thẳm giữa “kỹ nữ - thứ tám, nhà nho - thứ chín, ăn mày - thứ mười”, họ không thể kiêu căng ngạo mạn được nữa, xã hội cũng không cho họ “vốn liếng” để kiêu căng ngạo mạn, họ cực kỳ bất mãn đối với xã hội nhưng đành chịu, vì thế mà phát sinh thái độ rụt rè tự ti. Trước hiện thực xã hội hiền ngu đảo lộn, họ đành tự nhận “họ hiền, ta ngu, tranh nhau làm gì?”, có người tự xưng là “đầu nậu đám ăn chơi trên đời”, suốt ngày đòn dùm, nhậu nhẹt, hút xách, cờ bạc, đĩ điểm; có kẻ lấy bộ mặt xấu xí của mình ra làm trò vui.

Khi xã hội coi rẻ con người thì con người cũng không coi xã hội là xã hội. Khi con người không có cách gì chống lại xã hội hoặc chống cũng không hiệu quả, thì đành phải chuyển sang chế riễu minh, tự hạ thấp mình để tố cáo xã hội cho khuây khoả nỗi buồn. Các văn nhân đời Nguyên đã như vậy, các văn nhân đời Minh cũng thế. Trương Đại sống vào lúc triều Minh đang suy vong, ông mất hết lòng tin đối với nhân sinh, bất lực đối với sự sinh tồn của cá nhân, ông cố sức thể hiện trong bài viết của mình, nói về cuộc đời của ông cái gì cũng hỏng.

“Thiếu thời ta là con em của tầng lớp trên, rất yêu vinh hoa, thích nhà sang, thích vợ đẹp, thích

con ngoan, thích áo mới, thích ăn ngon, thích ngựa hay, thích hút thuốc, thích vườn lê, thích tảng bốc, thích đồ cổ, thích chim, hoa... bận rộn nửa đời người, đều thành áo mộng, đến tuổi 50, nước mắt nhà tan... cho nên gọi ta là kẻ phú quý cũng được, gọi là kẻ bần tiện cũng xong, gọi là người trí tuệ cũng được, gọi là kẻ ngu xuẩn cũng xuôi tai, gọi là đứa cứng đầu cũng vậy, gọi là kẻ mềm yếu cũng không sai... Đọc sách không thành, học kiếm không đạt, học tiết nghĩa không xong, học văn chương không đạt, học tiên, học phật, học nghề trống trọt thì bê bết. Mặc cho người ta gọi nó là đồ phá gia chi tử, là đồ thừa, là dân ngu, là Trương tú tài, là thằng ngủ gật, là đồ chết tiệt”.

Trương Đại gấp thời mạt vận còn có thể nói gì ngoài việc tự “khinh miệt” giá trị của mình? Khi giá trị của con người bị coi rẻ, Trương Đại cũng chỉ có thể làm giảm bớt cái “gánh nặng của số phận” ám thầm chất chứa trong lòng suốt cả đời, sau đó lại gánh lấy cái “vơi nhẹ của số phận” một cách vu vơ bằng rụt rè, tự ti, không hề băn khoăn suy nghĩ.

Do nhiều nguyên nhân lịch sử cái thói rụt rè tự ti của văn nhân truyền thống được văn nhân thời nay thừa kế một cách đáng buồn. Các phong trào chính trị liên tiếp diễn ra suốt mấy chục năm dưới sự chỉ đạo của tư tưởng cực tả, bao giờ văn nhân cũng bị đem ra mổ xé trước tiên, một số văn nhân trực tính, không thể chịu nhục thà chết

chống lại, nhưng càng nhiều văn nhân cúi đầu chịu nhục, tự chà đạp mình để cầu sự sống, trong đó không thiếu nhân sĩ nổi tiếng. Một đại văn hào hiện đại đã công khai tuyên bố toàn bộ tác phẩm của mình trước đây đều là cỏ dại, rác rưởi; một vị giáo sư rất có quyền uy trong lĩnh vực chuyên môn, nhưng dưới áp lực của cường quyền, ông tự tát tai mình, chửi bới quá khứ của mình, sau đó tự biến mình thành một con rối lảng xăng theo sau đám chính trị cường quyền. Triệu Cảnh Thâm, chuyên gia nổi tiếng về lịch sử hý khúc, tại buổi liên hoan lần thứ 4 trường đại học Phúc Đán đã nhảy lên sân khấu biểu diễn bài từ “Hoán Khê Sa” của Mao Trạch Đông bằng giọng Côn Minh, khi hát đến “một tiếng gà kêu sáng cả trời”, ông bỗng nhiên nhảy lên ghế, ngồi xổm trên lưng ghế, chu mồm “ò, ó, ó”, trong hội trường dậy lên tiếng hoan hô. Học sinh phái tạo phản trong cách mạng văn hoá ở tiểu tổ học tập truy hỏi học lực của ông Triệu, ông Triệu bình tĩnh trả lời: Học lực của tôi là giả, làm văn bằng giả rất dễ, lấy khoai tây hoặc củ cải khắc thành con dấu là được, tôi biết khắc dấu. Triệu tiên sinh làm như thế, nói như vậy trong lòng nhất định rất đau khổ, nhưng chỉ có hạ mình như thế mới có thể được cảm tình của bọn dung tục, mới có thể tự giải thoát được.

Mấy năm gần đây, theo ngọn triều hàng hoá dâng cao, hiện tượng tri thức văn hoá bị giảm giá, địa vị văn nhân xuống thấp, chân tay, trí óc đào

ngược, đã trở thành tiêu chí nổi bật của một xã hội mất quy củ, phân phối mất cân đối. “Ngu như tiền sỹ, nghèo như giáo sư” vẫn là bia miệng một thời. Văn nhân trở thành một thành viên trong bọn dung tục, thậm chí khả năng kiểm sống của họ còn hơn bọn dung tục. “Số 6 phố Thượng Nghĩa” của nhà thơ trẻ Vu Kiên đã dựng nên hình tượng dám thanh niên văn học mất hết lý tưởng, trong đó có bản thân nhà thơ...

3. VĂN NHÂN TỪ XƯA PHẦN NHIỀU COI THUỜNG NHAU.

Từ 1800 năm trước, nhà thơ Kiến An Tào Phi đã nêu rõ: “Văn nhân khinh nhau đã có từ xưa”. Muốn biết nguyên cớ con bệnh này thì phải truy ngược về trước Tào Phi. Tào Phi còn nêu ra hai vị văn nhân thời Đông Hán là Ban Cố và Phó Nghị trước ông hơn 100 năm. Ban Cố và Phó Nghị danh tiếng như nhau, nhưng Ban Cố coi thường Phó Nghị, phê bình Phó Nghị viết văn hạ bút một mạch. Kỳ thực nếu chúng ta mở rộng phạm vi liên quan của từ “văn nhân”, để cho nó gần với khái niệm “phần tử tri thức” thì sẽ thấy trong lịch sử văn hóa tư tưởng Trung Quốc, ngay từ thời Xuân - Thu - Chiến Quốc “tương khinh” giữa các “văn nhân” đã khá nghiêm trọng. Bách gia chư tử tranh luận gay gắt quả đã thúc đẩy sự phát triển học thuật tư tưởng Trung Quốc, nhưng sự công kích,

thậm chí bài xích chửi bới lẫn nhau giữa các học giả, các học phái khác nhau, như thái độ của nho gia đối với Mặc gia, pháp gia, quan điểm của đạo gia đối với nho gia, Mạnh Tử mắng Dương Chu, đồ đệ của Mặc Tử là “cầm thú”, còn Trang Tử thì mượn mồm của bọn trộm cắp mắng Khổng Tử là “Khâu ăn trộm”, thì rõ ràng là khinh nhau có dụng ý, còn đâu là sự tranh luận học thuật tư tưởng với ý nghĩa nghiêm túc nữa!

Khi phân tích nguyên nhân “văn nhân tương khinh” trong cuốn “Điển luận - Luận văn”, Tào Phi viết: “Hầu như người ta giỏi nhận xét về mình mà văn chương chữ nghĩa thì muôn hình muôn vẻ, rất khó có thể hoàn hảo, cho nên người ta lấy sở trường của mình để khinh sở đoán của người khác”.

Quan sát bệnh trạng khinh nhau của các văn nhân cổ kim đông tây, phần lớn không ngoài hai trường hợp dưới đây: Một là lấy cái sở trường của mình để khinh sở đoán của người khác, hai là lấy cái đúng của mình để khinh cái sai của người khác.

Thời kỳ Tề Lương, Chu Ngung phát hiện bốn thanh bình, thượng, khứ, nhập về mặt âm vận của chữ Hán, các thi nhân Thẩm Uớc, Tạ Đan, Vương Dung v.v... đã đưa bốn thanh đó vào sáng tác thơ ca, và đưa ra cái thuyết “tứ thanh bát bệnh” nổi tiếng. Thẩm Uớc giỏi sở trường, rất tự phụ cho rằng: “Từ Linh Vận đến nay trải qua nhiều năm

tháng, tuy văn chương tinh tế hơn song bí quyết này chưa ai biết” (Tống thư. Tạ Linh Vận truyện luận). Trong “Đáp Lục Quyết Thư”, Thẩm Uớc lại nói: “Từ xưa đến nay, những người giỏi văn từ tuy biết sự khác nhau của ngũ âm và sự thay đổi cao thấp của nó, nhưng cũng có nhiều điều chưa biết, cho nên mạo muội nói rằng bí quyết này chưa ai biết. Từ đó mà suy ra, tuy có biết nhưng văn nhân đời trước cũng chưa hiểu điều này”. Từ hai câu nói trên, chúng ta có thể thấy Thẩm Uớc có sở trường vận dụng thanh vận trong sáng tác thơ ca và coi thường các văn nhân đời trước ông. Đó là một điển hình lấy sở trường của mình để khinh sở đoản của người khác.

Quách Mạt Nhược lại đánh giá rất không xác đáng về Đỗ Phủ. Bình luận của Nguyên Bạch và họ Quách đối với Lý, Đỗ xuất phát từ quan niệm văn học, từ phong cách văn học của mỗi người, lấy cái đúng của mình để khinh cái sai của người khác, do đó khó đảm bảo sự công bằng khách quan, cho nên sự đánh giá của họ không được người đời xưa và người đời nay chấp nhận. Việc Nguyên Chân, Bạch Cư Dị nâng Đỗ Phủ, đè Lý Bạch từng làm cho nhà thơ, nhà tản văn Hàn Dụ bất mãn. Trong bài thơ “Điệu Trương Tịch”, Hàn Dụ nghiêm khắc cảnh cáo “Văn chương Đỗ, Lý rạng rỡ hàng muôn trượng, không biết bầy ngu dốt có sao dèm pha phi báng ? Châu chấu mà muốn đá xe, nực cười không lượng sức”. Quách Mạt Nhược nâng Lý, đè Đỗ xuất

phát từ mục đích thực dụng chính trị cũng đã bị không ít các học nhân đương thời khéo léo hoặc trực tiếp phê phán.

Vào cuối đời Thanh, ở Thượng Hải, có người muốn chọn 50 văn nhân viết văn cận đại, định chọn Chương Thái Viêm và Đàm Phục Sinh, Hoàn Công Độ. Chương Thái Viêm bèn viết thư cho Đặng Thực nói: Hai ông Đàm, Hoàng học thuật đã ít, văn từ lại thiếu sát hạch, còn tôi kém cỏi chưa dám (thực là chưa muộn) sánh vai cùng hai vị vậy. Ở đây họ Chương vừa khinh thường học thuật của hai họ Đàm, Hoàng, vừa khinh thường văn từ của họ, do đó không muốn đứng ngang hàng với họ. Điều đó làm chúng ta nhớ đến Dương Quýnh đầu nhà Đường. Dương Quýnh sắp ngang hàng với Vương Bột, Lư Chiếu Lệnh, Lạc Tân Vương hiệu là "Sơ Đường tú kiệt", xếp theo thứ tự là Vương, Dương, Lư, Lạc. Điều này khiến Dương Quýnh rất không vừa ý, nói: "Tôi xấu hổ đứng trước Lư, lấy làm nhục đứng sau Vương". Thành tựu thực tế của Vương Bột còn cao hơn Dương Quýnh, nhưng Dương Quýnh lại coi thường Vương Bột, cho rằng mình xếp sau Vương Bột là bị sỉ nhục, là theo cảm tính của một số người nào đó. Vào cuối Thanh, văn chính luận của Lương Khải Siêu được gọi là thể văn mới, lý lẽ rõ ràng, bút pháp giàu tình cảm, người ta tranh nhau bắt chước, làm xôn xao cả nước, còn Chương Thái Viêm thì mỉa mai rằng: "Như xưa nay một vài ông tú già đều là hạng kẻ sĩ

giao tiếp phù hoa, quen lấy lòng thiên hạ, lối văn hà hơi tiếp sức chẳng phải là cái văn vẻ lịch sự, tao nhã gì”.

Thời hiện đại, do mâu thuẫn xã hội ngày càng phức tạp, nhiều nhân tố phi văn học len lỏi vào trong văn học. Tranh luận giữa dinh luỹ mới, cũ trong phong trào văn hóa mới, tranh luận giữa văn ngôn bạch thoại, tranh luận giữa văn đề và chủ nghĩa, tranh luận giữa khoa học và huyền học; tranh luận giữa cánh tả và cánh hữu những năm 30, các nhà tạp văn phê bình chỉ trích văn tiểu phẩm; một loạt cuộc tranh luận trong văn học đương đại; tranh luận giữa nhà văn nông thôn và nhà văn tiên phong trong văn học thời kỳ mới, tranh luận giữa thơ cũ và thơ mới, v.v... không có chỗ nào là không có nhân tố chính trị quấy nhiễu và chỗ nào cũng tràn ngập không khí văn nhân coi thường nhau!

Văn nhân khinh nhau, nói xấu nhau không chỉ là cái tật của văn nhân Trung Quốc mà cũng là cái tật của văn nhân phương Tây. Tolstoi nói: “Các nhà học thuật của các phái phi báng nhau, miệt thị nhau khác nào như các nhà tôn giáo các phái. Thủ xem hiện tại, các nhà học thuật của các phái đều là người của phái này bài xích người của phái kia. Ví như trong thơ ca phái lãng mạn cũ bài xích phái Parnasse và phái đòi truy, phái Parnasse công kích phái lãng mạn và phái đòi truy, phái đòi truy

lại bài xích mấy phái trên và phái tượng trưng, phái tượng trưng lại bài xích mấy phái trên và phái Ma-khổ. Phái Ma-khổ lại bài xích các phái nói trên... Trong tiểu thuyết, sân khấu, hội họa, âm nhạc cũng đều như vậy". Có thể thấy rằng "văn nhân khinh nhau" là cái bệnh phổ biến của văn nhân kim cổ đông tây. Chỉ có điều văn nhân Trung Quốc khi "khinh nhau" thường thường sinh lòng đố kỵ. Thủ đoạn hiểm độc nhất trong nhiều thủ đoạn đáng sợ là mượn lực lượng chính trị để đánh bại đối thủ.

Lý Tư và Hàn Phi đều cùng học thuật để vương dưới trướng của Tuân Huống, một đại nho vào thời hậu kỳ Chiến Quốc. Dưới sự chỉ đạo của Tuân Huống, hai người chuyên tâm nghiên cứu thuật để vương, mỗi người có một sở trường. Hàn Phi giỏi nghiên cứu chiêu sâu của học thuật, vạch ra chiến lược vĩ mô trên lý luận; còn Lý Tư thì giỏi vận dụng lý luận vào thực tiễn. Lý Tư đến nước Tân trước Hàn Phi, qua nhiều nỗ lực đã làm khách khanh hàng đầu của Tân Vương Doanh Chính. Tân Vương Doanh Chính đọc tác phẩm của Hàn Phi tìm thấy cơ sở lý luận nhất thống thiên hạ, sai khiến thần dân nên rất khâm phục, vì thế cất quân đi đánh nước Hàn, cũng đưa Hàn Phi về Tân. Hàn Phi đến làm cho đồng học ngày xưa trở thành đồng sự ngày nay. Hai người học với nhau trong nhiều năm, rất hiểu gốc gác ngọn nguồn của nhau, không ngờ trong tình bạn học sinh ra coi thường

lẫn nhau, rồi xảy ra xung đột. Hơi hám quý tộc ở con người Hàn Phi làm cho Lý Tư cảm thấy mình thấp kém, kiến thức cao sâu của Hàn Phi làm cho Lý Tư thấy mình dốt nát. Lý Tư hiểu rõ học vấn của Hàn Phi rộng hơn mình nhiều, còn Tân Vương thì muốn thôn tính chư hầu, dòm ngó thiên hạ, đang cần người có học vấn rộng như Hàn Phi. Nếu Hàn Phi được vua Tân tin dùng, tất sẽ ảnh hưởng đến tiền đồ của mình. Lý Tư ghen ghét Hàn Phi theo bản năng, coi Hàn Phi là đối thủ cạnh tranh lớn nhất của mình cần phải trừ khử, bạn học cũ cũng chẳng cần. Sau khi tìm được cơ hội, Lý Tư liên kết với đồng liêu Diêu Giá, đưa lời sàm nịnh đến vua Tân, tống Hàn Phi vào ngục. Lý Tư lo đêm dài nhiều mộng, Tân Vương tỉnh lại cho thả Hàn Phi, nên dứt khoát phải làm đến nơi đến chốn, cho người đưa thuốc độc vào ngục buộc Hàn Phi tự vẫn. Mấy ngày sau khi Tân Vương hối hận, muốn thả Hàn Phi ra thì Hàn Phi đã ở dưới suối vàng. Kết cục bi thảm của Hàn Phi đã nói lên: sự bức hại chí mạng nhất đối với văn nhân chính là từ những đồng loại văn nhân học vấn ít ỏi, tham quyền cố vị, lòng lang dạ sói.

“Điểu dài thi án” nổi tiếng trong lịch sử văn học cũng chính là do tâm lý đố kỵ chi phôi, là vụ án diễn hình văn nhân chính văn nhân. Tô Thức là người hùng văn hoá, thông thái hiếm có trong lịch sử Trung Quốc; thi ca, tàn văn, từ, thư pháp, hội họa của ông đều đạt đến đỉnh cao của thời đại ông,

các văn nhân múa văn vẽ mực tăm thường không có cách gì sánh kịp. Nếu là văn nhân có đạo đức đứng đắn nên noi theo tấm gương Tô Thúc. Nhưng trên đời có những hạng văn nhân tiểu nhân, đố kỵ tài năng, khó chịu đối với ảnh hưởng to lớn của Tô Thúc, rắp tâm kiếm tìm khe hở để báo thù, gây nên vụ “Điều Đài thi án”. Kẻ dốc sức nhất trong hoạt động hâm hại Tô Thúc là ngự sử Thư Đãn, tác giả một số bài từ. Thư Đãn là thân tín của Vương An Thach, Lã Huệ Khanh, đầy dã tâm quỷ kế, soi mói từng chữ từng lời trong thơ văn Tô Thúc, tập hợp lại làm chứng cớ giết người.

Lòng dạ của Thư Đãn sở dĩ hiểm độc hơn các ngự sử khác có lẽ là do bị đố kỵ của văn nhân nhiều hơn. Trong sáng tác không vượt được người, không đuổi kịp người thì trên chính trị tìm cách quật ngã người, tốt nhất là quật chết người, quét sạch uy phong của người, để xem đại sự của người ghê gớm hay bồi bút của ta ghê gớm. Cái tà tâm và hành động kiểu Thư Đãn này không những không mất dấu vết mà lại thấy nhan nhản trong phong trào chính trị mấy chục năm của chúng ta: Tiểu văn nhân đối với đại văn nhân, người kém văn hóa đối với đại học giả, thành tựu nhỏ đối với thành tựu lớn thường dở trò kiểu Thư Đãn cắt xén câu chữ, đưa vào sổ đen, bày đặt tội danh... rõ ràng là con cháu của Thư Đãn vẫn chưa bị tiệt nọc trên văn đàn! Các văn nhân chính trực lương thiện, phần tử tri thức xả thân vì sự nghiệp văn phái nêu

cảnh giác đối với những nhân vật kiểu Thư Đãn.

4. NỖI BUỒN, CHÀNG HỒI CÓ BAO NHIÊU ?

Văn nhân Trung Quốc xưa nay vốn cảm thương sự đời với tinh thần trách nhiệm cao và sứ mệnh thiêng liêng, được tư tưởng nho gia giáo dục và giúp họ tích cực đi vào cuộc sống, say sưa làm chính trị, coi vua như Nghiêu Thuấn, cứu đời giúp thời, hướng về mục tiêu thiên hạ đều thiện. Cái gọi là “không làm thừa tướng giỏi thì làm lương y”, có nghĩa là cứu thế cứu dân. “Thừa tướng giỏi” có thể chữa trị bệnh đời, làm cho chính trị trong sáng, thiên hạ thái bình; “lương y” có thể chữa trị bệnh người, giúp con người thoát khỏi bệnh tật đau khổ, mạnh khoẻ, yên vui.

Hai câu châm ngôn mẫu mực đó đã nói lên tâm trạng của văn nhân Trung Quốc từ xưa tới nay không cam chịu làm văn nhàn chơi chữ vô bổ, có hại cho quốc kế dân sinh mà là cố gắng làm nên sự nghiệp gì. Nhất là vào giờ phút chính trị đen tối, xã hội động loạn, quốc gia nguy vong, xã tắc khuynh đảo, đa số các văn nhân thường ngẩng cao đầu mà đi, hoặc dựa vào chính nghĩa tấn công lại thời thế, hoặc đầu rơi máu chảy gởi thân nơi biên thuỳ; hoặc bày mưu tính kế, gắn chặt sự sống chết an nguy của mình với vận mệnh của quốc gia dân tộc. Những câu nói bất hủ “Lấy thiên hạ làm

nhiệm vụ của mình”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. “quốc gia còn mất, kẽ thắt phu cũng có trách nhiệm”. “Địa vị thấp cũng không dám quên lo việc nước” chính là sự khai quát cao độ tinh thần của các văn nhân Trung Quốc.

Lưu Nghĩa Khánh có ghi một câu chuyện rất đáng suy ngẫm: “Mọi người qua sông, cứ đến ngày trời đẹp, kéo nhau đi dạo Tân Định, vui chơi thoả thích. Chu Hầu ngồi giữa than rằng: “Phong cảnh không khác, chỉ có non sông đổi thay” ai ai cũng đều nhìn nhau rơi lệ. Duy có Vương thừa tướng buồn rầu thay đổi sắc mặt nói: “Phải cùng nhau dốc sức phò vương thất, lấy lại giang sơn, cớ sao lại cứ nhìn nhau mà làm tù nhân nước Sở!”.

Bát vương nổi loạn, ngũ hổ xâu xé Trung Nguyên, Tây Tấn diệt vong, Đông Tấn vượt sông, xây dựng nên chính quyền, yên phận ở miền Nam, giang sơn rộng lớn phía Bắc rơi vào tay dị tộc. Các quan lại hiền đạt đi theo nhà Tấn xuống phsa nam cứ đến ngày đẹp trời bao giờ cũng kéo nhau đến Tân Định, nơi danh lam thắng cảnh gần Nam Kinh để yến tiệc. Chu Hiệt cảm than rơi lệ, bộc lộ tâm trạng bi quan không có sức lấy lại giang sơn, bị Thừa tướng Vương Đạo phê phán tại chỗ là lẽ đương nhiên. Nhưng tính phức tạp của vấn đề ở chỗ: Những lời hào hùng của Vương Đạo không thể giải quyết được tận gốc một thực tế nan giải là Đông Tấn trước sau không có lực lượng “lấy lại

giang sơn”, tâm tư thương cảm thất bại của những người như Chu Hiệt, chính quyền Đông Tân không có lực lượng lấy lại lãnh thổ phía Bắc, tâm tư thương cảm thất bại của những người như Chu Hiệt về cơ bản đã mất cơ sở hiện thực.

Con người thường xuyên phải đối mặt với thực tế khắc nghiệt và trong hoàn cảnh đó, các văn nhân giàu cảm xúc, yếu đuối, bị tâm lý thất bại bao vây, bị tâm tư thương cảm nhấn chìm, là điều hầu như không thể tránh khỏi. Họ không muốn rơi vào hố diệt vong và phải tìm mọi cách tự giải thoát mà cách giải thoát duy nhất là phó mặc và lẩn tránh; cơn say, làng êm ái, làng mây trăng thường trở thành nơi ẩn náu tinh thần quên đời, quên lo của họ.

Nhà từ phú Tây Hán Đông Phương Sóc nói: “Giải sầu không gì bằng rượu”. “Đoản ca hành” của Tào Tháo cuối nhà Hán càng hợp khẩu vị của người ưa nhậu: “Rượu rồi phải hát, đời người mấy nỗi? Ví như sương sớm, ngày qua khổ nhiều. Tính tình khảng khái, nặng gánh ưu tư, chỉ có rượu mới giải được sầu”. Lời nói của Đông Phương Sóc, câu thơ của Tào Tháo nói lên sự đồng cảm nhận về nhân sinh. Lấy rượu giải buồn, lấy rượu tiêu sầu là một lối sống độc đáo của thời cổ Trung Quốc, được các văn nhân coi trọng. “Thế thuyết tân ngũ” có ghi: “Trương Quý Ưng phóng túng tung hoành ngang dọc, người đời gọi ông là bộ binh Giang

Đông. Nhà văn hồi ông: “Khanh có thể tung hoành nhất thời, không nghĩ đến thanh danh mai sau hay sao?”. Ông đáp rằng: “Để có thanh danh mai sau, không bằng có ngay một ly rượu”. Cũng trong thiên đó có ghi lời nói của Tất Mậu Thế: “Một tay cầm con cua, một tay nâng chén rượu, khuấy vào trong bể rượu, thế là đủ một đời!”. Hai câu nói trên chính là quan niệm nhân sinh của các danh sĩ thời Ngụy Tấn. Trương Quý Ưng và Tất Mậu Thế là đại biểu của các văn nhân sinh gặp thời loạn Ngụy Tấn, họ không đủ sức gánh vác trách nhiệm cứu thế, nghiện ngập rượu chè, bỏ bê công việc.

Cái gọi là làng Mây Trắng thực chất là chốn diễn viên mà các văn sĩ quay về ở ẩn. Ý thức thẩm mỹ tự nhiên của người Trung Quốc được đánh thức sớm từ thời tiên Tần, cái đẹp tự nhiên đã đi vào lĩnh vực tinh thần của mọi người, điều đó được chứng minh trong “Luận ngữ. Thị toạ chương” và “Hào thượng quan ngữ” “Trang Tử”. Đến thời kỳ Ngụy, Tấn, theo đà thức tỉnh của con người, thẩm mỹ tự nhiên đã hoàn toàn chín muồi. Cuối đời Hán trở đi, xã hội đen tối, loạn lạc, cuộc sống mong manh, được bữa sáng lo bữa tối, các văn lại càng gắn bó mật thiết với chốn diễn viên sơn thuỷ. Vì thế việc dám mình vào non nước, gửi tình vào diễn viên dần dần trở thành một phương thức giải thoát cuộc đời của văn nhân. Đào Tiềm không muốn khom lưng vì nấm đầu gạo mà quay về ở ẩn, Tạ Linh Vận gửi gắm thất vọng nơi sơn thuỷ, Lý Bạch

xua tan cảnh ngộ tan vỡ lý tưởng, sự xung đột và nỗi đau khổ giữa lòng tự tin “trời sinh ta có tài hẳn có dùng” bằng những chuyến du hành ngang dọc đất trời, Liễu Tông Nguyên tìm kiếm cõi di về của linh hồn cô tịch trong vùng Vĩnh Châu hẻo lánh. Đứng trước hiện thực chính trị đen tối, kinh tế văn hóa suy sụp, các văn nhân có nhiều bất mãn và khố tâm, nhưng lại không đủ sức để thay đổi hiện thực, không đủ dũng khí để chống lại hiện thực, vì vậy họ bèn tìm kiếm sự giải thoát về tinh thần trong phong cảnh đẹp đẽ, thanh tao của chốn điền viên, xa lánh hiện thực. Càng suy tàn, loạn lạc càng không tìm ra lối thoát, các văn nhân càng chung tình với sơn thủy điền viên, đó cũng là cái bí quyết vì sao thơ ca và lối sống của Đào Uyên Minh, người khai sáng thơ ca điền viên, sau đời Tống ngày càng được nhiều văn nhân tôn sùng.

Làng Èm ái càng làm cho các văn nhân đắm say lưu luyến, từ bỏ trách nhiệm trước cuộc sống. Văn nhân cổ đại Trung Quốc hầu như đều có mối giao du mật thiết với kỹ nữ, tục ngữ gọi là “tứu sắc bất phân”, vịn hồng tựa thuý cũng giống như uống rượu, trở thành một nội dung không thể thiếu được trong cuộc sống của văn nhân thất chí. “Bình đầy ngàn hộc rượu ngon - Sóng đưa cùng với đào non bên mình”, - quan hệ giữa văn nhân và tứu sắc gắn bó thế đấy!. Đỗ Mục đi chơi thanh lâu Dương Châu, Lý Thương Ân lui tới với các cô gái áo xanh, Ôn Đình Quân vào ra ca lâu kỹ quán, Liễu Vĩnh có

bao chuyện tình cợt nhả, văn nhân đời Nguyên "lấy nhà trồ, con hát làm vợ", văn nhân đời Minh sống phóng túng suy đồi, các tài tử danh sĩ cuối Minh, đầu Thanh lầm chuyện gió trăng với các ca sĩ kỹ nữ Tân Hoài. Lớp lớp văn nhân qua các thời đại này đều giao du với kỹ nữ quyết không nồng nỗi, phóng dâng, giản đơn như người đời chê trách. Tất nhiên, văn nhân gần gũi kỹ nữ là một thói hư, nhưng nguồn gốc sâu xa của thói hư đó lại phản ánh sự chà đạp và bóp méo của thời đại đối với con người. Phần lớn văn nhân cổ đại Trung Quốc đều có lý tưởng, có hoài bão, nhưng một khi tài năng, lý tưởng của họ không có đất thi thố thì họ sinh ra thất chí. Trung Quốc cổ đại không phân biệt nghệ nhân và kỹ nữ, kỹ nữ thường tinh thông âm nhạc, nhảy múa, thi từ ca phú, thư pháp hội họa, như Lý Dã, Tiết Đào đời Đường, Liễu Như cuối Minh đầu Thanh đều là những nữ thi sĩ nổi tiếng trong lịch sử văn học...

Mặc dù đã có nhiều lời thanh minh, đưa ra nhiều giải thích về sự phó mặc và lẩn tránh của các văn nhân, nhưng chúng ta quyết không bỏ qua cái nhược điểm căn bản của họ đó là tâm lý nhu nhược. Rất nhiều tác phẩm tràn trề đau thương ai oán trong lịch sử văn học là những bằng chứng không thể chối cãi về tâm lý nhu nhược của văn nhân truyền thống.

Trước hết là tâm lý chán đời, chán cuộc sống

ngắn ngủi. “Tất suất”, “Phù du” trong “Kinh thi” thuộc loại này. “Mười chín bài thơ cổ” của văn nhân bậc trung vô danh cuối thời Đông Hán đã cát lên tiếng nói đau thương của cuộc sống đè nặng con người. Nhưng nhà sang mặc đẹp, rượu ngon, đàn bà, đàn sáo trúc tơ, sự hưởng lạc ăn sung mặc sướng cũng không thể giải quyết được tần bi kịch đó, vì thế các văn nhân càng chìm đắm trong tâm tư buồn thương, tiếng nói cảm thương càng triền miên trên văn đàn: “Năm tháng đi qua hoa vẫn vậy, còn người thì khác tháng năm qua” (Lưu Hy Dị), “Hồi chàng có bao nhiêu, nước sông chảy mãi về đông xuôi dòng” (Lý Dực)...

Từ Ngụy Tân đến Đường Tống tới Minh, Thanh, một cảm thương chủ nghĩa đó vẫn phát triển, trở thành tinh thần văn hoà vào cái gen truyền thống còn lảng vắng trong các tác phẩm của văn nhân cận đại. Còn do thương cảm đời người mà rơi vào phóng đăng, hầu như các văn nhân cổ đại đều như thế.

Trên đây, chúng ta đã nhìn lại sơ lược cách lẩn tránh, giải thoát bằng rượu, bằng gái của các văn nhân, chúng ta còn có dịp nhận thức cụ thể hơn đối với văn nhân đương đại qua tiểu thuyết *Phé đỡ nổi tiếng* của nhà văn đương đại Giả Bình Ao.

Những tác phẩm thấm nhuần tinh thần nhân văn ấy là những tác phẩm thể hiện cảm giác hư ảo

của văn nhân đối với toàn bộ nhân sinh thế sự. “Chớ bảo quay đầu vạn vật không, Đầu chưa quay lại đã thành mộng”, “Việc đời là một giấc mơ. Mấy khi mót mặt đời người”, “Đời người như mộng. Chén này để tạ trăng nước”. Đó là Tô Thức miêu tả cái rối bời của nhân sinh thế sự.,

“Đào hoa phiến” đời Thanh “mượn chuyện tình ly hợp để gửi cảm xúc hưng vong”; tuy lấy câu chuyện tình yêu nam nữ của ông Hầu Phương Vực và Lý Hương Quần làm đầu mối nhưng lại thể hiện cảm xúc đau buồn hết sức sâu nặng đối với cảnh nước mắt, nhà tan. Một chuỗi “Buồn nhớ Giang Nam”, làm đoạn kết chính là cái nút của chủ đề câu chuyện. “Núi buồn giấc mơ thật, cảnh cũ chẳng sao quên, chẳng tin bức dư đồ thay đổi, đặt mấy lời buồn nhớ Giang Nam, cất giọng hát, sâu khôn nguôi”. Thay đổi triều đại cố nhiên là cái hận lớn của nước nhà, cũng chính là đau thương của nhân sinh thế sự. Cuộc bể dâu như cơn ảo mộng; lầu son gác tía, gạch ngói hoang tàn, cảnh cũ còn đâu? Ý nghĩa và mục đích của cuộc sống là gì? Tất cả còn mơ màng, không lời đáp. Hơi thở của vở kịch “Trường sinh diệu” cùng thời cũng là những cảm thương hư ảo về nhân sinh thế sự. Còn “Hồng Lâu Mộng” đã đưa cái tổng thể cảm thương hư ảo của nhân sinh thế sự lên đến cực điểm, bao trùm lên trên tất cả giàu sang tráng lệ, lời ca tiếng cười, tiệc tùng đàn hát, vàng ngọc, chẳng phải là đau thương, ai oán như mây khói mơ màng, như

tiếng đàn réo rất hay sao?

5. CHÚNG MỀM XƯƠNG CỦA VĂN NHÂN.

Mạnh Tử nói: “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất chính là đại trượng phu”. Trong “Ly tao”, Khuất Nguyên cũng có thơ rằng: “Phân thây xé xác cũng đành - Lòng này hồ dẽ dỗi dành được sao”.

Câu nói của Mạnh Tử và lời thơ của Khuất Nguyên đã khắc họa tiết tháo kiên trinh, bất khuất và nhân cách độc lập của văn nhân Trung Quốc. Nhưng mà, văn nhân Trung Quốc đã phân hoá, phát triển từ trong “kẻ sĩ” từ thời đại tiên Tần, mà “sĩ” xưa nay không phải là một tầng lớp độc lập, họ dựa vào phục vụ vua quan hoặc quý tộc để mưu cầu sinh tồn, cho nên lúc nào họ cũng ở vào địa vị được nuôi dưỡng, sự dại ngộ về chính trị và kinh tế của họ do chủ nhân bố thí, họ bị mất tính độc lập. Nhất là những du khách, mưu sĩ, vì mưu tìm công danh phú quý cá nhân, khua môi múa mép, gây điệu thị phi như bọn Tô Tần, Trương Nghi, sớm Tần chiêu Sở, táng tận lương tâm, cốt mưu làm quan, trực lợi. Đặc điểm tính cách đó của “kẻ sĩ” đã ảnh hưởng đến văn nhân Trung Quốc. Trong tiến trình lịch sử lâu dài và phức tạp về sau, tuy không thiếu văn nhân kiều Mạnh Tử, Khuất Nguyên nhưng càng có càng nhiều văn nhân hầu như đều kế thừa cái gen di truyền của Tô Tần, Trương Nghi, có điều là mức

độ khác nhau.

Họ Phùng Đạo ở thời kỳ Ngũ đại thập quốc, cả đời làm quan qua bốn triều đại, từng xứng thần với Khiết Đan, phụng sự mười vị hoàng đế, làm tể tướng cho sáu đời vua, một đời vinh hoa phú quý, tự xưng là “lão trưởng lạc”, là một con “lật đật” (“bất đảo ông”) chính trị.

Phùng Đạo (882-945), người Cảnh Thành Doanh Châu (nay là đông bắc Giao Hà -Hà Bắc) cuối đời Đường theo Lưu Thủ Quang làm tham quân, sau khi Lưu thất bại theo giám quân Hà Đông -Trương Thừa Nghiệp làm quan tuân. Trương Thừa Nghiệp tiến cử ông cho vua Tán Lý Khắc, được bổ nhiệm làm thư ký tiết độ chưởng Hà Đông. Thời Trang Tông hậu Đường giữ chức Thượng Thư bộ Hộ, hàn lâm học sĩ; thời Minh Tông làm tể tướng. Thời Cao Tổ, Xuất đế hậu Tán đều tiếp tục làm tể tướng. Sau khi Khiết Đan tiêu diệt Tán, được bổ nhiệm làm Thái Phó, sau khi hậu Hán thay Tán được bổ nhiệm làm Thái Sư, sau hậu Chu thay Hán vẫn được bổ nhiệm làm Thái Sư, sau khi chết được Chu Thế Tông phong làm Doanh vương. Vì có công cát nhượng 16 châu Yên Vân mới được Tán Cao Tổ Thạch Kính Đường cử đi sứ nước Liêu để tạ lỗi. Phùng Đạo không chút do dự trả lời: “Bệ hạ chịu ơn Bắc Triệu, thần chịu ơn Bệ hạ, có gì mà không làm được”. Chúa Khiết Đan cho người khuyên ông ta ở lại, ông trả lời:

“Nam triều là con, Bắc triều là cha, thân là thân của hai triều, có gì mà phân biệt!”. Khiết Đan tiêu diệt Tấn, Liêu Thái Tông Gia Luật Đức Quang đi vào Khai Phong. Phùng Đạo được triệu đến đó nhận chức Thái Phó. Chúa Liêu hỏi ông ta: “Làm sao cứu được trăm dân thiên hạ?”. Phùng Đạo lập tức xun xoe thưa rằng: “Bây giờ Phật có xuất thế cũng không cứu nổi, chỉ có chính Hoàng đế cứu được”. Mặc dù Phùng Đạo sinh ra gặp thời loạn, có nhiều điều bất đắc dĩ, nhưng do chịu khó cần kiệm, về mặt khách quan đã làm một số việc tốt cho nhân dân tộc Hán, nhưng ông làm quan cho mười Hoàng đế của bốn triều đại, hành vi cúi đầu xưng thần của ông trước Liêu nói lên văn nhân thời loạn này không có mấy tiếc tháo.

Dưới Phùng Đạo còn có Tiên Khiêm Ích (1582-1664). Khiêm Ích tự Thụ Chi, hiệu Mục Trai, là “ông tổ khai thiên” thi đàn đầu Thanh, một trong “ba đại gia Trường Giang”. Vị đại văn nhân này cá dời “bôn ba chạy chọt, tráo trở đủ mọi mánh khoé” trên chốn quan trường, liêm ít nhục nhiều hết sức xấu xa. Năm 28 tuổi (1610) Tiên Khiêm Ích thi đỗ tiến sĩ, nhưng vẫn bất đắc ý, mãi đến mươi năm sau năm Thái Xương nguyên niên (1620) mới được bổ nhiệm làm quan. Chẳng bao lâu bị đàn hặc mà bãi quan, chiếu xoá hộ tịch, cho về Nam. Tháng 8 năm 1627, Hi Tông Chu Do Hiệu đời Minh băng hà. Tư Tông Chu Do Kiếm kế vị, đại xá thiên hạ,

Tiền Khiêm Ích lại được gọi vào triều nhận chức, vui sướng như điên. Tháng 7 năm sau (Sùng Chân nguyên niên) được triệu về bắc, nhận chức Tả thị lang bộ Lễ, cảm động đến rơi nước mắt trước ân đức bao la của Hoàng đế. Nhưng không ngờ sau 3 tháng nhận chức lại bị Thượng Thư bộ Lễ Ôn Thể Nhân hâm hại, bị Hoàng đế Sùng Trinh ra chiếu chỉ cất hộ tịch trả về Nam. Mười năm sau đó, Tiền Khiêm Ích không thể “xuống núi”. Mãi đến khi Sùng Trinh treo cổ ở Môi Sơn mới mang lại một tia hy vọng cho đường làm quan của Tiền Khiêm Ích. Sau khi một triều đình nhỏ Hoằng Quang dựng lên ở Nam Kinh, để giành lại chức Thượng Thư bộ Lễ, ông ta coi thù làm bạn, đồng loã với bọn gian quyền Mã Sĩ Anh, Nguyễn Đại Việt, phản bội triệt để người của đảng Đông Lâm. Dánh mất tiết tháo lần này có thể là sự trả thù của tâm lý ức chế nửa đời lận đận trên đường làm quan, làm cho ông ta bất chấp thể diện bán thân đầu hàng; điều làm người ta ngạc nhiên không hiểu là cái triều đình nhỏ Hoằng Quang đời Minh ở phía Nam chưa kết thúc, ông mới nhận chức Thượng Thư bộ Lễ có mấy tháng lại mở toang cửa thành nghênh đón quân tiền phong Mãn Thanh, trở thành tên đầu hàng nổi tiếng thời Minh Thanh, để lại cho sử sách một tên văn nhân biến chất. Ông ta là tinh khôi của đảng Đông Lâm, ông đầu hàng bọn đảng Mã Nguyễn, tức là đem nhân cách của người đảng Đông Lâm ra làm quà cản; là trọng thần của Chu

Minh, ông mở cửa thành đầu hàng Mân Thanh, lại là đem linh hồn của văn nhân dân tộc Hán làm đồ tế lễ. Để làm “quan”, Tiên Khiêm Ích có thể bán cả tín ngưỡng, bán cả quốc gia dân tộc Có thể mong đợi gì ở con người mất cả nhân cách, tiết tháo như vậy? Điều người ta không thể hiểu nổi là Trần Hoài phong tư diêm lệ, trắng tréo ngọc ngà, sắc nghệ tuyệt vời, một đời lừng danh như thế mà lại ngã lòng vì Tiên Khiêm Ích, một tên nghịch tặc gian thần tráo trở khôn lường. Hành vi phản nghịch mất hết tiết tháo của Tiên Khiêm Ích, dù cho người Mân cũng không thèm, Càn Long thà cho thêm tặng vật đồi với Trần Tử Long một loạn thần ngoan cố chống cự, chứ quyết không cho Tiên Khiêm Ích một miếng đất bằng manh chiếu. Ông ra lệnh đem đốt sạch bất cứ tác phẩm nào của họ Tiên, kể cả tác phẩm mà họ Tiên viết lời tựa, không được xuất bản. Khi triều Càn Long tu sửa “Lịch sử triều Minh” cũng đưa Tiên Khiêm Ích vào quyển khác, liệt vào loại “nhị thần” (thần loại hai).

Văn nhân không giữ tiết tháo không chỉ biểu hiện ở mặt chính trị mà còn biểu hiện ở mặt đời tư, mà một khi đời tư và chính trị hoà quyện với nhau thì càng xấu xa bỉ ổi. Cái chết của Kê Khang, nhân vật tiêu biểu của “Trúc lâm thất hiền” có liên quan đến Lữ Tốn tên văn nhân ác ôn mất hết song trùng tiết tháo - đời tư và chính trị. Lữ Tốn là con trưởng của Lữ Chiêu, thứ sử Ký Châu, vốn giao hảo với Kê

Khang, về sau lại kéo thêm Chung Hội. Lữ An, em ruột của Lữ Tốn cũng là bạn tốt của Kê Khang. Vợ của Lữ An họ Từ dung nhan tuyệt vời, khiến Lữ Tốn thèm rõ giãi. Vì thế cho người chuốc say họ Từ và thừa cơ gian dâm với bà ta, anh gian dâm em dâu, tất nhiên là hành vi cầm thú, phải bị trừng phạt. Lữ An tức quá nghĩ chuyện phát đơn khiếu kiện quan phủ, Kê Khang cho rằng Lữ Tốn đang được Chung Hội yêu mến, Chung Hội là người tin cậy của Tư Mã Chiêu, một khi khiếu kiện, Lữ An không những khó được xử công bằng, ngược lại không khéo có khi lại bị thiệt thân và làm cho nhà họ Lữ đang thời lừng danh gia thế, sẽ bại hoại. Còn Lữ Tốn cũng thế trước mặt sáu cha con, nên Lữ An dần dần bình tĩnh trở lại. Không ngờ Lữ Tốn rất quyết cho bọn xấu tố cáo Lữ An "đánh mẹ". Đương nhiên, đánh mẹ là đại bất hiếu, người tố cáo lại là anh của Lữ An, thân tín của Chung Hội, vì thế Lữ An bị cầm tù và bị đầy đi Liêu Đông. Kê Khang tức giận đoạn tuyệt với Lữ Tốn. Trên đường đi Liêu Đông, Lữ An nghĩ đến chuyện vợ bị làm nhục, bản thân lại bị hăm hại, tất cả đều do ông anh mặt người dạ thú, được bọn quyền quý bao che, gây ra. Lữ An phẫn nộ viết thư cho Kê Khang, bày tỏ bất mãn đối với đạo đời đối trả. Không may bức thư đó bị rơi vào tay đối thủ và thế là bị ghi vào sổ đen, trở thành một chứng cứ ám mưu nổi loạn. Lữ An bị giết. Do bức thư viết cho Kê Khang.

nên Tư Mã Chiêu và Chung Hội cuối cùng tìm được cơ giết Kê Khang. Lữ Tốn mắng tiết tháo về chính trị, trước kêt giao với danh sĩ Trúc Lâm, sau đâm thú nhân vật quan trọng trong triều; mắng tiết tháo về đạo đức đời tư, trước gian dâm em dâu, sau tố cáo em ruột và đưa đến hậu quả nghiêm trọng là em ruột và bạn thân bị giết. Loại văn nhân như Lữ Tốn thật không bằng cầm thú.

Văn nhân mắng tiết tháo và dựa dâm còn biểu hiện ở mặt “duy thượng” (nhất nhát vâng lời trên) và “duy thư” (nhất nhát theo sách). “Duy thượng” thì phải “hót chủ”, “nịnh cấp trên”, ngoài lời tung hô “anh minh vĩ đại”, “vạn tuế, vạn vạn tuế”, ra sức ca tụng công đức ra, còn phải thể hiện bằng hành động thực tế. Từ xưa, trong văn nhân đã có Sử Lương giống như Đồng Cô, nhưng cũng có văn nhân a dua theo ý kiến bề trên mà không ngần ngại bóp méo, sửa đổi lịch sử. Giả Tấn, một tài tử nổi tiếng thời Minh, đã từng làm việc đó.

Sau khi Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương chết, Kiến Văn Đế là Hoàng thái tôn kế vị, cử người biên soạn gia phả ông nội “Thái tổ thực lục” ghi chép tỉ mỉ tình hình phân chi đích, thứ trong Hoàng cung: Hoàng hậu họ Mã sinh được ba con, tức Thái tử (cha của Kiến Văn, đã chết) con thứ Tần Vương, con thứ ba Tân Vương; Cống Phi (người Mông Cổ, nguyên là phi của vua Nguyên Thuận), sinh được hai con, tức con thứ tư là Yên

Vương Chu Lệ, con thứ năm là Châu Vương. Sau trận Tỉnh Nan, Yên Vương Chu Lệ dùng vũ lực tước đoạt giang sơn của cháu là Kiến Văn Đế. Phương Hiếu Nho thà chết không chịu viết chiếu thư, bị tru di mười tộc, bởi vì Chu Lệ là con của Công Phi không có tư cách kế thừa Đại Thông làm Hoàng đế. Cho nên tuy diệt mười tộc của Phương Hiếu Nho, Chu Lệ vẫn đau đầu về việc xuất thân của ông. Sau khi lên ngôi hạ chiếu cho bọn Giả Tán... sửa lại “Thái tổ thực lục”. Trong chiếu thư, ông đặc biệt nêu rõ: Trong “Thực lục” có nhiều chỗ sai. Giả Tán là con người tinh ranh, không dại dột như Phương Hiếu Nho. Chiếu thư ban xuống, ông nghiên ngâm thấu suốt tinh thần của Hoàng thượng, bắt đầu sửa đổi lịch sử cho hợp với ý của vua. Ông căn bản đảo lộn quan hệ đích, thứ đã ghi trong “Thực lục”: Hoàng hậu họ Mã sinh được hai con, tức con thứ tư Yên Vương Chu Lệ và Châu Vương; còn Thái Tử, Tân vương và Tân vương đều là con của Công Phi. Ý đồ của Giả Tán rất rõ, Chu Lệ phải từ con thứ thành con đích, làm Hoàng đế mới danh chính ngôn thuận. Vì nịnh trên Giả Tán đã cả gan sửa đổi lịch sử.

Hê kịch vì: “duy thượng” mà “nịnh trên” đã được công một hồi rầm rộ trong Cánh mạng văn hoá. Trong Cách mạng văn hoá, 800 triệu nhân dân có 8 vở kịch mẫu mà mỗi vở kịch mẫu được sáng tác theo nguyên tắc “ba đột xuất” của “người cầm cờ”. Có những họa sĩ trong Cách mạng văn

hoá đã “tước đoạt” quyền của Lưu Thiếu Kỳ đi An Nguyên, biến bức tranh hội sư Tỉnh Cương Sơn nổi tiếng thành cái bắt tay giữa Lâm Bưu và Mao Trạch Đông, và không đếm xỉa đến những người như Chu Đức, v.v... Ngay cả lịch sử Đảng cộng sản Trung Quốc cũng bị tuỳ tiện bóp méo, thế thì đối với những nhân vật quay lưng, tập đoàn đối địch làm sao còn khách quan, công bằng được nữa. Rất nhiều tác phẩm ký tên “tập thể sáng tác” xuất hiện trong Cách mạng văn hoá phần nhiều là của các văn nhân sáng tác ra theo chỉ thị “lãnh đạo để xuất tư tưởng, quần chúng làm nên cuộc sống, nhà văn nắn ra kỹ xảo”. Những tác phẩm như vậy không hề thể hiện được tự do và phong cách cá tính của nhà văn lấy sáng tác làm chủ thể, nó hoàn toàn đi ngược lại quy luật sáng tác văn học nghệ thuật.

Ngoài “nịnh cáp trên” còn có “nịnh đời”. Chuyện văn nhân “nịnh đời” những năm gần đây ngày càng có xu thế mạnh lên. Phim truyền hình nhiều tập “Khát vọng” chính là một tác phẩm “nịnh đời”. Tiếp sau “Khát vọng” là thơ ca bơ sữa, tiểu thuyết võ hiệp ngôn tình, phim ảnh tiểu thuyết giết nhau vì tình rất được lưu hành, cái gọi là văn học ký thực mô tả các ông chủ kinh xù là chính, cái gọi là văn học truyện ký phơi bày bí mật của danh nhân dật sự, những tản văn về cuộc sống của các tiểu thư của Hồng Kông, Đài Loan nhanh nhanh khắp phố. Cảnh quan văn đàn làm cho người

ta hoa mắt, đó chính là kết quả của các văn nhân đương đại thi nhau “nịnh dời”.

Cuối cùng nói về “duy thư”. Vào thời cổ đại, nổi lên vẫn là niềm tin kiên định của các văn nhân. Đối với “Trời bất biến, đạo cũng bất biến”, bảo vệ đạo của Khổng Mạnh, lý học của Trình, Chu, tôn thờ “Tứ thư”, “Ngũ Kinh” và chú giải của Chu Hy là kinh thánh, là thiên diệu, không dám phát huy, càng không dám chất vấn phê phán. May chục năm gần đây, dưới ảnh hưởng của đường lối cực tả lại nảy sinh tư tưởng mê tín vở mới, như cách nói “mỗi câu là chân lý”, “một câu bằng vạn câu”, “hai cái phàm là”, “họ xã hay họ tư” v.v... chính là phản ánh truyền thông duy thư của văn nhân trong điều kiện lịch sử mới. Duy thư tất nhiên còn bao gồm sự mê tín tri thức sách vở, chữ nghĩa sách vở của nhiều phương diện khác. Duy thư biến văn nhân thành con người cứng nhắc trong suy nghĩ, nghèo nàn về tri thức, kết cấu trí lực bị phá hoại, giáo điều, thụ động, ngu muội. Dương nhiên, có văn nhân “duy thư” chỉ là để hợp người, mang danh là người ủng hộ, người giải thích “chân lý” để mưu cầu quyền thế danh lợi, nhưng bất cứ tình hình nào, “duy thư” đều không thể nuốt được. Cổ nhân đã sớm chỉ rõ: “Cái gì cũng tin vào sách cả thì chẳng bằng không có sách”; phong trào văn hoá mới Ngũ Tứ đã thôi luồng gió mới hoài nghi cổ đại, hoài nghi lịch sử, hoài nghi sách vở; phong trào giải phóng tư tưởng thời kỳ mới khẳng

định thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất kiểm nghiệm chân lý; ngày nay là lúc các văn nhân phải phá bỏ mê tín duy thư, phải biết giữ tiết tháo và tự phê bỏ tính cách dựa dẫm của mình.

6. MUA DANH CHUỐC TIẾNG.

Văn nhân Trung Quốc trọng danh có truyền thống lâu đời. Khổng Phu Tử đã nói trong “Luận ngữ”: “Cần phải có chính danh! Danh không chính thì ngôn không thuận; ngôn không thuận thì việc không thành”. Danh là chủ yếu, xếp ở hàng đầu. Nếu muốn nói chuyện, muốn làm việc trước tiên phải “chính danh”. Thế mới biết “danh” quan trọng biết chừng nào! Văn nhân cổ đại nhiều lúc có thể vượt qua “lợi”, “cần gì phải nói lợi”, như Khổng Tử nói: “Quân tử không nói lợi”, “Cần gì phải nói lợi”, nhưng không thể nào vượt qua được “danh”. Thành nhân của nho gia không những cần danh mà còn đặt “danh” lên trên mọi vật. Tất nhiên, cái “danh” mà Khổng Tử coi trọng, nhấn mạnh, theo đuổi là danh thơm muôn thuở không mờ, phải dựa vào lập đức, lập công, lập ngôn để thực hiện danh, chứ không phải là một thời, vẫn phải phân biệt rõ ràng hai cái đó.

Để theo đuổi thành danh, văn nhân cổ đại ngoài việc “độc thư phá vạn quyển” (đọc sách vạn quyển), cái tiếng hão khố luyện nội công, còn phải

nỗ lực đủ điều. Một là, phải nhờ cậy quyền thế tiến cử. Lý Bạch là một người có cốt khí nhất trong văn nhân cổ đại, tự cho mình là “không cúi mình, không quy luy”, nhưng từ lúc trẻ đã có thư gửi Hàn Triều Tông thứ sử Kinh Châu hy vọng được Hàn Triều Tông giúp đỡ mình thành danh. Theo ghi chép, Vương Duy vào kinh thi cử, đã gửi thân vào nhà Kỳ Vương Lý Phạm, em Đường Huyền Tông để cầu trúng Trạng Nguyên, nhưng Thái Bình công chúa quyền thế lớn hơn đã nhận lời giúp một thí sinh khác là Trương Cửu Cao cho đứng đầu bảng. Vì thế Kỳ Vương gợi ý cho Vương Duy, bảo Vương Duy ăn mặc thành đào kép, gảy đàn tỳ bà làm cho Công chúa Thái Bình chú ý, nhân lúc đó Kỳ Vương tiến cử Vương Duy với Công Chúa: “Thư sinh này không chí biết âm nhạc, mà văn chương thì không ai sánh nổi”. Công chúa hỏi Vương Duy: “Nhà ngươi có biết làm thơ văn không?”. Vương Duy tức thì dâng quyền thơ dấu trong ngực, Công chúa duyệt xong hết sức tán thưởng, bèn tiện tay gạt phắt Trương Cửu Cao, tò tháy độ giúp đỡ Vương Duy ngay tại chỗ, gọi quan trông thi vào phủ dặn dò, vì vậy Vương Duy đỗ ngay đầu bảng. Đủ thấy những người tài cao như Lý Bạch, Vương Duy mà cũng phải nhờ cậy quyền thế, bởi vì người có quyền thế là “thông linh văn chương!”.

Thời nhà Đường, việc nhờ cậy người có quyền thế để gây tiếng tăm là hiện tượng phổ biến. Thi tiến sĩ đời Đường lấy rất ít, vì vậy thi đỗ cực khó.

Để tăng thêm khả năng lọt vào danh sách, các thí sinh phải hoạt động ngoại khóa trước khi thi, chép thơ văn hay nhất của mình thành quyển gửi cho những người có quyền thế, để họ xem, tuyên truyền cho mình, nâng cao mức độ biết tên tuổi có lợi cho việc được vào thi. Người ta gọi hoạt động đó là “nộp quyển”. Theo “U nhàn cổ súy” ghi chép lại, Bạch Cư Dị đến thi ở Trường An, đi tìm nhà thơ Cố Huống để “nộp quyển”. Cố Huống hỏi tên của Bạch Cư Dị bèn nói xa xôi: “Trường An gạo đất, “cư” không dẽ đâu. Đây là cách chơi chữ (*cư-dị*), ngũ ý nói rằng anh chàng trẻ này chưa được ai biết tiếng, muốn đứng vững chân nơi Trường An danh nhân như rừng này là rất khó. Mãi đến khi ông lật giở quyển thơ của Bạch Cư Dị trình lên, đập vào mắt ông là bài thơ ngũ luật “Phú đắc cổ nguyên thảo tông biệt”, Cố Huống rất tâm đắc mấy câu: “Lửa nội thiêu chẳng hết, Gió xuân thổi lại chồi”, bắt giác đổi giọng thốt lên: “Nói được điều này, “cư” cũng “dị” vậy” - nghĩa là sống cũng dễ dàng, bèn tuyên truyền cho Bạch Cư Dị, làm cho Bạch Cư Dị nhanh chóng nổi tiếng khắp kinh thành.

Hai là, làm một số việc khác thường để gây tiếng vang. Theo “Đường thi kỷ sự”, thi nhân vô danh đầu Đường Trần Tử Ngang từ quê nhà Tân Châu Tứ Xuyên đến Kinh thành Trường An thi tiến sĩ. Để mau chóng thành danh, Trần Tử Ngang nghĩ ra một cách. Trên phố có một người bán hồ cầm, giá đến trăm vạn tiền. Trần Tử Ngang thấy

nhiều người vây lại xem, bèn lấy xe chờ trăm vạn tiền để mua chiếc hồ cầm này. Những người đứng xem rất đỗi kinh ngạc, Trần Tử Ngang nói: “Tôi thích đánh đàn hồ, vì vậy không sợ giá đắt”. Có người hỏi: “Có thể đánh một bài cho chúng tôi nghe không?”. Tử Ngang đáp: “Ngày mai mọi người đều đến Tuyền Dương Lý nghe tôi đánh đàn”. Ngày hôm sau, mọi người đến đúng giờ, tiệc rượu đã bày sẵn. Trần Tử Ngang cầm cây đàn nói với mọi người: “Trần Tử Ngang tôi người Tứ Xuyên có trăm bài thơ không được ai biết đến. Đánh đàn là kỹ nghệ của kẻ cầm ca ti tiện, đâu đáng được để ý!”. Rồi giơ cao tay dập vỡ cây đàn, sau đó tặng 100 bài thơ cho công chúng. “Nội trong một ngày, tiếng tăm lừng khắp”. Trần Tử Ngang nhờ cử chỉ đầy kịch tính của mình mà đạt hiệu quả thành danh.

Trần Tử Ngang, Vương Duy, Lý Bạch, Bạch Cư Dị do thời thế bắt buộc, họ đã có những hành động nói trên là muôn đem tài súc và tác phẩm của mình làm cứu cánh, không hề có chút gì ti tiện, bẩn thỉu. Nhìn lại văn đàn ngày nay để thành danh các văn nhân thời thượng đã trổ hết mọi ngón, trăm thứ bà dẵn, rất là đẹp mắt.

Một là xào nấu bao bì. Ngày nay là xã hội tin học, quan niệm kinh tế tiểu nông: “rượu ngon không sợ ở ngõ hẻm” đã lỗi thời. Thời gian vàng của phát thanh truyền hình, các trang vàng của báo lớn, báo nhỏ, bìa trước bìa sau của các tờ tạp

chí đều bị quảng cáo ba hoa thiên địa chiếm lĩnh, sản phẩm nào phải trả giá cao quảng cáo thì được tuyên truyền lặp đi lặp lại không ngớt, có thể làm cho công chúng lầm tưởng rằng đó là sản phẩm nổi tiếng. Những người muốn nổi danh trên văn đàn ngày nay cũng thấu hiểu điều đó, ai cũng coi giới báo chí là "cửa rồng" có thể làm tăng gấp bội giá trị của bản thân mình, ai cũng phấn chấn tinh thần, xoa tay xun xoe, lăm le muốn tỏ xem sao. Họ bỏ tiền ra đăng tin dự báo tác phẩm, thuê người mở hội thảo nghiên cứu tác phẩm, ngã giá đăng bình luận tác phẩm trên tạp chí, mở tiệc mời phóng viên báo chí, ló mặt trên màn ảnh truyền hình trong tiết mục phóng vấn nhân vật, tất cả những hoạt động đó đều có thể làm cho các mối lái có cơ chắp mối bắc cầu, đề xuất mưu lược. Sau một hồi xào nấu bao bì, rùm beng, náo nhiệt, những ngôi sao mới trên biển nghệ thuật văn đàn nổi lên đeo loá mắt.

Hai là nhở và danh nhân. Những người muốn leo lên văn đàn trước tiên phải làm mòn đê cho những người có thực quyền nắm giữ văn đàn, đi vào cửa phủ của những người phụ trách báo chí, đi vào phòng sách của các đại sư thái sơn bắc đầu. Phải nói với lòng thành kính và giọng ngọt ngào: "Thưa Chủ tịch, ngưỡng mộ từ lâu", "Thưa Tổng biên tập, xin hãy quan tâm chiếu cố", "Thưa cụ, mong được nâng đỡ", sau đó không để mất thời cơ trình tác phẩm của mình nhở để từ viết lời tựa,

tiện thể xin chữ ký của danh nhân, cuối cùng trước khi cáo từ đừng quên khoác tay danh nhân hoặc đứng sau danh nhân chụp một chiếc ảnh lưu niệm, để phòng khi đăng báo loại bài: “Tôi đã gặp cụ... Thái sơn Bắc đầu văn dàn”, kèm theo bức ảnh, càng có giá.

Nhờ vả danh nhân cần phải học biết cách dón đưa. Phái hết sức nhiệt tình mời danh nhân đến diễn thuyết, toạ đàm, nói chuyện, cắt băng, không khí phải long trọng, ăn nói phải khéo léo, giới thiệu phải thật kêu, vỗ tay phải thật lâu dồn dập, nhiệt tình, chiêu đãi chu đáo, và quà tặng phải hậu hĩnh. Như thế chưa đủ, phải nghĩ cách lấy lòng sở thích của danh nhân, việc tiễn đưa còn quan trọng hơn đón tiếp. Tiễn đưa lại chia làm tiễn đưa vật chất và tiễn đưa tinh thần. Tiễn đưa vật chất cũng giống như tặng quà mà xã hội ngày nay ai ai cũng biết làm, có điều danh nhân lịch sự, quà tặng không được quá thô, nếu không sẽ chạm lòng tự ái của danh nhân. Vậy làm sao có thể đạt được mục đích leo cao? Nói chung, tặng một bức tranh nổi tiếng, một mặt hàng mỹ nghệ là được. Tất nhiên cũng có thể đưa đến bản thảo tác phẩm của mình đã được hiệu đính ba lần, nhờ danh nhân đề từ, viết lời tựa, gọi là “nhất kinh phẩm đề, tiện vi giai sĩ” (qua bình phẩm đề từ đã trở thành danh sĩ), là cái ý ấy. Hoặc già đến tận nhà, thỉnh cầu đại sư khai quang, nhận làm môn sinh đệ tử, con nuôi. Tiễn đưa tinh thần phải chú ý kết hợp tâng bốc,

nịnh hót và phỉ báng chửi bới, viết phỏng văn danh nhân, để danh nhân nói về thành tựu huy hoàng đã đạt được trong mấy chục năm dốc sức cho sự nghiệp văn học, anh hùng nhắc chuyện ngày xưa thì niềm vui đó không có gì tả nổi. Hoặc viết bình luận tác phẩm của danh nhân, tất nhiên tán dương và bào chữa là chính, tốt nhất là viết một quyển dày về thơ hoặc văn... "với lời bình" của văn nhân nào đó. Đồng thời, tha hồ chửi bới, ra sức sát phạt oán cù thù mới đổi với danh nhân, làm như thế danh nhân nhất định ra sức giúp anh thành danh. Còn một loại tiễn đưa rất đặc biệt không dễ phân biệt thuộc về vật chất hay tinh thần. Trường hợp đó nghe nói tương đối nhiều trong làng biểu diễn văn nghệ, còn đại văn đàn thi thỉnh thoảng cũng có nghe. Một nữ tác giả trẻ, cẩm cùi viết mấy năm, nhiều lần gửi bản thảo không đúng nơi, lần này gửi một tập truyện vừa cho một tạp chí do một danh gia chủ biên, không ngờ nhận được hồi âm của danh gia đó với những ý kiến chỉnh lý rất nghiêm túc và tác giả được mời đến tạp chí trực tiếp trao đổi sửa chữa bản thảo. Tác giả đến tòa soạn, ai ngờ danh gia đó vừa thấy mặt đã yêu cầu nữ tác giả về nhà ông trao đổi. Để tác phẩm sớm ra đời và nhanh chóng thành danh, nữ tác giả dành phải theo danh gia nọ về nhà. Đó là chuyện xảy ra trong tiểu thuyết, cũng không biết là bịa đặt hay là chế biến chất liệu. Có điều trường hợp đó như nhà phê bình hiện trạng văn đàn đã nói: Hoàn thành

được có thể là do... vốn tự có (!), và cái đạt được là niềm vui tâm lý cực lớn, đôi lông mày hung ác đến mấy cũng sẽ rủ xuống mềm mại, ánh mắt lạnh lùng đến mấy cũng sẽ phát ánh sáng nhân từ, khuôn mặt nghiêm trang đạo mạo, đầy lẽ nghi đạo đức của mấy nghìn năm cũng sẽ cười hể hả... thế thì “cửa rồng” khó nhảy đến mấy, cũng sẽ dễ cho người “tiễn đưa” như thế nhảy qua.

Ba là chửi danh nhân. Thuật này và thuật nhở và danh nhân bổ sung cho nhau. Dựa vào văn nhân có thể thành danh. Nhờ và cũng là dựa, chửi cũng là dựa; nhờ không được hoặc không kiên trì nhở thì chửi, cứ làm bừa như thế, hiệu quả càng nhanh. Anh không nghe văn dàn ngày nay, có người chửi Khuất Nguyên, Lý Bạch, Hồ Thích, Lỗ Tán, có người chửi Lý Trạch Hậu, Vương Mông đó sao ? Những người chửi danh nhân đã vận dụng cái gọi là tư tưởng chiến lược “vuốt râu hùm”. Danh nhân ghê gớm ư ? Thấy ta dám chửi cả những đại danh nhân này chẳng phải càng ghê gớm hơn họ sao? Vì thế làm cho vạn người trổ mắt, người đi đường nhìn theo, mặc cho họ nhìn nghiêng nhìn ngửa, đằng nào ta cũng trở thành trung tâm chú ý của xã hội. Một khi chửi đã thành danh sao lại không nhanh! Giỏi lắm cũng chỉ có đến kiện cáo, ngày rộng tháng dài, đằng nào cũng chẳng sợ, anh bảo tôi chửi, nhưng tôi nói tôi nghiên cứu học thuật, phê bình tác phẩm nhà văn, phát biểu ý kiến cá nhân là trăm hoa đua nở, trăm

nha đua tiếng. Những ngày danh nhân bị dày vò nhức nhối chính là lúc danh tiếng của người chửi càng âm vang, ánh hưởng càng sâu rộng. Danh nhân bỗng ngoái đầu thì họ đã thành danh.

Bốn là lợi dụng người ngoài ở Đài Loan, Hồng Công. Không làm nên trò trống gì trên văn đàn Đại Lục, thì đến khu vực Đài Loan, Hồng Công tìm cách đăng vài bài báo, xuất bản mấy quyển sách, trước hết gây tiếng vang ở Đài Loan, Hồng Công để vọng về nội địa. Hoặc là đi một chuyến Singapores, Malaysia, Thái Lan, chạy một vòng Đông Bắc Á sang Nhật xuống Indonesia, sang Mỹ, thăm Tây Âu, ngửi hít mùi Tây, nhặt cái đồ của họ vứt đi, tự cho là ta có gậy thần, phép màu vô biên, rồi quay đầu bắn lại họ, lợi dụng tâm lý sùng ngoại của không ít người trong những năm gần đây để đạt mục đích thành danh.

Năm là ghi chép điểm nóng. Theo báo chí, chàng A tốt nghiệp đại học, rất yêu thơ ca, lần lượt đăng trên các “Thi san”, “Văn học nhân dân” hơn 300 bài thơ, nhưng thu nhập rất thấp, cuộc sống thê thảm, ngay cả bạn gái thể sống thể chết với mình cũng phải chia tay. Chàng A cắn răng từ bỏ công chức, vứt cả thơ ca, quay ra viết một loại văn tả chân, ghi chép, chụp ảnh, phát hiện bí mật để cung cấp cho các tờ báo cuối tuần của các địa phương. Theo chàng, chỉ cần biết xào xáo là được, chép ở bài báo này một đoạn, trích ở sách kia vài

câu, xâu chuỗi lại là xong, không phí nhiều tâm lực mà lại có tiền. Ngày nay, chàng A đã có tiếng tăm trong giới văn nghệ, ngay một tờ báo lớn có tính toàn quốc cũng gọi chàng là “người viết bài tự do nổi tiếng”. Chàng B là một cây viết nông thôn, làm hiệu đính cho một tờ báo nhỏ ở kinh thành, một dịp tình cờ chàng gặp một chủ xí nghiệp muốn nổi danh. Chủ xí nghiệp đó đề xuất, đăng một bài có tính chất tâng bốc trên tờ báo nhỏ chàng B đang công tác sẽ trả cho tờ báo 15.000 đồng. B nhận lời ngay, sự việc làm xong rất nhanh, vì có công, chàng B được đề bạt làm Phó tổng biên tập tờ báo đó. Vì thế, theo ý nghĩ của chàng B, số báo này chuyên đăng văn học báo cáo viết về các chủ xí nghiệp, bởi vì rất nhiều chủ xí nghiệp kiếm đủ tiền còn muốn nổi danh. Về sau các chủ xí nghiệp muốn nổi danh trên toàn quốc nêu yêu cầu chàng B viết cho họ một quyển sách, vì thế chàng B ngoay bút viết 40 bản văn học báo cáo cho 40 vị chủ xí nghiệp, mỗi bài 5.000 chữ, thu phí một vạn đồng. Không đầy ba tháng, tập văn học báo cáo khảo cứu “Ngôi sao của xí nghiệp đương đại” được trình bày đẹp đẽ đã xuất bản phát hành trong toàn quốc. Chàng B một lúc kiếm được hơn 30 vạn đồng và được đội trên đầu vòng nguyệt quế nhà văn học báo cáo nổi tiếng.

Sáu là đưa vào từ điển. Những năm gần đây, luồng gió từ điển danh nhân thổi mạnh. Ở kinh thành và các địa phương đua nhau cho ra đời rất

nhiều “Ban biên tập từ điển danh nhân” nào đó, đâu tư công sức biên tập nào là “Từ điển danh nhân quốc tế đương đại Trung Quốc”, “Đại từ điển thi nhân đương đại Trung Quốc”, “Đại từ điển nhà thư pháp Trung Quốc... Danh mục rất nhiều, hình thức thì mới lạ. Những tác giả có năm ba tác phẩm chính là lúc tha thiết thành danh, khi nhận được giấy mời của “Ban biên tập đại từ điển” thông báo dự tuyển. Do lòng hư vinh thôi thúc, tất nhiên họ rất muốn tham gia và lòng mừng khấp khởi, nộp bao nhiêu tiền cũng sẵn sàng. Còn “Ban biên tập” thì chuẩn bị sẵn các cái mū “nhà”, “danh nhân” “trứ danh” v.v... ai muốn bỏ tiền thì đưa cho người ấy dội, thậm chí cũng dám phong hàm “Đại sư văn học”. Được biết, một “Ban biên tập từ điển đại sư văn học đương đại” trong thời gian rất ngắn đã trưng tập hai vạn người trên toàn quốc muốn được đưa vào từ điển đại sư văn học, sau đó ban biên tập tiến hành sàng lọc “nghiêm khắc” để lại năm nghìn người đủ điều kiện nhận hàm “đại sư văn học”, mỗi người phải nộp hơn hai trăm đồng lệ phí từ điển đại sư, kết quả là năm nghìn “đại sư” nộp đủ lệ phí rất nhanh. Lòng ham muốn thành danh quá ư mãnh liệt đã làm cho những văn nhân vô danh này mất đi lý trí tối thiểu.

Bảy là tự bạch riêng tư. Muốn mình trở thành tiêu điểm thu hút mọi người, một số văn nhân không tiếc tự bạch riêng tư, kể chuyện trăng hoa. Một nhà thơ nọ di cư ra nước ngoài viết một cuốn

nhan đề: "Câu chuyện một người đàn ông và hai người đàn bà", "tiểu thuyết thể ghi chép", sau đó nhà thơ giết vợ và tự sát. Bản chép tay được bán giá cao tại thị trường bán đấu giá bản thảo, và được xuất bản bán rất chạy. Trong hai người đàn bà có một người còn sống khoẻ mạnh, cảm thấy mình bị tổn thương, mất danh dự nên cũng viết một tiểu thuyết ghi chép để tiến hành "dánh trả tự vệ". Vì trong sách có dính đến một nhà thơ nổi tiếng khác nên biến thành "Câu chuyện của một người đàn bà và hai người đàn ông". Nhà thơ nổi tiếng càng nảy ra ý nghĩ độc đáo, nhận lời phỏng vấn riêng của một đài phát thanh, ghi âm tiết mục nói nhỏ "sở hữu bản quyền" để phát trên đài, nhận nghe điện thoại của thính giả và trả lời "đốc cạn tâm can". Hai cuốn "tiểu thuyết ghi chép thực" tự bạch riêng tư kể chuyện trăng hoa và tiết mục "nói nhỏ" có tính chất giống nhau đã làm thoả mãn cao độ tâm lý buồn tẻ vô vị tìm kiếm kích thích của những người ăn no, uống đủ, ngủ say, chơi tràn hiện nay, làm cho thi nhân vốn vô danh tiểu tốt bỗng nổi tiếng như cồn, còn thi nhân đã sớm nổi tiếng càng nổi tiếng thêm.

Bảy cái trò leo lên văn đàn thành danh hiện nay nói trên, thực ra không đủ để khái quát cuộc biểu diễn của các văn nhân ngày nay trực danh cầu lợi, nhưng cũng đủ để nhìn thấy cái nông nổi, dê hèn của văn đàn, văn nhân hiện nay. Văn nhân trọng danh là điều bình thường, nhưng đi tìm mý

danh bất diệt một cách xứng đáng, thì phải dựa vào giá trị đích thực của tác phẩm của mình, chứ không thể bằng những thủ đoạn bỉ ổi để đầu cơ trục lợi, cầu mua danh dự. Văn nhân muốn thực sự thành danh, cái kẽ trước mắt cũng như lâu dài là phải sáng tác những tác phẩm hay, chịu đựng được sự kiểm nghiệm của thời đại và lịch sử.

Chương V

ĂN MẶC

Ăn, mặc hâu như là những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống, cù cải rau xanh mỗi thứ có cái ngon riêng của nó, hoàn toàn có thể hiểu được, thì có cái gì đúng sai đáng nói? Kỳ thực không phải thế, nhất là ăn uống của Trung Quốc có nguồn gốc truyền thống lịch sử sâu xa, cũng có nghĩa là ăn uống không chỉ là rượu đù, cơm no mà là một thứ văn hoá gây ảnh hưởng sâu sắc đối với tâm lý của người Trung Quốc. cho đến ngày nay tập tục ăn uống ngày xưa để lại vẫn còn bùng cháy và chỉ có hơn chứ không có kém.

1. KHOE GIÀU.

Tục ngữ nói rất đúng: “Sống ở trên đời hai chữ ăn mặc”; “Làm quan nơi xa cốt để ăn mặc”. Ăn mặc là vấn đề cơ bản nhất của sự sinh tồn của con người. Do đó có thể thấy rằng, người Trung Quốc thông minh tuyệt đỉnh đều rất coi trọng vấn đề này.

“Ăn” lại là hàng đầu, “dân dĩ thực vi thiên”.

bởi vì nó là nguồn sống. Ăn uống là việc lớn hàng đầu của đời người, nói đến thật lý thú. Có một sự thực thế này: dù cho ở xã hội chuyên chế phong kiến cổ đại, quan phủ thi hành chế độ cực hình tàn khốc đối với dân chúng, thậm chí coi thường mạng sống con người, nhưng lại thực hiện một “ân huệ” cuối cùng, đó là đối với tội phạm tử hình, trước khi hành hình nhất định phải cho họ ăn một bữa thật ngon có cả rượu uống. Cách làm đó vẫn kéo dài cho đến ngày nay. Điều đó có nghĩa là con người có quyền được ăn, không giết “quỷ đói” vậy.

Cán bộ các cấp của Đảng và Chính phủ ngày nay nhấn mạnh một chức trách cơ bản của họ là phải nắm vấn đề đời sống của quần chúng nhân dân, cái gọi là “phải nắm bao gạo và giỏ rau” cũng là thể hiện quan điểm “dân dĩ thực vi thiên”.

Người Trung Quốc coi trọng “khẩu phúc”, rất chú trọng “cái ăn”, thậm chí gọi nó là thế giới nhất tuyệt. Thời kỳ Xuân Thu hơn 2000 năm trước, Khổng Tử đã nói “thích ăn cơm gạo giã trắng tinh, thích ăn gỏi thái nhỏ” (“Luận ngữ. Hương đảng”). Lương thực càng tinh tuý càng ngon, cá thịt càng thái nhỏ càng ngon, dù biết là rất chú trọng thức ăn. Có điều, điều kiện vật chất ở thời đại đó có hạn vẫn không thể đòi hỏi cao hơn.

Theo dà xã hội không ngừng phát triển đi lên, việc chú trọng cái ăn đâu chỉ có “thích ăn gạo giã trắng tinh, thích ăn gỏi thái nhỏ”. Ví như xã hội

phong kiến cuối nhà Thanh, giai cấp quý tộc chú trọng “cái ăn” làm cho người ta đến kinh ngạc. Xin cùm một ví dụ hãy xem hồi thứ 41 trong Hồng Lâu Mộng, có một đoạn miêu tả Già Lưu ăn cà: Già Lưu nhai một lúc lâu, cười nói: “Cũng hơi có mùi cà, nhưng không phải là cà. Mợ bảo cách cho tôi, khi về tôi cũng học nấu món này”. Phượng Thư cười: Có khó gì đâu, cà mới hái về bà gọt vỏ bỏ núm, chỉ lấy ruột thôi đem thái nhỏ như sợi tóc, phơi thật khô. Sau đó bắt một con gà ninh ra nước và hấp cà lên xong đem ra phơi, chín lần phơi, chín lần hấp, lại đem phơi thật khô, rồi bỏ vào trong lọ sứ bịt thật kín. Khi ăn sẽ lấy một thia trộn với thịt gà xào mà ăn”. Bà Lưu là một bà già thôn quê nghèo khổ, dù đã từng ăn cà, nhưng làm thế nào biết được cách ăn tinh tế đến thế, tất nhiên phải lắc đầu lè lưỡi, ngay cả những người trong chúng ta ngày nay rất sành ăn hơn bà, có lẽ cũng sẽ chịu thua và lắc đầu lè lưỡi. Vì vậy dù thấy, các nhà hào phú Trung Quốc quá ư chú trọng và tham lam hương thụ đối với “cái ăn”.

Trong “Hồng lâu mộng”, việc yến tiệc ở hai phủ Ninh, Vinh cực kỳ xa xỉ, nhiều chỗ miêu tả sinh động cụ thể đến sững sót.

Việc người Trung Quốc chú trọng ăn uống có nguồn gốc lịch sử sâu xa, cho đến nay, tập tục đó vẫn bùng cháy, và chỉ có hơn chứ không kém. Ngày nay, điều kiện cung cấp vật chất rất tốt không

những có đặc sản trong nước mà còn có của ngon vật lạ quý hiếm nhập khẩu. Một nhà xã hội học ca ngợi: "Người Trung Quốc là một dân tộc coi trọng nhất "cái ăn" trên thế giới. có một nền văn hóa "ẩm thực" rộng lớn sâu xa, không những làm cho các dân tộc khác chỉ có thể nhìn theo bóng dáng mà còn làm cho thực khách phương Tây cũng không theo kịp". Một vị khách nước ngoài đến thăm Trung Quốc, trong bữa tiệc chiêu được nghe giới thiệu Trung Quốc có tám hệ thức ăn lớn: Tứ Xuyên, Phúc Kiến, Giang Tô, Sơn Đông, Hà Nam, Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Đông, thì ông ta đã không ngớt lời tán thưởng.

Một nhà sành ăn nói: Kỹ thuật nấu nướng của người Trung Quốc là nhất thế giới, có món ăn xem ra đơn giản, nhưng cách nấu rất có học vấn. Ví như món "lẩu nước trong" có đến 22 thứ vật liệu, trình tự chế biến cũng rất tỉ mỉ phức tạp, vì vậy mùi vị vô cùng thơm ngon.

Trung Quốc ngày nay vẫn là một nước nghèo kinh tế, có một bộ phận nhỏ người chưa thoát khỏi cảnh đói bữa, kể cả nông dân vùng lạc hậu và công nhân bị gián việc, vấn đề ấm no của họ chưa được giải quyết thích đáng. Nhưng cũng có một số ít người phát lên trong kinh tế thị trường, trở thành tỷ phú, họ lầm tiền mạnh miệng, muốn gì được này.

Có một ông kέch xù lên giọng: Tiên làm gì ?

Để hưởng thụ đầy đủ, thực hiện chủ nghĩa hưởng lạc, để tiền chất trong nhà khỏi bị mốc. Tôi là khách thường xuyên của khách sạn năm sao, tôi thích tiêu dùng cao, ăn khắp cả kinh thành, cứ món nào ngon thì xơi!

Một hôm, ông hùng chí thuê gian phòng chuyên dành cho tổng thống ở khách sạn năm sao, với giá mỗi ngày một ngàn đô la Mỹ. Ông bảo khách sạn dọn cho ông bữa tiệc theo tiêu chuẩn tổng thống, kết quả là họ bưng lên một loạt món ăn cao cấp nổi tiếng, làm ông hoa mắt không biết ăn món nào ngon, rốt cuộc ông chỉ được xực cái chế riễu của người phục vụ là “thằng cậy tiền chơi ngông”, để tiếng cười cho thiên hạ.

Có một lần, một ông chủ ở Thâm Quyến chiêu đãi khách tại một khách sạn lớn, đã nói với giám đốc: Ông sắp xếp cho tôi một bữa tiệc theo tiêu chuẩn tám vạn tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng. Giám đốc lúng túng trả lời: Khách sạn chúng tôi không có tiệc đắt như thế. Ông ta nói: Ông cố gắng thu xếp là xong, có thể tìm vài cô xinh đẹp đến rót rượu phục vụ, số tiền thừa ra coi như bo cho các cô.

Một ví dụ cực đoan khác về một người Quảng Đông và một người Bắc Kinh trổ tài hào phong.

A Minh, chủ tiệm lớn cá thể ở Quảng Đông, thường có việc đi lại giữa Quảng Châu - Bắc Kinh.

Có một lần, sau khi đến Bắc Kinh, ông chủ Ba Thôi ở Bắc Kinh mời A Minh ăn “cơm thường” hết hai nghìn đồng, A Minh cảm thấy chẳng ra sao cả, phát cáu nói: Này ông chủ Thôi, ông coi thường thằng em này quá đấy, cho tôi ăn bữa cơm có hai nghìn, nếu ở Quảng Châu, hai nghìn chỉ đủ món rau! Ba Thôi nghe xong nghĩ bụng: Được, chú em hãy đợi đấy.

Chẳng bao lâu, Ba Thôi đi Quảng Châu, A Minh tìm một khách sạn tiếp đón dài đằng tốn hơn một vạn đồng. Ba Thôi lại giả vờ nói: “Lão Thôi này lần này đến Quảng Châu mà chú em dõi dài như thế, thật không ngờ chú nhỏ nhen thê!”. Được rồi, còn ở đây ngày mai, ta lại mời chú em!

Hôm sau, A Minh đến. Ba Thôi to tiếng gọi người phục vụ: Các cô có món nào đắt nhất dọn lên cho tôi, ít nhất hai vạn một món. Lúc này, các cô phục vụ lúng túng... Ba Thôi gặp giám đốc nói: ông dọn cho tôi một bữa tiệc theo giá ba mươi sáu vạn!. Giám đốc biết Ba Thôi dõi, vội nháy mắt cho A Minh. Khi A Minh xin lỗi Ba Thôi... câu chuyện mới tạm kết thúc.

Một tuần sau, để đè bếp đôi phương, Ba Thôi cứ nằng nặc mời A Minh ăn bữa cơm đáng giá hai mươi vạn đồng. Từ đó A Minh bái phục, chịu thua. Tục ngữ có câu: “Ăn Quảng Đông, mặc Thượng Hải”. Quảng Châu có ưu thế đặc biệt về điều kiện địa lý, ở vào vùng á nhiệt đới, sản phẩm dồi dào, là

dầu mồi giao thông trên biển, trên bộ, hàng không, thương nhân du khách trời Nam, biển Bắc đi lại như con thoi, vì vậy “cái ăn” của Quảng Châu càng trở nên phong phú so với nơi khác.

Quảng Châu là lạc viên của kẻ lầm tiền coi trọng khẩu phúc. Những ông kệch xù khoe giàu như loại Ba Thôi nói trên có lẽ cũng không phải là duy nhất. Thật là khinh thường cả nước, coi Âu, Mỹ bằng nửa con mắt.

Xã hội Trung Quốc vẫn còn hiện tượng, một mặt “trong nhà rượu thịt ôi”, mặt khác “ngoài đường xương chết cóng”, nghèo rớt mùng tơi song một sớm bỗng chốc trở thành phú ông thì lập tức nghĩ cách tẩy rửa “cái nghèo cái khổ” trước đây mà ăn tiêu phè phỡn, vừa thoả mãn nguyện vọng tâm, sinh lý, vừa có thể trực tiếp khoe khoang với người đời, lấy đó để tháo xả nỗi khổ nghèo đói và súc ép tâm lý trước đây.

Trung Quốc là một nước nghèo, nghèo là cái nhục của đất nước, nhưng một số hiện tượng kỳ quái trong cái giàu cũng đáng được coi trọng.

“Thích ăn gạo giã trắng tinh, thích ăn gỏi thái nhỏ”, ngoài thói hư vung tiền xa xỉ ra, cũng rất bất lợi cho sức khoẻ con người. Mức sống vật chất của nhân dân hiện nay được nâng cao, ngay những nhà bình thường cũng không ăn gạo thô, chỉ ăn bột tinh gạo trắng. Trong cửa hàng thực phẩm cũng

không có bán bột ngọt, bột cao lương, vì không có người mua. Theo điều tra lấy mẫu của các ngành thống kê có liên quan ở 35 thành phố lớn cho thấy: tỷ lệ tiêu thụ hàng năm giữa thức ăn và rau xanh là 2:1, lương thực tinh và lương thực thô chênh lệch là 1:0.07. Tư liệu nghiên cứu lương thực cho biết, gạo cao cấp đặc biệt so với ba loại gạo tiêu chuẩn (gạo thô) thì đã mất 16,55% lòng trắng trứng, 35% chất béo, 40% chất xơ, 60% can xi, 40% kali, các nguyên tố vi lượng quan trọng khác cần cho cơ thể như can xi, crôm v.v... cũng mất đi nhiều, đủ thấy tính chất nghiêm trọng của vấn đề. Kết quả của thói "thích ăn gạo già trắng tinh", một mặt tạo ra dinh dưỡng quá thừa, việc chỉ quen ăn các thứ có chất béo cao, calo cao, chất xơ thấp sẽ làm cho bệnh tiểu đường, huyết áp cao, mỡ trong máu, bệnh tim mạch tăng lên rõ rệt; mặt khác, lại gây ra thiếu dinh dưỡng. Theo điều tra, gần 1/4 cư dân thành phố hiện nay ở trạng thái thiếu dinh dưỡng, cao 8% so với nhân khẩu nông thôn.

Vì vậy người dân đô thị hiện đại nên ăn hoa màu đủ lượng, chú trọng cân bằng dinh dưỡng. Tổ chức bữa ăn khoa học hợp lý, nên ăn những thức ăn ít đường, ít muối, ít mỡ là chính và đưa lương thực thô, hoa màu lên bàn ăn. Kết quả của việc làm đó còn có thể giảm bớt chi tiêu sinh hoạt, có thể gọi là nhất cử lưỡng tiện, chẳng đáng làm sao!

2. ĂN UỐNG TIÊU XÀI CỦA CÔNG DÂU NHIỀU CÙNG CHĂNG XÓT.

Người Trung Quốc thích ăn uống, nhất là chiêu đãi khách. Trong cuộc sống hàng ngày bao giờ cũng tìm ra một lý do để tổ chức chiêu đãi. Nếu là ngày Tết, cưới xin, mừng thọ người già, sinh nhật trẻ em v.v... thì càng phải mời ăn mời uống. Nếu là lên chức, lên lương, dọn về nhà mới, đi nước ngoài v.v... thì càng phải ngồi lại cung ly với nhau. Nhưng dù thế nào chăng nữa, nếu việc chi tiêu ăn uống đó đều tự bắn thân bỏ tiền ra thì không có gì phải nói. Ở đây muốn nói trường hợp khác, tức là lợi dụng chức quyền, kiếm đủ mọi cơ để tiến hành cái gọi là "cả nước ăn nhậu", cũng tức là ăn nhậu "nhà nước" vậy. Đó là điều hợp lý nhất, lợi dụng công quỹ ăn nhậu, bắn thân mình không tốn một xu, nhà nước vô tư, dục vọng cá nhân lại thoả mãn, thật là tuyệt diệu. Chiêu đãi khách là truyền thống của người Trung Quốc, tự bỏ tiền ra đãi khách là thể hiện tình nghĩa, nhưng lấy tiền của người khác, lấy tiền của Nhà nước ra đãi khách thành thói quen lại là một "sáng kiến vĩ đại" của quốc dân, là sự phát triển truyền thống hiếu khách, mình không bỏ tiền mà lại đàng hoàng ngồi xơi, thật là một việc việc hay, xem ra người Trung Quốc ngày càng "truy lạc".

Vấn đề nghiêm trọng là luồng gió "cả nước ăn nhậu" đang lan khắp đất trời. Người ta nói, chỉ cần

bộ lớn nhỏ các cấp mỗi năm có thể nhai mất hơn 100 tỷ NDT. Con số thật khủng khiếp, thế nhưng lệnh cấm cũng chẳng ăn thua. Có người dự đoán một cách đau lòng rằng, cứ tiếp tục ăn như thế, không những ăn kiệt quốc gia, bại hoại đảng phong, chính phong mà còn dẫn đến nhiều hậu quả khó lường nổi.

Để ngăn chặn luồng gió cán bộ lấy của công ăn nhậu, những năm trước đây, Quốc vụ viện đã có công văn chính thức quy định rõ ràng, phải thu hẹp quy mô lấy công quỹ chiêu dãi, quy định quốc yến cũng chỉ “bốn món thức ăn, một món canh”. Rất tiếc là công văn gạch đố đó chẳng mấy hiệu lực, trên có chính sách, dưới có đối sách, cứ thế mà làm theo cách của ta, cứ việc ăn nhậu và còn có biểu hiện đái khách leo thang, đã ăn thì phải ăn những thứ đắt tiền, hải sâm, vây cá, đầu khi, yến sào v.v...

Được biết, một nhà máy lớn thuộc xí nghiệp quốc doanh nở, chỉ trong mấy ngày hoạt động chúc mừng sinh nhật nhà máy đã ngốn hết mười mấy vạn NDT, cán bộ thì mặc sức thi thoả, ngày lễ phải như thế này mới đáng. Nhưng công nhân thì rất bất mãn, họ khẳng khái nói rằng: “Hiện nay, nước ta còn có vấn đề nhiều người chưa đủ no ấm, cán bộ ăn chơi nhậu nhẹt thế này rất không tương xứng với thực lực kinh tế Trung Quốc. Nếu tiết kiệm có thể làm được nhiều việc lớn.”

Cục trưởng tài chính ở thành phố X tiết lộ, chỉ riêng thành phố này mỗi ngày chi công quỹ ăn uống cho khoảng hai nghìn người, tính thấp nhất, mỗi người mỗi ngày chi phí một trăm đồng. Một ngày ngôn mất 20 vạn, một tháng tiêu mất 6 triệu, một năm nuốt chửng 72 triệu NDT. Thực tế con số này có khả năng vượt trên trăm triệu.

Vì sao bệnh ăn nhậu khó cấm đoán? Theo những người hiểu rõ nội tình cho biết, hiện nay hầu hết các đơn vị đều có làm quỹ công, nhưng lại không phải kinh phí nhà nước từ trên rót xuống, các đơn vị đều có tài khoản tự do chi tiêu, cho nên, trên giấy tờ sổ sách vẫn ghi là... sử dụng kinh phí nhà nước! Hơn nữa, tuy chi tiêu ăn uống nhưng có thể khai phiếu chi việc khác, chuyển thành hóa đơn hợp pháp, hợp lý, nhằm che mắt người kiểm tra sổ sách. Thật là anh có chính sách, tôi có đối sách, anh có nghìn kế giỏi, tôi có chủ mưu tài.

Tác phong dùng công quỹ ăn uống phê phán thường xảy ra ở những nơi nào? Cũng đáng nghiên cứu lắm! Ví dụ, cấp trên hoặc cùng cấp đi công tác một hai người cần chiêu đãi, nhưng bồi đồng ăn uống thường rất đông, và lại, ngoài thức ăn ngon còn phải có rượu hảo hạng, thuốc thơm. Nói chung, phải cố gắng sao cho sang trọng hơn, cao giá hơn. Khi chiêu đãi phải có phòng riêng, có người chuyên môn (nói chung có nữ tiếp viên hoặc các cô tiếp tân xinh đẹp) phục vụ. Sau bữa tiệc còn phải nhảy,

karaoké - những chi phí đó tất nhiên phải tăng lên.

Tác phong ăn chơi, nhậu nhẹt không những gây lãng phí công quỹ, mà còn làm hư hỏng cán bộ. Họ thường xuyên sa đà vào ăn nhậu, lãng phí nhiều thời giờ làm việc và chìm ngập trong túu sắc. Giữa lúc vắng thau lắn lộn, mắt say lờ đờ, đi mây về gió, ý thức mơ hồ, không biết “thiên hạ” là cái gì, mình là người gì, thì còn làm sao nghĩ đến công việc được nữa. Khó tránh khỏi ý chí bị tiêu ma, thích ăn, biếng làm, trở thành con mọt của Nhà nước. Đối với tác phong ăn nhậu, người ta hay nghĩ đến lãng phí kinh phí của Nhà nước, nhưng lại coi thường tác hại mặt trái đối với tác phong phẩm chất của cán bộ.

Thật là khoái chí khi được đọc bài: "Khẩn trương diệt "hoàng trùng"" của ông Mao Học Dung đăng trên tờ "Tân dân văn báo"! "Hoàng trùng" nói ở đây không phải là loại châu chấu ăn hại mùa màng, gây thảm họa thất thu, mà lấy hoàng trùng để ví người, ví kẻ ăn nhậu công quỹ khác nào loài châu chấu! Ông Mao sám hối: "Tôi đã từng bị chửi là loại "hoàng trùng". Vào một ngày nấm ngoài, đoàn chúng tôi hơn 10 người, sau buổi trưa thưởng thức hương vị sò biển tuyệt vời ở chỗ A, buổi tối chuyển sang chỗ B không ngờ bị muỗi, trên mặt bàn tròn món ăn nào cũng mặn đến mức khó nuốt trôi. Tôi là người cuối cùng rời khỏi cửa hàng. Một chân vừa bước ra cửa thì nghe sau lưng có người

chửi: “Một bầy hoàng trùng!..” Tôi sức tỉnh, món ăn quá mặn ngoài việc nhiều muối ra, còn có một cơn mưa phẫn nộ”.

Ông viết tiếp: “ăn” ở Trung Quốc nổi tiếng thế giới. Ngoài kỹ thuật nấu nướng siêu quần, thậm chí gọi là nhất tuyệt, việc dùng công quỹ ăn uống cũng đáng xem là... nhất thế giới!

Vì vậy, việc khẩn trương diệt “hoàng trùng” đã trở thành nhiệm vụ cấp bách. Dựa vào tẩy chay tiêu cực “đầu bếp bớt muối” nói trên thì hiệu quả không lớn mà khó trừ tận gốc. Phải dựa vào biện pháp mạnh mẽ và hình thành cơ chế giám sát của đông đảo quần chúng làm cho những “hoàng trùng” “nghe đến tiệc là sợ”. Tất nhiên, bạn bè thân gặp nhau liên hoan lại là việc khác. Tôi rất hâm mộ tinh thần tự phê bình của tác giả, lấy “hoàng trùng” để ví những “kẻ lấy của công ăn nhậu, có thể nói là tác giả đã thẳng tay vạch trần cái nguy hại của nó. Mong khẩn trương diệt “hoàng trùng”, sớm quét sạch lũ hại dân, hại nước.

3. VỪA ĂN VỪA BÀN, CÓ NHIỀU VẤN ĐỀ ĐÁNG BÀN.

Xã hội ngày nay thịnh hành một thói xấu nhò người ta giúp việc phải “tặng quà”. Bất cứ làm việc gì, dù là việc rất bình thường, lẽ ra đối phương phải làm, hễ anh nhò ông ta hoặc việc đó ông ta

không làm thì không xong, hoặc anh muốn làm nhanh cho xong việc đó thì phải mời cơm, tặng quà, nếu không thì không xong việc.

Có người than rằng, cảnh đời hiện nay tình người bạc bẽo, làm việc gì, càng ngày càng ít người nói với anh những chuyện tình nghĩa, mà chỉ chú trọng lợi ích, coi trọng được mất. Người được lợi tất nhiên là nhân viên công tác có chức có quyền nào đó, không nhất thiết là quan gì, miễn là cán bộ bình thường, như các đơn vị kiểm tra pháp luật, nhân sự lao động, thuế vụ công thương, tài vụ giao thông cho đến quản lý thị trường, bộ môn môi trường, phòng dịch y tế, sinh đẻ có kế hoạch v.v... đều được. Nhân viên công tác của các đơn vị này, ở mức độ khác nhau, đều chiếm địa thế có lợi “trên cao nhìn xuống”, thường thường có người đến nhờ cậy việc nọ việc kia. Chỉ có Cục địa chấn, Đài thiên văn mới rất ít người đến nhờ cậy giải quyết công việc.

Vậy ai có thể không nhờ cậy người khác giúp việc ? Hết làm giấy phép, khai chứng minh thư, thuê nhà, lắp điện thoại, đặt thang máy, thông đường cống, chở hàng hoá, mua vật liệu, đăng quảng cáo, đăng ký hải quan, điều động công tác, di chuyển hộ khẩu, quan to xin chức, trẻ con vào nhà trẻ, học sinh chọn trường, cho đến giới thiệu đối tượng dựng vợ già chồng... đều cần đến người giúp việc. Cần người giúp việc đã trở thành tập

quán khó tránh khỏi trong đời sống xã hội. Mời cơm, tặng quà, tất nhiên cũng trở thành một tập quán trong đời sống xã hội. Ở đây không nói tặng quà chỉ nói mời cơm.

Văn hoá Trung Quốc là loại văn hoá tình cảm dịu dàng, việc gì cũng không muốn cứng nhắc, nhờ người giúp việc mời cơm, tặng quà càng thể hiện không khí văn hoá tình cảm dịu dàng kín đáo, nói năng nhẹ nhàng, không làm mất thể diện mà lại tỏ ra tôn trọng.

Mời khách ăn cơm thực ra là một phương thức tiện lợi nhất khi nhờ người giúp việc, cũng là một phát minh truyền thống của quốc dân, nó lâu đời như bốn phát minh lớn vậy. Đó cũng là nguyên nhân văn hóa ẩm thực Trung Quốc phát triển. Không khí vừa ăn vừa bàn trên bàn tiệc so với ở văn phòng hay hơn nhiều. Chiêu đãi mời cơm dù muốn hay không đã tăng thêm không khí vui vẻ thân tình, có thể chúc đổi phuơng vài cốc rượu, nói vài lời tâng bốc, sau đó uyển chuyển đi vào đề chính. Phải làm cho ông ta ăn uống no say, tốt nhất có thể vui chơi sau khi ăn, tìm cô gái đẹp kèm ông ta nhảy. Nếu ông ta nhận lời giúp đỡ thì khi đứng dậy ra về cần tặng chút quà mà ông ta thích, như vậy càng không có vấn đề gì đối với việc nhờ và. Mời cơm mang màu sắc tình cảm, tự nhiên hơn nhiều so với đường đột tặng một món quà.

Còn đối với việc khó làm, chỉ cần đổi phuơng

nhận lời đến dự cũng là tốt rồi, có chỗ để xoay xở, nói chung đều có thể thu được hiệu quả theo dự đoán, gọi là: “cốc rượu nâng lên, chính sách nới rộng”, há miệng mắng quai...

Mời cơm thuộc loại này hai bên đều không nói cũng hiểu nhau, hiểu rằng không chỉ là bữa ăn uống giản đơn mà là một cuộc đàm phán bằng phương thức uyển chuyển, có mục đích rõ ràng và nội dung chủ đề sâu sắc. Nói bất nhã một chút tức là tiến hành mua bán trên bàn ăn, tôi trao cái này, anh chào cái kia, tôi cho anh ăn uống chơi bời, anh cho tôi làm việc thuận lợi. Những việc gì bàn bạc trên bàn ăn thì tính chất “mua bán” hình như bị mờ đi.

Chẳng hạn, Ở một khu phố sầm uất nọ mới mở một quán ăn. Bà chủ quán tố khổ: Ngày giờ làm ăn thực khó, không những thuê nhà cao, đóng thuế nhiều, đau đầu hơn là “các bà” quá nhiều, ai cũng có thể quản, báo hiếu không chu đáo, thì “bà” nào cũng có thể điểm mặt cho mà xem. May ngày nay, chúng tôi đã mời ngành công thương, thuế vụ, quản lý thị trường, công an, ban trị sự đường phố đến ăn cơm, nhiệt tình khoản đãi hết lượt. Nhưng chúng tôi lên kế hoạch thiếu chu đáo, bỏ sót ngành vệ sinh phòng dịch, kết quả là ngành này cử một nam, một nữ, nô khí dằng dặc: Các người mở cửa hàng ăn cũng không thèm báo chúng tôi một tiếng, xem thường chúng tôi có phải không, được, bây giờ

chúng tôi đến kiểm tra thiết bị và dụng cụ nhà bếp của các người, và các loại thực phẩm có sẵn ở đây. Kết quả kiểm tra là theo điều lệ vệ sinh của ngành ăn uống thì nhiều mặt đều không đạt yêu cầu, ra lệnh đình chỉ để chỉnh dốn. Bà chủ thấy gay go, cũng không dám cãi, bèn nhờ người khai thông quan hệ, xin lỗi tạ ơn, và ngay tối hôm đó tổ chức một bữa tiệc thịnh soạn khoản đãi nhân viên trạm vệ sinh phòng dịch khu vực này. Tất nhiên là cười ha ha, hoà cả làng. Bà chủ nói: Chúng tôi đã làm theo chỉ thị cải tiến hoặc sửa chữa, xin ngày mai kiểm tra lại. Kết quả: Cải tiến thì tốt, không kiểm tra nữa. Trước bữa ăn và sau bữa ăn, thái độ khác hẳn nhau !

Có thể thấy rằng mời ăn cơm là việc quan trọng, qua đổi chác trên bàn ăn, gửi chút tình người, thật là nhất cử, lưỡng tiện.

Những dẫn chứng tương tự thì nhiều vô kể. Nhìn chung, sự mua bán, đổi chác trên bàn ăn là một loại dị hoá của quan hệ bình thường giữa con người với nhau, đều là hành vi không chính đáng, chẳng đẹp đẽ gì. "Người mời ăn" xuất phát từ tư lợi, không thể không trả giá nhất định, còn những người "được ăn" cũng xuất phát từ tư lợi, muốn kiếm chút ít béo bở để lợi riêng, hại chung, làm cái việc xấu hổ với đất trời và nhân cách, thật là có mất trong cái được, được ít, mất nhiều, ở đây đã bộc lộ rất rõ một bệnh trạng thường của đời

sống xã hội chúng ta và quan hệ giữa con người với nhau.

Người vì mọi người, người đi nhờ phải yêu cầu chính đáng, người giúp phải giúp chính đáng, mới đúng.

Ông Đào Ninh viết bài “Thói xấu ăn chơi đang vây gọi” đăng trên “Tân văn báo” đã vạch trần không thương tiếc và quát roi mạnh mẽ vào thói xấu đó. Ông viết:

“Đáng sợ và đáng buồn còn ở chỗ “người mồi” và “người ăn” đều truy lạc. Chỉ cần phân tích qua tầng lớp kết cấu của nhân vật trong cốc rượu, chúng ta có thể thấy rõ ràng. Bữa tiệc linh đình thường tổ chức vào lúc có các cuộc họp đặt hàng, triển lãm bán hàng, hội nghị giám định, cho đến cuộc họp báo do “các nhà kinh doanh sản xuất hàng hoá” triệu tập. Những người đến dự ngoài đồng nghiệp từ khắp nơi đổ về cũng không thiếu những “quan chức” các cấp của Đảng, chính quyền, quân đội. Những người trước thèm muốn nguyên liệu giá rẻ hoặc bán hàng thuận lợi, còn những người sau chẳng qua là vận dụng quyền lực vật chất, tiền bạc, lưu thông v.v... nắm trong tay để đổi chác thèm muốn trên “bàn ăn” mà thôi. Vì thế cuộc trao đổi không ngang giá sẽ đạt được trong ngôn ngữ thời thượng “vừa ăn vừa bàn”.

“Hình thái “kinh tế hàng hoá nguyên thuỷ

này”, thông qua một chữ “tham” đều có trong “người mời” là “công” và “người ăn” là “tư” đã làm cho sự tuần hoàn kinh tế và trật tự kinh tế bị hỗn loạn, không biết nó tai hại gấp bao nhiêu lần so với “ăn” đứt bao nhiêu tỷ NDT. Dương nhiên, vơ đưa cả năm, coi các quan chức lớn nhỏ nào đó của chúng ta đến dự tiệc đều là kẻ tham lam vô đáy, là thiếu công bằng, thế nhưng “ăn của người ngập mồm”, cái thứ làm người ta lâng lâng như “tiên”, đê mê như “say” sẽ tạo ra cái đồi bại đáng sợ và đáng buồn, còn nói gì đến thanh liêm chính trị?”

Đào Ninh không tiếc thương chọc thủng sự đổi chác trên bàn ăn gọi là: “vừa ăn vừa bàn” đó là sự lợi dụng lẫn nhau, cùng là mèo mả gà đồng, là sự đổi chác quyền, tiền, họ đều là những kẻ làm loạn tham tiền bất nghĩa trong kinh tế thị trường, không từ một thủ đoạn nào làm hỗn loạn môi trường kinh tế và trật tự kinh tế, gây nên tình trạng đồi bại vừa đáng sợ lại vừa đáng buồn. Điều đó cũng chứng tỏ rằng: cải cách cơ chế kinh tế và thể chế chính trị của chúng ta hiện nay vẫn chưa được hoàn thiện, để cho bọn loạn thế thất đức đó có chỗ ẩn náu, có cơ hội ra tay. Xem ra đã đến lúc chấn chỉnh lại sự đổi chác bẩn thỉu trên bàn ăn, hãy dọn hết rượu thịt trên bàn mà mỗi bát đĩa đều đầy vị khuẩn, đập nát chúng không thương tiếc, cuối cùng lật úp mặt bàn cho bốn chân chống gọng lên trời.

4. LÀM TỐT, LÀM XẤU, NỒI CƠM TO NHƯ NHAU.

“Nồi cơm to” là phát minh độc đáo của người Trung Quốc, có thể nói là có một không hai, trên thế giới. Nồi cơm to là gì? Có nhiều cách giải thích:

Một là: cung cấp ăn uống bình thường cho nhiều người. Ăn nồi cơm to có nghĩa là dài ngô đời sông đồng loạt, không phân cao thấp. Bất kể anh bỏ ra bao nhiêu lao động, anh đều được dài ngô đồng loạt như nhau. Đó là khuynh hướng bình quân chủ nghĩa tuyệt đối trong lĩnh vực phân phối.

Hai là, ăn không xã hội chủ nghĩa, không cần cá nhân trả tiền. Nếu anh có tên trong danh sách thì có thể đến ăn cơm trong nồi cơm to.

Ba là, bất kể anh làm nhiều làm ít, làm tốt làm xấu, dài ngô đều là hình thức phân phối như nhau.

Đặc điểm của nồi cơm to “một là lớn hai là chung”.

Trước hết, hãy nói “lớn”: trong quan niệm của người Trung Quốc, “cá nhân” bao giờ cũng nhỏ bé, không đáng kể, chẳng ra cái gì cả, chỉ có tập thể, quần thể mới là vĩ đại. Biển sô dĩ “lớn” vì nó có thể chứa trăm sông, sông sô dĩ “lớn” vì nó chẳng từ chối một dòng suối nhỏ, nước có thể lớn vì nó có thể nấm cả vạn dân.

Cái nồi lớn của Trung Quốc có thể nói nó lớn tới mức bất ngờ. Trung Quốc có hơn 28 triệu cán bộ, tất thảy họ đều ăn nồi cơm to của Nhà nước, cái nồi đó to đến nỗi có thể nấu cho 28 triệu cán bộ ăn. Trung Quốc có hơn 100 triệu công nhân viên chức xí nghiệp (quốc doanh và tập thể) tất thảy họ đều ăn nồi cơm to của xí nghiệp, cái nồi to đó to đến nỗi có thể nấu cho hơn 100 triệu công nhân viên chức ăn. Thật có thể nói là cái nồi to đặc biệt kỳ lạ, ngay trong thần thoại cũng không thể xuất hiện cái nồi to như thế, song nó đã xuất hiện trong đời sống xã hội hiện thực Trung Quốc.

Bây giờ nói đến “chung”: chung là chia đều vậy, cho nên còn gọi là “công bằng”, thực ra có nghĩa là “bình quân”. Bình quân có hai nghĩa, một là “ai cũng có phần”, hai là “mọi người như nhau”. Chính vì “ai cũng có phần” cho nên ngay cả AQ cũng có thể nói thẳng: “Hòa thượng sờ được, tôi cũng sờ được”. Chính vì “mọi người như nhau” nên cũng giống như mọi người bình đẳng, không có trên không có dưới, không có cao không có thấp, công hiến của mọi người khó tránh khỏi có nhiều có ít, có lớn có nhỏ, nhưng về mặt phân phôi hướng thụ thì lại hoàn toàn như nhau.

“Nồi cơm to” hình như gởi gắm con người vào một giấc mơ là thực hiện “chủ nghĩa Cộng sản” đơn giản nhất, về mặt nội dung ít nhất nó bao gồm ba mặt dưới đây:

1. Đem hết khả năng làm cho mỗi người đều có cơ hội làm việc, để cho mỗi người đều có một phần công việc, quan trọng nhất là “có bát cỗm ăn”, không ngừng mở rộng biên chế đơn vị, đem công việc vốn một người có thể làm tốt chia cho mấy người làm, ít nhiều mỗi người một tí, nếu không, ăn cỗm sẽ không danh chính ngôn thuận. Khi cần có thể cho nhân viên đang làm việc về hưu trước tuổi, để cho con cái của họ thay.

2. Cố gắng hết sức thu hẹp khoảng cách giữa phân phôi, sau khi bãi bỏ “chế độ cung cấp”, thực hiện “chế độ tiền lương”, tuy không thể không có chút ít khoảng cách về cấp bậc tiền lương, nhưng cố gắng thu hẹp khoảng cách đó. Đồng thời, về mặt quy định các loại phụ cấp và phúc lợi làm cho nó cơ bản giống nhau hoặc gần nhau.

3. Khi xác định “chênh lệch cấp bậc” cố gắng căn cứ vào thói quen đã hình thành trong xã hội, vào những tiêu chuẩn dễ được chấp nhận hơn về mặt tâm lý. Ví như: tuổi tác và quá trình, tức thời gian công tác lâu hơn, tư cách thâm niên nhiều hơn thì lấy nhiều một chút, ngược lại thì lấy ít một chút, còn các chỉ tiêu mềm có tính eo giǎn như học lực, năng lực, tài năng, công hiến v.v... thì có cũng được, không cung được.

Ba điều trên đây gọi là “nồi cơm to”. Có người coi điều đó cũng giống như anh hùng Lương Sơn Bạc “ra sức giết giặc, uống rượu bát to, ăn miếng

thịt to "như nhau". Do số người có công ăn việc làm được mở rộng không hạn chế, đồng thời lại liên tục giảm mức phân phôi nên đã nảy sinh cách nói là "tiền lương thấp, có công ăn việc làm nhiều".

Chính sách "tiền lương thấp, có công ăn việc làm nhiều" trong điều kiện lịch sử nhất định rõ ràng là có tác dụng tốt ổn định nhân tâm, ổn định xã hội, nhưng tác hại của nó cũng rất rõ ràng. Nhìn bề ngoài nó là công bằng, nhưng "công bằng" bề ngoài lại che đậy cái rất không công bằng trong xương cốt. Vai trò chủ yếu của "cơm" là nuôi dưỡng con người, nhưng biện pháp "nồi cơm to" là để nuôi dưỡng những loại người như thế nào? Rất rõ ràng, nó chỉ có thể tạo ra cái "tầm thường" "ngu xuẩn", nặn ra "thằng lười" "thùng cơm", quyết không thể tạo nên "anh tài", bồi dưỡng "rường cột" được. Bởi vì thể chế của nồi cơm to suy cho cùng là không để anh nỗi bật lên, không cho anh tiến tiến, mà là đánh vào cái tính tích cực và tính sáng tạo của anh. "Thể chế của nồi cơm to trên thực tế là chẳng cần khác nhau, chẳng cần nguyên tắc, không biết tốt xấu, không được cạnh tranh, không rõ phải trái, bất kể công hiến".

Thực hiện thể chế nồi cơm to, có lúc phải tiến hành "cào bằng", cũng tức là điều động của cải làm ra của các khu vực, đơn vị có nhiều cố gắng, đóng góp lớn sang cho các khu vực, đơn vị ít cố gắng, đóng góp nhỏ để cho mọi người bằng nhau về phân

phôi. Làm như vậy cũng chính là “quất roi con trâu mộng”, “khen thằng lười, phạt thằng siêng” không hơn không kém. Nhìn bề ngoài là đều đặn như nhau, trên thực tế là bên dày, bên mỏng mà bên dày lại là “kẻ yếu”, năng lực kém, còn bên mỏng là “kẻ mạnh”, năng lực cao, kết quả của việc làm đó chỉ có thể làm yếu cả dân tộc, làm cho mọi người trở thành “kẻ ngửa tay” chờ đợi, dựa dẫm, vòi vĩnh, điều đó rất có hại, dứt khoát không có tiền đồ, hả chẳng phải là rất đáng buồn sao?!

Cho nên, hễ đơn vị nào ăn nồi cơm to tát nhiên sẽ có hiện tượng không bình thường như thế này: nó là thiên đường của kẻ yếu, nó là cái lồng của kẻ mạnh, cũng có nghĩa là có lợi cho kẻ yếu và ngược lại bất lợi cho kẻ mạnh. Đó cũng chính là nguyên nhân kẻ yếu thường say sưa tìm một đơn vị vững chắc, còn kẻ mạnh thường nghĩ cách phài nhảy tường. Có thể tưởng tượng rằng, người càng không có năng lực, càng làm việc không tốt thì càng có lợi, còn người càng có năng lực, càng làm tốt việc có công hiến lớn thì càng bất lợi, xét về mặt tình lý điều đó làm đảo lộn tiêu chuẩn phải trái, là hoang đường nực cười, quả là chuyện người đời không thể hiểu nổi.

Thế chế nồi cơm to đã để ra tệ hại mà chúng ta thường thấy là cơ cấu phù thủng, người nhiều hơn việc, nuôi không một đám đông những thằng lười và kẻ ăn chơi. Ở đơn vị thì thấy đi làm không

dúng giờ, đến muộn về sớm, thậm chí thường xuyên không đi làm, một lần xin nghỉ khám bệnh mấy tháng, trên thực tế chẳng có bệnh gì. Đằng nào thì cũng chẳng thiếu một xu tiền lương. Có người đi làm cũng chẳng để tâm đến công việc, lười biếng, lảng công tiêu cực, người nọ nhìn người kia chán lười, làm càng ít càng tốt, công việc càng nhẹ càng tốt.

Mọi người đều làm việc với tinh thần và thái độ như vậy làm sao có thể có năng suất. Chả trách đất nước phát triển chậm chạp, hiện trạng như vậy thực làm người ta đau lòng!

Liên quan mật thiết với nồi cơm to là bát cơm sắt. Cái gọi là “bát cơm sắt” để chỉ một chức vụ tại đơn vị quốc doanh, một nghề nghiệp có tính vĩnh cửu, rất bảo đảm. Bát cơm sắt có ba nội dung:

1. Nó là tiêu chí của thân phận, như thân phận cán bộ Nhà nước, thân phận viên chức đơn vị chế độ sở hữu toàn dân. Có thân phận này có nghĩa là đã có một địa vị xã hội nhất định, có thể phân biệt với nhân viên tạp vụ khác. Có thân phận này cũng coi như có một công việc cố định, lại có thể phân biệt với dân vô công rồi nghề. Quan trọng hơn là một khi có được thân phận này thì không dễ bị mất, dù cho điều động công tác, chuyển vùng hoặc chuyển đơn vị, thân phận người đó không bị ảnh hưởng. Ở bên này ăn nồi cơm to, đến bên kia vẫn ăn nồi cơm to. Nếu anh là cán bộ Nhà nước, dù

điều đến xí nghiệp hợp doanh hoặc xí nghiệp hương trấn vẫn được bảo lưu thân phận đó, và bất cứ lúc nào cũng có thể trở lại ăn no i cơm to. Nếu anh là nhân viên xí nghiệp quốc hữu, dù xí nghiệp đã phá sản, Nhà nước cũng có nghĩa vụ sắp xếp lại công tác cho anh. Tóm lại, có thân phận này thì vĩnh viễn có một công việc, có một bát cơm ăn cho nên gọi là “bát cơm sắt”.

2. Có thân phận này rồi, nếu ở đơn vị anh không phạm sai lầm lớn, thì chức vụ, chức danh, cấp bậc, đai ngộ nói chung không hề thay đổi và cách làm quen thuộc là chỉ lên chức chứ không xuống chức. Có khi chuẩn bị nghỉ hưu còn lên một bậc lương. Sau khi nghỉ hưu còn có thể lĩnh tiền lương hưu. Tiền lương hưu còn tăng lên theo vật giá tăng lên cho đến suốt đời đều như vậy, cho nên gọi là “bát cơm sắt”.

3. Có thân phận này rồi và được công tác ở một đơn vị nhất định còn có nghĩa là được một căm hộ và một loạt phúc lợi và lợi ích mà không có tiền lương nào có thể thay thế và tính toán được. Chính vì loại phúc lợi không thể tính toán được này nên nó mới có sức cám dỗ đặc biệt và cũng chính vì không có cách gì thay thế được nên càng không dễ dàng từ bỏ.

Nếu phải “nhảy tường” thì phải tính toán đối với “thu nhập vô hình” phụ thêm này, kết quả thường là trái tim “sắt” cứ i ra ở đơn vị cũ, với ý

nghĩa đó nó cũng là “bát cơm sắt”.

Do bát cơm sắt có nhiều lợi ích như vậy, cho nên một người một khi bụng bát cơm sắt của đơn vị nào đó thì đặc biệt trân trọng và thường làm cho người đó có quan hệ phụ thuộc nhân thân đối với đơn vị, một là đơn vị không có quyền tuỳ tiện khai trừ họ, hai là người đó không thể tuỳ tiện nói đi là đi. Chính vì vậy, nhân tài ở đơn vị như thế không dễ lưu động, muốn đi không đi được, muốn vào cũng không vào được, lâu ngày trở thành ao tù, nước đọng, đơn vị đó cũng rất khó có sức sống. Tệ hại của nó là ở chỗ đó.

5. THÓI QUEN LÂU NGÀY SAI CŨNG THÀNH ĐÚNG.

Người Trung Quốc có ba tập quán ăn không tốt

1. *Coi thường bữa sáng:*

Mỗi ngày con người có ba bữa ăn nên sắp xếp như thế nào? Chuyên gia y học sinh lý cho rằng: Nguyên tắc đúng đắn phải là “bữa sáng ăn tốt, bữa trưa ăn no, bữa tối ăn ít”. Có người lấy ví dụ rằng: Ăn sáng phải như quốc vương, ăn trưa phải như hoàng tử, ăn tối phải như ăn mày. Điều đó nói lên “sáng tốt” là quan trọng nhất của ba bữa ăn trong ngày.

Ăn sáng phải là một bữa ăn có chất, có lượng

trong một ngày, cần phải được coi trọng đầy đủ. Đó là xét từ nhu cầu sinh lý của con người. Bởi vì hoạt động cơ thể, đặc biệt là năng lượng cho hoạt động trí óc chủ yếu từ đường máu, mà đường máu lấy từ tinh bột trong thức ăn. Từ bữa ăn tối đến trước khi ăn sáng hôm sau cách nhau hơn 10 tiếng, dạ dày đã sớm trống không, còn buổi sáng lại là thời gian lượng hoạt động công tác (học tập) trong ngày lớn nhất, cần phải tiêu hao năng lượng khá nhiều, nếu bữa sáng không ăn thật tốt, đường máu không được bổ sung kịp thời và bị hạ thấp sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động cơ năng bình thường của tổ chức não, tư duy của con người sẽ trở nên chậm chạp, hỗn loạn, tinh thần mệt mỏi, sức chú ý không tập trung. Nếu thanh thiếu niên đang thời kỳ trưởng thành phát triển sẽ còn ảnh hưởng đến trọng lượng của đại não và hình thái phát triển, gây tổn hại cho đại não.

Ngoài ra, có người coi thường bữa ăn sáng, ăn tí chút qua loa cho xong gọi là “điểm tâm”. Thậm chí có người không ăn, dạ dày trống rỗng, vị toan và các men tiêu hoá phải trực tiếp tác động vào niêm mạc dạ dày, lâu ngày sẽ gây bệnh cho hệ thống tiêu hoá, đau dạ dày và hành tá tràng. Do không ăn sáng nên dồn nhiều vào bữa trưa, bữa tối. Nếu bữa tối ăn quá nhiều và quá ngon càng dễ làm cho mỡ trong máu tích tụ và phát phì, lâu ngày dẫn đến xơ cứng động mạch, huyết áp cao, bệnh tim mạch, hậu quả rất nghiêm trọng.

Vì vậy, ăn tốt bữa sáng rất quan trọng, một ngày ba bữa, bữa sáng đi đầu, không được coi thường. Lượng ăn bữa sáng nên chiếm một phần ba nhiệt lượng dinh dưỡng cả ngày. Ngoài lương thực chính (ngũ cốc, bánh mỳ, mì thầu) có thể thêm 1 quả trứng, 1 ly sữa thì càng lý tưởng.

2. Ăn nhiều vào ngày lễ, ngày tết.

Hiện nay, do điều kiện đời sống được nâng cao, trong cuộc sống gia đình hay trong giao tiếp xã hội do thức ăn ngon, kích thích ăn uống, nên dễ ăn nhiều và ăn quá liều. Do ảnh hưởng của truyền thống cổ xưa mỗi lần Tết đến là phải ăn uống no say, ra sức hưởng thụ nên càng càng dễ ăn nhiều. Thực ra tập quán không tốt này thường thường thì tốn tiền mà mua vạ vào thân, do ăn uống quá độ, xa xỉ, dẫn đến bệnh tật, mọi người nên cảnh giác:

Có người nói: “Ăn được ngủ được là tiên”. Kỳ thực không phải như thế, ăn vừa phải mới tết, ăn quá độ không tốt. Có người do tham ăn, thiếu kìm chế cần thiết, nên sự việc và ý muốn trái ngược nhau, cũng thường xảy ra những việc vui quá hoá buồn. Có người tham ăn, bị một trận ốm nặng, đến nỗi suýt đi đời.

Theo thầy thuốc cho biết, vào mùa xuân, người mắc bệnh dạ dày tăng lên, chủ yếu là do ăn nhiều và uống rượu. Họ phân tích các trường hợp nói rằng: vào dịp Tết tư tưởng con người thoái mái,

phán khởi, hoặc gia đình đoàn tụ bạn bè thân thiết qua lại thăm nhau tất nhiên dễ ăn uống quá chén làm cho dạ dày suốt ngày căng thẳng, hậu quả là thức ăn thịt cá quá nhiều, làm cho mệt tuy tiết nhiều dịch vị có thể gây bệnh ống mật và viêm tuyến tuy cấp. Sau khi hàm lượng mỡ trong máu tăng cao cũng dễ sinh bệnh tim, não. Đồng thời, ăn quá nhiều sẽ làm cho tiêu hoá không tốt và mắc bệnh dạ dày, đường ruột.

Đặc biệt nguy hiểm là “dạ dày căng to cấp tính” do bạo thực gây ra. Tình trạng dạ dày căng to cấp tính do nhiều nhân tố như rối loạn động lực dạ dày cấp, tích dịch và tích khí quá nhiều trong dạ dày, biểu hiện của bệnh nhân là bụng trên đau và nôn mửa, trên lâm sàng có thể xuất hiện rối loạn phân giải nước, điện, acid và kiềm mất cân đối, nghiêm trọng có thể làm thủng dạ dày. Một khi xảy ra bệnh này thì tình hình rất nguy hiểm, nếu không xử lý kịp thời thì tỷ lệ tử vong rất cao.”

Đã có dẫn chứng chết người vì bạo thực. Một tài liệu ghi chép: Đầu thế kỷ 17 một nông dân Anh tên là Tomat-Paper bình thường khó có được bữa no, chỉ có chè thô và cơm nhạt, nhưng ông lại sống 152 tuổi. Hoàng tộc Luân Đôn muốn học tập bí quyết sống lâu của ông, vời ông vào cung để truyền kinh nghiệm, khoản đai ông thịnh soạn. Ông thấy trên bàn đầy thức ăn sơn hào hải vị vì thế nới da bụng cho thoả thích, kết quả là sau ba tháng bị

bệnh mới chết. Sau đó bác sĩ kiểm tra cho biết nguyên nhân cái chết của ông rất giản đơn: do bạo thực.

Câu chuyện này bảo với chúng ta rằng: bạo thực có lúc nguy hiểm đến tính mạng, nhất thiết không được coi thường. Nó còn nói lên rằng, chè thô cơm nhạt có thể làm cho người ta sống lâu, ngược lại, xa xỉ quá đáng là không tốt.

Trong khi chúng ta muốn có dinh dưỡng toàn diện nhất định phải thiết thực chú ý đến ăn uống điều độ. Trước đây 1.700 năm thời Tây Tấn, Trương Hoa đã viết trong “Bát vận chí”: “ăn uống càng ít, tâm càng rộng tuổi càng cao, ăn uống càng nhiều tâm càng hẹp, tuổi càng giảm”. Trong ngàn ngữ dân gian cũng nói: “Ăn ít một miếng, sống đến chín mươi chín”.

Nhất thiết không nên bạo thực, mà phải ăn uống điều độ, tất nhiên vừa phải là quan trọng nhất. Ăn uống điều độ không có nghĩa là ăn càng ít càng tốt, nói chung mỗi bữa chỉ nên ăn no tám phần là vừa.

3. Tẩm bổ mù quáng.

Có những người ngộ nhận rằng, muốn khoẻ mạnh sống lâu thì cần chú trọng thực phẩm có dinh dưỡng cao, và thực phẩm càng đắt thì càng có giá trị dinh dưỡng, nhận thức đó không được toàn diện. Vấn đề là các loại thức ăn có thể thích hợp

hay không đối với cơ thể con người, ăn ngon là một việc, còn có thể tiêu hoá và hấp thụ thuận lợi hay không là một việc khác. Thức ăn có cao cấp đến mấy, nếu sau khi ăn người đó không thể hấp thu tốt thì khó có ích cho cơ thể.

Những người có điều kiện kinh tế ưu việt, rất ham thích và mê tín ăn bổ, dùng thuốc bổ quý đắt, và coi việc có tiền ăn bổ, uống bổ là một cách hưởng thụ đời sống cao cấp, thậm chí coi đó là thước đo địa vị xã hội. Nếu không hiểu nguyên lý ăn bổ, uống bổ, không có phương pháp đúng đắn thì rất có thể lòng tốt sẽ biến thành việc xấu, và tự chuốc cái khổ. Cho nên, không nên tẩm bổ mù quáng.

Xin cử một ví dụ: danh y Dư Thính Hồng, người Giang Nam, vào cuối đời Thanh ghi chép trong bệnh án “uống sâm mù mắt” của ông: “Một phú thương họ Trịnh, ở Thương Hải, lúc nào cũng tự cho mình suy nhược, đem vàng mua được hai lạng sâm hảo hạng, nhồi vào bụng con vịt hầm lấy nước uống. Năm ngày sau cảm thấy mắt mờ, mười ngày sau thì hai mắt mù hẳn”.

Cho nên, nhất thiết không được tẩm bổ mù quáng. Uống thuốc bổ liên quan đến các nhân tố tuổi tác, giới tính, thể chất, thời tiết, khu vực... nên phải sử dụng có phân biệt, đúng bệnh và nên ăn bổ là chính, thận trọng khi dùng thuốc bổ. Tình trạng cơ thể con người rất phức tạp, như danh y Trịnh

Quốc Bành đã nói: “Đáng dùng thuốc bổ mà không dùng là sai, không dùng thuốc bổ mà dùng cũng sai, đáng dùng thuốc bổ mà không phân biệt khí huyết, không phân tích nóng, lạnh, không biết hoãn cấp, không phân biệt ngũ tạng, không rõ cẩn nguyên, không đi sâu nghiên cứu, đều sai”.

Tục ngữ có câu: “Bổ thuốc không bằng bổ ăn” vừa có lợi kinh tế, vừa khỏi lo tác dụng phụ, cho nên nhân sâm, lộc nhung, a-giao, hoàng hoa, hải mã... tuy đều có ích đối với mỗi cơ thể con người, nhưng nếu dùng không đúng chỗ thì sẽ mang lại tác dụng phụ nào đó, cho nên không bằng ăn bổ...

Còn có người cho rằng: thực phẩm quý hiếm tất nhiên là giá đắt, có ích cho tẩm bổ, vì thế không tiếc tiền mua, như ngày xưa có gan rồng, tuỷ phượng, ngày nay có rắn, rùa, tôm, cá, thịt hải cẩu viễn dương, trứng đà điểu châu Phi, chim công trong rừng... Những thứ đó tất nhiên là rất đắt, khi ăn có cảm giác mới lạ, nhưng từ góc độ bổ dưỡng thân thể mà nói thì không phải đều đạt được hiệu quả tốt đẹp, phải phân tích cụ thể để thấy kết quả thực tế, chớ nghĩ nó là như vậy. Tóm lại tẩm bổ mù quáng không tốt, muốn ăn quá nhiều cũng không tốt.

6. KỊCH VUI CHÂM BIẾM CÁI ĂN.

Sự tình “cái ăn” nghiêm nhiên có thể trở thành trò đùa mang kịch tính, có thể trở thành tài liệu tương thanh, điều đó thực là một việc lý thú. Tôi có may mắn đọc được bài viết “Tài liệu tương thanh về “cái ăn” của ông Hà Mân Tứ (xem “Tuyển tập tạp văn Hà Mân Tứ”) vừa muôn cười nhưng lại cười không ra, chỉ cảm thấy mùi vị châm biếm chua cay xông lên mũi. Thật không ngờ bài viết dành cho những cán bộ ăn nhậu, lại làm cho họ cảm thấy là một việc khổ, có thể thấy họ ăn quá nhiều và quá mệt, mà ở cương vị cán bộ Nhà nước muôn không ăn cũng không được, dù cho cảm thấy ăn là bể khổ mà vẫn phải tiếp tục ăn vì khó từ chối hoặc nhiệm vụ bắt buộc, chuyện kỳ quái như vậy nếu để cho Khương Côn dựa vào đó nói một đoạn tương thanh thì dứt khoát thính giả ngồi chật hội trường sẽ được một phen cảm khái vô ngần.

Tôi trích mấy đoạn trong bài viết hay của ông Hà để bạn đọc cùng thưởng thức:

“Mùa xuân năm nay, một người quen làm cán bộ ở ngoại tỉnh đi nghỉ ở Thượng Hải, lâu ngày, bỗng nhiên đến thăm... Câu chuyện không đầy mười phút giữa chúng tôi chỉ có một chủ đề “ăn”. Chủ đề đó tôi vô tình khơi lên. Tôi hỏi tình hình ở địa phương anh công tác thế nào? Anh lắc đầu trả lời: “Chỉ có cán bộ là phải ăn khổ thôi”.

“Nếu cán bộ chịu ăn khổ thì tốt quá!”.

Anh ta cười to bảo tôi hiểu nhầm! Cái ý “ăn khổ” không phải chỉ có ăn khổ, chịu ăn khổ mà là ăn nhậu no say đủ loại, đủ kiểu. Cấp trên có người xuống phải mời tiệc, ăn; đi công tác cấp dưới phải mời tiệc, ăn; hội nghị, ăn; các thương gia nơi khác đến trao đổi công việc, ăn; phối hợp giữa các đơn vị, ăn, ăn... suốt ngày liên tục bồi đồng ăn, bồi đồng ăn cho đến khuya cho nên khổ, nên mới gọi là “ăn khổ”. Thì ra là như thế! Sự hiểu nhầm và giải thích “ăn khổ” đó thật hệt như diễn viên tương thanh gây cười, là một trò cười trời sinh đất nở trong cuộc sống”.

Cán bộ bồi đồng ăn quá nhiều đến nỗi cho là khổ, điều đó cho thấy làn gió dùng của công ăn nhậu đã mù mịt đất trời, ngay cả đương sự cũng cảm thấy khó mà chống đỡ, kẻ chịu thiệt đương nhiên là Nhà nước và nhân dân! Đáng giận và nực cười biết bao!

Tôi cho rằng bài viết của Mao Chí Thành “Bàn về “thực khách” đăng trên “Bắc kinh nhật báo” ngày 12 tháng 7 năm 1995, cũng là một “tài liệu tương thanh” tuyệt diệu, chỉ cần cải biên hình thức thành thể tài tương thanh là ổn. Dưới đây là một cách cải biên.

Trước hết tuyên bố: Tôi dùng hình thức tương thanh một mình.

Hôm nay, tôi nói một đoạn tương thanh với mọi người, đầu đề gọi là “thực khách”. Từ “thực khách” này rất văn vẻ, không dễ hiểu, tôi phải giải thích trước đã. “Thực khách” là một loại người chuyên ý lại sống nhờ quan phủ nha môn, các nhà hào phú để kiếm cơm ăn, là một loại người nhàn nhã cao cấp. Ngày nay tuy không có trận địa rộng lớn như Tư Mã Thiên viết trong “Sử ký”: “Lã Bát Vi có ba ngàn thực khách”, “Mạnh Thường Quân có ba ngàn thực khách”, nhưng tập tục truyền thống để lại vẫn còn, sẽ không tuyệt chủng.

“Thực khách” của thời đại mới có đặc sắc của thời đại mới, hơn nữa về mặt trơ trẽn, nịnh hót tuy mới sinh sau nhưng vượt xa cổ nhân. Hãy nhìn qua bộ mặt xấu xa của chúng. Đại thể có thể chia làm ba loại:

Một là “phạn khách” - loại thực khách này nói chung đều tài hèn đức mọn, học hành dốt nát, chủ nhân cũng rất khinh thường, sống nhờ vào bộ mặt trơ trẽn, lì lợm của mình. Họ dựa vào các ông quan to hoặc ông chủ kinh xù tìm mọi cách để làm chân gác cổng, dựa vào quan hệ, chịu đấm ăn xôi. Con gái có chút nhan sắc có thể làm thư ký, bồ nhí; con trai biết nịnh hót có thể làm tuỳ tùng, đầy tớ sai đâu đánh đó. chỉ cần được lòng, được ông chủ ưa thích, dù có bán thân bán sức, bán cả tiếng cười cũng không tiếc. miễn sao được chút cơm thừa canh cặn là mãn nguyện lắm rồi.

Hai là “Môn khách” - loại thực khách này được chủ coi trọng, họ cũng tự cho mình là “anh em chí cốt” hoặc “người tâm phúc” của chủ nhân, hết lòng trung thành với chủ, ở cấp thấp thì họ dựa vào tài chủ, bảo vệ tài chủ: chủ đi đâu thì họ đi đó, chủ đòi nợ thì họ ra uy, chủ chây nợ thì họ hăm doạ, chủ chơi gái thì họ gác cửa; ở cấp cao thì dựa vào quan lớn, bảo vệ xa giá: quan tham ô thì họ xoá sổ, quan ăn hối lộ thì họ phi tang, quan hưởng đặc quyền thì họ chịu trách nhiệm giải thích đó là nhu cầu công tác, quan giết người thì họ biện hộ là do làm việc sơ xuất, xuất phát điểm vẫn tốt. Tóm lại, xứng đáng là chó săn trung thành.

Ba là “thanh khách” - loại thực khách này phần lớn là nhân sĩ giới văn hoá có địa vị, có học thức, có thể đạt được chức danh cao cấp, hàm cấp vinh dự nào đó, còn có thể là hội viên của “Hiệp hội” nào đó. Họ gọi là có chút vốn liếng, cung thích múa may khoe tài, tán hươu tán vượn trước mặt chủ nhân. Ví như trước mặt tài chủ, có thể tán về nhạc của Betoven, họa của Van-gốc; còn trước mặt đại quan có thể tán sao Chổi và sao Mộc va nhau, triết học Lão Trang, trước mặt Giám đốc công ty tán chuyện thường thức thơ mông lung; trước Cục trưởng văn hoá thì tán thường rượu ngon. Loại người này có tri thức, hiểu biết nhân tình, lügen theo thời thế. Ông chủ không thích nghe lời chướng tai thì họ nói nhiều lời ton hót; ông chủ muốn nghe lời trung thực thì họ rất khôn ngoan, khéo léo lựa

lời có vẻ như “trái khoáy”.

Các loại thực khách đó một khi nhiều lên tất nhiên là làm hao tổn mồ hôi xương máu của dân, làm lạnh giá trái tim, ý chí của dân, và còn làm cho nhân tài chính trực khó ngóc đầu dậy. Nếu những thực khách đó ở ngoài đời chỉ kiểm một ít nước béo danh lợi, thì tai hại có hạn, nhưng nếu họ chui vào cơ quan Nhà nước, có thể ra oai tác quái thì những cái họ ăn chẳng phải là những cái mà người trần mắt thịt chúng ta có thể nhìn thấy được.

Do có chủ che chở không giống như cán bộ vào ra khách sạn, cửa hàng ai cũng nhìn thấy, việc ăn nhậu của thực khách này thực chất là ném tiền công qua cửa sổ, rất khó kiểm tra trên sổ sách, có thể nói là được che mắt như kinh đổi màu, nhưng bản chất của hoàng trung không hề thay đổi.

7. CON MẮT THẾ LỢI CHÍ NHÌN ĂN MẶC.

“Áo mũ thay người” tức là nhìn một con người mặc áo, đội mũ như thế nào để phán đoán địa vị thân phận của họ, để xác định sự đánh giá của mình đối với giá trị của họ và từ đó mà có thái độ cư xử. Nói chung đều có cái nhìn kính nể và có cảm tình đối với những người áo mũ sang trọng; ngược lại khinh thường và ác cảm đối với những người quần áo lam lũ.

“Áo mū thay người” là một cách nói chỉ hạng người bợ đỡ có con mắt thế lợi, nói khiếm nhã một chút là “mắt chó nhìn người thấp”. Loại tiểu nhân này có đôi mắt bợ đỡ, xưa nay đều có, xã hội cũ có, xã hội mới cũng có. Tất nhiên đó là một phương pháp tư tưởng siêu hình, do đó thường phán đoán sai và không thể đối xử đúng đắn đối với con người. Một người ăn mặc đẹp đẽ lộng lẫy cũng có thể là một thằng ác ôn chó đẻ, vàng ngọc bên ngoài mà hiểm độc bên trong; còn người ăn mặc xềnh xoàng cũng có thể là người tài đức song toàn, có lẽ là họ có cảnh ngộ không may, cuộc sống quẫn bách, có lẽ họ không chú trọng ăn mặc, và không phải không mặc được quần áo đàng hoàng. Chúng ta nhìn con người chẳng lẽ lấy áo mū để đánh giá, càng không nên lấy đó để xác định yêu ghét của mình.

Có một nhà văn than thở về làn gió bợ đỡ “áo mū thay người” viết rằng: quần áo của tôi bình thường, có chút xoàng xĩnh, trong con mắt của một số thân sĩ thực nữ và cả đại nhân tiểu thư sẽ hiện lên một “dị tướng”, tự nhiên đem lòng khinh miệt. Song tôi cũng là một quái nhân, luôn có tâm lý phản kháng - anh khinh tôi nghèo, tôi khinh anh cố ý làm như vậy, tôi mới không chi phối anh.

Nhà văn này nghĩ đến thói đời ghẻ lạnh mà ông từng trải, sau khi về nhà ông viết bài tạp văn chửi cái “xã hội áo mū” một thôi một hồi.

Ông cho rằng, lúc đó đại quân giải phóng tiến

xuống phía Nam, thế như chè tre. Từ quan đến lính đều đồng loạt mặc quân phục màu vàng vải thô, chân đi giày vải bình thường, không có giày da đen bóng. Ông thấy đó một luồng gió mới chất phác, thanh nhã, nhẹ nhàng. Báo chí Hong Kong lúc bấy giờ như Đại Công báo, Văn Hồi báo, Hoa Thương, Cuối tuần v.v... đều ca ngợi nhiệt liệt. Đại quân đi đến đâu, nhân dân vô cùng cảm động, mang cơm, tặng rượu đón tiếp đến đó, có ai so đo quân trang của họ đẹp hay xấu đâu?

Ông lại viết tiếp: Áo mū thay người thực đã làm người ta đau lòng! Thủ mặc một chiếc áo cũ rách đi lại trên đường phố, ánh mắt khinh bỉ có thể đâm thấu xương, họ không coi anh là thằng ăn cắp để tóm cổ anh, hoặc xử tội anh “cản đường” là may mắn lắm rồi. Nhưng dù cho anh có tốt đến mấy, những nơi “sang trọng” dứt khoát không cho anh vào. Thế nhưng, chỉ cần anh ăn mặc sáng sủa, dù là thằng ăn cắp hay gái làm tiền, trước tiền người ta cũng chào anh. Bao giờ xã hội mới có thể thay đổi luồng gió bợ đỡ này? mới có thể ăn mặc giản đơn và tuỳ thích mà không bị lườm nguýt?

Thời kỳ đầu giải phóng, có một phó thị trưởng đến một khách sạn lớn hào hoa kiểm tra công tác. Khi đến cổng bị nhân viên thường trực chặn lại, cho rằng những người ăn mặc như ông làm sao có thể ở được khách sạn lớn thế này. Người đến giải thích rằng: Anh không nên chỉ nhìn bề ngoài, tôi có

tiền muộn đến ở khách sạn như của các anh. Người gác cổng trước sau vẫn không tin, càng nói càng nghi ông ta trà trộn vào đây để ăn cắp đồ đạc, cuối cùng không cho ông ta vào. Về sau mới biết đó là phó thị trưởng Thượng Hải vừa đến nhận công tác. Thật hết sức ngạc nhiên: ăn mặc như thế kia, ai ngờ...

Nhân đây, xin nói đến vấn đề ăn mặc của người Thượng Hải. Thượng Hải là một thành phố hào hoa mở cửa, không khí buôn bán khá sầm uất. Người Thượng Hải về ăn mặc cũng huy vinh, nhiều người thà ở trong nhà ăn rau dưa, cũng phải dành dụm nhiều tiền để mua quần áo mặc ra đường cho mát mặt, nếu không sẽ bị coi thường. Cho nên anh không nên thấy những người ăn mặc rất lịch sự nhất thiết là điều kiện kinh tế tốt. Kỳ thực không phải như vậy. Họ quan niệm quần áo, mũ măo quan trọng hơn ăn uống. Ăn ngon, đỡ, là chuyện nội gia, người khác không biết được, nhưng mặc xênh xoàng sẽ bị người cười chê.

Tất nhiên, chú trọng ăn mặc chỉnh tề, sạch sẽ, chú trọng đôi chút hình thức là một việc tốt, là cử chỉ văn minh, cũng là biểu thị sự tôn trọng người khác.

Diễn viên tiểu phẩm Triệu Bản Sơn ngày nay trở thành tài chủ, có nhà ở hào hoa, có xe con loại xịn, còn lấy được một cô vợ trẻ đẹp nữa. Nhưng ai nghĩ rằng, thời thanh niên của ông nghèo rớt

mùng tơi? Có một lần, có người giới thiệu cho ông một đối tượng, báo ông đi tìm hiểu, ông hết sức phấn khởi, nhưng mặc quần áo cũ nát, thật đáng xấu hổ. Hàng xóm nhìn ông rất đáng thương, tìm cách mượn cho ông một bộ quần áo mặc, ông mới phấn khởi đi tìm hiểu. Dù thấy ngay những người cùng khổ ở nông thôn có lúc cũng phải chú ý hình thức ăn mặc của mình để khỏi hỏng việc lớn. Thành ngữ có câu: “Áo gấm về làng” (cũng nói “áo gấm vinh quy”) mặc quần áo gấm vóc trở về quê hương. Ở đây nói: Khi một người đắc chí trở về quê hương cũng phải cố gắng ăn mặc áo quần cho đẹp, “áo gấm” hàm ý thể hiện mình trước bà con họ hàng làng xóm. Bởi “người tốt vì lụa, lúa tốt vì phân”, quần áo mū māo là những hình ảnh bề ngoài dễ gây ấn tượng. Đây là một thứ tâm lý liên quan đến quan niệm “áo mū thay người”.

Ăn mặc đàng hoàng, đứng đắn sẽ gây cho người tiếp xúc với mình cảm giác hấp dẫn, dễ chịu mà bản thân cũng thấy hạnh diện, tự tin.

Thế nhưng lấy “mū áo thay người”, chỉ nhìn cách ăn mặc đẹp xấu để đánh giá sang hèn của một người thì không đúng. Có người tà tâm lấy đó để làm trò lừa bịp, có người cũng hiểu đạo lý này và lợi dụng tâm lý đời thường này của con người để tương kế tựu kế.

Thực tế cuộc sống đã cảnh báo mọi người biết rằng áo mū thay người thực ra không thể thay

được. Áo mū thay người không những có ý chê nghèo, yêu giàu, mà còn là hư vinh. Còn về cổ nhân ham thích “mū cao áo dài” tưởng rằng cái đó mới là tác phong quân tử của đại quốc Hoa Hạ bao la, người đời nay xuất ngoại, tất phải sắm một bộ veston rất sang trọng để chứng tỏ trình độ ăn mặc và sau lưng nó là điều kiện kinh tế khả quan của người Trung Quốc, điều đó đừng bàn vì xuất phát điểm ở đây là giữ gìn tôn nghiêm của quốc dân, tránh mất đi quốc cách và nhân cách, suy đi nghĩ lại cũng không có gì đáng chê trách.

Đời người có bốn việc lớn: ăn, mặc, ở, đi lại. “Mặc” xếp ở hàng đầu, chỉ cần mặc bình thường, đó cũng là sự tự giữ gìn, nhưng việc đó không liên quan đến luận đề này.

8. BA THẾ HỆ ĂN MẶC GIỐNG NHAU.

Nói đến vấn đề mặc của người Trung Quốc, tôi vẫn không thể nào quên được nỗi khổ của người ăn mặc trong thời gian “10 năm động loạn”: bị lo sợ, bị cầm cố, bị tước đoạt quyền tự do tối thiểu nhất.

Nhà biếm họa nổi tiếng Hoa Quân Vũ đã vẽ một bức tranh châm biếm, đầu đề là “Ba thế hệ như một”. Trên bức họa là ba thế hệ, ông nội tuổi cao, người bố trung niên, cháu bé còn để chỏm, ông cháu ba đời đó mặc bộ quần áo màu xanh và gần như xám giống nhau, cùng bộ Tôn Trung Sơn kiểu cách giống nhau, chính giữa vạt trước là 5 cái cúc áo, trên áo có 4 cái túi có nắp vuông vức, cái quần

như cái thùng cùng giống nhau. Xem ra ba đời giống hệt, hầu như không thấy cách biệt tuổi tác cũng không phân rõ nam hay nữ, chỉ cảm thấy ba người bị bao phủ bởi một màu xanh nhợt nhạt.

Phải nói rằng nhà biếm họa không hề hư cấu, cũng không khoa trương nghệ thuật gì, ai đã sống qua thời kỳ “Cách mạng văn hoá” đều biết những gì mà bức tranh vẽ như chính là sự phản ánh cuộc sống chân thực của thời kỳ đó.

Thời kỳ đường lối cực tả chà đạp lên tất cả nhân quyền, ngay cả vấn đề ăn mặc của con người cũng bị cấm đoán. Bất kể nam nữ lão ấu, đồng loạt mặc trang phục giống nhau.

Màu sắc đơn điệu, kiểu cách đơn nhất, khắp cả nước Trung Hoa bao la từ thành thị đến nông thôn, quần áo đều một màu đen xanh xám buồn tẻ nặng nề, kiểu cách là bộ Tôn Trung Sơn sáng ché mấy chục năm nay.

Trong tiếng hô khẩu hiệu cách mạng vang trời dậy đất, trong biển cả màu đỏ, các con cháu Viêm Hoàng lòng thành giờ đây mới có được một quân trang màu lục. Rất nhiều hồng vệ binh lấy làm vinh dự được mặc bộ quân phục màu lục. Quân phục bằng dạ trở thành lễ phục thời trang nhất những năm tháng đó. Ý thức đồng nhất, quan niệm đóng kín, quan niệm đẳng cấp phát ra từ bộ quân phục, không gì khác chính là tâm lý văn hoá.

tâm lý bệnh hoạn kỳ quặc của một dân tộc. Từ việc nhỏ này cũng có thể thấy được nỗi đau buồn lớn của một dân tộc bị dày vò như thế nào.

Nhưng quân phục màu cỏ úa rốt cuộc cũng có hạn, hàng triệu hàng triệu nhân dân một năm bốn mùa chỉ có thể khoác một chiếc áo màu xanh (hoặc màu xám). Vì thế ông Tây mũi lô mắt xanh căn cứ vào đó chụp cho chúng ta cái mũ cao “nước kiến màu xanh”. Bao nhiêu năm nay cái mũ đó đã hàn sâu vào lòng tự tôn của dân tộc chúng ta.

Thời kỳ “cách mạng văn hoá” là những năm tháng lạm dụng cường quyền, đảo lộn tốt xấu, về phương diện ăn mặc cũng khó tránh xảy ra nhiều chuyện đáng buồn. Xin cử vài sự việc.

1. Mặc áo dài, đeo dây chuyền có tội.

Ngày 10 tháng 4 năm 1967, tại sân trường Đại học Thanh Hoa, một tay Giang Thanh đạo diễn đại hội ba mươi vạn người phê đấu Vương Quang Mỹ, vợ Lưu Thiếu Kỳ, bắt bà Vương Quang Mỹ mặc chiếc áo dài sặc sỡ, cổ đeo một chuỗi dài quá bóng bàn, bọn tạo phản giải thích không phải là quả bóng bàn mà là dây chuyền, để làm nhục bà. Sau khi đại hội bắt đầu, nhiều “chiến sĩ cách mạng” nhốn nháo vạch trần tội trạng của Vương Quang Mỹ: thích cái đẹp, trong thời gian đi theo Lưu Thiếu Kỳ thăm nước ngoài, bà mặc áo dài đẹp đẽ lộng lẫy, đeo dây chuyền sáng lấp lánh, đó là vì

sao? Hoàn toàn là những thứ của nữ quý tộc tư sản! Đó là một tội trạng dựng đứng, chẳng qua là do thích cái đẹp mà bà đã phải chuốc lấy tai họa chính trị. Tại cuộc phê đấu, người ta nhốn nháo chen lấn, tranh nhau cắt nát vạt dưới chiếc áo dài của bà và đập vụn chiếc “dây chuyền”. Tất cả đều do bà có tội mặc áo dài, đeo dây chuyền, mà tội ấy đáng chết vạn lần.

2. Áo vải hoa bị xé nát.

Trong phòng học của học Viện ngoại ngữ Bắc Kinh có một cuộc đấu tranh tư tưởng. Người bị phê phán là nữ sinh Vương Tiểu Lê, người Thượng Hải. Tội của cô là mặc chiếc áo sơ mi vải hoa, tức là chịu ảnh hưởng của lối sống tư sản khá sâu. Cô ta không chịu thua, hỏi lại: Vì sao mặc áo hoa là lối sống tư sản? Người phê bình nói: Mọi người đều không mặc áo hoa, riêng mình cô lại mặc, như thế là đi ngược lại tác phong gian khổ chất phác của giai cấp vô sản. Có người còn cướp lời nói: Mặc áo hoa chính là giai cấp tư sản, phải bị phê phán.

Sau khi tan họp, cô bạn học này tức quá, xé nát cái áo hoa của mình, rồi ngã lăn ra đất.

3. Áo giắc két bị cắm.

Lại một câu chuyện tương tự, xảy ra trong phòng họp trường Đại học Phúc Đán Thượng Hải. Lúc đó là mùa hè oi bức, các bạn học đang hăng hái phê phán một bạn học ở nông thôn đến vì bạn

áy bỏ ra 20 đồng mua một chiếc áo giắc két màu vàng thăm để mặc, liền bị chụp cái mũ “mất gốc”. Các bạn học xuất phát từ lòng “yêu mến” không thể để cho một thanh niên đang là mầm non của cách mạng lại rơi vào “bể nhuộm của giai cấp tư sản”. Người bị phê phán hoang mang bối rối, cuối cùng đành phải gửi chiếc áo yêu thích đó vào cửa hàng cầm đồ.

Từ đó anh lúc nào cũng mặc bộ quần áo vải thô. Người thanh niên bị phê phán năm đó chính là nhà phê bình văn học Hà Trần Bang hiện nay. Bây giờ đã bạc mái đầu, khi nhớ lại chuyện cũ, anh bất giác cười gằn: “Tôi thích mặc áo giắc két vừa dễ chịu thoải mái, vừa hoạt bát lịch sự, lại trẻ ra. Bây giờ mặc yên tâm rồi, không có ai phê phán tôi nữa”.

4. Muốn vào Đoàn bạn ăn mặc quần áo cũ một tí.

Trước vườn hoa của nhà máy quốc phòng X. ở Thành Đô, nữ thanh niên công nhân Trần Quyên mặt mày buồn bã. Cái con người này làm việc gì cũng xuất sắc, nói đến thành tích lao động thì nhiều công nhân nam không theo kịp, nhưng vì cô ta mặc một chiếc váy đẹp, gây ấn tượng không tốt cho mọi người, nên i ạch mãi vẫn chưa được vào Đoàn. Khi cô dốc nỗi khổ của mình trước cán bộ tinh đoàn, một cán bộ đoàn có lòng tốt đồng tình với cô, cho cô một sáng kiến: đã vậy thì cô mặc

quần áo vải cũ thủ xem. Cái chiêu bài đó thật hiệu nghiệm, chiếc áo vải thô cũ đã gắn lên cho cô một chiếc huy hiệu đoàn màu đỏ. Và sau khi tuyên thệ trước lá cờ đoàn, cô vứt chiếc áo vải thô cũ nát ấy vào đáy hòm một cách không thương tiếc.

Ôi, xem mấy câu chuyện kể trên, chắc bạn không tin. Những năm tháng hoang đường không có tiền lệ trong lịch sử, vẫn đề mặc áo lại có thể cung ảnh hưởng đến an nguy phúc họa, sinh mệnh chính trị của con người! Con người như mắc bệnh thần kinh, bất kể gái, trai, già, trẻ, cũng bất kể xuân, hạ, thu, đông, đều mặc chiếc áo hai màu xanh xám đơn điệu. Còn một số “tiểu tướng cách mạng” hồng vệ binh căm ghét quần áo lạ kiểu tay cầm cái kéo, mặt sát hầm hầm, gấp áo dài - cắt, gấp áo màu - cắt, gấp quần tuýp - cắt, gấp váy - cắt, làm cho một thời trời long đất lở, thần quỉ bất an! Xem ra như thế, mặc áo thật chẳng phải là chuyện nhỏ.

Trong lịch sử Trung Quốc những chuyện chỉ vì ăn mặc mà bị chém đầu, đâu phải là ít? Chính phủ nhà Thanh cưỡng bức mặc quần áo tộc Mãn, ngay kiểu tóc cũng có lệnh nghiêm cấm, bao nhiêu người chống Thanh về chuyện trang phục đã bị chết oan dưới lưỡi dao. Không ngờ thời kỳ “cách mạng văn hoá” lại tái diễn biết bao bi kịch! Buồn thay, rất buồn thay!!!

9. MẶC CŨNG “BẮT CHƯỚC”.

Chế độ xã hội phong kiến mấy nghìn năm đã nuôi dưỡng ý thức tư tưởng và tập quán sinh hoạt bưng bít bảo thủ của người Trung Quốc, điều đó cũng được phản ánh qua vấn đề mặc. Về lý mà nói: “mặc áo đội mũ” vốn phải là “tuỳ thích mỗi người” rất tự do, kỳ thực không phải thế. Vấn đề quần áo trang điểm trước hết là một biểu tượng của văn hoá, chịu sự ràng buộc gắt gao giữa hữu hình và vô hình, làm sao có thể mặc tuỳ tiện.

Chế độ quần áo trang sức cổ đại đều có qui định chặt chẽ, người nào thì được ăn mặc, trang sức thế nào, kể cả kiểu cách, chất vải, màu sắc, hình vẽ.

Chẳng hạn, đời Hán có qui định nông dân lao động không được mặc áo pha màu, chỉ được mặc vải thô một màu. Về sau, đời Đường quy định màu vàng chỉ để dùng riêng cho Hoàng đế, cho nên Triệu Khuông Dẫn “Hoàng bào khoát thân” có nghĩa là bước lên bệ rồng. Đời Minh qui định, người dân không được mặc có hình vẽ long, xà, ngư, phượng... trước hết là địa vị sang hèn, không có địa vị thì có tiền cũng không cho phép mặc bừa.

Mặc quần áo phải hợp với thân phận, lại phải hợp với hoàn cảnh, và còn phân biệt giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, địa vị, dân tộc v.v... Từ lâu nay người Trung Quốc đã chịu sự ràng buộc của những

qui định này, nên mặc rất cát thúc, nói chung là bảo thủ.

Việc mặc của người Trung Quốc có khuyết điểm lớn là tuỳ theo tâm lý chung, đi theo sau người khác. Người ta mặc gì thì mình mặc nấy, như thế mới có “hệ số an toàn” nhất định, tránh được lời dị nghị, thậm chí cho rằng cứ theo trào lưu thì không khỏi phải lo rủi ro gì hết. Cho nên mặc như thế nào, đại đa số đều theo cách mặc từng nơi, rất ít người dám chạy theo mốt lạ khác người.

Có thể thấy một thực tế: giữa những người ở thành phố lớn, thành phố vừa và nhỏ, nông thôn đều có sự khác biệt nhau về thói quen ăn mặc, về loại vải, kiểu cách quần áo, nhưng trong cùng một thành phố hoặc nông thôn, hiện tượng giống nhau khá nổi bật, cũng có nghĩa là loại hình quần áo của đại đa số giống nhau hoặc gần giống nhau. Điều đó cho thấy, hiện tượng mặc theo trào lưu trong cùng một môi trường, nếu Tây thì đều Tây, nếu quê thì đều quê, nếu mới thì đều mới, nếu bảo thủ thì đều bảo thủ.

Bất kể ở thành thị hay nông thôn, việc ăn mặc của người ta bao giờ cũng thay đổi theo sự thay đổi của thời đại, không nhất thành bất biến. Ví như vấn đề Âu phục, sau khi Tổng bí thư Hồ Diệu Bang đi đầu trong các vị lãnh đạo Đảng và nhà nước mặc mới nhanh chóng dấy lên “cơn sốt veston” trong cả nước.

Chỉ trong 10 năm, Âu phục đã trở thành một trong những kiểu trang phục phổ cập nhất ở thành thị và nông thôn Trung Quốc. Trang phục nam thay thế dần cho bộ Tôn Trung Sơn, đó là một sự thực ai cũng nhìn thấy.

Con trai Trung Quốc mặc Âu phục là một ví dụ rất rõ (cá biệt con gái cũng mặc Âu phục). Ngày nay việc mặc Âu phục xem ra đã được bình thường, hoá, không còn gây cảm giác mới mẻ nữa. Âu phục là lễ phục lưu hành khắp quốc tế ngày nay, hợp với tiêu chuẩn mỹ quan, trang nhã, cho nên được toàn cầu công nhận là trang phục chính thống của nam giới, trở thành lễ phục lý tưởng nhất trong bang giao quốc tế.

Bộ Âu phục cho người ta cảm giác khoẻ đẹp. Xét hiệu quả thực tế, so với bộ Tôn Trung Sơn định hình của Trung Quốc cổ cao và cứng, cúc áo nhiều, thì bộ Âu phục không có cổ cao ánh hưởng đến hoạt động của đầu lại không cài cổ ánh hưởng đến hô hấp của phổi, mặc vào thấy tự do thoải mái, thanh niên mặc Âu phục có thể tăng thêm sức sống của tuổi trẻ, trung niên và người già mặc Âu phục cũng thấy tinh thần phấn chấn, cho nên chúng ta nói, người Trung Quốc mặc Âu phục theo trào lưu cũng đúng. “Theo trào lưu” tuy không phải là ưu điểm, nhưng có lúc cũng có mặt tích cực.

Từ thời kỳ mới đến nay, trang phục của nữ giới cũng có nhiều thay đổi, dù là ở nông thôn: rất

ít có người mang giày vải thêu hoa lót đế, mang giày da ngày càng tăng lên, các cô gái nông thôn mang giày cao gót cũng nhiều. Nữ giới mặc quần rộng ống ngày càng ít, quần bò nổi đường nét đẹp (phần nhiều màu đen) cũng rất được hoan nghênh. Phụ nữ nông thôn ăn mặc như thế cũng không ít. Một khi thấy có người đi đâu mặc trước thì mọi người đua nhau mặc theo, ai cũng thích cái đẹp, ai cũng muốn mặc sáng sủa, đẹp mắt, cốt sao giá cả quần áo không đắt.

Quan niệm thông thường cho rằng: mặc nên theo điều kiện của từng người, phải có tính độc đáo, mặc nên có cá tính, nếu chỉ học theo người khác, có lúc khó tránh khỏi mù quáng. Váy lụa đỏ là đẹp nhưng không nhất thiết thích hợp cho mỗi cô gái, nếu da cô ấy đen, nếu tính cách cô ấy lạnh lùng thì không nên mặc váy đỏ. Còn quần bò chun bó thân, chỉ thích hợp cho các cô có thân hình chắc khỏe, hai chân hơi dài, nếu các cô có thân hình béo lùn, hai chân ngắn, thô, mặc vào thì thấy càng lùn, chân càng ngắn, há chẳng phải là lợi lành chữa thành lợn què hay sao!

Xem ra mặc phải cần có chủ định, không nên nhất mực theo trào lưu, chạy theo sau người khác, e có lúc sẽ chạy nhầm đường.

Phải để xướng mặc có cá tính. Theo các chuyên gia trang phục nói: Người Pháp ăn mặc chú trọng nhất cá tính. Ba chị em ăn mặc cần chú ý

đến phong cách sao cho đa dạng để không lầm là ba chị em.

Còn Trung Quốc thì hoàn toàn ngược lại, nếu ba chị em đi may quần áo thì sẽ mua chất vải giống nhau, may quần áo kiểu cách như nhau, người ta nhìn qua đều biết là ba chị em.

Mặc phải chú trọng cá tính, về mặt này nên học tập các cô gái Thượng Hải. Các cô gái Thượng Hải mặc theo mùa, dáng vẻ thanh tao, đoan trang và thời trang, cái này đẹp đẽ, sáng láng hơn cái kia, các cô chú trọng cá tính của mỗi người khác nhau, họ thích mặc khác mọi người, thích thường thức giá trị của bộ quần áo mặc trên người họ tỏa sáng, quyết không bắt chước người khác, đi theo người khác. Nếu ai không tin, hãy đi Thượng Hải mà xem.

10. KHÔNG NÊN MẶC NHỐ NHÄNG.

Dù nam hay nữ, mặc cũng nên có qui cách, không nên nhố nhăng, không ra thằng cũng chẳng ra ông. Ví như có những người Trung Quốc mặc veston, thì phải có áo sơ mi cổ đứng, phải thắt cà vạt, chân đi giày da tử tế, không thể tuỳ tiện. Nhưng có người không phải theo cách mặc như thế. Trong veston mặc áo may ô, mặc áo mùa thu, trông thật chướng mắt. Chân không mang giày da mà là giày vải, dép lê, hoặc giầy thể thao, giày du

lịch.

Mặc quần áo phải chú ý đồng bộ, không thể nửa tây nửa ta. Mặc veston phải “vũ trang toàn bộ”. Bộ veston, áo sơ mi, cà vạt, giày da, mùa đông có thể khoác áo ngoài, không thể thiếu một. Cách mặc cũng phải có nhiều hiểu biết không thể tùy tiện mặc bừa. Sơ mi là trọng điểm của mặc Âu phục. Nói chung phải giữ sạch sẽ, màu áo và kiểu hoa cố gắng tao nhã, dễ tỏ lịch sự, khi mặc bất cứ ở đâu cũng phải bỏ áo trong quần. Khi mặc đồng bộ phải mặc áo dài tay, thắt cà vạt mới gọi là chính qui và đẹp. Phải chú ý màu sắc giữa bít tất và quần áo, nói chung không mang bít tất hoa, tránh mang dép lê hở ngón, hở gót.

Âu phục của nam mới ngó hình như đều giống nhau, nhưng nhìn kỹ lại có phong cách khác nhau. Người trong nghề đều biết hiện nay bộ Âu phục trên thế giới về kiểu cách có thể đại loại chia làm ba phái:

1) Kiểu Mỹ - đặc trưng của kiểu này là coi trọng tính cơ năng, chất vải dùng cũng đặc biệt mỏng và phần lớn chất vải dệt kim có tính đàn hồi, co giãn tự nhiên. Vai không cần đệm quá cao, ngực cũng không hép quá đáng, giữ hình thái tự nhiên.

2) Kiểu Âu châu - ngược lại kiểu Mỹ đặc biệt coi trọng cơ năng nói trên. Người Âu châu chú ý đến sự thanh lịch của quần áo. Vai đệm rất cao,

ngực cũng tương đối nổi, chất vải khá dày và hình như đều toàn màu đen.

3) Kiểu Anh - phân vai và ngực tuy không rõ rệt và nổi bật như kiểu châu Âu nói chung, nhưng thể hiện quý phái nghiêm trang. Xét từ điểm này, Âu phục kiểu Anh đứng hàng đầu về trang phục nam trên thế giới, nhưng xét từ toàn bộ hành lang trang phục thì rất giống với kiểu châu Âu.

Nữ giới mặc Âu phục, trong đó áo có thể bằng lụa tơ tằm mịn màng, cúc áo thấp một chút, thêm một ít đồ trang sức hợp nữ tính để làm nhạt cái nghiêm túc và gò bó vốn có của âu phục. Màu sắc của chất vải có thể sáng đẹp hơn.

Thực ra trong bộ Âu phục không thể mặc nhiều áo, ngoài áo sơ mi chỉ cần thêm một áo may ô. Khi trời lạnh cũng có thể khoác thêm áo len, nhưng chỉ một chiếc là đủ, đó cũng là tập quán của người phương Tây khi mặc.

Người Trung Quốc mặc veston không đúng cách thường ở áo sơ mi. Áo sơ mi nhau nát, thiếu cảm giác nghiêm chỉnh, sạch sẽ, khó làm cho áo sơ mi, nhất là sơ mi trắng không bị bụi bẩn. Hàng ngày phải giặt áo sơ mi, điều này không phải người Trung Quốc nào cũng làm được.

Trong một bộ Âu phục ba chiếc thì có tất cả 14 cái túi, mỗi túi có công dụng riêng, nhiều người Trung Quốc không hiểu điều đó. Hai túi áo trên

dùng để bỏ những thứ mềm nhẹ, không được bỏ đồ cứng, túi trên ngực trái gọi là túi mù xoa, cầm chiếc mùi soa trang sức hoặc gài cây bút, nhưng chú ý giữ thẳng trước ngực. Túi trong veston, bỏ giấy tờ quan trọng, còn một túi để kính. Túi quần hai bên để thọc tay giữ ấm hoặc bỏ thứ gì dày, cứng, hai túi sau quần bỏ mù xoa, ví, sổ tay. Phải nhớ dù túi nào cũng không được đựng phồng.

Một điều rất quan trọng là mặc Áo phục phải mang giày da, gọi là “complet giày da” là vậy. Nếu thay sắng - đan, giày du lịch, dép lê thì Áo phục mất đi vẻ đẹp phong độ, xem ra cũng hơi cợc cách.

Tôi khuyên người Trung Quốc rằng, một là mặc kiểu Trung Quốc, hai là mặc kiểu Tây, nhất thiết không nên nửa Tàu nửa Tây. Vì sao? Có nhà thiết kế quần áo giải thích vì đó là hai loại quần áo truyền thống khác nhau, tư tưởng thiết kế khác nhau, hình thức thể hiện khác nhau, “cần bạn không thể nào điều hoà với nhau”.

Phục trang kiểu Trung Quốc là phục trang kiểu mặt bằng: kết cấu đơn giản, đường may rất ít, cắt may tương đối thuận tiện. Như chiếc áo cánh, hai mảnh vải trước sau liền nhau không cần may ở vai, một xấp vải xếp đôi, chỉ cần khoét một cái cổ ở giữa và cắt ở hai bên, rồi đem may hai vạt trước sau lại với nhau là xong.

Phục trang Trung Quốc có rất nhiều ưu điểm

bằng thăng, chỉnh tề, giặt phơi xếp cất rất thuận tiện.

Phục trang kiểu châu Âu thuộc về phục trang hình lập thể: kết cấu phức tạp, theo kiểu lắp ghép, gồm nhiều mảnh mảnh tổ chức lại, rất nhiều đường may. Phục trang kiểu châu Âu cũng có nhiều ưu điểm: mỹ quan, trang trọng, mặc vào phù hợp với đường cong thể hình của từng người. Sau khi cắt xong trông quần áo nghiêm trang, lịch thiệp và kiểu dáng thay đổi phong phú, chủng loại rất nhiều có thể thoả mãn nhu cầu của mọi trường hợp và thời tiết khác nhau.

Có người đã thử dùng hình thức kết cấu của phục trang truyền thống Trung Quốc, và cách cắt may của trang phục phương Tây, thống nhất hai cái đó lại với nhau để tạo ra một trang phục kiểu Trung - Tây, điển hình nhất là chiếc áo bông có mũ lưu hành mùa đông, nhưng người ta cho rằng sự dung hợp đó không ra Tàu không ra Tây, không thành công. Cho đến nay vẫn chưa có dẫn chứng nào thành công về mặt này.

Hãy nói về mặc chẳng ra nam chẳng ra nữ.

Nam nữ ăn mặc phải khác nhau, nên có đặc điểm và phong cách giới tính rõ rệt, ranh giới giữa giới tính không rõ ràng, mặc chẳng ra nam, chẳng ra nữ là điều tối kỵ, nó không gây cảm giác đẹp, đôi khi còn bị ác cảm.

Nam dương, nữ âm có vẻ đẹp hoàn toàn khác nhau, nếu mặc không ra nam chẳng ra nữ, thì cái đẹp đều bị tổn hại. Nói chung, mặc phải thể hiện khí tráng của nam giới, hoặc mang được cái khí chất dịu dàng, duyên dáng của nữ giới. “Đẹp” là một biểu hiện của tính cách. Cho nên nói nữ giới có tính cách nhu mì, nếu bị nam giới hoá trong ăn mặc thì sẽ làm mất đi cái đáng yêu của giới tính.

Nhìn từ góc độ mỹ học phục trang thì phục trang nữ phải thể hiện được sự nhẹ nhàng, tao nhã, thanh tú, có dáng yếu điệu thưốt tha. Phục trang nam nên thể hiện tính chất sôi nổi, chắc chắn, oai phong, tư thế khoẻ mạnh, phóng khoáng. Đi ngược lại hai đặc trưng cơ bản đó, làm đảo lộn giữa hai cái đó thì sẽ mất đi cái đẹp bản sắc vốn có của giới tính.

Đặc biệt là khi nam giới ăn mặc nữ hoá, thì bị chế riễu là “đồng cô”. Có nam thanh niên mặc xanh xanh đỏ đỏ, để tóc dài, làm ra vẻ yếu điệu, hoàn toàn mất đi cái khí thế vốn có của chàng trai. Chúng ta không mong gì hơn là họ nên có lòng tự trọng.

Nếu vì việc ăn mặc mà để mất đi nề nếp cần thiết sẽ đưa đến hậu quả nghiêm trọng. Ví dụ, năm 1702, New York lúc bấy giờ còn là thuộc địa của Anh. Có một lần Thống đốc New York Huân tước Kan Play thay mặt Nữ Hoàng Anni chủ trì buổi lễ khai mạc Nghị viện New York. Trong

không khí trang nghiêm ai nấy đều kinh ngạc há hốc mồm ra vì phát hiện ra vị đại nhân Thống đốc này lại mặc một chiếc váy dài nhiều tầng lồng lẫy, đầu mang trang sức rất diêm dúa và tay thì cầm cái quạt, kết quả là làm cho những người có mặt cực kỳ bất mãn.

Nữ Hoàng Anh biết chuyện đã triệu ông về nước, giáng chức cho làm việc khác.

9. HỒ HANG LÀ MỐT ĐẸP SAO ?

Nói về việc mặc hở hang, mát đứng dấn chủ yếu là nói về nữ giới. Con trai vào mùa hè có lúc trên người chỉ còn cái quần đùi nhất thiết phải có, cũng không làm cho người ta ngạc nhiên, quở trách. Nhưng với nữ giới thì yêu cầu nghiêm khắc. Phụ nữ ăn mặc hở hang là một vấn đề cực kỳ nhạy cảm, thường gây chuyện bàn tán xôn xao, thậm chí này sinh tranh luận về đạo đức. Vì vậy, các bạn nữ thường bị dị nghị, chê trách nào là lả lơi, bất chấp thuần phong mỹ tục, chẳng kể văn minh, đạo đức.

Có những nữ thanh niên coi việc mặc áo váy mỏng, trong suốt, để hở hơi quá đáng một chỗ nào đó trên cơ thể, là đặc điểm của trào lưu mới, chủ yếu biểu hiện ở:

1. Cỗ áo mở quá thấp để hở bộ phận ngực, có thể nhìn thấy bộ phận ven vú.

2. Áo trên vải mỏng trong suốt, có thể thấy màu sắc xu - chiêng, nhô lên và hình thù ẩn hiện.

3. Mi ni Juýp (váy cực ngắn) để hở cả chân và đùi (phần lớn là mặc tất dài và tất liền quần). Những chỗ để hở hang trên thân thể người con gái như hở cổ, vai, cánh tay, đùi, chân v.v... đã dần dần được mọi người chấp nhận, nhưng có hai chỗ là vú và đùi thì cho rằng nếu hở hang thì mất đi cái trang trọng, quá gợi cảm, đầy sức cám dỗ đối với nam giới, không có lợi gì đối với người và đối với mình, bị coi là một thú “bệnh thời thượng”, tình hình đất nước Trung Quốc, tập tục dân tộc khó chấp nhận. Hở hang như thế là không văn minh.

Vấn đề nữ giới mặc hở hang còn có hai điều nữa đáng nêu ra, đều không nên làm.

Một là vấn đề hở rốn. Dân tộc thiểu số có tập tục mặc hở rốn, nhưng dân tộc Hán thì rất cấm kỵ vì trên quan niệm, rốn bụng rất gần với bộ phận sinh dục, càng cần phải che đậm.

Hai là, khi đi chợ hoặc ra phố lại mặc quần áo bơi, trông rất không đẹp mắt. Mặc có vấn đề môi trường. Nếu mặc áo bơi trong bể bơi hoặc ở bãi biển thì là hiện tượng bình thường.

Tất nhiên, vấn đề mặc không thuộc về luật pháp mà thuộc về tác phong sinh hoạt, nhiều nhất cũng là vấn đề tư tưởng và đạo đức. Gần đây xảy ra cuộc tranh luận mặc váy mặt trời. Có người cho

rằng mặc váy này để hở cổ, hở vai, hở tay, hở chân là để cho da thịt của bạn tắm nắng mặt trời, là hoàn toàn lành mạnh, là một hoạt động khỏe đẹp, không cần phải xấu hổ, nhưng cũng có người phản đối, cho rằng không để hở hang những chỗ đó vẫn có thể đạt được mục đích khoẻ đẹp... Thuyết "có thể hở hang" chỉ lấy đó làm cái cớ mà thôi.

Tôi cho rằng trong vấn đề ăn mặc, vẫn nên có một khoảng trời tự do, miễn là không ảnh hưởng đến người khác.

Chương VI

NÓI NẮNG

Ngôn ngữ là một phương tiện diễn đạt tình cảm, tư tưởng và giao tiếp xã hội, nó mang nội hàm tư tưởng và màu sắc tình cảm, lại có sự phân biệt giữa chân thật và giả dối, văn minh và xấu xa, tất nhiên rất tinh tế, cho nên có cách nói nghe anh ta nói, biết người anh ta.

I. THỎI DA TRÂU KHÔNG BỊ ĐÒN.

Mácxim Gocki đã từng nói ngôn ngữ “không phải là mật nhưng nó kết dính tất cả”. Có ngôn ngữ thì có thể giao lưu tư tưởng tình cảm, đạt đến mục đích hiểu biết lẫn nhau, điều hòa được quan hệ giữa người với người.

Trung Quốc là một quốc gia có tất cả 56 dân tộc, trong đó ngôn ngữ dân tộc Hán là một trong những ngôn ngữ tuyệt đẹp trên thế giới. Nó có lịch

sứ lâu đời, vốn từ phong phú, hình ảnh sinh động, sức thể hiện mạnh mẽ, mô tả sự vật, độ chính xác rất cao, ngôn ngữ đó lấy tiếng Bắc Kinh làm cơ sở, được gọi là “tiếng phổ thông”, thanh điệu của nó du dương, êm tai, ngọt ngào, âm vần khoan thai, giàu nhạc điệu, mang cái đẹp đến cho người nghe.

Trong lịch sử, Trung Quốc đã từng có nhiều bậc thầy ngôn ngữ vĩ đại như Khuất Nguyên, Tư Mã Thiên, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Quan Hán Khanh, Vương Thực Phủ, La Quán Trung, Tào Tuyết Cần, Lỗ Tấn, Mao Thuẫn, Quách Mạt Nhược, Thẩm Tùng Văn, Ngãi Thanh, Tào Ngu v.v... Ngôn ngữ của họ phong phú, diệu luyện, ưu mỹ linh hoạt, sinh động, hình tượng, rất giàu sức thể hiện và sức truyền cảm, có thể đạt đến cảnh giới thần tiên, thật đáng cho chúng ta lấy làm tự hào.

Ngôn ngữ đẹp hay không là một trong những tiêu chí của tố chất văn hóa tinh thần của xã hội và nhân dân nước đó. Trung Quốc là một trong những nước văn minh cổ, từng được mang tên đẹp là “đất nước của lễ nghi”. Người Trung Quốc nói nǎng xưa nay rất chú trọng sự văn minh lẽ độ, thể hiện được cái chân thành, hoà khí, tao nhã, khiêm tốn, tôn trọng và hữu ái đối với người, thể hiện được trang nhã lẽ phép, mang phong độ “quân tử”. Đầu những năm 80 của thế kỷ này, nhà nước đề xướng văn minh tinh thần mà “ngôn ngữ đẹp” là một trong những nội dung quan trọng, đòi hỏi toàn

dân làm cho được sự: “nhã nhặn, lịch sự, khiêm tốn, không nói tục, nói bậy, không cướp lời, không nói ác hại người”.

Nhưng đáng tiếc là, có những người Trung Quốc ưa nói phét, nói suông, nói dối, nói tục, nói nịnh, nói hót, nói xấu v.v... Những hiện tượng không tốt đó làm tổn hại đến quan hệ giữa người với người, cho nên dứt khoát không được coi thường vai trò của ngôn ngữ. Dưới đây xin nêu ra những tệ hại, phản tác dụng của nó, mong rằng có thể tự đổi chiếu để chữa trị.

“Nói phét” tức là thói phô trương thanh thế, tục gọi là “thổi da trâu”. Đây là cái tật cũ của người Trung Quốc, và cho đến ngày nay không những chưa được khắc phục mà còn ngày một nghiêm trọng hơn. Nhưng phải nói rằng nói phét có thể nhất thời lừa dối người khác, để tỏ ra mình vẻ vang như thế này; ghê gớm như thế kia, đằng nào nói phét - thói da trâu, cũng không bị đòn.

Trong bài “Bàn về nói phét” Lam Vũ đã vạch trần căn bệnh thích nói phét của người Trung Quốc, tính phổ biến của nói phét, tính khä ô, tính nguy hiểm của nói phét, tính điên cuồng của nói phét, giúp ta nhận thức được nguồn gốc để ra hiện tượng nói phét và bối cảnh xã hội tồn tại dai dẳng của nó. Cái đáng buồn đó tiếp diễn mãi thực đủ làm người điếc cũng nghe thấy và phải bừng tỉnh. Đừng xem thường vấn đề này.

Tôi xin trích lời văn cao kiến của ông Lam Vũ để bạn đọc cùng suy ngẫm: Từ “nói phét” này tương đối lịch sự, quần chúng thường có cách nói là “nói bô láo” hoặc gay gắt hơn gọi là “thổi da trâu”.

Hiện tượng “thổi da trâu” - khoác lác rất phổ biến trong đời sống hàng ngày, nếu để ý một chút, lúc nào cũng có thể thấy, có lúc con búp bê cũng nói mấy câu (tất nhiên là chịu ảnh hưởng của người lớn, đủ thấy vấn đề thật nghiêm trọng).

Hai người đánh cờ, một bên đi, một bên phét, phét mình là cao thủ, chê đối phương là tay cờ xoàng. Thua liền ba ván hãy còn già mồm: ván đầu anh không thua, ván thứ hai tôi không thắng, ván thứ ba tôi cầu hoà anh không chịu. Nói phét như thế lấy đâu ra người thua?

Mấy anh bày bàn rượu, một bên uống, một bên phét. A nói: Khi bụng bát, trước hết tôi phải cạn hai lượng đè cái bụng. B nói: Kẻ làm gì, tôi nửa cân xuống bụng vẫn chưa ngửi thấy mùi rượu. C nói: Ta chẳng dám nói ngoa, ngửa cổ lên, một hơi, cả bình xuống bụng. Uống say, thở hổn hển nên vẫn còn nói phét: Ai bảo ta - say? Ta - không say. Ai - bảo - say, người đó là - con nít. Song đó là những việc nhỏ hàng ngày, không liên quan đến đại cục, dùng về tương thanh chế riết nhẹ nhàng là xong, không cần phải phê phán gay gắt, nhưng vượt ra ngoài phạm vi đó thì chớ coi thường.

“Lâm Bưu, bè lũ bốn tên” đã sáng tạo ra căn cứ lý luận của nói dối. Bọn chúng cà tiếng: “Không dối trá, không làm được việc lớn !”. Tất nhiên, thổi da trâu so với nói dối cao hơn một bậc, ông ta dám nói công khai, nói phét có lý, có đạo, nói phét không sai, nói phét vô tội, “nói phét không chịu trách nhiệm, tin không tin, tuỳ anh”. Ông ta còn nói “nói phét không đánh thuế, không phạm pháp”, “nói phét không chết người” v.v... Bởi vì có lý, có đạo, không sai, vô tội, thì có thể tha hồ nói phét. Nói phét từ linh vực đời sống hàng ngày đi vào nói phét trong linh vực chính trị kinh tế, thổi luồng gió độc vào xã hội Trung Quốc, hiện nay cản chấn chỉnh luồng gió độc đó.

Trước hết, hãy nói đến “nói phét không chịu trách nhiệm, tin không tin, tuỳ anh”. Nói phét vốn là sự ba hoa, thuần tuý duy tâm. Mục đích của nói phét là muốn lừa người, nếu ai tin thật thì chịu khổ, bị người ta cười cho là thằng ngốc! Đó gọi là nói phét không chịu trách nhiệm, kẻ mắng lừa đáng chết. Nhưng xã hội bỗng dung nổi lên làn gió nói phét, báo chí nói phét, sách báo nói phét, phát thanh nói phét, họp lớn họp nhỏ nói phét... thật chẳng biết đâu mà lần. Tin ư? Không tin ư? Tin cũng khó, không tin cũng khó. Tin thì nói phét theo, một khi gió dừng, khó tránh khỏi bị chỉnh. Không tin là trở lực, phải bị đánh đổ, tất nhiên cũng bị chỉnh. Trời ơi, tai vạ nói phét như vậy, người có thể thấy rõ chân tướng, người nào có thể

tránh được!

Tiếp đến nói “nói phét không đánh thuế, không phạm pháp”. Quả thật, ngành thuế vụ của chúng ta chưa bao giờ thu “thuế nói phét” cho nên người nói phét không cần rút hầu bao, đi buôn không cần vốn, mua bán nước bọt. Kết quả thế nào? Có địa phương làm loạn sản xuất, có địa phương làm loạn thị trường, thu thuế giảm sút, thu nhập tài chính giảm sút, tiền lương nói phét vẫn trả như cũ, thậm chí cao hơn, nhưng tiền lấy đâu ra? Nói phét không phạm pháp chính là từ mặt phản diện điểm trúng cái khuyết điểm hoặc nhược điểm của pháp chế chúng ta, kẻ nói phét đã chui đúng vào cái lỗ trống ấy. Một nhà máy, một xí nghiệp, một công xã do người lãnh đạo nói phét bữa bãi, làm rối bòng bong, không hoàn thành nhiệm vụ. Ảnh hưởng đến xây dựng đất nước, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân đó gọi là gì? Không liên quan đến phạm pháp ư? Luật pháp có lớn, có nhỏ, trừng trị có nhẹ, có nặng, không nhất thiết phải đủ tội chém đầu mới gọi là phạm pháp. Đối với những kẻ nói phét, nếu không có điều luật ràng buộc và trừng trị, chờ cho đến khi làm hỏng việc, thì điều gì nơi khác, vậy có ích gì cho nước, cho dân?

Cuối cùng nói đến “nói phét không chết người”. Mục đích chủ yếu của bài này là muốn chúng minh nói phét quá đà làm chết người.

Không chỉ có người, ngay cả ngựa trâu dê lợn, gà vịt chó thò, hoa, chim, cá thú đều có thể chết theo.

“Bao năm trước, có một nơi, một ngày nọ đã phóng vệ tinh nói phét, để nhanh chóng tiến lên chủ nghĩa cộng sản, phải tiêu diệt tư tưởng của giai cấp tư sản trước 12 giờ đêm nay. Vì thế mọi người được triệu tập dưới ánh đèn rực rỡ, vắt óc suy nghĩ đào bới cái rẽ tư tưởng của giai cấp tư sản trong đầu. Nửa đêm đã qua, đại đa số vẫn thấy mình vẫn là mình, chưa tiến lên thiên đường của chủ nghĩa cộng sản, số ít người lại trở thành “phản tử cơ hội hữu khuynh”. Theo logic, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, tức tư tưởng tư sản, có thể thấy, trước nửa đêm không thể tiêu diệt triệt để tư tưởng này. Da trâu đã thối rách rồi, thế nhưng có người “phản tử cơ hội hữu khuynh” lại âm thầm ngầm oan hai mươi năm. Nghĩ kỹ lại, nếu lúc đó mọi người đều thuận lợi qua đêm đó, nói phét chẳng phải có nghĩa là chủ nghĩa cộng sản hay sao? Nói phét không có liên quan gì đến tư tưởng của giai cấp vô sản, ý đồ tiêu diệt tư tưởng tư sản bằng nói phét, đó là hai con quỷ đánh nhau, muốn đi lên chủ nghĩa cộng sản còn khó hơn những thương nhân trong truyền thuyết châu Âu muốn lên thiên đường.

“Bao năm trước, vẫn nơi đó, đã phóng vệ tinh sản xuất; sản lượng mỗi ha lúa mì là 54.750 kg. Báo chí đưa tin dưới tít lớn chữ đỏ chạy suốt trên

đầu trang báo. Luồng gió này bùng lên, phản ứng dây chuyền, lúa chiêm có nơi tăng lên 16.500 kg, trước mắt hình như từng quá núi lương thực nhấp nhô trập trùng. Vệ tinh nói phét bay lên trời, thợ nói phét thăng quan, “thăng hữu” không nói phét bị chính, làm ruộng thiếu gạo, thiếu củi, dồi cá bụng, có người còn xuống đất. Ai bảo “nói phét không chết người”? Câu ca dao: “Sản lượng 54.750, vẫn săn lược qua ngày”, thật là mỉa mai và đau đớn biết bao!

“Mấy năm trước lại cổ động một trận cắt “đuôi tư sản”. Con đường xã hội chủ nghĩa phải xây thăng túng, cây trên nền đường phải dọn bằng hết, gia súc gia cầm của cá nhân chăn nuôi phải xử lý sạch. Các xã viên có đôi tai kinh nghiệm mới nghe đã biết là cái chứng nói phét hơn mười năm trước tái phát, vì thế chặt cây dỡ nhà, giết lợn, thịt dê làm cho gà bay, chó nhảy qua tường. Cho nên viết: Nói phét làm cho trâu bò bị nạn, lục súc đều toi.

“Người có bao nhiêu can đảm, đất cho bấy nhiêu cao sản” là nói phét diễn hình. Đáng tiếc là ông đất không giúp, bông lúa mọc ra không phải dài như đuôi chó sói, ngược lại nó ngắn như đuôi con thỏ. Đứng trước sự thật không chịu thua lại còn vả vào mặt cho sưng lên như béo. Rõ ràng lúa gặt về chứa không đầy bồ thóc, nhưng có cách, dưới đáy bồ thóc độn nhiều thứ vào vẫn là bồ thóc to có

ngọn, đăng báo tăng sản lượng bao nhiêu phần trăm, người tham quan có kinh nghiệm, người nghiệp ảnh có kinh nghiệm, chỉ xem trên ngọn bồ thóc, tuyệt nhiên không sờ dưới đáy, nếu nhỡ lộ ra thì không có tin, theo tin đã đưa, nhà nước thu mua lương thực, nhưng lương thực nhà nước bán lại cho nông dân lại lặng lẽ chở về làng.

“Mọi người đều biết không được nói phét, nhưng vì sao vẫn có người tự giác hay không tự giác nói bừa? Nói toạc ra chẳng qua là hai chữ danh lợi. Báo chí gần đây vạch ra những khu vực tiên tiến già, điển hình tiên tiến già, nhân vật tiên tiến già, không cần nói nhiều. Nhưng có những khu vực, điển hình và nhân vật ngay từ đầu thực ra vẫn là tiên tiến, có thành tích thực sự. Chỉ tội công khai biểu dương, khách đến tham quan học tập ngày càng đông, cái đầu của đương sự theo đó cũng nóng lên, để mở rộng thanh danh nên lấy giả làm thật, lấy không làm có, đại nói phét, thanh danh tốt vốn có cũng bị thổi phai màu. Sử sách có mấy câu gợi ý người đời ngẫm nghĩ, đại ý là không được dựng công vờ, không được lập danh giả, không được thu lộc nhiều, không được sa sút chí.

Nhưng cái mà thợ nói phét theo đuổi hoàn toàn ngược lại, nghĩa là dựng công vờ, lập danh giả, thu lộc nhiều, mất chí hướng - Không bị trừng phạt.

Nói khoác nói phét nghiêm trọng nhất, điển

hình nhất làm rung động cả xã hội cũng không bằng thời kỳ gọi là “đại nhảy vọt” 1958, “xây dựng chủ nghĩa xã hội với tốc độ một ngày bằng hai mươi năm”, hình như chủ nghĩa cộng sản sắp đến nơi rồi. Người ta đưa ra nhiều lời nói hoa mỹ, nhiều khẩu hiệu rung trời chuyển đất. Như: “Nhảy vọt, nhảy vọt, đại nhảy vọt, vạn cân thóc mỗi mẫu, trăm tấn thép mỗi ngày” (lúc đó lò nhỏ bằng đất xây lên ào ạt, gần như làm càn, mỗi ngày một tân thép cũng luyện không xong, lấy đâu ra trăm tấn thép?) “Dám nghĩ lại dám làm, một ngày bằng một năm, cho vựa thóc đội trời”; “nông dân nhà cách mạng, dụng trời, trời phải vỡ, đập đất, đất phải sụt”; “một bông lúa có chi là dài, bắc chiếc cầu qua sông Hoàng Hà, mười chiếc ôtô chạy hàng ngang, tàu hỏa lao như tên vun vút”: “đừng cho mặt trăng khuyết, đừng cho mặt trời lặn, nhảy vọt qua đất nhỏ, ngày mai ta gieo hạt trên trời xanh”.

Xã hội phong kiến kéo dài đã nuôi dưỡng cái thói bưng bít bảo thủ của người Trung Quốc, ếch ngồi đáy giếng chẳng biết trời cao, ngược lại tự mãn, tự cao, tự đại mù quáng. Hoàng đế Trung Quốc xưa nay tự xưng là con cưng của trời, bốn phương tám hướng đều phải quay về triều cống, từ thời cận đại đến nay, trải qua những trận pháo súng ác liệt của bọn quỷ Tây mới bùng tinh cơn mơ, không dám ba hoa khoác lác nữa. Do ngu muội dốt nát mới càng dễ ba hoa bốc phét, thêm vào đó là một số ánh hưởng xấu trong đời sống hiện đại.

nên đã hình thành tâm lý xốc nồi thích nói phét, hình như đó cũng là “cái mốt”, một cách thắng lợi tinh thần kiểu AQ.

Người Trung Quốc vốn không chịu thua, không thừa nhận mình lạc hậu, bao giờ cũng tìm ra một số lý do không đâu vào đâu để bào chữa cho mình, chứng minh mình là ưu việt, vĩ đại. Người Trung Quốc thích nghe lời tâng bốc, không thích nghe lời nói mình khuyết điểm. “Thuốc đắng dã tật, trung ngôn nghịch nhĩ”. Lời ngay chướng tai lợi công việc”, chân lý đó không dễ gì được họ tiếp thu. Do bản tính đó, một số giới truyền thông - báo, tạp chí, phát thanh truyền hình đưa nhiều tin vui không đưa tin buồn, nói nhiều thành tích, ưu điểm tình hình rất tốt, mà không muốn nhìn thẳng đưa tin những khó khăn, thiếu sót, nguy cơ tiềm ẩn v.v... Hình như mọi việc của chúng ta đều rất tốt. chúng ta phát triển bộ rát nhanh, thể chế của chúng ta ưu việt nhất, lãnh đạo của chúng ta đúng đắn nhất v.v... Với tinh thần ưu việt của tâm lý và ý thức đó chi phôi, tất nhiên dễ nói phét, bơm to mặt thành tích, bóp nhỏ mặt khuyết điểm. Người ta có ánh tượng là thành tích của chúng ta mãi mãi vĩ đại huy hoàng, còn khuyết điểm chỉ là một ngón tay trong mười ngón tay, là khuyết điểm trong đì lên.

2. LÙA DỐI NGƯỜI MÀ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM.

“Nói dối” là giả tạo, không thật thà. “Thật thà” vốn là đạo đức truyền thống tốt đẹp của nhân dân Trung Quốc, song có những ngày bị đánh mất đi. Đặc biệt gần mấy chục năm trước, do những nhân vật tầng trên nào đó rất thích công lao, thích ca tụng công đức của mình, còn dối với những ai nói thật, vạch cái xấu xa thì coi là dị đoan. Luồng dư luận đúng đắn bị nút chặt. “Người nói có tội” làm cho những kẻ học thức không dám nói những lời phạm thượng, ngậm miệng ăn tiền. Song có lúc, để tránh tai bay vạ gió không thể không nói những lời trái với lòng mình, đó cũng là nguyên nhân nảy sinh những lời nói dối. Để hợp khẩu vị của lãnh đạo, cán bộ các cấp cũng thường nói dối khi báo cáo công tác, họ cảm thấy nói dối, báo tin vui không báo tin buồn, hoặc bơm to thành tích, khoe khoang một hồi lại được hoan nghênh, thăng quan tiến chức, còn cán bộ nói thật thì bị chỉ trích, thậm chí hạ cấp, mất chức. Họ không thể không nói dối. Nói dối thịnh hành có nguồn gốc xã hội sâu xa.

Đến thời kỳ 10 năm động loạn, phong khí xã hội nói dối được phát triển ác tính, hễ ai nói thật thì bị đả kích bức hại, hễ ai nói dối thì được đối xử tử tế, do đó nói dối càng thịnh hành.

Thời kỳ nói dối nghiêm trọng nhất phổ biến nhất là thời kỳ đại nhảy vọt năm 1958 và thời kỳ

chống hữu khuynh năm 1959. Nói dối quá nhiều cũng tạo nên không khí chính trị đặc biệt của thời kỳ đó. Tình thế ép con người quá đỗi không thể không nói dối để đối phó, nếu không thì bị “đánh đít”, cất mũ lông chim.

Ngày 13 tháng 11 năm 1957 “Nhân dân nhật báo” ra xã luận “Phát động toàn dân thảo luận 40 điều cương yếu, dây lên cao trào sản xuất nông nghiệp”, lần đầu tiên đưa ra khẩu hiệu “nhảy vọt”. Tiếp đó hội nghị Nam Ninh chính thức gióng hồi kèn mở màn phong trào “đại nhảy vọt”, cả Trung Quốc như bị chiếc roi quật mạnh lồng lên, toàn dân xông tới, lửa nóng tận trời xanh.

Hội nghị Nam Ninh từ 11 đến 22 tháng giêng năm 1958 do TW Đảng tổ chức tại Nam Ninh, thủ phủ tỉnh Quảng Tây. Hội nghị thảo luận vấn đề kế hoạch kinh tế quốc dân và dự toán ngân sách năm 1958, và cả vấn đề cải tiến phương pháp công tác và phương pháp lãnh đạo trong tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội xuất hiện cao trào. Mao Trạch Đông vạch ra “60 điều phương pháp công tác” và nêu rõ “từ nay về sau phải đặt trọng điểm công tác của Đảng vào cách mạng kỹ thuật”.

Tại hội nghị, Mao Trạch Đông còn phê bình “chống làm liều” năm 1956, kết quả làm cho tư tưởng “tả” khuynh nóng vội trong Đảng phát triển nhanh chóng, hình thành một luồng gió ba hoa nghiêm trọng, thi nhau nói dối, báo cáo láo thành

tích, lừa dối cấp trên.

Mấy ngày sau đó, hình như nhiệt kế bị đốt nóng lên, thành tích sản xuất lên cao rất nhiều, rất tiếc là trong đó sai sự thật nghiêm trọng, nói dối quá nhiều. Theo tin tức đã đưa:

- Công xã 1-5 thảo luận cương yếu nông nghiệp với tinh thần đại nhảy vọt, quyết tâm biến công xã nghìn cân thành công xã hai nghìn cân.

Nông dân Trung Quốc đùa nhiệt tình, quyết tâm sáng tạo ra “chủ nghĩa công sản” từ trên mảnh đất quê mùa này, mọi người chen vai thích cánh, khí thế ngút trời, vì thế tin vui tới tấp truyền đi. Mao Trạch Đông nhìn thấy cảnh tượng sản xuất sục sôi, phấn khởi vô cùng, ông nói: “Chúng ta chỉ sợ 600 triệu nhân dân không có nhiệt tình, chẳng phải đường lối quần chúng đó sao? 600 triệu xep hơi thi còn gì là đường lối quần chúng?” và nêu rõ: Chỉ có phá vỡ cân bằng mới có kỵ tích.

Lúc này, một vùng trung nguyên xưa nay nghèo đói ít ai để ý. Huyện Lỗ Sơn tỉnh Hà Nam đê ra: chỉ tiêu 10 năm một năm hoàn thành. Huyện miền núi nghèo đói này thật dám nói dám làm, phá kỷ lục mới. Nhưng trong lòng cán bộ nơi đó hiểu rõ, nhân dân nơi đó càng hiểu rõ, kế hoạch đó hoàn toàn thuộc về nói phét, nói suông, nói dối, thật là nói dối chết người không đền mạng. Trước hết phần khởi cái đà, nói rồi nói nữa, còn có hiện

thực hay không lại là chuyện khác. Họ to gan thật. nhiệm vụ sản xuất nhà nước giao cho coi như trò đùa trẻ con “chỉ tiêu mười năm phải thực hiện chủ nghĩa cộng sản toàn huyện”, thật là một tặc đến trời. Hãy xem:

Theo Tân Hoa Xã: Hợp tác xã nông nghiệp Vệ Tinh, huyện Trục Bình, tỉnh Hà Nam, một vùng sản lượng chỉ hơn 100 cân trước đây, đã lập kỷ lục mới sản lượng mỗi mẫu lúa mì đạt 2.105 cân. Hợp tác xã Vệ Tinh thật xứng đáng là đà ngòi trên Vệ tinh.

Thế nhưng trong kẻ mạnh còn có kẻ mạnh hơn, chỉ sau một ngày, hợp tác xã Lạc Dân, huyện Cốc Thành, tỉnh Hồ Bắc tuyên bố: họ đã phá kỷ lục của hợp tác xã Vệ Tinh láng giềng, đạt sản lượng lúa mì 2.357 cân. Nhiều hơn sản lượng của hợp tác xã này 252 cân.

Hợp tác xã Vệ Tinh chỉ được “quán quân” một ngày thì bại trận. Hai ngày sau, hợp tác xã đó phông vè tinh thứ hai: sản lượng 3.530 cân, vì thế lại ngoi lên ngai vàng “quán quân”. Nhưng bốn ngày sau, quà vè tinh của hợp tác xã này bỗng nhiên mất màu, hợp tác xã Hồng Quang, thị trấn Thành Quang, huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Bắc tuyên bố sản lượng lúa mì của hợp tác xã này là 3.650 cân. Cùng ngày, hợp tác xã Tình Quang, huyện Cốc Thành tỉnh Hồ Bắc trả “mũi tên thù” thay cho hợp tác xã vè tinh Trục Bình, tuyên bố

sản lượng 4.353 cân, hai mươi ngày sau, hợp tác xã Hoà bình huyện Tây Bình tỉnh Hà Nam lại “ăn miếng trả miếng” với Hồ Bắc, tuyên bố sản lượng lúa mì đạt 7.320 cân.

Mọi người thấy họ thay nhau ra trận sát phạt nhau, chỉ số thay nhau đi lên, hầu như bất kể các chư hầu lộ nào cũng chỉ có thể dẫn đầu lăng nhăng năm ba ngày mà thôi. Đây là báo cáo thành tích hay là trò đùa tuỳ ý, anh nói dối, tôi cũng nói dối, anh lừa tôi, tôi càng lừa anh. Nông dân làm ruộng đến mức muốn sản lượng bao nhiêu cân thì có thể đạt bấy nhiêu cân, thật là điều không tưởng tượng nổi, họ đã cả gan dựng nên chuyện “thần thoại” nhân gian hiện nay. Nghỉ cũng thật buồn cười, sản lượng bao nhiêu có thể nói tha hồ, ai đi kiểm tra đối chứng, ai đi cân, lẽ nào chẳng có một ai có đầu óc tinh táo hoài nghi tính chân thực của nó hay sao? Mà những kẻ lừa dối, nói cuối nói nhăng cung chính là kẻ to gan coi trời bằng vung...

Ngày nào cũng nói dối, càng nói càng lạc điệu, vậy ai đạo diễn trò hề này?

“Nhân dân nhật báo” là cơ quan báo của Trung ương Đảng đã vô nguyên tắc đưa tin thổi phồng những thành tích sản xuất giả tạo đó. Đến ngày 1/9, vẹt tinh đặc biệt lớn của huyện Từ Thuỷ Hà Bắc lên trời, lập tức cả Trung Quốc đều trổ mắt ngơ ngác. Trong bài “Ca ngợi công xã nhân dân Từ Thuỷ” “Nhân dân nhật báo” lên tiếng: “Từ Thuỷ

sắp phóng vệ tinh sản lượng cao, sản lượng cù mài 1 triệu 20 vạn cân, một cây bắp cải đến 500 cân, sản lượng lúa mì 12 vạn cân, sản lượng bông 5.000 cân, toàn huyện sản lượng lương thực trung bình mỗi mẫu 2.000 cân. Công xã nhân dân Từ Thuỷ trong thời gian không xa sẽ đưa xã viên toàn huyện đi vào tiên cảnh đẹp nhất trong lịch sử loài người, đó chính là vương quốc tự do làm theo khả năng, hướng theo nhu cầu”.

Kỳ tích dân gian do Từ Thuỷ sáng tạo ra đã làm lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông phải đích thân đến xem. Đó là ngày 4 tháng 8 năm 1958. Bí thư huyện uỷ Từ Thuỷ Trương Quốc Trung báo cáo với Mao Trạch Đông: Hai vụ hè thu năm nay, kế hoạch toàn huyện phải đạt tất cả là 1.200 triệu cân, sản lượng mỗi mẫu bình quân là 2.000 cân.

Mao Trạch Đông giương to đôi mắt cười nói: "... Đồng chí vừa nói vụ hè mới thu được hơn 90 triệu cân, làm thế nào vụ thu có thể thu được 1.100 triệu cân?"

Tất cả cười ồ. Lúc này Trương Quốc Trung nhanh trí trả lời: "Đều là nhờ sự lãnh đạo tốt của Chủ tịch, xã viên có nhiệt tình cao, mới được như thế..."

Chẳng biết là người Từ Thuỷ đánh lừa lãnh tụ vĩ đại, hay là sự có mặt của lãnh tụ vĩ đại làm cho người Từ Thuỷ sợ dần ra, hay là Mao Trạch

Đông thật sự bị ngây ngất, tính không ra. Mùa hè chưa đầy 100 triệu cân, mùa thu có thể tăng lên 10 lần, có thể thu 1.100 triệu cân. Nông dân Trung Quốc đổi đã mấy nghìn năm, làm thế nào một đêm biến phép thần thông có thể sản xuất lương thực một ngày ăn mười bữa cũng không hết? Rốt cuộc sự thực như thế nào?

Sau nhiều năm, Điền Gia Anh, bí thư của Mao Trạch Đông được Mao cử đi Tứ Xuyên điều tra, tìm hiểu một cách chân thực tình hình nói dối kinh người trong thời kỳ “đại nhảy vọt”. Điền Gia Anh đến một đại đội sản xuất chỉ vào kho lương thực hỏi: “Trong kho có bao nhiêu cân lương thực?” Sau đó anh ta vào kho, cầm thanh tre chọc mấy cái, thấy lúa vàng chảy xuống, lòi ra đống rơm độn ở dưới, thì ra bên trên chỉ đổ một lớp trấu. Đại trưởng này lại nói dối ngay trước mặt, muốn đánh lừa sự kiểm tra của cấp trên.

Cuối cùng một kế toán công xã nói thật: Lúc năm 1958 có hai quyển sổ, một quyển sổ giả chỉ để chuyên báo cáo sản lượng lên trên, một quyển sổ thật là sản lượng thực tế.

Nói dối còn biểu hiện ở phía công xã nhân dân. Lúc bấy giờ tuyên truyền chế độ công xã nhân dân tốt, một là to hai là chung, lúc bấy giờ ăn cơm cũng là nồi cơm to tập thể không giống như mỗi gia đình, mỗi hộ ăn cơm. Vậy tình hình đời sống thực tế của xã viên như thế nào? Phải chẳng tốt như

công xã nói. Điền Gia Anh đi sâu vào cuộc sống, mới thấy có khoảng cách rất xa với thực tế. Có một việc như sau:

Một hôm, một bà họ Trần đi lấy cháo cho cá nhà ở nhà ăn công cộng của công xã, lão đảo đi về nhà. Bỗng nhiên bị ngã chân, cháo đổ ra đường. Lúc đó bà khóc to, cá nhà mấy miệng ăn đang ôm bụng đói chờ cháo, làm sao bây giờ!

Điền Gia Anh thấy thế vội đỡ bà Trần đứng lên nói: "Không sao, đi lấy cháo nữa là xong". Bà vẫn khóc: "Lấy nữa, chúng tôi làm sao có thể lấy được nữa" Điền Gia Anh rút ra năm cân phiếu lương thực của mình, bảo bà đến nhà ăn công cộng đổi gạo, nhưng nhà ăn công cộng không có gạo, chỉ có bột ngô.

Điền Gia Anh thấy thế không kìm nỗi đau xót trong lòng, nhìn tấm biển ngũ to "Nhà ăn công cộng muôn năm". Ông đã thốt lên: "Tôi thấy có lẽ là nhà ăn công cộng nửa năm!" Quần chúng nghe sợ khiếp vía.

"Nói dối" trở thành một phong khí, làm bại hoại phong khí xã hội, nuôi dưỡng thói xấu dối trên lửa dưới của cán bộ, tính chất nguy hại của nó thật nghiêm trọng. Vì vậy trong phong trào chống giả dối có lẽ cũng phải chống nói dối.

3. RỖNG TUẾCH CÔNG THÚC DOẠ NGƯỜI.

Trong thời kỳ mười năm động loạn, bè lũ bốn tên và Lâm Bưu cũng đã phát minh ra mặt hàng mới về mặt nói năng đó là họ sử dụng ngôn ngữ băng đảng kiểu lưu manh chính trị.

Trong đại cách mạng văn hoá, một dumm nhân vật này là loại tiểu nhân đắc chí, ngang tàng, luôn ở thế trên cao nhìn xuống, ra vẻ ta đây, chỉ tay ném ngón, hất hàm ra lệnh, vì thế tự nhiên để ra một loạt “ngôn ngữ băng đảng”, gieo hoạ khắp nơi.

Đặc điểm thứ nhất của ngôn ngữ băng đảng là rỗng tuếch, xinh dùng phó từ trừu tượng “nhất” và thích dùng liền mấy chữ “nhất, nhất nhất”. Như “Lời nói của Mao Chủ tịch là đúng đắn nhất nhất nhất”, Mao Chủ tịch là người thân nhất nhất nhất, Mao Chủ tịch là lãnh tụ vĩ đại nhất nhất nhất, Mao Chủ tịch là mặt trời đỏ nhất nhất nhất...”

Nói đến tình hình rất tốt của cách mạng thì: gió đông thổi, trống trận vang rền; gió đông cuốn cuộn, cờ đỏ tung bay; tình hình cách mạng hiện nay vô cùng tốt, tốt nhiều chứ không phải tốt ít và ngày càng tốt lên, tốt hơn bất cứ lúc nào.

Lũ bốn tên còn thích dùng nhất chữ “đỏ”. Hết cái gì có thể gán lên được thì dùng chữ “đỏ” làm nយ tự. Tác phẩm của Mao Chủ tịch là “sách quý đỏ”, chiến sĩ của Mao Chủ tịch là “vệ binh đỏ”. Cờ cách mạng là “cờ đỏ cách mạng giai cấp vô sản”. Các

thành viên của tổ chức thiếu niên nhi đồng gọi là “Tiểu binh đỏ”, thiếu niên nhi đồng trước đây đã sớm tham gia hoạt động cách mạng của Đảng cộng sản gọi là “Chú bé đỏ”. Tri thức chuyên gia học giả cách mạng gọi là “Chuyên gia đỏ”, còn có “quản gia đỏ”, “văn kiện ghi chữ đỏ ở đầu” (văn kiện quan trọng) v.v...

Thời kỳ đại cách mạng văn hoá còn có thuyết “năm loại đỏ” để chỉ con em của công nhân, bần trung nông, cán bộ cách mạng, quân nhân cách mạng và liệt sĩ, nó đối nghịch với năm loại đen. Năm loại đen để chỉ: địa chủ, phú nông, phần tử phản cách mạng, phần tử xấu, phần tử phái hữu, (còn có thuyết “bảy loại đen” ngoài năm loại đen trên còn có thêm phản động, đặc vụ).

Thời kỳ đại cách mạng văn hoá chuyên dùng từ “khủng bố đỏ” để chỉ cái gọi là hành động cách mạng của phái cách mạng phá bối cái cũ, đập tan, quét sạch mọi yêu ma quỉ quái và không khí khủng bố do chúng gây ra. “Biển cả đỏ” để chỉ lũ bốn tên giương cờ đỏ chống cờ đỏ, hát cái gọi là giọng cao cách mạng, chính trị hoá và bôi đỏ nhiều thứ, biến cuồng biển thế giới thành một màu đỏ, nên gọi là “biển cả đỏ”.

Những nhân vật và sự việc bè lũ bốn tên phủ định phủ định, gọi chung là “đen”. Như nhân vật tuyến đèn để chỉ cái gọi là nhân vật thi hành đường lối phản động của giai cấp tư sản, đã từng

bêu xấu Lưu (Thiếu Kỳ), Đặng (Tiểu Bình), Đào (Chú) là nhân vật tuyến đen.

Nhóm đen để chỉ phe nhóm của cái gọi là bọn xét lại phản cách mạng mở đường cho việc phục hồi chủ nghĩa tư bản.

Tướng tài đen: để chỉ cái gọi là những nhân vật đắc lực phục vụ đường lối xét lại phản cách mạng.

Nanh vuốt đen: để chỉ cái gọi là những tay sai, đồ đệ phản cách mạng, còn gọi là “loài bò sát”.

Hậu dài đen: để chỉ những nhân vật đứng sau lưng bày mưu tính kế và a dua, còn gọi là “chủ quán trà đen”.

Mũi nhọn đen: để chỉ cái gọi là những nhân tài có nghiệp vụ nổi bật phục vụ phục hồi tư bản chủ nghĩa.

Bàn tay đen: để chỉ những nhân vật nhúng tay vào cuộc đấu tranh hai phái và có thể đóng vai trò xoay chuyển thời cuộc.

Gió đen: để chỉ cái gọi là phong khí trào lưu âm thầm mà phản động. Lúc đó gọi là làn gió do kẻ thù giai cấp thổi lên.

Hàng đen: để chỉ những cái xấu xa chống đối cách mạng. Như tạp chí “Hồng kỳ” đăng bài “Kỷ niệm 50 năm tuổi Đảng” viết: “Bạn Lưu Thiếu Kỳ còn quay lưng với Mao Chủ tịch, nhét một số hàng

đen vào nghị quyết “Đại hội 8” hòng gán cho toàn Đảng đường lối đi con đường tư bản chủ nghĩa”.

Tâm biển đen: khi phê đấu cái gọi là yêu ma quỷ quái, tròng lên người tâm biển màu đen ghi rõ tên họ, chức vụ, tội trạng.

Tài liệu đen: để chỉ những tài liệu được tập hợp chỉnh lý nhằm mục đích trị người, cũng chỉ những tài liệu có nội dung bẩn thỉu xấu xa.

Điển hình đen: để chỉ cái gọi là những nhân vật hoặc sự kiện tiêu biểu được đường lối xét lại phản cách mạng đào tạo nhằm phục vụ cho việc phục hồi chủ nghĩa tư bản.

Chuyên chính đen: để chỉ cái gọi là chuyên chính của đường lối phản động của giai cấp tư sản, như Đặng Tiểu Bình nói trong “Lời chúc mừng tại Đại hội đại biểu lần thứ tư của những người làm công tác văn học nghệ thuật Trung Quốc”, “cái gọi là chuyên chính đen hoàn toàn là sự vu cáo của Lâm Bưu, lũ bốn tên”.

Đặc điểm thứ hai của ngôn ngữ băng đảng là “công thức”. Thời kỳ đại cách mạng văn hoá, lũ bốn tên có không ít “sáo ngữ” cố định mô thức hoá, hàng ngày nói đi nói lại ra rả.

Trong sinh hoạt chính trị lúc bấy giờ, có những hoạt động buổi sáng thỉnh thị, buổi chiều báo cáo, biểu thị lòng trung thành, hàng ngày cứ thế mà làm, mọi người sắp hàng chỉnh tề đứng, tay

cầm quyền “Mao Chủ tịch ngữ lục”, mới đầu bao giờ cũng theo một công thức như thế này: chúng ta đọc sách của Mao Chủ tịch, nghe lời Mao Chủ tịch, làm chiến sĩ tốt của Mao Chủ tịch. Chúng ta chúc Mao Chủ tịch muôn năm, muôn năm, muôn muôn năm! Chúng ta chúc Phó Thủ tướng soái Lâm Bưu mạnh khoẻ, mạnh khoẻ mãi mãi, mạnh khoẻ mãi mãi! Những lời nói công thức ấy như con chiên sám hối và cầu nguyện ngày nào cũng làm như thế. Sau khi đọc xong những lời sáo rỗng ấy... thì bắt đầu học tập ngữ lục của Mao Chủ tịch v.v...

Tất nhiên, còn có những lời ba hoa khác, nhưng xào đi xáo lại đều là một số ngôn từ cách mạng, thuật ngữ chính trị bày tỏ quyết tâm cách mạng, bày tỏ tư thế đấu tranh, bày tỏ lòng yêu mến đối với Đảng và Mao Chủ tịch, cũng chỉ thế mà thôi. Làm một người chính trị nói triền miên những lời ba hoa rỗng tuếch chính là một đặc điểm chủ yếu của những người nói chuyện trong thời kỳ đại cách mạng văn hoá.

Đặc điểm thứ ba của ngôn ngữ băng đảng là “doạ người”, làm ra vẻ ta đây để hợm hĩnh doạ người, che đậy tâm lý giả tạo và đen tối của họ, nếu không làm như thế thì làm sao thể hiện được “khí phách cách mạng” của họ.

Tên đao bút Diêu Văn Nguyên rất thích làm ra vẻ ông thái sư, nào là phê bình văn nhân tư sản này, tháo phật nhân vật tuyến đen kia, quét sạch

“thiên binh vạn mã”, duy chỉ có hắn ta là luôn luôn đúng đắn, xin cứ hai ví dụ đơn giản.

Hắn viết bài có thể tuỳ tiện xuyên tạc nguyên ý của người khác, sau đó túm lấy một điểm để công kích, bỏ qua các ý khác. Đào Chú đã viết một bài nhanh để là “Mặt trời rực rõ” vốn ca ngợi mặt trời, nhưng lại nói ngay mặt trời cũng có điểm đen, là ý ông muốn nói sự vật bao giờ cũng khó thập toàn thập mỹ, không nên cầu toàn trách bị. Mà trong mặt trời cũng có điểm đen cũng phù hợp với thực tế khoa học. Nhưng để đạt mục đích đánh đổ Đào Chú, đầu sô số ba của phái đương quyền đi con đường tư bản chủ nghĩa, Diêu Văn Nguyên cố ý xuyên tạc rằng: Đào Chú muốn “trong mặt trời có điểm đen” để công kích bóng gió lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch, bởi vì mọi người đều công nhận Mao Chủ tịch là mặt trời đó.

Thật là muốn gán tội cho người thì thiếu gì lời buộc tội. Diêu Văn Nguyên nên biết rằng: bài viết của Đào Chú có trước, thuyết “Mặt trời đỏ” có sau, làm thế nào có thể công kích bóng gió Mao Trạch Đông được? Chẳng qua là hắn có ác ý, đánh lộn phái trái mà thôi. Hắn lấy văn chương sắc mùi phe phái để sát phạt, doạ người, nhằm đạt mục đích ám mưu chính trị hâm hại người khác của hắn mà thôi.

Một ví dụ khác. Diêu Văn Nguyên đã trích dẫn một cách ác ý những từ ngữ trong bài viết của

người khác theo kiểu xuyên tạc để gieo hoại. Ai cũng biết, nghĩa chính của từ “tan bǎng” là chỉ một hiện tượng tự nhiên sau khi khí hậu ấm lên. Trong bài “Tiết xuân năm nay” Đặng Thác viết: “mùa giá rét gió bắc mang về sắp kết thúc, thay vào đó sẽ là gió đông ấm áp, khắp nơi sẽ tan bǎng rất nhanh”. Ở đây nói lên hiện tượng rất bình thường của thế giới tự nhiên, từ “tan bǎng” là cách dùng rất bình thường, ai cũng có thể thấy được ý chính của từ này.

Nhưng “tan bǎng”, qua Diêu Văn Nguyên “phát huy” thì nảy sinh vấn đề và trở thành vấn đề nghiêm trọng. Trong bài “Bình “thôn ba nhà”” Diêu Văn Nguyên vung gậy nói: “Tan bǎng” chẳng phải là ngôn ngữ phản cách mạng từ đầu đến chân của tập đoàn xét lại Kho-rút-sốp dùng để chống lại Stalin là gì? Tiếp đó ông ta bịa đặt vu cáo: “Thôn ba nhà” (chỉ Đặng Thác, Ngô Hầm, Liêu Mạt Sa) là biết bao hy vọng Trung Quốc cũng xuất hiện, chủ nghĩa xét lại “tan bǎng”! Hắn giải thích như thế thì từ “tan bǎng” cũng bị … xử phạt cực hình.

“Tập gia” tức là “Kiêm Nho Mặc, hợp danh pháp” trong lịch sử, là một học phái tổng hợp nhiều học thuyết. Đời sau gọi những người có tri thức uyên bác là “tập gia”, nhưng thường thường lại gọi “uyên bác” là “tập loạn”, vì vậy có ngụ ý miệt thị. Đồng chí Đặng Thác đã nói rõ ràng: “Không ngờ rằng, lại có những “tập gia”, thực sự có

tri thức uyên bác, thật khó và đáng quý. Nếu gọi đó là “tạp gia” thì chúng ta nên nhiệt liệt hoan nghênh những “tạp gia” như thế?” Đoạn văn này nói rõ cái nghĩa chính xác của từ “tạp gia”, cũng tức là qui phạm sử dụng từ này.

Thế nhưng qua cách trích dẫn tuỳ tiện của Diêu Văn Nguyên “tạp gia” cũng trở thành “tiếng lóng” không hơn không kém. Diêu Văn Nguyên nói vô căn cứ rằng, “tạp gia” là phần tử giai cấp tư sản, phần tử giai cấp địa chủ và cả phần tử tri thức của giai cấp đó chưa cài tạo tốt, tức là một dùm nhân vật không rõ bộ mặt chính trị, tức là nhân vật phản động của phái “học giả” trong giai cấp địa chủ, tư sản (!)

Những người sử dụng “tạp gia” theo ý nghĩa vốn có của nó phải chuộc lấy tai họa, nhưng họ không chịu làm trái lương tâm hát theo giọng điệu của Diêu Văn Nguyên vì thế là “tạp gia” cũng đành gác lại. Thủ nghĩ xem, tiếng nói của băng đảng dựa vào quyền thế doạ người như thế, làm sao chẳng khỏi đau lòng? Trong mười năm động loạn, những việc oan trái do chữ nghĩa loại này gây ra đâu chỉ có một hai.

Tiếng nói băng đảng thích nhất là làm ra vẻ ta đây, lấy đó doạ người. Nói là: “Chẳng thân sơ gì hết, phân theo giai cấp”, chia người ra làm hai loại lớn, một loại là cách mạng; công nhân cách mạng, nông dân cách mạng, cán bộ cách mạng, quân

nhân cách mạng, tri thức cách mạng; một loại khác là phản cách mạng, như giai cấp tư sản phản động, địa chủ phú nông phản động, quyền uy học thuật phản động, sĩ quan quân đội phản động, văn nhân phản động, phản tử chống cách mạng phản động, phản cách mạng lịch sử v.v... Tóm lại, phải có một định ngữ đặt trước một người, gây cảm giác nặng nề về tâm lý: anh là loại cách mạng!

4. CHẾ TẠO NGÔN NGỮ.

Bản thân ngôn ngữ không có tính giai cấp nhưng có phân biệt giữa đúng đắn và sai lầm, văn minh và dã man, chân thật và giả dối, phân biệt giữa thiện và ác, đẹp và xấu, trong và đục.

Từ “ô nhiễm” vốn để chỉ vật chất có độc hại bị khuếch tán lan rộng, làm cho bầu không khí sinh hoạt xã hội bình thường bị phá hoại và nhiễm độc, “Ô nhiễm ngôn ngữ” cũng tức là ngôn ngữ trong sạch lành mạnh bị ô uế làm bẩn, bị xấu xí, độc hại, như trở thành rác rưởi ngôn ngữ. Nó biểu hiện nổi bật ở chỗ nói năng thô lỗ cộc cằn, chửi bới hại người, mồ miệng văng tục, nghe không lọt tai.

Không nên cho rằng nguy hại của ô nhiễm ngôn ngữ không lớn, nó sẽ gây ra tổn thương về tinh thần và tâm lý cho con người, ảnh hưởng đến quan hệ bình thường giữa người với người, phá hoại các hoạt động giao lưu trong xã hội, phải nói

rằng ngôn ngữ bị ô nhiễm cũng là một trong những cái hại chung của xã hội.

Nói tục biểu hiện rõ nhất là: nói nũng tục tằn, bẩn thỉu, chửi bới văng tục, ác khẩu hại người. “Chửi người” là lời nói không văn minh nhất, trước đây đã từng bị Lỗ Tấn chế giễu là “quốc mạ”. Trong bài “Nói về “mẹ kiếp”, ông viết: “Tôi kinh sợ về sự rộng lớn và tinh vi của “quốc mạ”: truy tận tổ tông, xuống đến chị em con cháu, và dụng cả giòng họ, thật là “như dòng sông vô tận vậy”. Song “quốc mạ” ngày nay lại phát triển ác tính, nếu Lỗ Tấn dưới suối vàng biết được, nghe thấy “quốc mạ” ngày nay thì có lẽ còn sững sốt, kinh ngạc vạn phần. Bởi vì “quốc mạ” ngày nay lại lan ra vô số người khác, ngoài chửi mẹ còn có thể chửi chị em, chửi chị chồng nàng dâu, chửi bà nội, chửi con cái, chửi cả con gái trong tộc họ, bất kể đã chết hay chưa sinh đều có thể chửi. Không chỉ có thể chửi nữ giới, mà cả nam giới cũng khó tránh khỏi và chửi đủ loại đủ kiểu, càng tục càng tốt, càng đau càng tốt, mà đã chửi thì phải dụng đến bộ phận sinh dục của phụ nữ.

Có kẻ nói hàm hồ rằng: “Chửi mẹ kiếp cho đã nghiệp, chửi có nhiều cái lợi: khi việc không vừa ý, chửi thấy dễ chịu; khi không gặp may, chửi có thể hả giận; khi gặp việc khó làm, chửi có thể cỗ vũ chí khí đấu tranh; khi có việc vui, chửi càng thêm vui”. Đó là luận điệu kỳ cục của kẻ chửi người, chửi có

nhiều cái lợi như thế, theo hăn ta, chửi người hình như có thể diễn đạt được tất cả buồn vui tức giận và là một nhu cầu trong cuộc sống. Ngược lại, nếu không chửi mới là khó hiểu. Có những tên gọi là “phái tạo phản của giai cấp vô sản” hễ mở miệng ra là văng tục, thô lỗ ngang ngược, chỉ thích nói kiểu hàng tôm hàng cá, ăn nói bạt mạng, dùng những từ bẩn thỉu, tục tĩu, thực là hèn hạ. Chúng tự xưng là “bố” là “ông” (nữ thì tự xưng là “bà”), chửi người ta là đồ chó đẻ, đồ thối tha, đồ gái đĩ, đồ chết tiệt, v.v... hoặc gọi xách mé là: đồ đầu trâu mặt ngựa, đồ ma quỷ, loài bò sát, con kỳ nhông, bia sống v.v...

Chúng ác khẩu như hung thần quỉ dữ, tỏ ra có nhuệ khí đấu tranh “cách mạng”, đầy căm thù đối địch, như nói: “Cha anh hùng, con hão hán, cha phản động, con đồ khốn nạn”, “quét sạch tất cả yêu ma quí quái”, “kiên quyết dẫu cho sụp đổ, dẫu cho thối ma, làm cho cá đời không ngóc đầu lên được”, “phải dẹp sạch bọn bay” v.v...

Trong mươi năm động loạn, có những thanh niên học đòi cái xấu, dùng từ ngữ sống sượng, bừa bãi, không có qui củ, phá hoại ngôn ngữ lành mạnh của tổ quốc.

Có chuyện rằng, có anh chàng dáp xe khách sang trọng của hàng không từ Tây An ra sân bay. Trên đường đi một cô gái đi xe đạp bỗng vượt qua đường, người lái xe phanh gấp mới không xảy ra tai nạn. Hành khách đều cảm thấy rất nguy hiểm,

khi chưa hoàn hồn đã nghe ông tài mở mồm chửi là: cái con quỉ thối, ông cho mày... cái con đĩ này suýt làm ông rách việc, tao là bố mày nhất định cho mày một trận. Người lái xe chửi một thoi một hồi, và phần nhiều liên quan đến bộ phận kín của phụ nữ, người nghe đều thấy xấu hổ. Mọi người nhìn nhau, nghĩ bụng: cái anh tài này sao mà thô lỗ thế? Ôi! đó là vấn đề tố chất của quốc dân, làm sao mà không xấu hổ, trước đám đông người mở miệng ra là chửi, thật là đáng sợ như lật nhào ô tô! Trên xe còn có cả khách nước ngoài, thật là xấu hổ cho người Trung Quốc!

Người ta nói, ở nước ngoài có người đã thu thập những lời chửi rủa lưu hành ở Trung Quốc thành một quyển sách, tất nhiên là có đến hàng vạn từ. Thu thập thành sách như vậy xuất phát từ động cơ gì? Thật khó đoán!

Những lời chửi rủa trong sách này chia làm bốn loại: một là có liên quan đến hành vi tình dục và bộ phận sinh dục, cái này không cần giải thích; hai là liên quan đến dòng họ tổ tiên, ông bà, con cháu v.v...; ba là liên quan đến nhân cách như miệt thị người tốt thành người xấu, coi là đồ súc vật, chửi họ là chó, gà, lừa, ngựa v.v..., bốn là mỉa mai đay nghiến những người bị khuyết tật bẩm sinh như gọi những người bị rụng tóc là hoà thượng, ông bình vôi trọc lốc, gọi đứa những người rõ mặt là "thằng mặt sàng", thằng mù, thằng thot, gọi

người béo lùn là cây nấm, gọi người cao gầy là cây sậy v.v...

Nói năng thô lỗ bẩn thỉu là một hành vi dã man, không xứng đáng với thời đại văn minh của thế kỷ mới ngày nay, cũng là vừa làm tổn hại đến quốc cách. Tính chất nguy hại của nó rất rõ ràng, sẽ gây ra nhiều hậu quả, ảnh hưởng đến đoàn kết ổn định xã hội, ảnh hưởng đến sự trưởng thành lành mạnh của thế hệ thanh thiếu niên.

5. TỔN THƯƠNG NGƯỜI CÒN HƠN TÊN ĐAO

Lời nói ác túc là ác thanh ác khí, lời nói mang ác ý, nói năng thô bạo gắt gỏng, mỉa mai đay nghiến người khác, làm cho người ta bị tổn thương. Có những người tà tâm, thường có dụng ý phi báng người khác, miệt thị người khác, bẩn tên ngầm, cố ý bịa đặt, những cái đó đều là lời nói ác hại người.

Trung Quốc có câu ngạn ngữ: "Một câu nói tốt ám ba mùa đông, lời nói hại người buốt lạnh sáu tháng". Cổ nhân còn nói: Tặng người một câu nói quý hơn vàng bạc châu báu; hại người một câu nói độc hơn tên dao giáo mác". Đủ biết lời nói độc ác hại người nguy hiểm biết chừng nào!

Có một thầy giáo dạy học hết sức nghiêm túc, hy vọng học sinh của ông đứa nào cũng học giỏi, nhưng do thiếu nhẫn nại trong công việc nhất là

không chú ý cách thức nói năng, đặc biệt là đối với học sinh làm bài kém, để lộ tâm tư chán ghét, kết quả là làm tổn thương tâm hồn của học sinh. Ở lớp có một học sinh tên là Vương Quốc Khanh, học toán kém nhất, khi làm bài tập thường sai nhiều chỗ. Thường thường trong giờ học thầy nêu em làm ví dụ phản diện nói: "Vương Quốc Khanh không chịu khó học tập, (oan uổng) ngay bài cực dễ cũng làm sai, thật là đồ dàn". Nói xong vứt quyền và làm bài tập toán về phía học sinh này, kết quả là làm cho học sinh cả lớp cười ồ! Sau khi bị sỉ vả lần này, Vương Quốc Khanh vô cùng xấu hổ, từ đó trốn học giờ toán, tránh mặt người thầy giáo này, cuối cùng Vương Quốc Khanh chuyển trường.

Nói ác sẽ gây hậu quả, đôi khi còn gây hậu quả nghiêm trọng, đánh nhau bị thương, đì kiện cáo nhau, hoặc hai nhà oán thù, cảnh giác lẫn nhau.

Tục ngữ có câu: "Đánh người không đánh mặt, mắng người không nêu chỗ yếu". Lại nói: "Người sợ tổn thương lòng, cây sợ tổn thương vỏ". Mà trong cuộc sống có loại người đầy lòng hiềm ác, chuyên vạch vết thương của người khác, chuyên chọc vào chỗ yếu của người, cố ý làm cho người không chịu đựng nổi. Những người như thế có thói xấu hại người, thực ra là biểu hiện của thiếu đạo đức.

Có chuyện nhà Trương và nhà Lý là láng

giêng, do thường xảy ra đôi co, nói ác hại nhau, dần dà thành ra đối địch, căm ghét nhau. Một hôm, người nhà Trương chỉ chó, mắng mèo, nói: Ác giả ác báo, thiện giả thiện báo, ai làm chuyện thất đức thì họ đoạn con tiệt chủng, không có ai kế nghiệp hương khói (vì nhà Lý chỉ có ba đứa con gái, rất khổ tâm không có con trai, lời nói đó chửi thẳng vào nhà Lý). Vì thế người nhà Lý cũng chẳng chịu thua, ăn miếng trả miếng, tìm cơ hội báo thù, nói cạnh nói khoé: Có đứa con căm cái vòi (ý nói bộ phận sinh dục con trai) có gì là ghê gớm. Ai chửi rủa người khác, nhất định trời không tha, trời cho con họ mắc bệnh đậu mùa rõ mặt, bị bại liệt thot chân, ra khỏi nhà bị xe cán chết..." thật là càng nói càng lạc điệu, một cặp đàn bà đanh đá, một cặp ác quỷ chửi nhau bằng lời độc ác để hại nhau, còn hơn tên dao.

Những chuyện "ác khẩu chết người" xảy ra trên đây là tài liệu phản diện cực tốt cho thấy ác mồm ác miệng không phải là một việc nhỏ, nó phá hoại quan hệ bình thường giữa người với người, phá hoại đoàn kết ổn định xã hội, thậm chí coi ác mồm ác miệng là "vũ khí giết người", hậu quả nghiêm trọng của nó thật rõ ràng, nhưng có nhiều người chưa từng nghĩ tới.

Chương VII

HÔN NHÂN

Vấn đề tình yêu hôn nhân nói đơn giản cũng đơn giản nhất, nói phức tạp cũng phức tạp nhất. Vấn đề tình yêu hôn nhân từ xưa đến nay có nhiều bi kịch. Điều người ta coi trọng khi chọn vợ chọn chồng không phải là tình cảm mà là gia thế, địa vị, quyền lực, tiền bạc, chủng tộc v.v... Hôn nhân là bức tường vây, người ngoài tường muốn chui vào, người trong tường muốn nhảy ra.

1. VỢ CHỒNG GƯƠNG ÉP CỘT CHẬT VỚI NHAU.

Bắt đầu từ xã hội chế độ nô lệ đã có hôn nhân trên ý nghĩa chân chính, nhưng trong xã hội phong kiến kéo dài mấy nghìn năm, chế độ hôn nhân của người Trung Quốc đều là hôn nhân bao biện làm thay. Hôn nhân tác thành theo kiểu cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy, là sản phẩm của xã hội phong

kiến, là một loại hôn nhân cưỡng bức. Trong xã hội phong kiến, hai bên nam nữ đương sự của hôn nhân đều không thể tự do lựa chọn bạn đời theo ý muốn của mình mà là do người thứ ba - chủ yếu là cha mẹ của hai bên (cha mẹ không còn thì anh cả) làm thay, hoàn toàn tước đoạt tất cả quyền lợi của hai bên nam nữ hôn nhân. Có thể thấy rằng, chế độ hôn nhân cưỡng bức làm thay đó tất nhiên sẽ đem đến bất hạnh và đau khổ cho hai bên nam nữ, một chế độ cực kỳ bất hợp lý, có thể nói là tàn nhẫn. Hơn nữa, chế độ đó từ thời Chu Tần vẫn tiếp tục kéo dài đến nay thật là chuyện quái gở.

Quan hệ giữa người và người trong xã hội phong kiến là quan hệ khép kín, lại chú trọng nam nữ thụ thụ bất thân, con gái lớn lên trở thành người lớn đa phần đều ở trong phòng khuê không bước chân ra khỏi nhà, không có thể nào gần gũi con trai, cha mẹ phụ huynh dành phải nhờ bà mối chọn vợ cho con trai, tìm chồng cho con gái. Bà mối chạy sang nhà đông, xuyên sang nhà tây, một mình gắn kết hai nhà đều dựa vào cái mồm nói ngon nói ngọt của bà. Khi cầu thân, cha mẹ hai bên nam nữ là chủ, chỉ cần họ gật đầu ưng thuận là xong, không cần hỏi ý kiến của đương sự hôn nhân. Có khi hôn sự của hai nhà đã định xong, vẫn giữ kín như bưng, đương sự không hề biết, đến khi hỉ sự đến gần mới đánh tiếng cho con, báo cho biết ngày nào thành hôn, những việc cần chú ý khi thành hôn, những phép tắc cần phải tuân theo

trong suốt cả quá trình. Tất cả những điều đó, đương sự hôn nhân đều phải vui vẻ phục tùng, coi đó là thiêng kinh địa nghĩa, là lẽ đương nhiên. Bởi vì không có lựa chọn nào khác, đành phải nghe theo số mệnh, cha mẹ hưởng mọi quyền lợi của việc làm thay hôn nhân cho con cái, và gánh gác nghĩa vụ trả mọi chi phí cho con cái thành hôn, kể cả lễ cưới và đồ trang sức.

Hôn nhân phong kiến làm thay đó thực tế là đem quyền hành của cha mẹ thay thế hạnh phúc của con cái. Không thể nói làm cha mẹ đều có ý làm hại con cái, nhưng trên hiệu quả thực tế khách quan lại thường là lòng tốt làm việc xấu. Theo quan điểm hôn nhân tiến bộ hiện đại, hôn nhân phải là sản phẩm của hai bên nam nữ hết lòng yêu nhau, cũng có nghĩa là hai bên nam nữ vì hấp dẫn nhau mà sinh ra tình cảm mến mộ nhau và do tâm đầu ý hợp, khó tách rời nhau mà cuối cùng lấy nhau xây dựng gia đình. Ăng-ghen khẳng định: “Hôn nhân không có tình yêu là vô đạo đức”.

Nói chung, mục đích của hôn nhân là để thoả mãn tình dục, sinh con đẻ cái, nối dõi tông đường, làm tốt sản xuất để được thu nhập, giải quyết vấn đề sinh hoạt vật chất của gia đình. Cho nên khi cha mẹ lựa chọn vợ chồng cho con cái chủ yếu đều chú ý vào các thứ lợi lộc mà gạt bỏ nhân tố tình cảm. Không những coi địa vị chính trị kinh tế của gia tộc đối phương là cực kỳ quan trọng, mà còn coi

điều kiện năng lực lao động, khu vực cư trú của đương sự hôn nhân còn quan trọng hơn cả diện mạo thể hình, phẩm chất và trí tuệ của con người đó.

Hôn nhân phong kiến làm thay tất nhiên sẽ làm cho nam nữ đương sự cảm thấy đau khổ và bất hạnh, do bản năng của nhân tính thô thiển, hàng nghìn năm nay cũng không ít thanh niên nam nữ đã đứng lên chống lại chế độ hôn nhân làm thay tàn tệ đó, sự phản kháng đó không chỉ là tự phát mà còn thân cô thế cô, xã hội không ủng hộ, gia trưởng càng đè nén, nên cuộc đấu tranh cá nhân đó rất ít khả năng thành công, cuối cùng bao giờ cũng kết thúc thất bại, hoặc đồng tình bỏ trốn, hoặc tự sát quyên sinh, hoặc họ hàng ruồng bỏ bức tử. Tóm lại kết cục đều bi thảm.

Ở đây xin kể câu chuyện:

Xưa nay đều có thanh niên nam nữ giảnh quyền tự chủ hôn nhân, nhưng đều không được đưa vào sử sách, để tránh “lưu truyền đồi phong bại tục”, vì vậy những chuyện giành quyền hôn nhân tự do đều bị mai một, nhưng cũng có ngoại lệ, đó là việc xảy ra vào những năm Càn Long, nhờ có nhà thơ, học giả lớn Viên Mai đồng tình và tuyên truyền mới được lưu truyền và gây chấn động một thời.

Năm Càn Long nhà Thanh, ở Nhân Hoà Triết

Giang (nay là Hàng Châu) có một cô gái họ Cao lảng giêng với chàng trai họ Hà, hai người thầm yêu nhau. Nhưng cha mẹ cô gái kiên quyết không đồng ý. Cô gái không chịu. Một hôm, cô hẹn người yêu nói rõ tình hình của gia đình cô, hai người bàn bạc quyết định, trước hết tranh thủ cha mẹ cho phép, nếu không được lấy nhau thì lấy cái chết để thể hiện tình yêu chung thuỷ. Sau khi hai bên gia đình biết được tình hình không những không cho họ thành hôn mà còn chỉ trích hai người vượt lề. Cuối cùng đôi tình yêu trai trẻ đó không có cách nào khác, cả hai đều tự sát. Hai bên gia đình đều xấu hổ căm giận, không chôn cất thi hài của họ.

Bí kịch kiều Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài này vẫn thường xảy ra trong đời thường. Sau khi huyện lệnh địa phương đó biết được, đã chủ động bỏ tiền ra chôn cất chung đôi nam nữ đó. Không chỉ có thế, ông huyện lệnh này còn công khai kêu gọi các nữ sĩ toàn thành làm thơ vịnh đôi nam nữ chết vì tình này. Nữ đệ tử của Viên Mai là Tôn Văn Hạc làm thơ ca ngợi cả đôi tình nhân lẫn ông huyện lệnh kia. Còn Viên Mai thì lưu truyền các bài thơ của Tôn Văn Hạc. Ông huyện lệnh này có thể đứng ra chống lại hôn nhân phong kiến lúc bấy giờ thật đáng quý, vì vậy đã gây chấn động mạnh trong xã hội, đánh một đòn nặng vào chế độ hôn nhân phong kiến lúc bấy giờ. Nhưng tình hình chung, vào thời kỳ Minh Thanh, những người như thế, sự việc như thế vẫn còn rất hiếm hoi.

Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài, Ngưu Lang Chúc Nữ, Bạch Xà Nương và nàng Mạnh Khương - các tác phẩm đó, bằng các hình thức khác nhau, đã vạch trần sự đe nén của chính quyền (như nàng Mạnh Khương), của thần quyền (như Ngưu Lang - Chúc Nữ, Bạch Xà nương) và gia trưởng (như Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài) đối với hôn nhân tự chủ.

Trong dân ca thời kỳ Minh Thanh có rất nhiều thơ ca thể hiện hình ảnh nam nữ thanh niên mạnh dạn tìm tự chủ hôn nhân, tự do yêu đương. Những năm cuối đời Thanh, từng có những chuyện bi thảm như thế này:

Ở miền Nam một vùng núi nọ, có một đôi nam nữ thầm yêu nhau. Tình yêu của họ ngày càng bùng cháy, hai người thể sống chết ở bên nhau. Họ biết theo tục lệ dân tộc là không thể nào tự chủ hôn nhân, cũng không dám nói thẳng với cha mẹ. Một hôm, việc hẹn hò của họ bị phát hiện. Cha mẹ quản cô gái rất chặt, không cho cô một mình lên núi. Về sau, bên nữ nhân lúc cha mẹ lơi lỏng quản lý, lén lút chạy ra ngoài. Vừa hay tìm được bên nam. Hai người gặp nhau khóc nức nở! Sau đó hai người quyết định cùng nhau bỏ nhà trốn đi nơi khác. Vào thời đó, một đôi nam nữ thanh niên bỏ nhà ra đi rất khó sống yên thân. Họ muốn trở về nhà nhưng không dám, dành lang thang kiếm sống. Cuối cùng thì bị lộ và bị người trong họ bắt

trói mang về. Sau đó, theo tục lệ dân tộc họ bị tội “bỏ trốn” và bị buộc đá vào sau lưng, ném xuống ao, coi đó là sự trừng phạt.

Chủ nghĩa chuyên chế phong kiến và hôn nhân phong kiến làm thay, không biết đã giết bao nhiêu thanh niên nam nữ vô tội. Mặc dù đến nay đã được “Luật hôn nhân” bảo hộ, chuyện làm thay hôn nhân đã giảm đi rất nhiều, nhưng ở những vùng lạc hậu hẻo lánh “núi cao, hoàng đế ở xa” những chuyện tương tự vẫn phát sinh. “Luật hôn nhân” ban hành đã mấy chục năm vẫn chưa được thực hiện toàn bộ. Ý thức phong kiến có truyền thống lâu đời sâu sắc vẫn tồn tại trong đáy sâu tư tưởng và cách làm theo thói quen của một số gia trưởng, vẫn làm tổn thương nghiêm trọng đến con cái, vẫn làm cho người ta cảm thấy kinh hồn khiếp vía. Ở đây cho phép tôi dẫn câu chuyện của nhà văn Lương Hiếu Thanh kể trong tập tuỳ bút của ông đã từng làm cảm động diễn viên và nhà văn Chu Thời Mậu và Châu Yến Tường.

“Một năm trước đại cách mạng văn hoá (1965) có một thiếu nữ nông thôn thầm yêu một diễn viên của đoàn kịch huyện. Một lần, cô xem anh biểu diễn, sau khi anh hoá trang, cô lén dẫu đôi hài của anh, tất nhiên điều đó đã làm cho chàng diễn viên không hài lòng. Cha mẹ cô ta hỏi vì sao cô ta làm như vậy? Cô trả lời là cô đã yêu anh, và sau này không lấy ai ngoài anh ta. Lúc đó

cô mới mười sáu tuổi.

Sau đó, đoàn kịch huyen lại đi biểu diễn ở một nơi gần đó, cha cô ta bèn trói chặt chân tay cô, nhốt cô vào trong nhà kho. Cô cứa đứt dây thừng, đạp gãy song cửa, hai chân đứt chạy mười mấy cây số xem anh biểu diễn. Hành động đó của cô làm bà thím cô cảm động. Bà tìm một cơ hội dẫn cô gái này đi gặp chàng diễn viên kia. Cô ta nồng nặc xin anh tấm ảnh. Lúc đó không có tấm ảnh tặng cô, chỉ tặng một tờ áp phích quảng cáo buổi biểu diễn vẽ thô sơ và ký tên anh. Người diễn viên này 26 tuổi, là cột trụ của đoàn kịch. Trong con mắt anh ta, cô chẳng qua là một cô bé tình cảm xốc nỗi, không nằm trong trái tim anh.

Trong đại cách mạng văn hóa, diễn viên nam này bị dẫn đi ngoài đường đầu tố. Có một lần anh bị dẫn và đấu tố qua thôn của cô. Cô muốn cứu anh. Cô xông vào đám đông, giằng xé, cầu cắn những người dẫn anh ta đi đấu tố. Kết quả ngược lại, anh ta bị nhốt vào chuồng bò.

Một đêm, cô ta lén chạy lên huyen thăm anh nhưng không gặp được. Trùm “phái tạo phản” canh giữ người diễn viên này tất nhiên không cho họ gặp nhau. Nhưng hắn gạ cô rằng: Nếu cô chịu gửi thân cho hắn một lần thì hắn sẽ tìm cách “giải phóng” sớm người mà cô yêu. Cô tưởng thật, đêm ấy trao thân cho hắn. Nhiều lần như thế. Tất cả cái giá hy sinh đó, anh không hề hay biết.

Thẩm thoát hơn mười năm trôi qua. Sau “cách mạng văn hoá” người mà cô yêu đã trở thành đoàn trưởng đoàn kịch huyên. Một lần, anh ta dẫn đoàn đến thôn đó biểu diễn, trong thôn có người đã cho anh ta biết cảnh ngộ bất hạnh của cô ta. Anh rất đỗi kinh hoàng và truy hỏi hoàn cảnh của cô. Nhưng bố mẹ cô đã chết, bà thím cũng không còn. Người trong thôn chỉ biết cô ấy bị gả đi xa tận An Huy lấy một thằng ngơ ngẩn. Lúc đó người đoàn trưởng này đang chuẩn bị kết hôn, người yêu là một cô gái trẻ xinh đẹp. Thế là anh bỏ tất, quyết tâm đi tìm người xưa.

Trước sau hơn 10 lần anh đến An Huy. Anh đích thân lái chiếc xe gíp đi tìm cô ta, với quyết tâm phải mang cô ta đi, mang lại hạnh phúc cho nửa đời còn lại của cô ta. Nhưng cô đã trốn khỏi nhà, không muốn gặp anh, sợ làm tan nát trái tim anh.

Đến nhà cô ta, anh ta chỉ thấy ông chồng ngớ ngẩn của cô và hai cô con gái cù lần vì đẻ sinh đôi. Ba người ngớ ngẩn dựa vào một mình cô. Cảnh nghèo, ai cũng có thể tưởng tượng được. Ở đây anh còn thấy một vật y nguyên - tấm áp phích mà anh ký tên tặng cô năm xưa, bọc tấm nilon mỏng đặt trong khung ảnh ghép bằng mấy miếng ván thô, treo trên tường đất xiêu vẹo.

Anh đau khổ rời nhà cô ta. Được nửa đường thì xe anh lún xuống vũng nước. Rất may, anh

được một phụ nữ hái củi giúp sức bằng cách lặng lẽ lấy bó củi của mình chèn vào bánh xe. Người phụ nữ áy chính là cô thiếu nữ yêu say đắm anh ngày xưa. Tất nhiên, anh không nhận ra cô, nhưng cô thì biết, có điều cô không hé một lời. Anh ta áy náy, đưa cô một trăm đồng gọi là cảm ơn, nhưng cô không nhận. Cô chỉ cúi rạp mình chào anh, vác bó củi xiêu vẹo bước đi..."

Người đời biết được tình hình gặp nhau giữa họ trên đây là nhờ phóng viên chia nhau đi phỏng vấn hai bên. "Hội phụ nữ địa phương đó có ý tác thành họ với nhau. Cô nói: Hai con tôi làm thế nào? Tôi vứt bỏ chúng nó, chúng nó sẽ suốt đời đau khổ và không thể sống nổi.

Anh ta viết thư cho cô, bày tỏ sẵn sàng gánh vác trách nhiệm làm cha của hai đứa bé.

Cô đã nhờ Hội phụ nữ địa phương nhắn cho anh biết: Anh mới 50 tuổi, vẫn kịp xây dựng lại một gia đình hạnh phúc. Lấy một người đàn bà như cô anh không thể có hạnh phúc. Làm như vậy, thật không công bằng đối với anh. Cô biết rõ anh không thể quên cô... Cô mong anh tha thứ...

2. PHỤ NỮ BỊ MUA BÁN NHƯ TRÂU NGỰA.

Người Trung Quốc xưa gọi con gái là "phi"; chữ "phi" lấy nghĩa từ "bạch thắt" (tấm vải lụa),

gọi vợ là “thảng”, nghĩa của chữ thảng là “nơi cất giấu tiền, vàng”. Nghĩa của những chữ đó đều có ý coi dàn bà con gái là hàng hoá. Hôn nhân mua bán đầu tiên không phân biệt thê thiếp, đến đời Chu bắt đầu chia ra, người cưới hỏi là thê, người mua bán là thiếp. Thiếp có thể bán công khai. Các đời Đường, Tống, Minh, Thanh về mặt luật pháp có văn bản qui định về hôn nhân mua bán, do đó có thể thấy hôn nhân mua bán đã tồn tại lâu đời trong lịch sử Trung Quốc.

Đặc trưng của hôn nhân mua bán là lấy việc bòn rút của cải làm mục đích, coi phụ nữ như hàng hoá. Tính chất của nó là hôn nhân do người khác làm thay cưỡng ép tạo ra, đã tước đoạt quyền tự chủ và quyền nhân cách của người bị đem bán, phản ánh chế độ phong kiến trọng nam khinh nữ và quan niệm phép tắc gia tộc trên vấn đề hôn nhân.

Luật hôn nhân của nước Trung Quốc mới có qui định: Cấm chỉ hôn nhân mua bán, cấm chỉ mượn danh nghĩa hôn nhân để bòn rút của cải.

Cái trước là hình thức mua bán trắng trợn, như nêu giá bán một người con gái là bao nhiêu tiền. Cái sau về hình thức đỡ trắng trợn hơn, nhằm mục đích bòn rút của cải đối phương, chẳng hạn như lẽ ăn hỏi bao nhiêu tiền, quần áo, đồ trang sức, dụng cụ gia đình v.v... đó làm điều kiện kết hôn, là thương phẩm hoá hôn nhân tình yêu,

những cô gái như thế được gọi là “cô gái cao giá”. Có người còn đòi giá rất cao, nhà cửa, tiền gửi ngân hàng, phải đạt qui cách, số lượng như thế nào, thực ra vẫn là hôn nhân mua bán biến tướng.

Hôn nhân mua bán biến tướng, hoặc hôn nhân có khuynh hướng thương phẩm hoá thì tình hình tương đối phức tạp. Như có cô gái về cơ bản là tự chủ tự nguyện đổi với hôn nhân của mình, nhưng bòn rút của cải đổi phương tương đối nhiều, lấy đó làm điều kiện kết hôn. Còn đổi phương cũng xuất phát từ tình yêu, đồng ý chi trả theo yêu cầu, thì chẳng khác nào Chu Du đánh Hoàng Cái, một bên muốn đánh, một bên muốn bị đánh, không thuộc về hành vi phạm pháp mà thuộc về vấn đề nhân cách đạo đức.

Hiện tượng kết hôn đòi thách cưới đến nay vẫn thấy nhiều. Ở một số vùng nghèo, để lấy được vợ, phải kiếm tiền bao nhiêu năm vất vả, gop nhặt dần mới có một món tiền nhất định, vì có tập quán nhà gái thách cưới quá cao. Cha mẹ nhà gái coi việc thách cưới nhà trai là đương nhiên. Còn về phía nam giới, cảm thấy tốn bao nhiêu tiền mới lấy được vợ, trong chiêu sâu tư tưởng sê nẩy ra ý nghĩ “vợ mua bằng tiền”, thì coi thường, khinh rẻ, sai khiến đổi phương, thậm chí đánh chửi. Dân gian có câu ngạn ngữ: “Vợ mua về như con trâu ngựa, muốn cưới thì cưới, muốn đánh thì đánh”. Như vậy thì còn nói gì đến vợ chồng bình đẳng. Phía nữ

cũng tự cho rằng lấy tiền của người ta, ăn xôi chùa ngọng họng, khi bị khinh rẻ hoặc ngược đãi cũng ngậm đắng nuốt cay, không dám nói thẳng với chồng. Cho nên quan hệ vợ chồng trong gia đình Trung Quốc, phần lớn là trọng nam khinh nữ, chồng là chủ cả nhà, có quyền thống trị, vợ thường ở địa vị phụ thuộc, trong đó ảnh hưởng của nhân tố kinh tế là một trong những bối cảnh.

Hôn nhân mua bán là hôn nhân bi thảm bất hạnh hơn hôn nhân làm thay do cha mẹ sắp đặt, phía nữ bị đem bán, bị vật hoá, trở thành một thứ hàng hoá, không những bị tước đoạt quyền tự chủ hôn nhân, mà còn mất nhân cách độc lập, thường rơi vào địa vị nô lệ trong gia đình, vợ là một công cụ sống, ban ngày lao động phục dịch việc nhà, ban đêm thoả mãn tình dục, khi không nghe lời thì bị chửi mắng đánh đập, người đàn ông có quyền cai trị, sử dụng như đối với bất cứ vật gì mua về, căn bản không có nhân tố tình cảm giữa hai giới tính, không có chút tình yêu, rõ ràng loại hôn nhân này là vô đạo đức nhất.

Ở Trung Quốc thời cổ đại đã có hiện tượng mua bán phụ nữ. Có những tầng lớp quý tộc, những người có quyền thế hoặc của cải thường thường công khai mua nhiều cô gái trẻ, ít thì mấy chục, nhiều thì hàng trăm hàng nghìn, sau khi mua về thì dùng làm nô tì, ai có nhan sắc thì làm thiếp, dùng làm đồ chơi hưởng lạc của bọn quyền quý.

Khi không dùng thì có thể bán lại hoặc chuyển cho người khác, có thể tùy ý xử sự như một con súc vật. Người con gái mua về là một loại gia sản có thể cầm đợ hoặc đi đánh bạc.

Ở xã hội phong kiến, gia trưởng là người cai trị mọi thành viên trong gia đình, có quyền vô hạn có thể cha bán con, chồng bán vợ, ông bán con dâu, thậm chí anh cả bán em. Khi mua bán thì định giá theo tuổi tác, thể cách, diện mạo, tài năng của người con gái. Nói chung trên mươi tuổi được giá nhất, có mặt mày sáng sủa xinh đẹp càng được chủ mua coi trọng.

Theo sử liệu ghi chép: giá của một cô gái có thể tương đương với giá một con ngựa và một súc lụa. Người có diện mạo rất đẹp thì cao hơn nhiều.

Những cô gái ít tuổi mà tài sắc tuyệt vời thì được giá nhất, đôi khi có nhiều người cùng nhắm trúng một cô thì tranh nhau đẩy giá lên, có khi đến vạn tiền.

Hiện tượng tội ác của hôn nhân mua bán luôn luôn tồn tại, cổ đại có, hiện đại cũng có, Trung Quốc có, nước ngoài cũng có. Dũng nghĩ rằng, thế giới bước vào thời kỳ văn minh, hôn nhân mua bán sẽ giảm đi rất nhiều, không, mà ngược lại ngày một thậm tệ hơn, dù anh có tin hay không.

Ở xã hội tư bản, tất cả đều bị thương phẩm hóa, tất nhiên hôn nhân cũng mang dấu ấn đó.

Hôn nhân mua bán về hình thức có thể không biểu hiện tráng trọng như thế, nhưng những người có tiền cậy ưu thế của họ có thể “mua được” những cô gái mà họ thích nhất. Nhiều cô gái không chịu đựng được sự cám dỗ của đồng tiền cũng tự đâm mình vào lưới, bán rẻ mình một cách biến tướng.

Trung Quốc đã có văn bản qui định về mặt luật pháp cấm hôn nhân mua bán. Mua bán người càng là hành vi phạm pháp. Trung Quốc là nước thường xuyên tấn công vào tội phạm lừa gạt mua bán phụ nữ, nhưng cho đến nay hiện tượng này vẫn chưa bị diệt tận gốc.

Trước hết hãy xem mấy con số: theo ngành công an hữu quan tiết lộ, từ năm 1983 trở đi, trong 5 năm có 42.245 phụ nữ các nơi khác đến các huyện Từ Châu, tỉnh Giang Tô. Sáu huyện thuộc thành phố Từ Châu như huyện Đông Sơn, huyện Bái... trung bình một huyện có 7.000 người, trong đó có khoảng 12.000 phụ nữ bị lừa phỉnh, bán đến đất này làm vợ.

Tháng 6 năm 1988, “Hà Nam nhật báo”, “Trịnh Châu văn báo” lần lượt đưa tin một nữ nghiên cứu sinh trường đại học X Thượng Hải bị đem bán làm chấn động cả nước. Lưu Diêm, một con buôn phụ nữ đem bán cô ta cho nông dân Cung Thành Ân ở thôn Cung Trang huyện Quân Thành Sơn Đông làm vợ. Tôi hôm đó, cô nghiên cứu sinh 24 tuổi van lơn cầu xin thả cô ra, sau khi trả về cô

sẽ trả gấp đôi số tiền mua cô ta. Nhưng anh chàng độc thân Cung Thành Ân 30 tuổi này không dễ gì kiếm được cô vợ như hoa, như ngọc này, cho nên có đem núi vàng núi bạc, anh ta cũng chẳng đổi. Đêm hôm đó anh ta, cưỡng dâm thô bạo cô ta, từ đó càng quắn cô rất chặt, đêm nào cũng hành hạ cô cho đáng đồng tiền bát gạo ra mua cô. 71 ngày đầm đìa nước mắt, cô nghiên cứu sinh này trải qua địa ngục trần gian, sau đó mới được cơ quan công an cứu thoát.

Hôn nhân mua bán đáng sợ như thế đó! Sau khi bán cho người ta thì có thể mặc cho người ta chà đạp, lăng nhục, ngược đãi. Mọi quyền của con người đều bị tước đoạt sạch, quả thực không bằng con vật.

3. SỐ PHÂN VỢ BÉ BIỆT BAO THÊ THÀM.

“Thiếp” ở thời cổ đại Trung Quốc là chỉ người con gái mà người đàn ông được lấy ngoài vợ chính, thiếp còn gọi là trác thất, thiên phòng, tiểu thê, phó thê, tục gọi là “vợ bé”. “Chế độ thiếp” ở Trung Quốc có từ xa xưa. Thời Chu đã có phân biệt thê thiếp, đó là hình thức biểu hiện cụ thể của chế độ hôn nhân một chồng nhiều vợ.

Chế độ thiếp bắt nguồn từ thời đại cướp đoạt hôn nhân, cướp đoạt con gái ngoại tộc làm vợ, biến thành thiếp. Trong giáp cốt văn đã từng có chữ nô

thiép. Trong “Chu dịch” có thuyết “đắc thiép dĩ kỳ tử” (lấy thiép để kiếm con trai). Ở thời Chu, thiép được chỉ rộng ra là trắc thất, phó thất, thiên phòng v.v... ngoài vợ chính, địa vị của thiép thấp, không thể nào so sánh với chính thê.

Đến thời Chiến Quốc, kẻ giàu có trong đám thứ dân coi việc lấy thiép làm vinh. Đời sau, đế vương, khanh tướng đều lấy thiép.

Tân cung lấy thiép. Hán kế thừa chế độ Tần, vợ gọi là Hoàng hậu, thiép đều gọi là phu nhân. Đầu đời Nguy dưới hoàng hậu có 5 cấp tước, đều có thể lấy thiép. Đầu đời Tuỳ, theo chế độ cũ, Dạng đế hiếu sắc cung phi nhiều vô kể, cũng có nghĩa là có vô số thiép. Cung phi đầu nhà Đường có đến 6.000 người. Đời Tống đại khái giống Đường.

Từ Minh cho đến Thanh, đế vương đều có thiép, hình như có thê thiép càng nhiều càng tốt. Vào đời Đường, Hoàng hậu là chính thê của Hoàng đế, ngoài ra có quý phi, thực phi, đức phi, hiền phi là phu nhân. Có 9 cung tần là chiêu nghi, chiêu dung, chiêu viên v.v..., 27 thê phụ gồm tiệp dư, mỹ nhân, tài nhân mỗi loại 9 người, 81 ngự thiép gồm báu lâm, ngự nữ, thái nữ mỗi loại 27 người. Trên thực tế ngoài Hoàng hậu ra, danh phận các loại khác đều là tính chất của thiép. Như vậy thiép có đến 121 người.

Thời kỳ Đường Huyền Tông, có khoảng bốn

vạn nữ hậu cung. Vào tiết xuân thu, Đường Huyền Tông ra lệnh cho các nữ hậu cung trồng hoa trước cửa, Huyền Tông đi theo con bướm, bướm đậu trước cửa cung nữ nào thì ông vào ngủ nơi đó. Do cung nữ quá nhiều, Huyền Tông không tài nào nhớ nổi cung nữ nào đã ngủ với ông, vì vậy mỗi lần ông vào cung nữ nào, ông làm dấu “phong nguyệt thường tân” không dễ phai màu trên cánh tay cung nữ ấy. Đường Huyền Tông dùng mũi tên phong lưu để quyết định cung nữ nào vào hầu, chỉ cần dùng tên giây bắn trúng thì người đó hầu vua. Tất nhiên những ngày Hoàng đế chung sống với Hoàng hậu và phu nhân trong hậu cung nhiều hơn, nhất là sau khi Hoàng đế yêu quý một cung tần nào thì đa số hậu phi chỉ nằm không. Đường Thái Tông sủng ái Võ Tắc Thiên, Đường Huyền Tông yêu quý Dương Quý Phi khiến bao hậu phi, cung nữ bị ghê lạnh, không ít cung nữ đến chết cũng chưa được thấy mặt vua một lần., Các triều đại trong lịch sử Trung Quốc đều có chế độ thiếp. Đế Vương, khanh tướng, các loại quý tộc đều có thiếp, và có giới hạn do chức quan cao thấp. Như đời Minh, thân vương một lần có thể được 10 thiếp, Quận Vương Thế Tử được 4 thiếp. Con đích 25 tuổi không có con cho chọn 2 người, con đích 35 tuổi mà thiếp đều không có con cho lấy đủ 4 người. Mức định cho các tướng quân là ba thiếp, trung úy hai thiếp. Thủ dân trên tuổi 40 mà chưa có con cho phép chọn 1 thiếp. Do đó có thể thấy, chế độ thiếp là biểu hiện nổi bật sự

cách biệt giai cấp và nam nữ bất bình đẳng trong xã hội giai cấp, cũng là phản ánh nổi bật của tệ trọng nam khinh nữ.

Năm 1950, “Luật hôn nhân” của Trung Quốc được công bố. Năm 1980, hội nghị lần thứ ba Quốc hội khoá 5 thông qua “Luật hôn nhân” sửa đổi, thi hành chế độ một vợ một chồng. Từ đó trở đi việc lấy thiếp bị coi là hành vi phạm pháp.

Nhưng hành vi bất lương lấy thiếp trong xã hội cũ đã chết đi sống lại, ở nơi nào đó, trong số người nào đó, hành vi lấy thiếp đã xuất hiện hoặc công khai hoặc ngầm ngầm. Cuốn sách “Tính cách bi kịch” (thiếp ở Trung Quốc những năm 80) của Lỗ Oa, xuất bản năm 1988, đã đưa tin khá tường tận hiện trạng xã hội đó.

“Thiếp” là một loại “bệnh Trung Quốc”, và là một thói hư cũ, cái tật cũ mấy nghìn năm trâm kha, có người nói cái bệnh này như mĩ nữ yêu tinh, rất, cám dỗ con người, thật khó chữa trị; chỉ có nhò nâng cao tố chất, nâng cao thế giới tinh thần của con người, có sự điều chỉnh thích đáng, chữa trị tổng hợp, có lẽ mới có hiệu quả. Hiện tượng “vợ bé” dưới ngòi bút của Lỗ Oa, có người gọi nó là kết quả tác động của kinh tế hàng hoá sau khi cải cách mở cửa hiện nay đối với quan niệm đạo đức truyền thống, cũng có người coi nó là câu chuyện ngày xưa kiều Tây Môn Khánh và Phạm Kim Liên trong quan hệ kinh tế phong kiến được

diễn lại ngày nay. Do quan niệm tư tưởng của người ta cũng đã hiện đại hoá, nên cảm thấy khó dùng quan niệm, chủ nghĩa gì để định tính hiện tượng xã hội quái gở này. Nói ra cũng kỳ lạ, nhiều việc trên trần gian này đều ở trong trạng thái, trong “cái đúng” có “cái sai”, trong “cái sai” lại có “cái đúng”, khó ngăn cấm, càng khó trị tận gốc.

Hiện tượng “thiếp” phản ánh trong sách của Lỗ Ông không phải ở góc nhìn rộng, không phải có tính toàn quốc mà chỉ là ở một khu vực “Ôn châu” Triết Giang, nhưng “mượn một chấm khoang để nhìn toàn da báo”, cũng có thể coi là hình ảnh thu nhỏ của đất nước Trung Quốc ngày nay.

Ôn Châu Triết Giang bắt đầu thay đổi từ những năm 80 sau cải cách mở cửa, từ nghèo lên giàu, được vinh dự là cơ sở của mười hàng hoá lớn, có đại quân cung tiêu mười vạn nổi tiếng toàn quốc, ngày càng nhiều người có hẫu bao cộm lèn, ngày càng nhiều biệt thự lâu cao, “người Ôn Châu” khôn ngoan giỏi giang, bốn phương ngưỡng mộ, người Ôn Châu rung đùi vuốt râu.

Người ta có quá nhiều tiền là việc tốt cũng là việc xấu. Nói nó là việc xấu là để nói “phú dục sinh dâm dục” mang đến “tai nạn hôn nhân” cho người Ôn Châu.

Liễu Trấn là một thị trấn ở một khu rất nhỏ của một huyện thuộc thành phố Ôn Châu, chỉ

trong hai tháng ngắn ngủi đã xảy ra trên 60 đôi phạm tội trùng hôn, đó là chưa kể những vụ toà án vừa thụ lý chưa kịp lập án và không muộn khởi tố, rõ ràng con số đó còn nhiều hơn. Vấn đề nghiêm trọng là nó không chỉ ở Liêу Trấn mà còn mở rộng ra cả thành phố Ôn Châu và các huyện trực thuộc cũng đều như vậy, có thể tưởng tượng được số lượng nhiều như thế nào. Việc lấy thiếp đã trở thành luồng gió càng thổi càng mạnh, cả Ôn Châu đã xuất hiện một quần thể trùng hôn khổng lồ.

Có một nhân viên cung tiêu xây nhà mới như biệt thự, vườn hoa, tiêu tiền như nước chảy, chỉ hiềm một nỗi là bà vợ cũ khó coi, đã lén lấy một vợ bé là một cô nữ sinh trung học, mười tám mười chín tuổi xinh đẹp gọi cảm, vì thế thiếp cùng ở một nhà, cách nhau chỉ bức tường. Cô vợ bé đeo dây chuyền vàng, hoa tai ngọc, mặc váy đồ thời trang, đi tất móng màu da ôm cái đùi đầy đặn, đi giày cao gót càng làm cho đôi chân ngọc của cô thêm xinh đẹp, anh ta nói, chỉ nhìn cô ta đã thấy sướng rồi, chưa nói đến ngủ chung. Anh ta chiều cô ta hết ý, cho cô tha hồ tiêu tiền, cuối cùng bà cả đánh ghen cãi nhau, vì thế anh ta bị gọi ra đồn công an...

Có cô gái tên là Bạch Quyên Quyên, da trắng nõn nà, mới 20 tuổi - "Tây Thi" của một thành phố nhỏ ở thảo nguyên Nội Mông. Cô đi làm phục vụ viên ở cửa hàng cơm nhỏ. Để đáp ứng nhu cầu của

khách đi tàu, cửa hàng ăn nhỏ này thường mở cửa hàng vào buổi tối.

Tối hôm đó, vừa đúng Quyên Quyên bán hàng. Có một người đàn ông lạ xuất hiện, nhác trông đã biết là người miền Nam. "Xin lỗi, tôi chưa ăn cơm, ở đây còn cơm ăn không?". Anh tỏ ra rất lễ phép, chiếm được cảm tình của Bạch Quyên Quyên. Thế là họ quen nhau. Ăn cơm xong, anh đưa cho cô ta một danh thiếp, trên đó in: "Hoàng Hải Thanh, phó giám đốc nhà máy điện khí ngũ kim Đại Hưng - Ôn Châu tỉnh Triết giang". Anh nói với cô: "Sau này còn phiền nhiều đến cô, mong được chiếu cố" và hỏi họ tên của cô, không quên cảm ơn. Cô xưng với anh tên là Bạch Quyên Quyên.

Sau đó, họ rất năng viết thư cho nhau. Anh viết: "Anh đã về đến quê nhà, nhưng trái tim anh vẫn ở lại U-lan-hốt..." Cô hồi âm: "Trái tim anh ở lại U-lan-hốt, trái tim em lại đi theo anh, mong anh giữ gìn nó cho tốt, đừng để nó lạc trong sương mù dày đặc ở Giang Nam".

Một lần, hai người hẹn nhau đi chơi và nghỉ lại ở một khách sạn tại Cáp Nhĩ Tân. Nửa đêm, cô thảng thốt thấy có người hôn mình. Thì ra là anh! Cô vui mừng hỏi: "Anh làm thế nào mà vào được đây?" Anh đáp: "Có lẽ nào em không mong anh đến cùng âu yếm với em?" Cô nguyệt yêu một cái, gọi là cho phép. Thế là anh mạnh dạn vuốt ve toàn thân

cô. Sau khi mây tan mưa tạnh, Bạch Quyên Quyên hỏi anh: "Em đã là người của anh rồi, từ nay về sau anh tính sao?" Nửa đùa nửa thật, Hoàng Hải Thanh nói với cô: "Anh đã có vợ, có con, nếu em thật yêu anh, anh có thể lấy em làm thiếp". Không ngờ cô lại đồng ý ngay: "Em yêu anh. Không kỳ kèo danh phận, bất kể anh có vợ lớn vợ bé, em cũng cam lòng..."

Hai tháng sau, Hoàng Hải Thanh mang cô vợ bé xinh đẹp này về Liễu Trấn. Và Bao Tiếu Hồng, người vợ "hiền từ lương thiện" của anh nghiêm nhiên chấp nhận Bạch Quyên Quyên. Hoàng Hải Thanh đắc ý sống cuộc đời thê nam, thiếp bắc. Cha mẹ Bạch Quyên Quyên cũng không biết con gái mình đi làm lẽ.

Những người lấy vợ lè phần lớn là những hộ giàu nhanh trong cao trào kinh tế, có người vốn là nông dân nghèo khổ, nhưng một khi đã có quá nhiều tiền thì sinh ra ăn chơi trác táng, chẳng kiêng né ai.

Tạp chí "Gia đình" số 1 năm 1992, đăng bài "Tây Môn Khánh ngày nay" của Chu Văn Thiệu và Hoàng Thường Thăng, kể lại hành động bỉ ổi của tên thầu khoán Giang Ký Minh lấy vợ lè và chơi gái. Tên thầu khoán không có văn hoá, mặt mày xấu xí này có thể chơi bời, bất chấp luật pháp, đạo đức, sống dâm đãng, cũng là một chuyện kỳ quái. Y là người huyện Hoa, thành phố Quảng Châu. Từ

năm 1982 đến tháng 7 năm 1988, y đã lần lượt sống chung với 6 cô thanh nữ dưới danh nghĩa “vợ chồng”. Kể cả bà trước, hắn ta có tất cả một thê sáu thiếp, sinh 8 nam, 4 nữ. Trong sách “Kim Bình Mai” ngay như đại quan Tây Môn Khánh cũng mới có một thê năm thiếp và chỉ có 1 trai 1 gái, thế mà ngày nay, Giang Ký Minh lại vượt qua cả Tây Môn Khánh. Thật là chuyện quái gở lạ đời.

“Giang Ký Minh” Quảng Đông đâu chỉ là một hai người! Trong sách “Nhận xét người Quảng Đông” của Trương Vinh và một số tác giả khác viết: Người Quảng Đông chơi khắp thiên hạ chẳng sợ cái gì, không tiếc tiêu tiền cho “gái”. Người Quảng Đông giàu có, cởi mở, hiếu sắc. Họ cho rằng: Chơi tiền và chơi gái là nghĩa cử của dũng mày râu, do đó đánh bạc và chơi gái rất nhiều. Lấy vợ lẽ đã bị bãi bỏ từ ngày đầu giải phóng Trung Quốc, nhưng ở Quảng Đông lấy “vợ lẽ” trở thành việc bình thường. Rất nhiều ông kinh xù, ông chủ kinh doanh có nhiều thê thiếp. Nếu bạn cảm thấy đó là điều kỳ quái thì họ cho bạn là ông già “Khốt-ta-bit”.

Thật vậy, người Quảng Đông có quan niệm như vậy. Họ cho rằng “lấy vợ lẽ” là lẽ đời đã định, là điều đương nhiên.

Hiện tượng lấy vợ lẽ e rằng đã lan khắp cả nước, lại thêm luật pháp hiện hành chưa được kiện toàn, chấp hành luật pháp chưa nghiêm, hơn nữa,

việc lấy vợ lẽ, nói chung người ta cho rằng nó thuộc về đời tư cá nhân, cần gì phải quản. Loại việc này là “dân không báo thì quan không xét”, do đó việc lấy vợ lẽ phần lớn đều bình an vô sự.

Lấy vợ lẽ tất nhiên là việc của hai bên nam nữ, nam muốn lấy lẽ, nữ cũng bằng lòng thì việc mới thành. Những việc nói trên đây đều đúng dưới góc độ của phía nam, bây giờ thử đổi góc độ, xem xét từ phía nữ, các cô gái nhận thức và đổi xử vấn đề này như thế nào, họ có bằng lòng cam chịu làm vợ lẽ hay không? Tác giả ngạc nhiên đọc bài viết trên tạp chí “Tình yêu hôn nhân gia đình” số tháng 10-1995 đầu đề là “Tôi bằng lòng làm lẽ”, lời nói của hai cô gái những năm 90. Dưới đây xin trích nội dung hai bức thư.

“Thưa thầy Trích Phù, em là một cô gái không nơi nương tựa, bây giờ rất đau khổ. Bản thân em là cô gái đã 2 lần ly hôn, năm nay 32 tuổi, hai lần ly hôn trước đây đều không đau khổ như kết hôn lần này, mong được thầy giúp đỡ.

“Em đã quen một người đàn ông có vợ ở đơn vị của em. Em cảm thấy anh ta đạo đức tốt, mặt mũi lại giống anh trai em. Anh thường đến công ty tìm em. Có lần anh bảo em đi chơi, đưa em ra ngoại thành qua đêm. Sau đó, một ngày không gặp nhau chúng em thấy khó chịu. Anh ấy hỏi em có bằng lòng làm lẽ không. Em đã đồng ý. Anh ấy lại hỏi vợ có chịu chấp nhận em hay không, nếu chịu thì anh

áy không ly hôn. Điều kỳ lạ là vợ anh ấy vui lòng chấp nhận em, nhưng phải nhìn thấy em trước đã. Chúng em đã gặp nhau, ấn tượng của hai bên vẫn tốt. Chúng em còn ăn Tết với nhau. Sau đó em dời về nhà anh ấy cùng sống với chị cả.

“Sóng chung, tình hình thay đổi, nảy sinh mâu thuẫn, em phải dời đi. Em và anh ấy yêu nhau tha thiết, đó là tình yêu thật sự, càng không nghĩ tới danh phận. Người ta nói làm vợ lẽ là mong hưởng thụ, nhưng em lại không được hưởng thụ gì. Em không muốn rời anh ấy. Em không biết nên làm như thế nào?

Vợ anh ấy buộc em phải cắt đứt quan hệ với anh ấy, em gọi điện thoại cầu xin: Chị ơi, thôi đi chị, số phận chúng ta là vậy. Có lẽ cả cuộc đời chúng ta nhất định phải ở bên anh ấy, dứt khoát dựa vào anh ấy có được không? Chị ấy nói cô không bồ được anh ấy thì cô sống với anh ấy, còn tôi phải chia tay anh ấy. Chị ấy nói lời này là cốt để cho em nghe. Bây giờ em rất giận mình đã phá hoại gia đình của người khác. Xin thầy hãy cứu lấy ba con người chúng em”. (Cô gái Quảng Châu).

Điều đó có nghĩa là trong cuộc sống quả có người bằng lòng làm lẽ. Còn đánh giá họ như thế nào lại là chuyện khác. Cho nên không thể nói hễ làm lẽ đều là tham tiền của, đều là bất đắc dĩ. Thế mới biết chuyện dời thật phức tạp, không nên vơ đưa cả nắm.

"Thiếp" vốn là sản phẩm của chế độ hôn nhân phong kiến, tưởng dã bị triệt tiêu trong xã hội Trung Quốc mới. Nhưng theo đà phát triển của kinh tế thị trường và sức cám dỗ của đồng tiền, nó dã và đang được phục hồi trở lại. "Vợ lẽ" xuất hiện đang gây đau khổ cho phụ nữ và tai nạn cho đàn ông. "Thiếp"- thân phận mà người phụ nữ tự chọn, thực tế là đã lạm dụng tự do hôn nhân.

Bạn đọc ngoài sự đồng tình còn có nỗi đau xót đối với họ. Thương họ bất hạnh và giận họ không đấu tranh.

4. NHỮNG CÔ GÁI BẤT HẠNH LẤY CHỒNG LÀ NGƯỜI NƯỚC NƯỚC NGOÀI.

Thế nào là hôn nhân với người nước ngoài?

Nói đơn giản là chỉ mỗi quan hệ hôn nhân gia đình về mặt luật pháp quốc tế. Nó bao gồm người nước ngoài kết hôn hoặc ly hôn với công dân nước sở tại trong lãnh thổ nước sở tại, và công dân nước sở tại kết hôn hoặc ly hôn với công dân nước khác ở ngoài nước v.v... Phải nói rõ rằng: hôn nhân với người nước ngoài chưa có quy phạm luật pháp thực thể được sử dụng thống nhất trên phạm vi quốc tế. Ngay 5 Công ước La Hay về vấn đề hôn nhân gia đình được xây dựng đầu thế kỷ này cũng không thuộc về qui phạm luật pháp thực thể. Vì vậy quan hệ hôn nhân với người nước ngoài chủ yếu là được

điều chỉnh theo quy phạm xung đột của các nước hoặc điều ước quốc tế qui định để điều chỉnh. Một vấn đề quan trọng khác của hôn nhân với người nước ngoài là quyền quản lý tư pháp, các nước đều rất coi trọng vấn đề này.

Hôn nhân với người nước ngoài đã bắt đầu có ở Trung Quốc từ lâu. Công chúa Vân Thành đời Đường được gả bán sang tận nước Thổ Phiên, lúc bấy giờ cũng được coi là “hôn nhân với người nước ngoài”.

Nay, việc người Trung Quốc lấy người nước ngoài chẳng còn là chuyện lạ lùng nữa. Các ông Lý Lập Tam, Tưởng Kinh Quốc, Vương Bình Nam, Quách Mạt Nhược, Tiêu Tam, Phổ Kiệt, Mã Hải Đức v.v... đều có giai thoại dật sự về hôn nhân với người nước ngoài. Lịch sử hôn nhân với người nước ngoài của Trung Quốc về sau này mới bị gián đoạn do chế độ chính trị quản lý gắt gao. Chỉ nói riêng về điểm này cũng nói lên tính chất đóng cửa bảo thủ của người Trung Quốc.

Bởi vì, phân tích từ góc độ lịch sử học và xã hội học, nam và nữ trong mối quan hệ hôn nhân có mặt thuộc tính sinh lý tự nhiên của nó, tình yêu của họ sẽ không bị tiêu diệt vì biên giới quốc gia, tình yêu đều có thể xảy ra trong bất cứ đôi nam nữ khác nước nào, cho nên sự kết hợp giữa họ không nên có sự phân biệt khu vực, song thống nhất được điểm này, cũng là điều rất khó, phải trải qua nhiều

trắc trở.

Người Trung Quốc đặc biệt coi trọng “chính trị”, “giác ngộ cách mạng”. Thiên An Môn là Thiên An Môn, là thiêng liêng nhất không gì sánh nổi, nó không thể cùng loại với tháp Ép Phen, Khải Hoàn Môn, Nữ Thần Tự Do, Kim Tự Tháp v.v... nhất là lúc trào lưu tư tưởng “cực tả” lan tràn, đừng nói đến thông hôn với công dân của các nước trùm tư bản chủ nghĩa Mỹ, Anh, Pháp của phương Tây, đó là diều hết sức trái ngược đạo lý, tội không thể tha. Ngay những năm 50 khi quan hệ Trung Quốc và “anh cả” Liên Xô nồng ấm nhất, nếu lấy một người Liên Xô thì sẽ bị coi là không trung thành với Tổ quốc, là phạm sai lầm chính trị.

Nhưng sức sống giữa nam nữ khó mà kìm hãm. Hôn nhân với người nước ngoài một thời trở thành vấn đề bàn tán sôi nổi nhất và thực tiễn thời thượng nhất của người Trung Quốc. Cánh cửa hôn nhân với người nước ngoài được mở toang. Đó là một “kỳ quan” lớn trong tiến trình cải cách mở cửa của Trung Quốc.

Năm 1983 Chính phủ Trung Quốc chính thức công bố “Mấy điều quy định về đăng ký kết hôn của công dân Trung Quốc với người nước ngoài”. Đây là lần đầu tiên tính hợp pháp của việc người Trung Quốc kết hôn với người nước ngoài được thừa nhận.

Theo thống kê của ngành dân chính, giữa những năm 80, hôn nhân với người nước ngoài ở Trung Quốc một năm có khoảng hai vạn đôi. Thực ra con số đã bị thu nhỏ, bởi vì riêng con số thống kê của ngành dân chính tỉnh Quảng Đông, con số này đã là 18.092 đôi, mấy năm tiếp theo, năm nào cũng tăng. Điều cần nói rõ là, hôn nhân với người nước ngoài trên lãnh thổ Trung Quốc đại lục, bao gồm công dân đại lục kết hôn với người nước ngoài của các nước và cả người Hoa ở các nước và người Hồng Kông - Ma Cao v.v...

Sau Quảng Đông là các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Nam Kinh, Phúc Châu, Hạ Môn, Thanh Đảo, Cáp Nhĩ Tân, Thành Đô, Tây An, Hàng Châu, Tô Châu v.v..., rồi phát triển ra khắp các thành thị, nông thôn cả nước.

Hôn nhân liên quan với nước ngoài ở Trung Quốc có đặc điểm lớn là cán cân hôn nhân nghiêng hẳn một bên, biểu hiện ở tuyệt đại đa số là: "cô gái đại lục lấy rể nước ngoài", gả đi rất nhiều, rất nhiều, cưới về rất ít, rất ít. Vì sao như vậy? Ai có thâm kinh nhạy cảm cũng đều hiểu được: về mặt giàu nghèo, Trung Quốc so với các nước tiên tiến trên thế giới, khoảng cách quá xa, vì vậy lấy hôn nhân làm bàn đạp nhảy ra nước ngoài, có nghĩa là có thể thay đổi cuộc sống nghèo khổ lâu nay - con người bao giờ cũng đi lên chỗ cao mà! Như vậy hôn nhân liên quan đến nước ngoài ở Trung Quốc còn

kèm theo ý nghĩa đặc biệt nào đó.

Vì mục đích thiếu lành mạnh, hôn nhân hướng ngoại đã dẫn đến những hiện tượng đau lòng. Vì sao Trung Quốc có bao nhiêu cô gái trẻ, xinh đẹp, có người có học lực cao, lại ham mê lấy người nước ngoài (kể cả Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan), hấp tấp nhảy vào lòng người Tây mắt xanh mũi lõ, tuổi tác chênh lệch, thậm chí gấp hai, ba lần? Ông bạn của một giáo sư đại học văn khoa Thượng Hải than thở với tôi rằng: "Các cô gái xinh đẹp tuyệt vời của Thượng Hải đều đều làm "bà xã" của các ông Tây. Nay giờ có ngọn gió tìm "ông Tây" lấy chồng, đạt mục đích xuất ngoại, đã trở thành "mốt", như một đòn vịt, như tổ ong vỡ, tranh nhau lên trước, sơ tut lại sau".

Đa nguyên hoá hôn nhân không phải là việc xấu, nhưng nếu theo đuổi hôn nhân với người nước ngoài, thiếu nhân cách, thừa trơ trên để đạt mục đích, bất chấp mọi giá, e rằng không hay. Dù cho có lấy chồng nước ngoài có lẽ nào có thể hạnh phúc, sung sướng được sao? Có thể sung túc như mong muốn không? Nghĩ kỹ để đừng quá ngây thơ, có lúc sẽ làm cho bạn hối hận không kịp, ân hận suốt đời.

Hôn nhân với người nước ngoài có nhiều hiện tượng quái gở, việc thật sự tự do yêu đương lấy nhau rất hiếm, mà tuyệt đại đa số là do các "mồi lái" kiểm chắc làm thay. Các cô gái này được gọi dùa là "hồng sắc nương tử quân" chuyên làm việc

“chấp môi (chàng rể nước ngoài)”, đóng vai trò hỗ trợ cho hôn nhân, đồng thời cũng làm không ít việc xấu xa, lừa dối, tất nhiên kẻ bị thiệt thòi là các cô gái Trung Quốc. Qua tìm hiểu có 95% trong số hôn nhân với người nước ngoài là do các “cô gái đỏ” này tác thành. Một số hiện tượng cực đoan của các loại bệnh tật kỳ quái trong hôn nhân với người nước ngoài làm cho người ta cảm thấy quả thực có tổn hại đến hình ảnh của người Trung Quốc!

Không ít các cô vì nóng lòng xuất ngoại và do tỉ lệ mất cân đối trên thị trường hôn nhân với nước ngoài nên không dám đòi hỏi các điều kiện phong độ, tuổi tác vừa phải, phẩm chất đứng đắn, mà chỉ theo đuổi loại tâm thường, có thể hạ thấp điều kiện, thậm chí không cần điều kiện nào, vì thế thường xuất hiện hôn nhân kỳ quặc thiêu nữ măng tơ lấy ông già. Bảng xếp hạng hôn nhân với nước ngoài:

Loại một là Mỹ, Thụy Sĩ...

Loại hai là Canada, Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật, Hồng Kông, Italia, Singapore...

Loại ba là Australia, Tây Ban Nha, Bỉ, Barazil, New Zealand, Áo...

Loại bốn là các nước Nam Mỹ Venezuela, Argentina v.v...

Loại năm là châu Phi da đen, A-rập Saudi,

Ethiopia, Tanzania...

Có cô gái cho rằng: “Lấy được chồng nước ngoài là may”, “cao không với tới, loại thấp cũng được, thậm chí các nước “ngoài bảng xếp hạng” cũng chấp nhận. Bởi vì cung nhiều hơn cầu, đành phải như thế, chỉ cần ra được nước ngoài là đại thắng lợi. Khi hôn nhân chỉ thấy cái lợi, bất chấp hậu quả, thật đáng xấu hổ. Một công nhân bình thường người Mỹ, gốc Hoa, họ Lý, gần 50 tuổi, đã ly hôn về nước thăm nhà, muốn tìm một cô chưa có chồng làm vợ. Kết quả là một bất ngờ lớn, tin vừa loan đi thì lập tức có lăm khách nữ đến chào ở khách sạn Hoa Kiều, nơi ông đang ở.

Một chủ nhật, ông Lý phải liên tục tiếp bảy cô gái. Sau một ngày trao đổi, ông chỉ nhớ cô trẻ nhất chỉ 18 tuổi, cô lớn nhất là 27 tuổi, mặt mũi cũng dễ coi, có cô rất xinh. Ông được các cô gái đó mến mộ chẳng phải họ thích thú gì ông, càng không phải họ có lòng yêu ông mà chỉ là vì ông là một người Mỹ, còn các cô thì muốn xuất ngoại, coi ông là chiếc bàn đạp mà thôi. Ông Lý buồn rầu, dù có thể trở thành vợ chồng, sau này thế nào ai mà biết được, cuối cùng ông đã dứt áo ra đi, không chút thương vong.

Lại một chuyện khác, một cô gái Thượng Hải 23 tuổi lấy ông già Australia 63 tuổi. Từ khi họ quen nhau đến khi tổ chức lễ thành hôn mới có một tuần. Hôn lễ được tổ chức ở một khách sạn lớn,

cực kỳ sang trọng, bàn tiệc toàn món ăn cao cấp, cô dâu khoác áo cưới thời trang kiểu mới nhất, đeo đồ trang sức đá quý lấp lánh, ngồi xe hoa bóng lộn, thật là hanh diện.

Hoá ra cô dâu là một nhân viên bán hàng thực phẩm, suốt ngày mơ lấy một ông chủ ngoại quốc và cơ hội đã đến. Thực lòng, chỉ thích ông là người ngoại quốc và là một ông chủ điền trang rất giàu có, lại rất hào hiệp, cần gì thì đáp ứng ngay. Mấy ngày ngắn ngủi, gia đình cô Linh đã có tivi màu, tủ lạnh, video, bộ dàn, nhiều quần áo cao cấp, và đồ trang sức vàng bạc đá quý. Ông ta còn bỏ hàng triệu bạc mua một ngôi nhà mới, khiến cả nhà ai cũng phấn khởi.

Còn chàng rể chẳng phải là thằng ngốc. Ông biết, cô Linh chỉ mê túi tiền của ông và cuộc sống sung túc ở nước ngoài, chứ cô không yêu ông. Cô dâu này trên ý nghĩa nào đó mà nói là “mua”, là sự trao đổi trên thương trường, giữa một kẻ có tiền với một kẻ có người, tuỳ theo nhu cầu, không ai bị thiệt.

Bỏ ra một ít tiền lấy được một cô gái trẻ đẹp như thế chẳng phải là thiệt, đằng nào cũng kết hôn rồi, cô ta là vợ của ông rồi, cô Linh có ngày cũng phải trả giá. Cứ chơi cờ cho đỡ, vài năm hay hay. Sau này hôn nhân dù có tan vỡ, cũng chẳng sao, vì ông ta lúc nào cũng săn tiền, Linh đi rồi, ông lại cưới “Linh” khác.

Ôi! Hôn nhân với người nước ngoài té ra là như thế đấy!

Bình tâm suy nghĩ, trong đa số hôn nhân với người nước ngoài cũng có số rất ít đôi hạnh phúc mỹ mãn. Nữ ngôi sao điện ánh Thẩm Đan Bình lấy người Tây Đức, bao nhiêu năm nay vẫn chan hoà hạnh phúc; cô cũng đã có một đứa con gái; nữ ngôi sao điện ánh Tư Cầm Cao Ông lấy người Hoa, quốc tịch Thụy sĩ Trần Lương Sinh. Hai người yêu nhau sau ba năm mới kết duyên Tân Tán. Nữ ngôi sao thể dục Trần Tiêu Hà lấy người Mỹ gốc Hoa Hàn Tinh, tự cho là hôn nhân rất mỹ mãn, gia đình hai bên cũng nhất trí tán thành.

Hôn nhân với người nước ngoài là thiên đường hay địa ngục? Các cô gái Trung Quốc theo đuổi một loại hôn nhân siêu quốc giới, siêu tuổi tác, siêu tập quán, kết quả tốt xem ra không nhiều. Quan điểm về hôn nhân với người nước ngoài tốt hay xấu không giống nhau. Có người cho rằng, về mặt khoa học hôn phối, thì kết hôn ở khu vực xa, sự hòa hợp nhân chủng là tốt, nhưng nhiều người dị nghị cho rằng con lai nhiều lên sẽ tổn hại đến tính thuần khiết của dân tộc. Cách nói: “lai giống có thể cải tạo đời sau” là luận điệu hoang đường.

Xét động cơ tâm lý và chiều hướng giá trị theo đuổi hôn nhân với người nước ngoài (chủ yếu là của một số cô gái trẻ) có thể quy thành năm loại

hình: *xin visa* xuất cảnh, sùng bái mù quáng, săn tìm của lạ, tình cảm, đan xen hỗn hợp. Nhưng nhìn chung, động cơ của việc lấy chồng nước ngoài là xuất phát từ lợi ích trước mắt, chứ không phải từ tình cảm. Quá cân giá trị rất được coi trọng là điều kiện kinh tế, khuynh hướng hưởng lạc rất rõ ràng. Có thể nói đó là một dòng nước đục chứ không phải là dòng nước trong trong triều cường hôn nhân với nước ngoài. Kinh tế Trung Quốc lạc hậu, cuộc sống còn nghèo khổ, đó là một sự thực, không thể phủ nhận, từ đó mà nảy sinh tâm lý sùng ngoại. Khi đầu óc đã không tinh táo có thể làm bất cứ việc gì, cho nên bi kịch hôn nhân với nước ngoài xảy ra nhiều cũng là điều tất nhiên.

Phần lớn hôn nhân với nước ngoài này sinh sau khi cải cách mở cửa. Nhà nước đã cấp “giấy thông hành” cho hôn nhân với người nước ngoài, quan niệm cũng có đột phá mới. Song, điều lo lắng là nó mang tâm lý tự dân tộc, trong đó có không ít nhân tố tiêu cực và phản tác dụng. Đối với những hiện tượng vi phạm bản chất hôn nhân xảy ra trong hôn nhân với nước ngoài có thể coi là hiện tượng đặc biệt trong điều kiện lịch sử nhất định. Có thể khoan dung, nhưng không thể để nó tự do tung hoành, cần có sự hướng dẫn, ít nhất có thể nói với các cô rằng: không ai nỡ chỉ trích quá nhiều việc theo đuổi cuộc sống sung túc, thậm chí có chút ít hưởng lạc, nhưng nếu bất chấp tất cả, làm mất nhân cách thì e rằng không nên, tốt nhất là hãy có

lòng tự trọng!

5. "HÓNG MÁT DƯỚI CÂY ĐẠI THỦ ĐÁNG BUỒN"

"Dựa ông săn tiền" và "dựa bà giàu sụ" là cách nói mới chỉ hiện tượng bất lương trong quan hệ giữa hai giới tính từ cái cách mờ cửa đến nay. Trong xã hội cũ đàn ông Trung Quốc có "thiép", bây giờ phát triển thành "bao bá hai", "chim tơ vàng" biến tướng, trở thành "phu nhân ngầm", ngoài quan hệ hôn nhân bình thường. Ngoài ra còn có một thứ "dựa" tương đối nhẹ nhàng, dựa không bao hàm quan hệ hôn nhân, cũng không phải "thiép", càng không phải "cưới xin". Nó dựa vào ông chủ có tiền, nhưng là một trò chơi, về thời gian và phụ thuộc nhân thân không giống như thiép thập hén, "dựa" có thể dài, có thể ngắn. "dựa" được thì dựa, dựa không được thì đi, nó là quan hệ nam nữ trong tình hình mới, cũng không giống với "thiép" có tính lệ thuộc nhân thân rất mạnh, không có quan hệ hôn nhân. Về mặt lý luận là như thế, nhưng trong thực tế rất khó nói rõ nó là cái gì.

"Dựa" có nghĩa là kẽ sát. Thành ngữ có câu "dựa cột mà nghe", ý là người khác, không thể tự lập. "Dựa" trong loại "dựa ông săn tiền" cũng có ý "ý lại". Nó chỉ một loại gái ý lại, gần gũi những chàng trai rất nhiều tiền, đem tuổi xuân sắc đẹp của mình đổi lấy đồng tiền trong tay ông săn tiền.

Thực chất của "dựa ông săn tiền" là một loại mua bán giữa tiền và tình, hai bên, mỗi người có

một nhu cầu, trao đổi ngang giá.

Người con gái muốn dựa vào ông săn tiền phải có đủ điều kiện trẻ trung, xinh đẹp. Chỗ dựa của các ông săn tiền là có tiền, có thể đưa từng cục tiền cho cô gái mà ông yêu thích tiêu xài, thể hiện sự khảng khái hào hiệp, làm cho các cô ăn cá có cá, đi xe có xe, được mặc thời trang cao cấp, đeo đồ trang sức bằng vàng, ở nhà biệt thự hào hoa, đi chơi Bắc Kinh, Thượng Hải, Tô Châu, Hàng Châu, hưởng mọi lạc thú trên đời. Tất nhiên, các cô phải đền đáp lại bằng tất cả những gì mà các cô có được để làm cho các ông sung sướng.

Việc “tìm ông kέch sù những năm 90” từng trở thành “mốt” lan rộng khắp nước, thậm chí một số nữ sinh viên đã coi dựa ông kέch sù là thời thượng. Các cô gái nhàn rỗi càng coi việc dựa ông kέch sù làm điều vinh hạnh.

Quan hệ của “dựa” tuyệt đại đa số đều xuất phát từ “vụ lợi”, rất ít “chân tình”, có kẻ vui đâu chả đó, có kẻ trăng gió qua đêm, phần lớn là tạm bợ, khi ông kέch sù cảm thấy mất hết cảm giác mới mè đỗi với cô gái dựa ông thì ông thay đổi người mới. Trong quan hệ giữa hai người, ông kέch sù có quyền chủ động chi phối, đôi khi còn có hai cô hoặc nhiều cô cùng dựa, lợi ích chia đều, ai cũng vui vẻ cả, giữa họ có thể bình an vô sự, vì ai cũng đều biết mộng đẹp không bao giờ được lâu. Nhưng cũng có kẻ dựa nhau không rời nhau được.

Hình thức của “dựa” cũng muôn hình muôn vẻ, có lúc xuất hiện với danh nghĩa bạn gái, tình nhân, có lúc là cán bộ cấp dưới, trợ lý thư ký đối ngoại, cũng có lúc chung sống bí mật dưới hình thức “bao” định kỳ. Tóm lại, đều không phải là quan hệ hôn nhân, tuyệt đại đa số là quan hệ ngoại tình, nhưng lại là quan hệ nồng cháy nhất.

Chúng ta hãy xem tình cảnh thực trong cuộc sống hiện nay.

1) Thôi Tam vốn là một nông dân ngoại thành Bắc Kinh, văn hoá thấp, nhưng tỏ ra thông minh, nói tiếng phổ thông thành thạo, làm việc gì cũng khéo tay nhanh nhẹn. Mấy năm nay, anh ta buôn hoa quả phát tài, giàu nứt đố đổ vách, tài sản chí ít cũng đến hàng triệu NDT. Anh ta xây nhà lầu, cưới vợ đẹp, có trình độ đại học, làm việc ở một công ty. Thôi Tam thích kể “chuyện bạn trăm năm” của mình bằng cách đăng báo tìm bạn trăm năm, nêu ra các điều kiện thuận lợi như đã có hàng triệu tiền gửi tiết kiệm, người cao 1m8 v.v... Thật không ngờ, chỉ trong một tuần nhận được trên 800 bức thư hưởng ứng ở khắp nơi trong nước, có thư kèm theo ảnh màu. Anh chọn trong số đó sáu ứng cử viên sáng giá, rồi đem so sánh nhiều lần để chọn cái nhất trong số nhất đó, cuối cùng chọn trúng nữ sinh viên Sử Tiểu Hồng, cô gái Bắc Kinh đẹp nhất. Thôi Tam rất hài lòng. Nhưng... người có tiền thì phải có hai tình nhân mới bõ! Vương Lệ

Giáo là học sinh phổ thông thi rớt đại học, vừa 18 tuổi, dáng người thanh mảnh, yêu kiều. Cô và Thôi Tam quen nhau trong một dịp tình cờ. Cô nói với Thôi Tam là cô đang buồn vì tìm không ra việc. Thôi Tam vừa nghe lập tức đồng ý cho cô ta về làm ở công ty của mình, trước mắt lương tháng là một nghìn đồng. Vương Lệ Giáo mừng ra mặt.

Chỉ sau một tháng Lệ Giáo đã ngã vào lòng Thôi Tam. Để che mắt thế gian, anh ta thuê cho cô một ngôi nhà ở bên ngoài, lại mua sắm đầy đủ đồ điện gia đình v.v... Từ đó, anh ta thường ở với cô qua đêm. Thôi Tam phủ lên người Lệ Giáo những bộ quần áo mới nhất, đồ trang sức bằng vàng và các loại mỹ phẩm cao cấp.

Điều làm cho Thôi Tam bất ngờ là: không đầy một năm, cô bạn học của Lệ Giáo thời trung học cũng muốn dựa Thôi Tam; cô gái đó tên là Ngãi Na, tận mắt thấy Vương Lệ Giáo được đặc ý như vậy bèn hỏi nguồn. Vì là bạn tốt của nhau, Vương Lệ Giáo thô lộ chân tình. A! té ra là như thế đó.

Ngãi Na muôn học tập Lệ Giáo, cũng muôn dựa ông săn tiền. Được Lệ Giáo tiến cử, Ngãi Na cũng đến làm ở công ty của Thôi Tam. Không ngờ cô cũng thả mồi cho Thôi Tam cắn câu. Sau khi hai người có quan hệ tình dục, Thôi Tam van nài Lệ Giáo để cho Ngãi Na cùng ở chung với. Lệ Giáo dành chấp nhận.

Từ đó, Thôi Tam cùng một lúc có hai tình nhân. Lê Giảo và Ngãi Na mỗi người ở một phòng, Thôi Tam có thể luân lưu ngủ với họ, tuy cách nhau một bức tường nhưng cũng không quấy rầy nhau. Hai người đều tham tiền của, cùng dựa một ông chủ, lợi ích chia đều, vui chơi thoả mái. Cách dựa vào ông săn tiền như thế cũng có thể gọi là mồi me.

2) Tiêu Mẫn là nhân viên bưng bê ở cửa hàng ăn tư doanh, 21 tuổi, có gương mặt thanh tú. Cô luôn mơ ước có một ngày, cô trúng thưởng, hoặc nhặt được một cục tiền to, không phải hầu hạ người khác nữa. Ở gần chỗ cô có một ông chủ cửa hiệu quần áo giàu có, vẫn đến đây ăn cơm và thường nhìn cô với con mắt đắm đuối. Một hôm, ông có ý bắt chuyện với cô, hỏi cô mỗi tháng lương được bao nhiêu, tình cảnh gia đình thế nào v.v... Tiêu Mẫn được dịp than thở về gia cảnh... Người nói vô tình, kẻ nghe hữu ý, cái ông giám đốc cửa hàng quần áo họ Lưu này bắt đầu gãy bàn tính.

Một hôm, ông nói với Tiêu Mẫn, không biết cô có chịu làm con nuôi của ông không? Ông không có con gái, bà lão thì suốt ngày bệnh tật đau ốm. Ông lại nói, nếu cô đồng ý làm con nuôi của ông, cô có thể thõi việc, đến ở nhà ông, giúp ông làm chút việc nhà, mỗi tháng cho thêm 800 tệ. Tiêu Mẫn đồng ý ngay.

Ông tỏ ra rất niềm nở với Tiêu Mẫn, có lúc

còn sớm sờ. Tiêu Mẫn cảm thấy không tiện làm mèch lòng ông, cũng mặc nhiên làm thịnh. Giám đốc Lưu được dangle chân lân dangle đầu, có lúc trêu chọc cô. Một hôm, ông muốn Tiêu Mẫn ngủ với ông và hứa cho cô năm vạn, ba vạn để cho cô mua nhà, còn hai vạn gửi ngân hàng để cô tiêu riêng.

“Năm vạn đồng”, con số thật có sức hấp dẫn! Do dự một lát, cuối cùng cô miễn cưỡng đồng ý, vì thế cô hiến thân trinh nữ ngủ một đêm với ông giám đốc 50 tuổi. Lần đầu tiên, sẽ có lần thứ hai, lần thứ ba. Từ đấy cô làm tù binh cho đồng tiền, dựa vào ông kềch sù này rút mãi không ra. Cô ta chăm sóc bố nuôi với thân phận là con nuôi, lại ngầm ngầm thông dâm với bố nuôi và trở thành đồ chơi của ông ta.

Tiêu Mẫn dựa vào ông giám đốc Lưu giàu có, từ đó sống cuộc đời gửi thân vào gia đình khác. Vì sao cô muốn đi bước này. Bởi vì cô muốn an nhàn, ghét lao động, vì cô khao khát ham muốn tiền bạc, vì thế dục vọng đã thắng lý trí, cô bị ngã vì viên đạn bọc đường.

3) Cô gái Thượng Hải Lý Phương, tuổi xuân chưa đầy 22, tóc xoã ngang vai, đôi lông mày đen môi đỏ, mỗi khi đôi mắt cười thì nghiêng nước nghiêng thành, đáng tiếc là người đẹp này có tính lười biếng nên ở nhà ngồi không, suốt ngày mơ lấy một ông săn tiền để được hưởng thụ vinh hoa phú quý.

Ở một cuộc vũ hội, Lý Phương quen ông giám đốc người Trung Quốc của một xí nghiệp liên doanh với nước ngoài. Ông ta tên là Trần Đức An, 35 tuổi, đẹp trai, phong độ tuyệt vời, luôn đeo đôi kính đen, lại ngồi xe Nissan màu đen, cô nhìn thấy anh ta tim càng đập mạnh.

Anh ta thuê phòng ở khách sạn năm sao cho cô, dẫn cô đi ăn ở khách sạn lớn, mua cho cô nhẫn kim cương, quần áo cao cấp, son Mỹ, nước hoa Pháp, dẫn cô đi nghỉ hè ở Hawaï, cho cô hưởng thụ những gì có thể hưởng thụ được, tất nhiên cô cũng phải hiến dâng ngọc thể thơm tho của mình cho anh ta. Ông Trần đã có vợ, điều đó hình như cô ta đã đoán biết từ lâu.

Lý Phương cảm thấy tự hào được dựa vào Trần Đức An, một ông sảnh tiền. Anh ta nói, tất cả những gì mà cô hưởng thụ được hơn một năm qua thì các cô gái khác theo đuổi vất và suốt cả đời cũng không thể nào có được. Thậm chí cô quên cả cảnh ngộ của bản thân mình, đứng trước mặt bạn bè cô tự khoe là cô may mắn được làm tình nhân như thế, (người khác thì cho cô là gái đĩ, đồ cave!).

Nhưng hoa đẹp chóng tàn, Trần Đức An được lệnh điêu về Tổng công ty ở Mỹ làm việc. Anh ta tỏ ra rất tiếc, nói với cô ta: Anh không thể nào đưa cô đi Mỹ! Kỳ thực, anh ta muốn nhân cơ hội này vứt bỏ cô ta, vì anh ta cần săn tìm một vật mới lạ. Lý Phương đã quen với cuộc sống đàng điếm, ăn sung

mặc sướng. Làm thế nào bây giờ? Dù cho muôn dựa một ông kέch sù khác, tìm được người vừa ý như Trần Đức An thực ra cũng rất khó. Nhưng cô ta rất cần tiền. Cô không thể tìm ngay được người giàu có mà cô thích, vì ngoài tiền, còn phải có hình thức, có văn hoá, phải điệu đàng, tình cảm. Vì thế cuộc sống khó khăn bắt buộc cô ta đi con đường bán dâm, cuối cùng tự huỷ diệt mình. Người con gái dựa vào ông săn tiền không thể lấy chồng, lại thiếu tình cảm chân thành, nó chỉ là một thứ trao đổi giữa tiền tài và sắc đẹp, có mấy kết cục tốt đẹp? Mỗi quan hệ tương như đầm thắm đó đến rất nhanh, đi cũng rất nhanh, mà người chịu thiệt thòi lớn nhất chẳng phải ai khác là người con gái. Người con gái dựa ông kέch sù là một thứ vi-rút của quan hệ giữa hai giới tính trong thời kỳ mới.

Nói đến người con gái dựa ông kέch sù, cũng phải nói đến người con trai dựa bà giàu sụ, đó là hai mặt của một vấn đề, nó giống nhau về tính chất, đều là một hiện tượng bệnh hoạn.

Chuyện ông dựa vào bà giàu sụ thì quả là còn xa lạ. Thủ so sánh, hiện tượng dựa bà giàu sụ ít hơn hiện tượng dựa ông kέch sù, nhưng quả thực nó đang tồn tại. Nữ có thể dựa nam, nam cũng có thể dựa nữ, đều tồn tại một vấn đề ai có thể chi phối ai về mặt kinh tế. Nữ có người sùng bái vàng, nam cũng có người sùng bái vàng.

Những người đàn ông dựa các bà giàu sụ nói ở

đây vẫn có sự khác biệt với vịt đực, đĩ đực trên ý nghĩa chuyên nghiệp, tuy họ và các bà giàu sụ cũng xảy ra quan hệ tình dục, thậm chí phục vụ tình dục, nhưng không loại trừ nhân tố tình cảm, và lại họ cũng không phải chuyên làm nghề đó. Các cô gái dựa ông kềch sù phải trẻ đẹp, các chàng trai dựa bà giàu sụ cũng phải tương đối trẻ, mặt mày tuấn tú, thân thể khoẻ mạnh, và có thể lực dồi dào và có kinh nghiệm chăn gối. Phải biết vuốt ve đàn bà, biết lấy lòng đàn bà.

Những bà giàu sụ thường là các quý bà bất hoà với chồng, là quả phụ có tiền, bà chủ, nữ chủ xí nghiệp hoặc người gặp chuyện hôn nhân không vừa ý, sinh hoạt vợ chồng không được thoả mãn, hoặc tình dục mạnh mẽ, luôn luôn theo đuổi kích thích mới, các bà giàu sụ không tiếc tiền vì các chàng trai.

Anh Căn là nhân viên bảo vệ ở một khách sạn ở Thâm Quyến, 26 tuổi, cao 1m82, thân hình vạm vỡ, lại đẹp trai, đã có vợ con. Nhưng nghề nghiệp xoàng, nên thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình khá nghèo.

Hồng Kong có một bà giàu sụ, họ Vương, khoảng 40 tuổi, thường đến ở khách sạn anh Căn làm việc. Có một hôm, bà mời anh Căn đến phòng ở của bà nói chuyện phiếm, bà tỏ ý bà rất thích anh, hỏi tình hình gia đình anh. Bà đã hào hiệp rút ra hai vạn đôla Hồng Công trong cặp mă số

tặng anh, còn nói: “Chút ít gọi là...” . Anh Căn rất cảm động. Lại xích gần một bước trong tình cảm.

Vào một buổi tối, bà Vương dặn anh Căn sau giờ tan tầm đến chỗ bà ở. Bà chỉ mặc một chiếc áo ngủ màu phấn hồng trong suốt nằm trên giường chờ... Thế là việc phải xảy ra đã xảy ra! Bà Vương sung sướng nói với anh Căn, bà rất cần anh, hoàn toàn không thể xa anh, bà mong anh phục vụ tốt cho bà, bà muốn gửi 20 vạn đôla Hồng Công cho anh để bồi dưỡng sức khoẻ. Đồng tiền có ma lực, anh Căn anh đã cam lòng dựa vào bà giàu có này. Thậm chí anh cảm thấy mình sung sướng vì đã gặp cơ hội tốt. Bà Vương tuy là phụ nữ 40 tuổi nhưng nhờ biết giữ gìn, chăm sóc nhan sắc nên đã cho anh các cảm giác của gái tuổi 30. Vì thế anh Căn từ bỏ công việc đang làm, chuyên tâm dốc sức “hầu hạ” bà Vương. Còn bà Vương cuối cùng đã bắt được anh Căn làm tù binh. Bà còn mua hẳn một ngôi nhà riêng ở Thâm Quyến, để “nhốt chàng trong lầu vàng”.

PGS. Tiến sĩ Đinh Kiệt, một chàng trai Bắc Kinh, chuyên nghiên cứu thơ Trung Quốc và phương Tây, anh lại sáng tác rất nhiều thơ. Anh có thân hình cao lớn, tính cách cương nghị, tình cảm dịu dàng, am hiểu tình người, được các cô trong giới trí thức yêu mến. Trong một cuộc hoạt động văn hoá của xí nghiệp, Đinh Kiệt quen biết bà chủ nổi tiếng Triệu Viên, người Bắc Kinh, một phụ nữ

nhan sắc, độc thân hơn 30 tuổi, tính cách tao nhã, tài sản có đến 60 triệu tệ. Thật là mạnh vì gạo bạo vì tiền. Triệu Viên tốt nghiệp khoa cơ bản trường Đại học, vì tức khí đơn vị không chia cho một gian nhà ở nên nghiêm nhiên từ chức đi xuống phía Nam. Lợi dụng được quan hệ đắc lực nào đó của Bắc Kinh, nhám đúng thời cơ được duyệt mua đất ở Hải Khẩu, chỉ hai vòng buôn bán nhà đất đã phát tài to, một phốc trở thành "bà chủ" giàu bự.

Triệu Viên và Đinh Kiệt mới gặp nhau đã như thể gặp được tri kỷ. Nghe Đinh Kiệt than thở sáng tác bao nhiêu là thơ mà không thể nào xuất bản được, Triệu Viên lập tức bỏ tiền ra xuất bản một lúc mười tập thơ cho Đinh Kiệt. Triệu Viên còn mời Đinh Kiệt làm cố vấn cho công ty của cô, với lương tháng 5.000 tệ. Triệu Viên đã nói thăng với Đinh Kiệt, mong anh làm tình nhân của cô, và cho cô niềm hoan lạc tình dục, cô nói cho anh hiểu rằng phụ nữ tuổi 30 là mê ly nhất, tất cả mọi dục vọng đều chính là ở tuổi này. Cô nói: Tôi sẽ không yêu cầu kết hôn mà muốn làm con chim tự do. Từ đó trở đi, Đinh Kiệt dựa vào bà chủ giàu sụ này, coi bà là nữ hoàng trong trái tim anh. Thị ra, giữa người đàn bà cao quý và người đàn bà thấp hèn trên ván đế giữa nam và nữ họ không khác nhau mấy. Về quan hệ kinh tế và địa vị chi phối, Đinh Kiệt đã phải dựa vào Triệu Viên, nhưng giữa họ cũng có mầm mống tình yêu nên màu sắc chủ nhân và đầy tớ có bị mờ nhạt. Đinh Kiệt không vì

tiêu nhiều tiền của cô ta mà tỏ ra đớn hèn quy luy. Tất nhiên, Đinh Kiệt cũng rất biết rõ, cuối cùng anh không phải chồng của Triệu Viên, giả vờ như không biết mối quan hệ giữa Triệu Viên với những người đàn ông khác. Vì vậy, mà bình an vô sự. Hiện tượng vật hoá trong quan hệ giữa người với người chẳng phải là mối quan hệ vận hành bình thường, thế giới này đang kêu gọi phải phục hưng đạo đức và nhân cách.

6. “TAO CẨM MÀY - CÁI MỘT MÉT BÀY CHẾT TIỆT !”

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, luồng gió công khai tìm vợ thổi rất mạnh, báo chí lớn nhỏ, đến cả dài phát thanh, truyền hình đều đưa tin “tìm bạn trăm năm”. Yêu cầu “tìm vợ” của người Trung Quốc rất đặc biệt, mang màu sắc vụ lợi, với nhiều điều kiện, nghiêm khắc về các khoản khu vực cư trú (như yêu cầu có hộ khẩu Bắc Kinh, Thượng Hải, hộ khẩu các thành phố lớn ven biển), điều kiện kinh tế, trình độ văn hoá, nghề nghiệp v.v... rất ít người nói đến điều kiện vô cùng quan trọng là tình yêu v.v... Nghe qua có cảm giác hồn nhân là yêu cầu của các điều kiện nói trên, là một thứ trao đổi rất so đo được mất, còn “tình cảm” chỉ là thứ yếu.

Điều làm người ta khó hiểu nhất là tìm vợ,

tìm chồng đều có một yêu cầu chiều cao bao nhiêu, và mù quáng sùng bái người cao. Cái quan niệm chọn người yêu nặng về chiều cao này không biết bắt nguồn từ đâu, vì sao phải coi trọng quá cân này?

Trong tiết mục tìm bạn trai năm có thể thấy: yêu cầu chiều cao của phái nam đều trên 1m7; yêu cầu chiều cao của phái nữ trên 1m6; thậm chí hiện nay đang lan truyền một cách nói: trai chưa đầy một mét bảy, gái chưa đủ một mét sáu tức là thân thể “chưa đạt tiêu chuẩn”, là “tàn phế loại hai”.

Do ảnh hưởng thời thượng sùng bái chiều cao không ít người khi tìm người yêu đã coi chiều cao là thời thượng nhất, không thể nhượng bộ. Điều đó ít nhiều đã thoát ly thực tế. Trong nhân chung thế giới, người Trung Quốc thuộc về dân tộc tương đối lùn, muốn cao lên cũng khó theo ý muốn. Phải nói rằng “cái chứng sùng bái chiều cao” là một tâm lý bệnh hoạn.

Quan niệm mù quáng sùng bái chiều cao sẽ làm cho không ít người đau khổ vì tìm không được đối tượng lý tưởng. Có những người bất chấp điều kiện hiện thực chủ quan và khách quan, nhắm mắt theo đuổi chiều cao. Có những nam nữ thanh niên tương đối thấp cũng vì thế nảy sinh tâm lý tự ti và lo lắng. Coi cái cao là cái đẹp, coi cái thấp là cái không đẹp, quan niệm thẩm mỹ đó không

đúng. Dù là người cao hay thấp, còn có một vấn đề phải xem là thân hình có cân đối hay không, hình dáng có rắn rỏi hay không, thể chất có khoẻ mạnh hay không, cân nặng có bình thường hay không, hễ các mặt đó đều tốt thì dù cao hay thấp cũng có thể coi là đẹp.

Một người có thân hình cao thấp không thể do ý chí chủ quan quyết định, nó liên quan đến nhân tố di truyền từ cha mẹ, đến các mặt môi trường sống, điều kiện dinh dưỡng, khí hậu thuỷ thổ, rèn luyện v.v... Có những người muốn uống thuốc tăng chiều cao để làm cho mình tăng chiều cao nhanh nhất, điều đó thường đi ngược lại lòng mong muốn, sẽ không có kết quả gì tốt đẹp. Có một chuyên gia y học sinh lý nêu rõ, làm như vậy là đi ngược lại qui luật sinh trưởng tự nhiên của con người, nhổ cây cho chúng lớn là rất nguy hiểm, tốt nhất vẫn là tuân theo tự nhiên.

Các chuyên gia nhân loại học nghiên cứu đưa ra kết luận rằng: Tình hình chung là, chiều cao của nhân loại tăng lên cực chậm theo từng thế hệ, đó là một xu hướng. Ví như: Trung Quốc từ Tây Chu đến Tây Hán, đàn ông bình quân cao 1"64, đàn bà bình quân cao 1"54. Từ thời Tuỳ Đường, tới thời Tống Minh, đàn ông bình quân cao 1"66, đàn bà bình quân cao 1"56. Lại trải qua sáu, bảy trăm năm đến người đương đại hiện nay, chiều cao lại tăng lên khá nhiều. Theo điều tra tình hình nhân

khẩu năm 1979 cho thấy: chiều cao của con trai thành niên tuyệt đại đa số là giữa 1^m65 đến 1^m74, chiều cao bình quân là 1^m69; chiều cao của con gái thành niên tuyệt đại đa số là giữa 1^m54 đến 1^m63, bình quân cao 1^m58. Con số điều tra thực tế nói trên chứng tỏ: con trai thành niên bình quân cao gần 1^m69, con gái thành niên bình quân cao 1^m58, mà tiêu chuẩn của họ định ra là: nam không dày 1^m7, nữ chưa đủ 1m6 là “tàn phế loại hai” chưa đạt tiêu chuẩn chiều cao, thế thì chiều cao bình quân của nam và nữ đều chưa đạt tiêu chuẩn, đó chẳng phải là quá thoát ly thực tế hay sao? Không thể nhầm mắt làm ngơ, bất chấp thực tế hiện nay như vậy được!

Xem xét từng khu vực rộng lớn, con người cao thấp rất không cân đối. Nói chung người châu Âu cao hơn người châu Á, dù nam hay nữ đều như vậy. Con gái thành niên Trung Quốc thấp nhất cũng được một mét bốn mươi!

Ngay như cùng là người Trung Quốc, cùng tộc Hán, nhưng người ở khu vực khác nhau, chiều cao của họ cũng có khác nhau. Nói chung, người Đông Bắc, người Sơn Đông thân hình khá cao, người Quảng Đông, người Quảng Tây tương đối thấp, điều đó có thể là do ảnh hưởng của khí hậu và thuỷ thổ.

Phân xưởng sợi của nhà máy nọ có máy cò cao một mét sáu lăm, họ trao đổi định ra tiêu chuẩn

chung để chọn người yêu, trong đó có một yêu cầu chiều cao đối với nam giới, mức thấp nhất là 1m70, kém một phân cũng không được. Lúc đó, có một công nhân bảo vệ mới đến phân xưởng công tác tên là Đỗ Vỹ, chàng trai này ham học cầu tiến bộ, thông minh tháo vát, thái độ chân thành hoà nhã. Anh chàng mặt mũi khôi ngô, ai nhìn cũng mến. Rất tiếc là chiều cao chỉ có 1m69. Vì chỉ thiếu một phân mới đủ 1m70 mà anh bị cô Cao Khiết từ chối tình yêu. Một cô gái khác tên là Hiếu Bình khi nói đến đối tượng 1m78, chiều cao vượt tiêu chuẩn, nhưng khi tiếp xúc với nhau phát hiện anh chàng này, ngoài việc giỏi gây sự với lão K, giỏi trốn việc ra, chỉ toàn nói bậy, chòng ghẹo nữ công nhân, có một lần làm cô tổ trưởng tức phát khóc. Điều đó làm cho Hiếu Bình nhận thức rằng, chỉ có chiều cao thì được cái gì, then chốt vẫn là nhân phẩm tốt. Vì thế cô lặng lẽ hạ tiêu chuẩn một phân, đem lòng yêu Đỗ Vỹ. Lúc này Cao Khiết mới hối hận: Đỗ Vỹ đáng lẽ thuộc về cô, nay đã đi theo người khác - cô đã để lỡ một cơ hội tốt đẹp. Nghĩ đến đây cô oán giận kêu lên: "Tao căm mày - cái mệt báy chết tiệt".

Câu nệ chiều cao như Cao Khiết cuối cùng là làm hại mình, ai cũng tiếc cho cô! Đúng là một bài học.

Bình tĩnh mà suy xét, yêu cầu phái nam cao 1m70, tiêu chuẩn đó vẫn chưa phải là quá cao, có cô

yêu cầu tiêu chuẩn còn cao hơn. Trong tiết mục tìm bạn trai năm, sẽ thấy điều đó. Có một cô tên là San San, bản thân cô cao 1"56, lại yêu cầu bên nam cao 1"80. Có người đùa cô: "Hai người chênh nhau một đoạn, nếu hôn nhau, cô nhón góp vẫn chưa tới". Xem ra hẽ việc gì làm quá đáng, đến mức không thỏa đáng đều không hay.

Xét trên góc độ thẩm mỹ, người cao thấp đều có cái đẹp riêng muôn thuở của nó. Chọn vợ chồng đâu có phải như mắc ăng-ten càng cao càng tốt, cũng không phải là cầu thủ bóng rổ, càng cao càng phát huy ưu thế nhận bóng và ném bóng trên sân. Chiều cao còn phải kết hợp với béo gầy, màu da, các bộ phận thân thể cân đối, tỷ lệ trên dưới hài hoà, không thể chỉ nhìn chiều cao một cách riêng lẻ. Con người cao thấp cũng là tương đối, không thể nói một con số tuyệt đối một mét mươi là đẹp nhất. Đại thể là: lấy chiều cao trung bình của một thời đại hoặc cao thấp chút ít là đẹp, cao quá và thấp quá đều không đẹp, vừa phải là đẹp.

Nếu một người cao quá đáng, mắt đi cái hài hoà cân đối sẽ cho thấy cái thô thiển dần độn, thiếu thông minh lanh lợi, bị người ta chế riêu là thằng kêu, thằng ngớ, thằng đụt.

Người con trai có thân hình cao, thể cách bình thường, xem ra khôi ngô, có thể biểu hiện cái đẹp khoẻ mạnh của nam giới. Người con gái có thân hình cao, thể cách bình thường, xem ra thanh lịch,

có thể biểu hiện cái đẹp mảnh mai của nữ giới, đó là điểm ưu việt của chiều cao.

Nhưng người thấp cũng có cái mạnh của người thấp. Người thấp nói chung đều tỏ ra khôn ngoan tài cán, linh hoạt nhanh nhẹn, con trai thì tài ba giỏi giang, con gái thì duyên dáng khéo léo. Cho nên xét cái đẹp hình dáng bề ngoài của con người thì cao thấp mỗi cái đều có cái thích hợp của nó. Còn xét về tố chất bên trong của con người, thì các nhà sinh lý học và tâm lý học đều nhất trí cho rằng, người lùn về mặt trí lực, thể lực tốt hơn người cao, thậm chí về mặt sinh hoạt tình dục, khả năng của người lùn mạnh hơn người cao, rút ra kết luận này không phải là tự nghĩ ra mà là có căn cứ khoa học đầy đủ, ở đây không thể nói kỹ.

Có cô nhận thức chưa toàn diện, cứ cho rằng con trai có thân hình cao thể hiện khí phách của gối mày râu. Không hẳn như thế. Cái gọi là khí phách mày râu cố nhiên có liên quan đến dáng vóc con người, như những anh chàng khôi ngô vạm vỡ, lưng dài vai rộng, vai u thịt bắp. Nhưng khí phách mày râu chủ yếu hơn là do khí chất và tính cách bên trong quyết định. Đã là mày râu thực thụ thì phải có tinh thần tiến thủ vươn lên, coi trọng sự nghiệp công danh, có khả năng khai phá sáng tạo, có tính cách cương nghị kiên cường, có ý chí bất khuất, dũng cảm, có gan có chí, đó mới là khí phách mày râu, mà những cái đó không liên quan

trực tiếp đến chuyện cao, thấp của con người.

Có cô gái quá coi trọng giá trị thân hình bên ngoài, mù quáng sùng bái thước tác chiêu cao, điều đó chỉ có thể cho thấy cô ấy rất thiên lệch và cạn cợt trong việc chọn người yêu, bởi vì cô ấy không hiểu được rằng, cao thấp đâu có phải là cái lớn chủ yếu của người con trai, nói cho cùng nó cũng chỉ là một phần của cái đẹp thể hình, mà là phần nhỏ chứ không phải phần lớn. Tục ngữ có câu: “Thân cao tám thước không bằng tài cao tám đấu”, “cái nết đánh chết cái đẹp”.

Xin cử một vài ví dụ, Lê-nin, Đặng Tiểu Bình, những vĩ nhân toàn thế giới đều kính trọng, đều là những người lùn, lại là những nhân vật kiệt xuất có kiến thức uyên bác, công lao to lớn. Nhà chính trị và thống soái quân sự nước Pháp Napoléon chinh phục toàn bộ châu Âu, danh tiếng vang lừng cũng là người lùn.

Béttôven được gọi là thánh nhạc thế giới và Balzac - bậc thầy văn học nước Pháp đều là người có thân hình béo lùn, mặt mày cũng không xinh đẹp, nhưng họ đều có tài hoa xuất chúng được nhiều cô gái xinh đẹp yêu mến.

Sau mỗi lần biểu diễn thành công, Béttôven đều bị các cô gái bao vây, họ lấy làm vinh dự được bắt tay ông, coi bút tích chữ ký lưu niệm của ông là một vật quý báu, bày tỏ lòng yêu mến sâu sắc đối

với ông, hết sức sùng bái tài hoa xuất chúng của ông. Các tiểu thư quý tộc Julie xinh đẹp và Tracy dịu dàng, học trò của Béttôven đều yêu sâu sắc Béttôven, cảm thấy ông có một sức hút khó lòng chống cự nổi. Tracy thổ lộ: “lòng cô đã say đắm khúc nhạc của ông và cảm thấy có một tình yêu thực đỗi dào, Béttôven là chàng trai đáng yêu nhất”.

Sau khi thành danh Balzac được rất nhiều cô gái trong và ngoài nước theo đuổi. Theo tài liệu ghi chép lại, khoảng 3000 cô gái viết thư tình cho ông, có ngày ông nhận hơn mươi bức thư tình. Trong những bức thư nóng bỏng cháy người ấy có những lời si tình cảm động: “Anh yêu em một năm, em sẽ yêu anh suốt đời”, “Em sinh ra trên đời này là để cho anh, được anh yêu, em suốt đời thoả mãn, không đòi hỏi cái gì khác nữa...”. Từ đó có thể thấy rằng, tài hoa của giới mày râu có sức hấp dẫn không biết gấp bao nhiêu lần so với sức hấp dẫn của chiêu cao. Những người con gái thông minh và giàu tu dưỡng văn hoá bao giờ cũng rất coi trọng mặt chủ yếu là tài hoa của con trai, đó là của cái tinh thần có sức hấp dẫn nhất và sẽ không so đo quá đỗi với chiêu cao bao nhiêu và mặt mũi thế nào.

Có lẽ có cô còn lo lắng điều này: tìm một chàng lùn làm chồng sẽ ảnh hưởng đến chiêu cao của con cái đời sau. Có thanh niên khi chọn người

yêu cũng sợ người lùn sẽ ảnh hưởng đến của đời sau. Kỳ thực những tính toán tưởng là đúng đó chỉ là sự hiểu nhầm không phù hợp với khoa sinh dục, sự thực không phải như họ tưởng tượng.

Thực nghiệm khoa học chứng minh lại là như thế này: một người cao phối hợp với một người thấp khác giới, thì đứa con sinh ra sẽ cao. Nếu con trai cao 1"80 hôn phối với con gái chỉ cao 1"50 thì kết quả con trai cao có thể trên 1"80, con gái cao có thể trên 1"60. Ngược lại, con trai cao 1"60 hôn phối với con gái cao 1"70 thì kết quả con trai có thể đạt 1"78, con gái có thể trên 1"6. Các nhà khoa học sinh lý cho rằng, sự hôn phối tốt nhất nên là: nếu con trai trên 1"80, tốt nhất nên tìm cô gái dưới 1"60, như vậy con cháu đời sau của họ vẫn cao. Ngược lại, nếu con gái trên 1"70 tìm một anh chồng trên 1"60 thấp hơn mình thì con cháu đời sau của họ vẫn cao. Một đôi nam nữ, cả hai đều cao sinh con sẽ cao, còn một đôi nam nữ cả hai đều lùn sinh con sẽ lùn. Dù sinh con lùn, nếu thể chất tốt cũng không phải là việc gì xấu.

Xem ra chúng ta nên xoá bỏ cái thuyết “chiều cao ưu việt”. Tôi khuyên những chàng trai cô gái có thân hình tương đối thấp, khi chọn người yêu hoàn toàn không cần thiết phải buồn phiền, nhất thiết phải kiên quyết thay đổi một số quan niệm hờ đờ, thay đổi thiên kiến thẩm mỹ, ngộ nhận chỉ có con trai có thân hình cao lớn mới đẹp.

Có người nói, hai người đều cao đi ra đường “mới xứng với người xem”. Đó là một suy nghĩ tầm thường, cũng là một tâm lý thích hư vinh. Muốn đẹp ở ngoại hình càng cần phải đẹp ở nội tâm. Hạnh phúc của hôn nhân là một trải nghiệm nội tâm, chứ không phải là để bày biện hình dáng ra cho người khác xem.

7. KẾT HÔN PHẢI CHÚ TRỌNG THỂ DIỆN PHÔ TRƯỞNG

Người Trung Quốc luôn coi trọng việc kết hôn, cho rằng đó là việc lớn cả đời mới có một lần, do đó khi tổ chức lễ cưới là không tiếc tốn tiền, ra sức phô trương lâng phí, chú trọng thể diện, tiệc tùng đình đám, cốt sao cho có tiếng tăm thanh thế. Nếu làm đơn giản thì bị cho là người nhỏ nhen, không biết làm đẹp mặt. Tổ chức lễ cưới rôm rả, vui vẻ thật chẳng có gì đáng chê trách, nhưng nếu làm quá đáng, dốc hết sức lực, thậm chí vay dật khắp nơi, để làm cho nổi đình nổi đám, đó là một tập tục hủ bại. Chúng ta hãy nhìn lại những thay đổi trong tập tục hôn nhân của người Trung Quốc.

Nói đến hôn lễ là một việc đẹp đẽ khó quên nhất trong cuộc đời người. Thông qua hôn lễ có thể nhìn thấy cái tiến bộ và lạc hậu, văn minh và dã man, khoa học và ngu muội trong nếp sống của loài người, có thể thấy được phong tục đặc thù của một dân tộc, của một khu vực.

Trong thời gian khá dài, loài người chỉ có hiện

tượng hôn cầu mà không có hôn lễ. Đến khi hôn nhân cá thể bắt đầu, chế độ một vợ một chồng đầu tiên xuất hiện, một người đàn ông chỉ thuộc về một người đàn bà, một người đàn bà chỉ thuộc về một người đàn ông, lúc này, người ta mới đổi xử vấn đề phương thức hôn phối giữa nam nữ một cách nghiêm túc, phải dùng nghi thức long trọng để tuyên bố quan hệ vợ chồng chính thức xác lập. Cho nên nói, hôn lễ ra đời là một tiến bộ lớn của lịch sử nhân loại.

Bản thân hôn lễ là một biểu hiện của văn hóa loài người phát triển, là một bộ phận hợp thành quan trọng của văn minh tinh thần nhân loại.

Thời cổ đại ở Trung Quốc lấy “quán, hôn, tang, tế, hương, tướng” coi là “sáu lễ”. Hôn lễ trong sáu lễ đó thì lấy trình tự sáu bước của kết hôn làm chuẩn. Tên của “sáu lễ” đó đầu tiên xem trong “Lễ ký, Hôn nghi” kinh điển của nho giáo. Nội dung cụ thể ghi trong “Nghi lễ. Sì hôn lễ”, bao gồm:

1. Chạm ngõ, tức nhà trai nhờ bà mối đến nhà gái cầu thân.
2. Vấn danh, tức nhà trai nhờ bà mối hỏi tên tuổi và ngày sinh tháng đẻ của nhà gái để xem tướng số hai bên nam nữ có hợp nhau không.
3. Xin quê, tức nhà trai đến tông miếu xin quê. Sau khi bốc quê được điềm lành chuẩn bị lộc thông báo cho nhà gái quyết định xe kết nhân

duyên.

4. Ăn hỏi, tức nhà trai đưa sinh lẽ đến nhà gái.

5. Định ngày, tức nhà trai chọn ngày hôn lễ, chuẩn bị lễ lộc, báo cho nhà gái, xin chấp thuận.

6. Dón dâu, tức chàng rể đến nhà gái rước dâu về nhà mình.

Trình tự kết hôn đó bắt đầu từ xã hội nô lệ, tuy đã có thay đổi trong xã hội phong kiến nhưng về cơ bản không thoát ra khỏi phạm vi “sáu lẽ” đó, trong luật lệ đời Đường, đời Minh đều có qui định tương tự. Nó là sự thể hiện của hôn nhân bao biện cưỡng bức và hôn nhân mua bán kết hợp với nhau dưới lề giáo cũ. Chế độ hôn nhân này vẫn kéo dài mấy nghìn năm.

Hôn nhân mua bán gắn liền với quyền hành lợi ích tài sản. Kết hôn thời xưa, bên nam phải đưa lẽ cho bên gái. Phép tắc này, giao ước với nhau thành chuyện, kéo dài mãi thành tập quán, tiếp diễn mãi đến mấy nghìn năm nay. Đưa lẽ tức là đưa vàng, đưa vật, đưa tiền. Trong “sáu lẽ” nói trong “Lễ ký. Sỉ hôn lẽ”, mỗi lẽ đều phải đưa lẽ vật, tiền bạc. Trong xã hội cũ không biết bao nhiêu người nghèo phải ở độc thân suốt đời. Lại không biết bao nhiêu cô gái, một phần lẽ vật trở thành mua bán, “đặt dâu ngồi đó”. Coi việc đưa lẽ vật là điều kiện xây dựng quan hệ hôn nhân đã trở thành

cái giá con người của hôn nhân mua bán biến tướng. Một khi bên gái nhận lễ vật tức là hôn ước đã xong. Đó gọi là “tuy chưa có giấy phép kết hôn nhưng nhận lễ vật cũng coi như có giấy phép”. Luật lệ cũ gọi hôn nhân hình thành theo kiểu đó là “hôn nhân xin cưới”. Vì vậy vợ lấy về gọi là “vợ xin cưới”.

Tập tục hôn lễ cũng như các phong tục khác, sẽ biến đổi theo sự biến đổi của xã hội, nhưng lại khác nhau rất nhiều do truyền thống văn hoá không giống nhau của từng khu vực, của các dân tộc khác nhau. Có nơi trai lấy vợ, gái gả chồng, có nơi gái lấy chồng, trai gả vợ. Có những tập tục hôn nhân phản ánh phong khí thời thượng nào đó, thích ứng với một nhu cầu nào đó. Nghi thức hôn lễ từ xưa đến nay được người ta coi trọng.

Ở xã hội cũ nghi thức lễ cưới nói chung đều phải có kiệu hoa đón rước cô dâu, lại có thỏi kèn đánh trống, phải khâu đầu quỳ lạy đất trời, cha mẹ, cô dâu chú rể phải cheo tay nhau uống rượu, còn phải ra sức dãi dàng khách khứa, bạn bè, hàng xóm, tốn kém khá nhiều.

Có những hộ nông dân ở làng quê nghèo hẻo lánh, muốn kiếm một cô vợ, thường phải lao động cật lực nhiều năm trời, dành dụm số tiền nhất định để xây nhà mới, đưa tiền ăn hỏi, mua quần áo, đồ trang sức cho bên gái, ngoài ra còn phải tổ chức đón dâu. Ngày cưới, các khoản chi tiêu đều

rất lớn, có người tích luỹ bao nhiêu năm chỉ dùng sạch trong một ngày. Có người tài sản chẳng có gì, đành phải vay đồng dật tây, chịu lãi suất cao, chờ đến sau ngày cưới thì nợ chồng nợ chất. Sau cái cách mở cửa, kinh tế ở thành thị, nông thôn đều sống động, người có tiền cũng nhiều lên. Người ta cho rằng: dựng vợ gả chồng là việc lớn, tiêu sao cho rạng rõ mặt mày, tốn kém bao nhiêu cũng chẳng nên xót (!)

Vì thế, những người giàu có thường vung tiền tổ chức lễ cưới, tiệc tùng linh đình, phô trương hào nhoáng - người bình thường không dám nghĩ tới.

Cục trưởng nhân sự của một huyện nọ cưới vợ cho con, tổ chức lễ cưới linh đình với hai trăm bàn ăn, người đến dự là hơn một ngàn, nhằm gây thanh thế của gia đình. Khách các nơi ùn ùn kéo đến. Xe con đón dâu đã trên 20 chiếc, trên mỗi chiếc xe đều gắn dài lụa đỏ, cửa xe dán chữ "Hí". Lễ cưới tổ chức ở khách sạn lớn có danh tiếng nhất trong huyện. Bàn tiệc hạng nhất, phục vụ hạng nhất, có đội nhạc riêng, tối hôm đó còn có dạ hội khiêu vũ. Dám cưới phô trương ấy đã gây ảnh hưởng cực xấu ở địa phương, nhiều người rất bất bình. Có người nói: "Cục trưởng nhân sự huyện tổ chức lễ thành hôn cho con trai làm như thế, thì bộ trưởng nhân sự nhà nước sẽ như thế nào?" Họ còn nói: "Cán bộ cấp dưới của ông thừa cơ này để ton hót nịnh bợ ông, nếu không thì lấy đâu ra nhiều

tiền thê? Ông bày vẽ tiệc tùng phung phí có lẽ cũng là cái đạo sinh tài". Sau đó, Uỷ ban kiểm tra kỷ luật của huyện đã quyết định kỷ luật cảnh cáo ông trong đảng...

Người Trung Quốc thích vẽ vời tiêu nhiều tiền cho việc cưới xin, cho rằng đời người chỉ có một lần hôn lễ, nhất thiết không được làm sơ sài. Coi trọng hôn nhân là đạo lý thường tình. Nhưng vấn đề là phải hợp lòng người.

8. TỤC NÁO ĐỘNG PHÒNG TRONG BUỔI TÂN HÔN

"Náo tân phòng" hay còn gọi là náo động phòng, dọa thân, dọa cô dâu... là một tục cổ xưa. Theo lối thường thì "náo tân phòng" không nằm trong phạm vi các thủ tục hôn lễ, nhưng từ cổ chí kim, cứ dựng vợ gả chồng là có tục "náo tân phòng", lâu dần trở thành phong tục không thể thiếu khi kết hôn. Theo nghiên cứu của các chuyên gia dân tộc học, phong tục náo tân phòng rất phổ biến ở Trung Quốc và ở nhiều nước trên thế giới. Ở Trung Quốc nó có xuất xứ từ triều đại Tấn. Người xưa mê tín cho rằng cô dâu rất dễ bị ma quỷ hâm hại, do đó đã dùng khăn đῷ phủ đầu, che mặt cô dâu để tránh ma quỷ. Khi vào trong phòng tân hôn, chú rể sẽ tháo khăn che mặt, như vậy cô dâu vẫn dễ bị ma quỷ nhiều nhương, phải dùng hình

thúc huy động người đến hò reo, khuấy động để đuổi ma trừ tà. Từ đó phong tục náo tân phòng được lưu truyền tới sau này.

1. Xuất xứ của phong tục náo tân phòng. Tương truyền rằng từ đời Tán, sao Tử vi trên trời được giáng xuống trần thế làm hoàng đế. Vị hoàng đế này có một trái tim nhân hậu, chí công vô tư, hết lòng vì dân, lại có một đôi mắt tinh tường, nhạy bén, có thể phân biệt rõ thị phi, nhìn thấu mọi chân tơ kẽ tóc của sự vật, sự việc. Một hôm, ông giả dạng thành một người dân thường đi thị sát tình hình trong nhân dân. Khi đến một làng quê, gặp đúng trong làng có đám cưới. Đám cưới rất vui nhộn, đoàn người rước kiệu đưa dâu đông đúc, ai ai cũng vẩy áo sặc sỡ, chỉ riêng có một người đàn bà có khuôn mặt quái dị... theo sát phía sau kiệu cô dâu. Đó chính là một con ma nữ lúc ẩn lúc hiện nên người thường không thể nhìn thấy, nhưng không thể qua được đôi mắt tinh tường của vị hoàng đế.

Thấy bóng ma, vị hoàng đế liền theo sát gót, không rời nửa bước cho tới khi bóng ma tới trước cửa nhà trai. Bóng ma nữ liền trốn ngay vào gian nhà trong, thoát một cái đã lẩn vào trong phòng tân hôn. Thấy vậy hoàng đế cũng theo vào trong phòng, kê một chiếc ghế ra ngồi trước cửa, canh giữ nghiêm ngặt bóng ma kỵ quặc này.

Đến khi cô dâu chú rể làm xong lễ vái trời

đất, cha mẹ, bước vào phòng tân hôn, hoàng đế vẫn đứng chắn trước cửa, không cho họ vào. Người nhà đề nghị ông nhường đường để cô dâu vào phòng tân hôn, hoàng đế trả lời không thể vào được bởi bên trong đang có ma quỷ lẩn trốn. Người chủ hôn nói: Sao tôi chẳng nhìn thấy gì cả? Hoàng đế trả lời: mắt ngươi không thể thấy được, chỉ có ta mới nhìn thấu. Mọi người thấy ông khí phách, phong độ khác người, liền tin ngay không nghi ngờ gì cả, sau đó thỉnh giáo ông giúp cách diệt trừ ma quỷ. Hoàng đế nói: ma quỷ sợ nhất đông người, người đông thì khí vượng, sẽ khiến ma quỷ sợ hãi. Nếu mời tất cả khách khứa cùng lưu lại vui đùa cười nói sẽ đuổi được ma quỷ. Kết quả là mọi người náo động phòng tối tận canh năm buổi sớm, ma nữ thấy không có cách nào ra tay được đành phải bỏ chạy. Hoàng đế nói: mọi việc đều ổn rồi con ma nữ đã bỏ chạy, cô dâu chú rể có thể vào phòng tân hôn được rồi, ta cũng phải đi đây.

Từ đó trở đi, trong đám cưới của người Hán bắt buộc có tục náo tân phòng.

2. Vào đời Tống, trước khi Triệu Khuông Dẫn lên ngôi hoàng đế, ông thường dẫn quân đánh đông, dẹp bắc. Một hôm, ông dừng chân ở chân núi Bát Công, bỗng nghe tiếng trống chiêng tung bừng, nhìn ra thấy một đoàn rước dâu đông đúc, ai nấy tươi cười phấn khởi. Trong lòng Triệu Khuông Dẫn bỗng thất kinh: "Không được rồi, hôm nay là ngày

hung thần sao lại tổ chức hôn lễ ? ông căng mắt quan sát kỹ lưỡng và phát hiện phía sau kiệu hoa cô dâu là một đoàn hung thần Thát Sát ông nghĩ, không được rồi, dễ có người mất mạng lắm, ta cần phải đi theo xem sao".

Theo đoàn rước dâu ông đến nhà chú rể thì thấy đây là một gia đình nghèo. Ông nghĩ thầm cần phải cứu mạng chú rể, khô ng thể để gia đình họ đã nghèo rồi lại đau khổ vì mất người. ông rút tiền, gấp một phong bao đỏ mừng hạnh phúc, cùng khách mời vào dự lễ trong phòng khách. Triệu Khuông Dẫn là một người có thân hình cao lớn, dáng oai phong, khí thế khác người. Tiệc rượu bắt đầu, mọi người thấy ông đoán ngay là khách phương xa tới, lại có phong thái oai hùng, bệ vệ liền mời lên ngồi mâm trên. Mâm cỗ đã bày đủ 5 món, rượu tiệc đã qua 3 tuần, mọi người đều đã ăn uống no say và chuẩn bị ra về. Triệu Khuông Dẫn thấy trời đã tối sầm mà bên ngoài phòng tân hôn, lũ hung thần thát sát kia... vẫn lượn lờ qua lại, rất muốn tiến vào trong phòng, liền tìm kế đuổi lũ "Thát Sát..." này đi. Ông đưa ra ý kiến nói: "Thưa các vị theo tập tục của quê hương tôi, sau khi dự tiệc cưới, khách khứa còn tụ tập vui chơi trong phòng tân hôn. Mọi người có đồng ý như vậy không?" Mọi người đồng thanh trả lời: "Được, nhưng vui chơi như thế nào?" Triệu Khuông Dẫn liền kể ra một vài trò chơi, đem một chiếc bàn lớn kê vào giữa phòng tân hôn, trên bàn để nhiều thứ

như hon quả, bánh kẹo, lạc nhân, táo dỗ v.v. rồi đề nghị cô dâu mời mọi người cùng ăn. Ông lại nói: "Nhân ngày này, ai cũng có thể tự do vui đùa".

Ông vừa dứt lời, cả phòng náo nhiệt hẳn lên: chỗ này đòi cô dâu rót rượu, chỗ kia đòi cô dâu mời kẹo, có người muốn bắt tay, lại có người muốn cô dâu chú rể cùng hát múa v.v. Có người còn xuất khẩu thành thơ: Chú rể ăn táo, cô dâu ăn kẹo, đôi uyên ương hợp lại sang năm sinh trạng nguyên?" Mọi người thấy vậy đều vỗ tay tán thưởng.

Cứ như vậy, cuộc vui thâu đêm, khiến lũ "hung thần Thất Sát" kia chỉ đám lượn đi lượn lại ngoài phòng tân hôn mà không dám bước vào. Chẳng mấy chốc tiếng gà gáy báo hiệu trời sáng, lũ hung thần chỉ còn nước bỏ chạy. Lúc này, Triệu Khuông Dẫn mới đề nghị mọi người ra về cho cô dâu chú rể được nghỉ ngơi. Đôi tân hôn nhờ đó mà bình an, vô sự. Sau này, mọi người mới được biết người anh hùng hảo hán đã chỉ huy cuộc vui đùa náo động phòng, trừ tà ma áy chính là Hoàng đế Tống Thái Tổ. Từ đó trở đi, để bảo đảm cho cô dâu chú rể được bình an, may mắn, cũng nhằm tạo không khí vui vẻ náo nhiệt trong ngày cưới, cứ vào đêm động phòng hoa trúc, mọi người lại tổ chức vui đùa trong phòng tân hôn. Và phong tục tập quán này đã được lưu truyền tới nay nay. Cũng còn một số truyền thuyết và cách giải thích về xuất xứ lai lịch của phong tục náo động phòng, tuy nhiên tác

giả cho rằng hai già thiết trên dây tương đối phù hợp tình lý, mọi người náo động phòng là nhằm diệt tà trừ ma, bảo vệ cô dâu chú rể. Điều này là xuất phát từ thiện tâm.

Phong tục náo tân phòng phổ biến rộng rãi khắp cả nước, đặc biệt, ở các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, An Huy, Thiểm Tây, Hà Nam, Hà Bắc v.v... phong tục này càng nặng nề. Nhiều nơi náo tân phòng liên tục ba ngày đêm, điều này khiến nhiều người không chịu đựng được.

Tại nhiều địa phương ở Táo Dương, tỉnh Hà Bắc, phong tục náo động tân phòng đến nay vẫn rất nặng nề. Ngay đêm đầu tiên cô dâu về nhà chồng, tất cả già trẻ lớn bé đều tập trung trong phòng tân hôn, liên tiếp đưa ra các đòi hỏi, yêu cầu đối với cô dâu. khiến cho cô dâu chú rể mặt đỏ tía tai, mệt mỏi rã rời, nhiều khi vất vả, khổ sở. Thế nhưng cho dù mọi người có đòi hỏi, náo loạn thế nào, cô dâu chú rể vẫn phải nín chịu, không được tỏ ý bức dọc, cău gắt. Mọi người cười đùa rất vui vẻ, tiếng cười râm ran khắp phòng, ngược lại cô dâu bị "xoay vần" đủ kiểu đến phát mệt.

Chỉ biết sự vui vẻ của mình mà không đểm xia đến tâm lý của cô dâu, điều đó chứng tỏ phong tục này đã biến thành hủ tục, không đáng lưu giữ nữa. Có học giả lại cho rằng: tân phòng tức là hỉ phòng, náo nhiệt vui nhộn tức là điếm hỉ, náo động phòng đem lại không khí vui vẻ. Nếu không có

người đến náo động phòng, không khí sẽ lặng lẽ, lạnh lẽo không hay. Mục đích chính của việc náo động phòng là để xem cô dâu, ghen cô dâu. Không khí náo nhiệt thể hiện gia nghiệp thịnh vượng, cũng là ước nguyện, mong muốn được hưng thịnh. Ở nhiều nơi, người ta còn lo lắng không có người đến vui đùa sẽ khiến đêm tân hôn vắng vẻ lạnh lẽo nên đã nhờ người đi phát hồng bao (dùng giấy đỏ đựng tiền) để mời mọi người đến vui đùa. Nhưng vui đùa một ngày còn được, nếu liên tục 3 ngày 3 đêm thì e rằng không ai có thể chịu nổi. Vốn mang một ý tốt, nhưng nếu lạm dụng quá đáng thì sẽ gây ra hiệu quả ngược lại.

Phong tục náo tân phòng được lưu truyền tới ngày nay, thực chất là một hủ tục, lợi ít hại nhiều. Ví dụ, nếu đúng như trong truyền thuyết, không thể không náo tân phòng, không vui đùa, náo động là không cát tường may mắn, nhưng náo động vừa phải thì có thể chấp nhận được. Nếu vượt quá mức độ, náo động ầm ĩ, gây ra nhiều chuyện không hay, thậm chí gây ra án mạng, đó chẳng phải là quá không may mắn sao? Như vậy, phong tục này mất đi ý nghĩa ban đầu. Vào đêm tân hôn, sau khi cô dâu chú rể đã mệt mỏi suốt cả ngày, lẽ ra phải được nghỉ ngơi và gần gũi nhau thì vẫn phải lo lắng để phòng có người gây rối trong đêm, bởi lẽ bên ngoài phòng tân hôn vẫn có những đám người náo loạn, có người dập vỡ kính cửa sổ chọc thủng giấy dán tường, hòng xem trộm, nghe trộm chuyện

riêng tư của đôi vợ chồng trẻ. Có người soi đèn pin lên giường cô dâu chú rể, tệ hơn là tung đất ném đá vào buồng tân hôn. Đây thực sự đã trở thành những trò ác ý tồi tệ.

Đặc biệt ở một số vùng nông thôn, tục náo tân phòng đã trở nên quá quắt. Theo các tục lệ cổ xưa có một số địa phương, náo tân phòng diễn ra liên tục 3 ngày đêm không kể già trẻ lớn bé. Kể từ khi đón dâu về qua cửa, tất cả dân làng già trẻ trai gái liền tụ tập đến, vây chặt quanh cô dâu, người đẩy người kéo, người giằng người xé, khiến cô dâu mệt mỏi rã rời, kiệt sức rồi vẫn không chịu buông tha. Lại có nhiều người tham gia náo tân phòng nhưng có tâm lý không lành mạnh, vừa tồi tệ, vừa lả lơi bờn cợt, luôn miệng văng tục chửi bậy, khiến cô dâu ngượng ngùng xấu hổ không biết tránh vào đâu. Còn có nhiều người có hành vi khiếm nhã, lõ mǎng, giờ trò xấu xa như xoa dầu, vuốt má, tệ hơn là xoa ngực, vuốt đùi cô dâu (!)

Theo lệ cũ, ngày cưới là ngày đại hỉ, dù có người quá đáng một chút cô dâu vẫn tuyệt đối không được phản kháng, nếu khóc lóc, bức bối hay mắng mỏ mọi người sẽ bị coi là một việc không tốt, đáng xấu hổ, làm mất đi không khí vui vẻ Chính vì vậy đã khiến cho nhiều kẻ vô lại đến tham gia náo tân phòng thừa cơ làm càn. Sự việc còn nghiêm trọng hơn khi có những cô dâu vào ngày hôn lễ bị hành hạ đến thương tổn khắp người, đau đau máu

chảy. Ngày cưới được vào động phòng vốn là giờ khắc hạnh phúc vui vẻ của đời người nay đã bị biến thành giờ phút chịu khổ chịu nhục. Điều đáng lo ngại là tập tục hù lậu này đến nay vẫn chưa bị loại bỏ. Theo một báo cáo: tại một lễ tân hôn ở một huyện thuộc tỉnh Hà Bắc, 7,8 thanh niên đã đe lèn cô dâu khiến cô dâu ngạt thở mà chết, gây ra một vụ án mạng đáng tiếc, một bi kịch thảm khốc không đáng có.

Một vụ khác, cũng xảy ra ở nông thôn, một nam thanh niên vào phòng tân hôn, trốn xuống gầm giường. Anh ta còn mang theo máy ghi âm, đợi đến khi đêm xuống mọi người đã ra về hết, cô dâu và chú rể bắt đầu âu yếm nhau... Kết quả là toàn bộ những lời tâm sự thầm kín của họ, thậm chí những tiếng âu yếm của họ khi gần gũi nhau đều bị ghi âm lại.

Ngày hôm sau, tên vô lại này đem cuộn băng thu được phát cho mọi người nghe. Cô dâu không thể chịu đựng đòn đánh này và đã phải tìm đến cái chết.

Từ các ví dụ trên đây có thể thấy rằng tập tục náo động phòng đã hoàn toàn bị bóp méo, biến dạng và đã trở thành một hành vi xấu xa, lạc hậu. Nó chính là hình thức hành hạ thể xác, đồng thời cũng là sự hạ nhục nhân phẩm của cô dâu, đã đến bước không thể không thay đổi. Ngoài ra, đối với những sự việc gây thương tích hay tử vong, cần

truy cứu trách nhiệm hình sự đối với kẻ gây hại, cảnh cáo những kẻ bại hoại đạo đức, rắp tâm làm bậy trong lễ náo động phòng, những kẻ để xảy ra chuyện đáng tiếc cũng phải chịu sự trừng phạt.

Điều quan trọng hơn là các nữ thanh niên thời đại mới cần thiết áp dụng các biện pháp tự vệ trước các hủ tục lạc hậu, đối với những kẻ tham gia náo động phòng có những hành vi lời nói bất nhã, lỗ mãng, cần phải kiên quyết đấu tranh, không nên vì mình làm cô dâu trong ngày cưới mà chịu để mặc cho người tiêu khiển, càng không nên nhẫn nhục trước những thương tổn, phương hại về thân thể. Ngoài ra, những bậc làm cha làm mẹ cũng cần có trách nhiệm bảo vệ đôi vợ chồng trẻ. Tóm lại, náo động phòng cũng cần có văn minh.

Chương VIII

PHONG TỤC TẬP QUÁN

Phong tục tập quán là những thói quen, lễ tiết hoặc tập tục được hình thành trong thời gian dài và không dễ thay đổi, tất nhiên có phân chia làm mĩ tục và thủ tục. Phạm vi của phong tục tập quán rất rộng, trong cuốn sách này tác giả chỉ đề cập tới bộ phận cực đoan, tập trung bàn về mặt lạc hậu thiếu văn minh của chúng.

1. DA MẶT MỎNG NHƯ TỜ GIẤY

Trung Quốc là nước có nền văn minh và lịch sử lâu đời, đồng thời là một quốc gia nhiều dân tộc với những phương thức sinh hoạt và truyền thống đặc sắc riêng biệt. Do đó đã hình thành các phong tục tập quán phong phú đa dạng mang đậm dấu ấn văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau. Ở đây tác giả chỉ đề cập những phong tục tập quán của người Hán.

Tất nhiên có phong tục tốt và không tốt. Trung Quốc có một câu thành ngữ "Sai quen thành đúng", ý muốn nói có những sự việc sai trái nhưng lâu dần thành quen, lại được coi là đúng đắn. Chúng tôi chỉ muốn bàn luận về những phong tục tập quán không hay (hủ tục), tức là muốn nói đến mặt hạn chế của những phong tục tập quán Trung Quốc. Người Trung Quốc từ xưa tới nay thường có tính sĩ diện rất cao. Như vậy là tốt hay xấu? Không thể nhận định một cách tuyệt đối, nhưng trong đại đa số các trường hợp, tính sĩ diện chính là biểu hiện của lòng hư vinh, là một loại văn minh bệnh hoạn, là một thói quen xấu.

"Sĩ diện" - hàm ý của từ này rất phức tạp. Một vài dòng không thể giải thích rõ ràng được. Chỉ nói về mặt chữ nghĩa, sĩ diện là thể diện (thân phận, vinh dự...), đó chính là tính hư vinh bề ngoài.

Nhà văn Lỗ Tấn đã viết tác phẩm "Bàn về "thể diện!", trong đó có đoạn: "Thể diện thực chất là cái gì vậy? Không nghĩ đến thì thôi, còn nghĩ đến thì thấy mông lung, mơ hồ. Dường như có rất nhiều loại, mỗi một thân phận có một loại sĩ diện, cũng chính là bộ mặt của mỗi người nên bộ mặt đó có một đường giới hạn, ở dưới giới hạn đó gọi là mất mặt, không sợ mất mặt gọi là mất thể diện. Ngược lại, vượt quá giới hạn đó là "hở mày mở mặt". Những kiểu "mất thể diện" ở mỗi người một

khác. Ví dụ, phu xe ngồi và vật ở rẽ đường, chẳng có gì lạ, nhưng nếu là một anh học thức nhà giàu mà như vậy chắc chắn sẽ là "mất mặt". Lâm Ngũ Đường, tác giả cuốn "Sĩ diện và phép sửa chữa", cũng nêu rõ ràng không thể vì sự sĩ diện hảo mà đi lừa gạt người khác, làm trái luật pháp, cản trở việc quán triệt thực thi pháp luật. Cần biết rằng mọi người đều bình đẳng về thể diện, nếu không một số người tự cho là có thể diện mài mỉa ăn chơi quá độ, hậu quả là vượt quá mức độ cho phép, được hưởng đủ đặc quyền đặc lợi, còn những người bị coi là hèn kém thì cho rằng uy tín của chính phủ và sự tôn nghiêm của luật pháp đã bị vi phạm nghiêm trọng.

Lâm Ngũ Đường đã đưa ra một trường hợp cụ thể rằng: Tôi đã từng đọc cuốn "Sĩ diện và khuôn mặt" của tiên sinh Phùng Anh Tử, ông viết: "Tôi vẫn nhớ hồi còn trẻ đã đọc bài viết của Trâu Thao Phán trên tuần báo "Đời sống", nhan đề "Cần sĩ diện không cần xấu hổ". Thể diện và khuôn mặt vốn là hai cách gọi của cùng một bộ phận cơ thể con người, cùng chỉ một sự vật nhưng trong thực tế cuộc sống, thể diện và khuôn mặt lại có những hàm nghĩa khác nhau. Thể diện chỉ là thể hiện hình thức giả tạo bề ngoài, người người cần sĩ diện, cái họ muôn, chỉ dùng để che đậy, trang sức bên ngoài. Có người đã vì bộ mặt sĩ diện mà có thể không từ mọi thủ đoạn..., làm những việc xấu xa, thát đức. Trước mặt một vẻ, sau lưng một dáng, bên ngoài một khác, bên trong một kiểu. Đây

chính là thực chất của việc thích trưng thể diện nhưng đã biến thành vô liêm sỉ. Lúc này, thể hiện và khuôn mặt đã thành hai sự việc hoàn toàn khác nhau.

"Trong lịch sử hiện đại, sự kiện "bè lũ bốn tên" là một điển hình của việc ra vẻ có thể diện nhưng thực chất là vô liêm sỉ. Bọn họ bẽ ngoài lúc nào cũng tỏ ra đạo mạo, lịch lãm, đúng tác phong của một chính nhân quân tử. Mở miệng ra là nào chủ nghĩa Mác - Lênin, thế nhưng bên trong đều là lũ nam tặc nữ gian lời lẽ chúng nói hoa mỹ bao nhiêu thì những việc chúng làm táng tận lương tâm bấy nhiêu.

Hiện tượng sĩ diện mà không biết xấu hổ như vậy cũng vô cùng đa dạng, với nhiều hình nhiều vẻ. Tiên sinh Trâu Thao Phấn nói những lời này từ thời kỳ lửa gạt lắn nhau của xã hội tư bản chủ nghĩa, vậy mà đã 50 năm trôi qua, nhưng hiện tượng này vẫn còn tìm được "thị trường" để tồn tại. Phải chăng đúng như Tuân Tử từng nói, con người cũng đều mang một gốc rễ của "tinh ác"? Thật quả là một sự châm biếm sâu sắc về nhân tình thế thái ! Điều này hoàn toàn đi ngược lại với những văn minh tinh thần mà chúng ta đang cổ vũ, ca ngợi hiện nay". Ba vị tiên sinh kể trên đều có chung ý kiến: không thể duy trì thói sĩ diện, giữ thể diện giả tạo, thói quen xấu này cần được xóa bỏ. Tuy nhiên, thói xấu này dường như đã trở thành một

thứ bệnh ký sinh, rất khó loại trừ.

Vấn đề thể diện là cốt lõi của tư tưởng văn hóa Trung Quốc - là biểu hiện điển hình của "ý thức quần thể" và thể hiện trực tiếp. Theo "ý thức quần thể", mỗi người đều buộc phải và chỉ có thể chứng tỏ mình thực hiện mình bằng việc thông qua quan hệ với mọi người, tức là cũng phải đối mặt với mọi người. Mà muốn đối diện; với mọi người đòi hỏi phải có thể diện. Song, "thể diện" thực chất cũng chỉ là "bề mặt" bên ngoài, ai cũng có thể ngoài mặt một khác, trong dạ một dằng. Trước mặt thì anh anh em em, vô cùng thân thiết, nhưng sau lưng thì có thể rút ngay dao giết người. Nên văn hóa Trung Quốc đã buộc tất cả mọi người đều có "tính quần thể", tất nhiên không thể chỉ trông vào bề mặt. Bộ mặt có thể là cái mặt nạ giả. Vấn đề "thể diện" của người Trung Quốc vô cùng tinh vi, tế nhị, không dễ nhìn thấu đâu là bộ mặt thật, nhiều lúc, nó gắn chặt với lòng tự tôn, danh dự và sự vang vinh hạnh của một con người, nhưng cũng có lúc nó lại đi liền với tính hư vinh, sự giả tạo... Động cơ và lý do để bộc lộ thể diện cũng vô cùng đa dạng, do đó, vấn đề càng trở nên phức tạp, hơn nữa, trong cuộc sống hàng ngày, bất cứ giờ phút nào anh cũng có thể bắt gặp vấn đề "thể diện", thể diện của mình, thể diện của đối phương v.v. Chính vì vậy, có người bạn nước ngoài thấu hiểu bản chất, sắc thái của nền văn hóa Trung Quốc đã nói: "Không dễ gì có thể hiểu được vấn đề thể diện của người Trung

Quốc, nhưng nó là cương lĩnh của tinh thần Trung Quốc, nắm được nó thì dễ làm việc".

Gần đây xảy ra một câu chuyện thế này: có một trường cao đẳng mở một quầy bán cơm, giá lại rẻ chuyên phục vụ những sinh viên nghèo, gia đình khó khăn. Đáng lẽ đây là một việc thiện, nhưng kết quả lại hoàn toàn trái ngược. Lý do: đây là môi trường học đường, phương thức này khó chấp nhận. Như vậy, chẳng khác nào đưa các học sinh nghèo vào cảnh mỗi ngày 3 bữa đến hiệu cơm để bày tỏ sự nghèo túng của mình trước mắt tất cả mọi người! Nó làm tổn thương đến lòng tự tôn, đồng thời cũng làm mất sĩ diện. Bởi lẽ, phô trương thân phận nghèo, tức là đồng nghĩa với sự tự hạ thấp mình. Bây giờ không còn là thời đại "nghèo quang vinh" nữa, mà có khi còn bị thiên hạ coi thường là "đồ nghèo kiết xác". Chính vì vậy mà không có học sinh nghèo nào muốn đến ăn tại "quầy cơm nghèo" của trường. Thực ra họ cũng muốn nhận sự giúp đỡ, ưu đãi, nhưng không muốn nhận dưới hình thức như vậy.

Nhân sự kiện này, tháng 8 năm 1997, báo "Thanh niên Trung Quốc" đã mở cuộc thảo luận với chủ đề: "Thế nào là thể diện?". Trong vòng hai tháng, ban biên tập đã nhận được hơn 2 nghìn bài tham gia, có thể thấy sự sôi nổi của cuộc thảo luận. Các bài tham dự đề cập mọi khía cạnh, thể hiện nhiều cách lý giải đối với "thể diện", và sau cùng

Đường Vi Trung đã viết một bài có tính tổng kết, nhan đề: "Viết nhân kết thúc đợt thảo luận về đề tài "thể diện". Xin trích giới thiệu những nét chính của bài báo này:

"Bàn về một vấn đề phức tạp, đôi khi tế nhị như "thể diện", mà lại chỉ bằng những bài thảo luận ngắn ngủi, không đến đâu đến đúua và khả năng nhận thức hạn hẹp của chúng ta mà muốn hoàn toàn thấu hiểu vấn đề này, rõ ràng là rất khó khăn. "Thể diện" là một câu tục ngữ dân gian Trung Quốc, là sự biểu hiện vật chất và trạng thái tinh thần bề ngoài của con người, thể hiện khoáng cách giữa con người với những giá trị đã được xác định như lòng tôn nghiêm, vinh dự, địa vị, quyền lực v.v... Nó xuất phát từ bản tính vốn có của con người là khát vọng chiếm được sự tôn trọng, công nhận và khen ngợi của người khác, có chỗ tương đồng với lòng tôn nghiêm, vinh dự. Việc có "thể diện" thường được người ta coi là vinh hạnh, vì vậy "thể diện" có sức hấp dẫn, ràng buộc nhất định đối với con người, đồng thời cũng có những tác dụng hiệu triệu và quy phạm nhất định. Những quan niệm khác nhau về "thể diện" sẽ đưa mỗi người đi theo những con đường đời khác nhau. "Xét về bên ngoài, thích sĩ diện thể hiện lòng tự tôn và tình yêu bản thân của mỗi người, nhưng trên thực tế, giữa hai điều này có một sự cách biệt rất lớn. Cùng là lòng tự tôn, nhưng sự tự tôn xuất phát từ tính sĩ

diện lại mang tính vụ lợi, nó chú trọng hơn tới hình thức bên ngoài và muốn thể hiện ra với mọi người. Lòng tự tôn đích thực không coi trọng việc người khác nhìn nhận mình thế nào, còn sự tự tôn xuất phát từ "thể diện" thì ngược lại. Xuất phát từ ý nghĩa trên có thể thấy, đánh đồng việc Chu Tự Thanh không nhận cơm gạo của nước Mỹ với việc sinh viên không mua cơm ưu đãi rồi lý giải theo góc độ "thể diện" là hoàn toàn không thích hợp.

Nói chung, "thể diện" có một số đặc điểm sau:

1. Mang đậm tính giả tạo.

Thực chất bên trong và biểu hiện bên ngoài của "thể diện" có đồng nhất hay không không quan trọng, chỉ cần hình thức bên ngoài cho người ta thấy "có thể diện" là được, còn thực chất ra sao chỉ là thứ yếu. Ví dụ, một đoàn kiểm tra vệ sinh tới kiểm tra một cơ quan, bắt gặp một nhân viên cơ quan tiểu tiện bừa bãi. Trưởng đoàn kiểm tra lên nói với lãnh đạo cơ quan này: Anh thật chẳng nể nang, giữ chút thể diện nào cho chúng tôi cả ý của ông ta là: việc tiểu tiện bừa bãi không phải là không châm trước được, nhưng điều không thể bỏ qua là lại tiểu tiện bậy vào đúng lúc có đoàn kiểm tra tới, như vậy chẳng khác nào xem thường họ, không để cho họ có chút thể diện.

2. Việc có và mất "thể diện" liên quan mật thiết với những yếu tố bên ngoài. Cùng là một sự

rõi ro, nhưng ở vào khung cảnh lớn, phạm vi rộng lại đông người biết rõ thì việc được mất "thể diện" là lớn, còn ngược lại là nhỏ, thậm chí ván đề "thể diện" có thể không tồn tại. Ví dụ, một người có sai phạm, khi chỉ bị phê bình trong phòng, trước mặt lãnh đạo, thì không bị coi là mất thể diện, nhưng nếu bị phê bình trước đám đông thì người sai phạm đó sẽ cảm thấy mất hết thể diện, rằng lãnh đạo không giữ sĩ diện cho anh ta.

3. "Thể diện" mang rõ tính thế tục, thường thay đổi, mặc dù chịu ảnh hưởng nhất định của văn hóa và đạo đức xã hội, nhưng về bản chất, nó lấy xuất phát điểm từ việc người khác nhìn nhận về mình thế nào. Do đó không thể tránh được việc nó thay đổi thất thường, coi những chuyện thường tình là chuẩn tắc của sự loại bỏ và thay thế. Như từ chỗ coi việc nhập ngũ là có thể diện, ra nước ngoài là có thể diện. Như vậy chẳng phải là biến đổi khôn lường sao ?

"Thích sĩ diện" (bệnh sĩ) nhiều khi gây ra những rắc rối cho con người, xin kể hai câu chuyện sau:

Chuyện thứ nhất là vì thích sĩ diện mà phí tiền mua giày đắt. Có một nhà văn Trung Quốc đi mua hàng tại một siêu thị ở nước ngoài. Ông bảo người bán hàng lấy cho xem một đôi giày da, người bán hàng thấy ông ăn mặc giản dị liền khuyên đừng xem loại này, vì không hợp túi tiền của anh

và giới thiệu với anh loại giày vừa tiền hơn. Ông nhà văn nghe vậy, cảm thấy mất thể diện nên nhất định đòi mua đôi giày đắt tiền đó, liền nói: "Tôi cứ muốn mua, giá bao nhiêu?" - "Một nghìn đô la". Ông nhà văn lập tức rút một nghìn đô la đưa cho người bán hàng. Mua về rồi đều bị mọi người chê quá đắt. Nghe vậy, nhà văn rất hối hận. Chỉ vì sĩ diện, hăng lên mà mua phải đôi giày đắt kết quả là tự mình mắc mưu, chịu thiệt.

Chuyện thứ hai là vì sĩ diện, bệnh đã nặng mà không chịu ngồi xích lô. Thủ trưởng một cơ quan nọ lâm bệnh nặng phải đi cấp cứu, không may xe con của ông đang đi sửa chữa, vì thế lái xe riêng không kịp đánh xe về đưa ông đi viện. Mọi người gọi ngay xe xích lô để đi cho kịp, nhưng gia đình ông cho rằng phải ngồi xe xích lô thật là mất thể diện, mà lại không thoải mái dễ chịu bằng xe con, nên từ chối xích lô, kết quả vì không được kịp thời cứu chữa, người bệnh đã chết tại nhà. Thật đáng thương cho những kẻ phải trả giá vì coi thân phận, địa vị là thể diện.

2. THÓI HỨNG THÚ KHÔNG THỂ CHẤP NHẬN CỦA LỐI KHOANH TAY ĐÚNG NHÌN

Người Trung Quốc đặc biệt hứng thú xem chuyện náo nhiệt, người người đều vui vẻ làm

khách đứng nhìn vô vị, đó là một tập quán rất xấu. Ngẫm nghĩ kỹ thì thấy, tập quán này không xuất phát từ sự vô vị, ngụ muội thì cũng xuất phát từ tâm lý ám muội, tóm lại, những vị khách đứng nhìn này quyết không hề có lòng nhân ái.

Nhà văn Lỗ Tấn từng lưu học tại Nhật Bản, đã bỏ nghề y để học viết văn chính vì lý do bị tác động mạnh khi xem phim. Một người dân Trung Quốc làm gián điệp cho quân Nga sắp bị quân Nhật đưa đi chặt đầu, lúc đó có rất nhiều lưu học sinh Trung Quốc cùng xem phim. Thấy cảnh đồng bào mình gặp nạn họ vẫn thờ ơ, lạnh lùng, có người lại còn vỗ tay hoan hô, đó là những kẻ xem náo nhiệt một cách thờ . Lỗ Tấn đã vô cùng đau lòng. Trong truyện ngắn "Thuốc", Lỗ Tấn cũng miêu tả đám đông mù quáng dậy từ tờ mờ sáng để ra pháp trường xem phạm nhân bị giết. Họ chỉ biết xem lấy vui mà không cần biết những phạm nhân bị giết là ai. Họ cũng không biết vì sao phạm nhân bị giết?

Thói quen xấu này đến nay vẫn còn tồn tại, thậm chí, cùng với sự phát triển của xã hội, những sự việc ngoài đường, ngoài chợ diễn ra ngày một nhiều, nên cũng có nhiều cái để xem.

Một tiểu phẩm châm biếm đã miêu tả như sau: Một người bị chảy máu cam nên phải ngừa đầu, ngẩng mặt lên để máu khỏi chảy xuống. Thế nhưng hành động ngừa mặt lên trời của anh đã khiến những người xung quanh tò mò, để ý, vây lại

xem,. Anh ta cũng chẳng giải thích, cứ để kệ mọi người nhìn mình. Người qua đường thấy vậy tưởng có chuyện gì lạ, cũng dừng chân đứng xem, mỗi lúc một đông. Lát sau, mũi của anh chàng kia ngưng chảy máu, anh liền quay sang nói với mọi người rằng: tôi có gì đáng xem đâu, chẳng qua chỉ là bị chảy chút máu cam, như vậy cũng đáng xem lắm à ? Lúc này mọi người mới vỡ lẽ và thất vọng tản đi.

"Tâm lý nhìn khách" thích ngóng chuyện nào nhiệt, trong phạm vi bao trùm của nền văn hóa Đại Hán không phân biệt tầng lớp trên dưới, hay trong, ngoài nước, mà đều có tính thẩm thấu sâu xa. "AQ lên đoạn đầu" dài, lần cuối cùng thể hiện tướng mạo AQ của mình, nhưng tôi nghĩ, những khách nhìn đang vây quanh quan sát còn AQ hơn cả chính AQ. Đây chính là duyên cớ khiến một AQ vốn sẽ bị đoạn tử tuyệt tôn trờ nên không đoạn tử tuyệt tôn. Kẻ định giết AQ không cần giết hết khách đứng xem, chỉ cần lợi dụng sự lạnh lùng của họ, lợi dụng tâm lý nhìn khách của họ là được. Do đó, người được lợi thực sự lại không phải là người đứng xem, họ chẳng qua chỉ là người đứng xem mà thôi (Xem: "Đại đê tiểu tác tập").

Từ năm 1937, tiên sinh Kha Linh đã từng viết bài "Xem chuyện nào nhiệt", miêu tả và châm biếm thói thích xem nào nhiệt vô cùng dung tục, vô vị của người dân Thượng Hải, và đưa ra ví dụ: Tháng 5 năm Đinh Sửu, trường đua ngựa Thượng

Hai tổ chức nghi lễ đăng quang của Hoàng đế George đệ VI của vương quốc Anh. Vì sợ người tham gia quá đông nên đã tổ chức bán vé để hạn chế số lượng. Vé xem có 3 loại, mức giá là 5 đồng, 2 đồng và 1 đồng. Toàn bộ hơn 5 vạn vé đã bán hết veo. Ngoài ra, các khách sạn quốc tế, khách sạn Tân Thế giới ở gần trường đua đều có khách đặt hết chỗ từ trước đó 2 tuần.

Trước sự kiện này, tác giả không khỏi có cảm nghĩ: Người đăng quang là Hoàng đế nước Anh, nghi lễ lại diễn ra tận ở Luân Đôn, vậy mà những khách đến trường đua hay đặt phòng ở các khách sạn tuyệt đại đa số là người Hoa tầng lớp cao. Tất nhiên, còn rất nhiều dân thường không đủ tiền để mua vé hoặc thuê phòng sang trọng, tuy nhiên họ cũng rất muốn được

tham gia "cuộc vui vua Anh đăng quang". Như vậy có thể thấy, những người dân Trung Quốc nhàn rỗi chỉ buồn bã kêu ca khi không có đám náo nhiệt nào để xem. Được biết, hàng vạn người đã tới dồn xem buổi lễ đăng quang hôm đó, bao nhiêu trẻ con phụ nữ ngã bẹp, đúng là chẳng được tích sự gì !"

Việc xem náo nhiệt mua vui đã đến độ như thế, thật quá là đáng thương cho người Trung Quốc. Trên chiếc xe khách chạy đường dài, hành khách bị bọn xấu cướp giật, trong đó có hai cô gái trẻ xinh đẹp lúc đầu bị bọn lưu manh dở trò sàm

sở, sau đó bị bọn chúng hiếp dâm ngay trước mặt đám đông. Thật đúng là các hành khách đã mù hết mắt khi không phản ứng gì trước hành động như vậy, dường như xem những cảnh đó đối với họ là một sự kích động thích thú, họ quên hết khái niệm làm việc nghĩa, quên hết nhân cách và công lý. Tố chất của một dân tộc bị giảm thấp tới mức như vậy, quá thực đau đớn vô cùng!

3. ĂN CƠM NHÀ, VÁC TÙ VÀ HÀNG TỔNG

Dất đai Trung Quốc sản sinh ra một loại đàn bà vừa đáng ghét vừa đáng giận, đại danh của họ là những người "đàn bà lưỡi dài". Lưỡi của họ rất dài, lại có nhiều công năng, nhất là việc bếp xép, thêu dệt, đưa chuyện, tọc mạch việc riêng của người khác. Loại phụ nữ lưỡi dài này có chung niềm say mê, đó là ăn cơm nhà mình nhưng lo chuyện nhà người khác, tính hiếu kỳ và hoài nghi của họ vô cùng lớn, thường thích để ý thăm dò chuyện đời tư của người khác.

Ví dụ: Chao ôi, thật đấy mà, nếu không phải chính mắt tôi nhìn thấy (họ chẳng nhìn thấy gì cả), thì tôi cũng không thể tin được, hai đứa chúng nó dám kéo nhau vào rừng tâm sự, tôi không thể hình dung được... Hoặc như: Cậu biết không? Con bé X. bị thằng cha nào đó làm cho phình bụng lên,

không còn mặt mũi nào nữa, lén lút đi bệnh viện giải quyết rồi... Họ diễn tả câu chuyện với giọng điệu thần bí, cứ như là xảy ra thật 100% vậy, thực ra đều là đoán già đoán thôii. Có thể họ đã nhìn thấy hai người dạo chơi trong rừng, không phải có "chuyện kia"; có thể cô bé X. nào đó chẳng có chuyện gì, bụng chẳng to ra mà chỉ là cảm giác sai của chị ta. Còn việc đi bệnh viện là đã chữa bệnh chứ không phải là để giải quyết hậu quả. Chị ta đã coi hoài nghi là sự thực.

Phụ nữ lưỡi dài được ví như chiếc đài phát, chuyên đưa những chuyện lê ra không nên đưa về đời tư người khác, nghe hơi nỗi chõ rồi đặt điêu, đánh lừa dư luận. Có nhiều người rất thích thú với việc này, không hẳn vì họ cố ý làm hại người khác, nhưng có nhiều lúc cũng gây không ít chuyện phiền toái. Cũng không phải không có những án mạng mà nguyên nhân từ sự đưa chuyện của những người phụ nữ lưỡi dài. Đó chính là cái gọi là "lời nói giết người". Vốn dĩ không rắp tâm hại người, nhưng mức độ nghiêm trọng của những câu nói đùa dã đi quá xa, làm tổn hại nghiêm trọng tới danh dự, thanh danh của người khác; nhiều người không chịu được ô nhục, đã phải tìm tới cái chết.

Nhiều lúc, phụ nữ lưỡi dài hễ mở miệng là đơn đặt chuyện, mà không lường tới hậu quả. Đây là một dạng sinh hoạt tinh thần của họ, nếu cuộc sống thiếu đi chất gây cười này, thì coi như miệng

lưỡi của họ không còn đất dụng võ, và tất nhiên họ sẽ không còn cảm thấy thoải mái, vui vẻ nữa. Điều này chứng tỏ dài lưỡi là một chứng bệnh nan y, rất khó chữa. Đáng kinh sợ nhất là những phụ nữ dựng chuyện không thành có, tráng thành đen, gì cũng từ miệng họ nói ra đầu tiên. Ví dụ:

1. Một ông lãnh đạo nào đó lẽ ra được đề bạt lên chức vụ cao hơn, nhưng không may, khi đi kiểm tra sức khỏe mới phát hiện mắc chứng bệnh nan y - ung thư thực quản.
2. Nghe nói ở chỗ chúng ta năm nay sẽ xảy ra động đất mà động đất không phải là nhỏ. Kinh khủng quá, như vậy thì những người ở nhà cao tầng chịu rủi ro rồi, may mà chúng ta ở nhà một tầng.
3. Có người nói với tôi rằng tên tội phạm giết người đó là cháu họ một lãnh đạo nào đó, lại săn sàng chi tiền chạy chọt, nên không bị lãnh án tử hình mà được hoãn thi hành án.
4. Có một chuyện lạ, vùng Đông Bắc có người làm nghề lao công may mắn bất ngờ, anh ta nhặt được cả một chuỗi dây chuyền vàng trong hố xí, trọng lượng tới...

Những tin tức kể trên liệu có đáng tin không?

Bất kỳ ai cũng ghét phụ nữ lưỡi dài hay đưa chuyện, nhưng vẫn phải chịu đựng họ, trong nhiều trường hợp, họ là người không vi phạm kỷ luật, nội

quy, quá lầm anh chỉ có thể nói họ là người phẩm cách không tốt, chuyên làm một số việc thát đức. Vì thế, họ cũng chẳng sợ gì cả, họ cũng biết mọi người nghĩ không tốt về họ, nhưng họ vẫn chẳng thay đổi gì.

Phụ nữ lười dài cũng là một hiểm họa, những người như họ rất đông, đâu đâu cũng có, từ thành thị tới nông thôn, càng những nơi lạc hậu lại càng là mảnh đất tốt cho họ hoạt động. Có thể tưởng tượng rằng, trong xã hội chúng ta có một loại người khiến mọi người luôn luôn phải đề phòng, cảnh giác, cẩn thận. Những chuyện riêng tư phải vô cùng kín đáo, nhất thiết không được để cho họ biết, dù là chút ít. Ví dụ, nam nữ quan hệ qua lại cần phải chú ý hành vi lời nói, suy xét xem đã đúng mực chưa, để phòng gây dị nghị. Cưới một cô vợ, nếu hình thức hơi thua kém một chút, người ngoài sẽ chê cười, lấy một anh chồng tồi tàn, thảm hại quá cũng không tránh khỏi bị khinh thường. Hay hai người yêu nhau cũng vậy, khi đi trên đường phố tốt nhất nên tỏ ra lịch sự, tôn trọng mọi người xung quanh.

Việc ngầm ngầm theo dõi quan hệ tình cảm, bàn chuyện riêng tư của người khác, (nếu là những hành vi sai trái và vi phạm pháp luật là biểu hiện của sự thiếu hiểu biết về pháp luật). Nếu những hành vi đó gây ra những hậu quả nghiêm trọng, những người đặt điều vu khống, gây ra những điều

thị phi sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đây là sự thực, chứ không phải là hù dọa.

Quyền giữ gìn bí mật riêng tư cá nhân là gì ? Là quyền bảo mật của mỗi cá nhân trong cuộc sống riêng tư, đó là quyền về nhân cách được quy định bằng bằng một điều khoản độc lập trong quyền nhân thân của công dân. Nếu quyền đó bị xâm phạm, về mặt khách quan gây cho người bị hại đau khổ tinh thần, danh dự bị ảnh hưởng, thân thể bị phương hại và tài sản bị tổn thất, thì đối tượng sẽ phải chịu trách nhiệm dân sự và bị pháp luật trừng trị.

"Riêng tư" là lĩnh vực thuộc cuộc sống riêng của mỗi con người, không liên quan tới lợi ích công cộng, người ngoài không biết và không được phép dò xét. Nếu không được đương sự cho phép, bất kỳ một cá nhân hay tổ chức, lãnh đạo nào đều phải tôn trọng, không được cố ý thăm dò, săn sóc và đưa chuyện.

Phạm vi đời sống riêng tư rất rộng lớn, bao gồm cả thân thế cá nhân (như sinh con ngoài giá thú, được nhận làm con nuôi, sinh con nhờ thụ tinh nhân tạo. Các lĩnh vực thuộc cuộc sống riêng tư như phòng ngủ, tủ quần áo, thư tín, nhật ký, sổ ghi chép... cũng như sự không ven toàn thân thể hoặc tàn tật...) Nói về lý, tôn trọng người khác tức là phải tự giác bảo vệ quyền giữ bí mật riêng tư của họ, chứ không được vi phạm và làm hại đến đời

sống riêng tư của họ. Nếu cố ý phá hoại sẽ bị pháp luật trừng trị. Một số người có thói quen xấu là thích bàn tán bình phẩm, thậm chí can thiệp vào chuyện riêng của người khác, làm những chuyện vốn không liên quan gì tới mình, quen lăm lời vừa hao tốn thời gian sức lực bản thân, lại khiến người khác coi thường, khó chịu. Cũng chính vì thói quen đó mà họ thường gây ra tranh cãi, bất đồng, mâu thuẫn. Có thể nói nó chỉ gây hại chứ không có lợi gì cho chính bản thân cũng như cho mọi người, vậy nên từ bỏ thói quen xấu này ngay đi.

Trên đây chúng tôi đã bàn tới "phụ nữ lưỡi dài", trên thực tế cũng có "đàn ông lưỡi dài", bản chất của hai loại người này không hề khác nhau. Đàn ông lưỡi dài cũng khiến người ta ghen ghét, khó chịu không kém.

Nữ nhà văn Vương Phá trong cuốn "Đàn ông lưỡi dài" đã viết :

"Mọi người từ trước tới nay đều có thành kiến rằng phàm những người hay tò mò thòm mách, nhòm ngó chuyện của người khác, đều là phụ nữ, thậm chí, trong ngôn ngữ của nhiều địa phương, những từ dùng chỉ người hay gây chuyện thị phi đều gắn liền với phụ nữ. Tiếng Quảng Đông gọi những người như vậy là "bà tám", tiếng Bắc Kinh lại dùng "con mẹ gây chuyện", người Trường Sa lại gọi là "bà kiểm lợi"... Tuy nhiên, so sánh với thực tế cuộc sống hiện nay, dường như cần phải đổi

ngược lại, "bà tám" đổi thành "ông tám", "con mèo gây chuyện" thành "dàn ông dài lưỡi" ...

Đoạn văn trên đã chứng minh rằng trong đời sống xã hội, cũng có dàn ông lưỡi dài, những biểu hiện của họ cũng tương tự như phụ nữ lưỡi dài.

Tào Tiên Nguyên từng viết bài "Trị tật xấu của dàn ông lưỡi dài". Có thể nói đây là một bài viết sắc bén, miêu tả rõ ràng, nêu ví dụ cụ thể, vạch rõ vô số biểu hiện xấu xa của những người lưỡi dài thuộc phái mạnh, đồng thời chỉ sự lén ám của dư luận. Quan sát những biểu hiện của họ, có thể tổng kết một số dạng như sau:

1. Lòng dạ giả dối, suốt ngày rình rập, để ý chuyện riêng tư của người khác, nắm lấy những điểm yếu hoặc khiếm khuyết của người khác, thêm mắm thêm muối, tung tin bừa bãi, hòng làm mê hoặc lòng người.
2. Chỉ sợ thiên hạ được bình yên, thấy người khác đau khổ, gặp rủi ro thì vui mừng, phán khởi, giật đổ bìm leo, còn khi người khác gặp may mắn, hạnh phúc thì ghen tị, ganh ghét, ra sức xoi mói, bới móc, tìm mọi cách nói xấu đặt điều, tung dư luận sai trái, hòng bôi nhọ, làm hại người khác, lấy đó làm diều khoái trá.
3. Dựng chuyện vu khống, vừa ăn cướp vừa là làng, ai không rõ chân tướng thì tìm người đó, ai đến trước thì nói với người đó trước, ai là đối thủ

của đối thủ của mình thì liên hiệp với người đó, ra đòn trước để kiềm chế người, làm đảo lộn dư luận.

4. Luôn rình rập, xói mói sai sót của người khác, từ đó khoét sâu, làm hại người khác, tận dụng mọi cơ hội làm giảm uy thế của người khác.

5. Gây chia rẽ, xích mích, ly gián, gắp A thì nói xấu B, ngược lại, khi gắp B thì nói xấu A, cốt gây mâu thuẫn hòng tiêu diệt những lực lượng chống đối.

6. Tâm đầy dục vọng, khi mọi việc thuận theo ý muốn của họ thì vui vẻ, mồm hô "muôn năm" nhưng nếu trái ý thì họ nổi trận dùng dùng, dùng mọi thủ đoạn buộc anh phải chịu tội.

7. Tham quyền tham chức mà tối mắt tối mũi, đêm ngày lo nghĩ, dùng quyền dùng chức để mưu cầu tư lợi còn khi không được làm quan thì ruột gan tức sôi lên, oán trời giận đất, không để ai yên.

8. Luôn có tính hồ nghi, suy bụng ta ra bụng người, ngoài mặt ra vẻ chính nhân quân tử, trong tâm chứa đựng toàn mưu mô tiểu nhân, mà lại làm ra vẻ quân tử, ném đá giấu tay, ngậm máu phun người, áp đặt người khác.

Đàn ông hay đàn bà lưỡi dài cũng vậy, như Tào tiên sinh đã nói "đều là loại người lưỡi dài như dao, đã thành hiểm họa lưỡi độc, sao không trùng trị và bài trừ?"

4. THÓI QUEN NHỜ VÀ, LỢI DỤNG QUAN HỆ RIÊNG TƯ ĐỂ LÀM VIỆC

"Đi cửa sau" ngày nay đã trở thành hiện tượng phổ biến, ai ai cũng biết. Liệu có ai chưa từng "đi cửa sau"? Có thể nói, thói quen này có tính toàn dân, lan tràn khắp cả nước, từ trên xuống dưới, từ nông thôn đến thành thị. Lý do là "cửa sau" càng mở càng rộng, người đi "cửa trước" càng ngày càng ít, hơn nữa "không có người quen không xong việc, không đi cửa sau không thành công". Hiện tượng "đi cửa sau" đã xuất hiện từ lâu, nhưng chỉ từ sau cái cách mở cửa mới ngày một lan tràn, do đó có người lầm tưởng đây là một cụm từ mới, thực ra không phải. Nghĩa vốn có của "đi cửa sau" là chỉ việc mở cửa sau nhà hoặc sau vườn. Sau đó, nó được mượn để ngầm chỉ việc làm những việc bí mật thông qua con đường không chính đáng. Trong cuốn "Quan trường hiện hình ký", hồi thứ 49, có viết: "Trong thành Vô Hồ có tin, nhà đế đốc quần mở cửa sau, ngày ngày người ra vào làm duyên làm dáng, bọn du dãng, côn đồ, dâm tặc thì được lợi". - Cuốn "Quan trường hiện hình ký" do tác giả Lý Bảo Gia viết năm 1901, vào cuối đời nhà Thanh. Như vậy có thể thấy cụm từ "đi cửa sau" ít nhất đã có lịch sử gần trăm năm rồi.

Ngày nay, hàm ý của cụm từ "đi cửa sau" là chỉ: "Lợi dụng quan hệ cá nhân để làm việc". Trong bài "Hoài niệm Tiêu Tam", nhà văn Ba Tuân, nh

"đi cửa sau", chị nhà văn mới được vào nằm viện!" Ngoài ra, cụm từ này còn có nghĩa: mở đường tiện lợi cho người xấu, việc xấu. Trong cuốn "Hoài thương nhân gia", ở chương thứ 7, tiết thứ 39, nữ nhà văn Viên Tình đã viết: "Ở đâu có các phản tử tham ô, hủ bại, có phản tử quan liêu chủ nghĩa, thì ở đó có tình trạng mở cửa sau cho kẻ xấu, chúng ta cần ghi nhớ bài học kinh nghiệm ai này!"

Tóm lại, "đi cửa sau" là việc làm không chính đáng, một thói xấu trong đời sống xã hội. "Đi cửa sau" đã trở thành thói quen làm việc của toàn xã hội, đáng lẽ rất nhiều việc có thể giải quyết tự nhiên, hợp lệ, hoàn toàn không cần phải vào cửa sau, nhưng bây giờ cũng đều phải "đi cửa sau", dường như, nếu không đi cửa sau rất khó mà hoàn thành. Cứ như vậy, mọi người đã áp dụng con đường đi cửa sau đôi với những việc lẽ ra có thể dàng hoàng đi cửa trước. Thói quen này đã trở thành một sức mạnh.

Trong xã hội ngày nay, tình trạng đi cửa sau ngày một lan tràn, phạm vi ngày một rộng lớn, nó đi sâu vào mọi mặt của quan hệ xã hội cũng như trong đời sống hàng ngày, vì vậy mọi người có cảm giác: làm bất cứ việc gì đều phải nhờ vả, đi cửa sau. Thật không sao kê xiết sự khó nhọc, nỗi khổ nhục và gánh nặng của tình trạng này.

"Đi cửa sau" đôi khi cũng là một thứ quan hệ đôi bên cùng có lợi. Thứ quan hệ có đi có lại, ăn mận trả đào này, ngày càng lộ rõ là một thói quen

hám lợi một cách hèn hạ, tầm thường. Việc lợi dụng "đi cửa sau" đã lợi nhuận hóa, thực dụng hóa quan hệ giữa người với người, biến quan hệ này trở thành thứ quan hệ thuần túy vụ lợi, tính toán được mắt, mỗi quan hệ tình người thuần khiết đã ngày một mỏng manh; sự giúp đỡ vô tư, nhiệt thành, chân thật cũng ngày một hiếm hoi, thật đau lòng và nuối tiếc ? Cũng thật trái ngược với thứ văn minh tinh thần mà ngày nay chúng ta vẫn luôn đề cao, ca ngợi. Đến bao giờ các "cửa sau mới được đóng lại" ? Đến bao giờ mới có thể bình thường hóa các công việc ở cửa trước? Thiết nghĩ, đó là nguyện vọng của mỗi công dân chân chính.

5. ĐƯỢC CHĂNG HAY CHỐ, HÔM NAY KHÔNG BIẾT NGÀY MAI

Một cuộc sống tích cực là phải không ngừng phấn đấu, có chí tiến thủ, còn cuộc sống tiêu cực là cuộc sống lười biếng, vất vưởng. Một số người Trung Quốc có thói quen sống được chăng hay chố, sống ngày nào hay ngày đó. Lại có người theo đuổi chủ nghĩa sống vất vưởng, bữa bã. Theo họ, sống trên đời như người khách vội vã qua đường, vậy việc gì phải nghiêm túc, chẩn chu, sống cho qua ngày là được, chỉ một từ "hỗn" là đủ qua ngày đoạn tháng.

"Vất vưởng, bữa bã" là một thói quen xấu.

Xấu ở chỗ nó không có mục đích sống. Tiên sinh Thủy Mục từng viết bài "Bàn về sống phóng túng", trong đó khắc họa rõ bộ mặt của những kẻ theo "chủ nghĩa phóng túng", khiến người đọc vừa giận vừa cười, lại vừa thấy thương hại. Bài viết có đoạn: "Trong một cuộc họp, đồng chí Vinh Cao Đường, cố vấn ủy ban thể thao quốc gia, đọc đôi câu đối: "Một chén trà, một điếu thuốc, một tờ báo vắt vưởng cả ngày; gắp việc thì lơ mơ, dùn dây, gắp công văn thì khoanh một vòng, kế làm việc là không sát thực". Câu hoành phi là "Dĩ hồn vi cương" (lấy vắt và vắt vưởng làm cương lĩnh). Câu đối này đã khắc họa chân dung của một số người (có thể gọi là những người theo chủ nghĩa sống ảm). Tinh thần của họ khác xa với tinh thần: "đời người liệu có mấy dịp đấu tranh thi thố" hay "không giành chức vô địch, quyết không thôi" của các vận động viên..."

Con người thường mắc nhiều loại bệnh khác nhau, *dĩ hồn vi cương* cũng là một dạng bệnh lý, có thể gọi đây là "bệnh sống phóng túng vắt vưởng". Bệnh này thường có 3 triệu chứng sau:

Thứ nhất, là luôn mơ hồ. Chỉ nhìn thấy cái trước mắt, thích an nhàn, sợ vắt và quen nói suông mà không thích làm thực hoặc chỉ làm lấy lệ. Nói tóm lại, chân dẫm trên vỏ dưa, trượt tới đâu thì biết tới đó.

Thứ hai, là quen dùn dây. Có việc thì dùn trên dây dưới, tìm cách thoái thác, như "dây là

trách nhiệm của cấp trên, đó là vấn đề của phía dưới, lại còn các bên không hợp tác hỗ trợ v.v." Nói chung, luôn vui sạch trách nhiệm cho người khác, còn mình vô can.

Thứ ba, là tác phong lè mề, dênh dàng. Diễn xong trò "đùn đẩy" lại chuyển sang chơi "thái cực quyền", đùn đẩy không được thì trì hoãn dây dưa, rắn lứa kéo dài. Biện pháp là "để suy nghĩ, nghiên cứu thêm", biến những việc gấp rút, cấp bách, nồng sôi lửa bỗng thành việc lai dai, không chịu giải quyết dứt điểm.

Trong bài "Kiếm ăn bằng nghề lưu manh", nhà văn Lỗ Tấn đã viết: có loại người "bạch tướng", không có nghề nghiệp chính đáng, du thủ du thực, vật vờ, thế nhưng trên bến Thượng Hải, việc "kiếm ăn bằng nghề lưu manh" lại được coi là "nghề quang minh chính đại". Ngày nay, hiện tượng này không còn nhiều nữa, nhưng những hiện tượng như cái đáng lãnh đạo thì không lãnh đạo, đáng phải chịu trách nhiệm thì không chịu trách nhiệm, đáng phải làm việc thì không chịu làm, suốt ngày ngại tán gẫu, thoái thác trách nhiệm, như vậy chẳng phải cũng là những biến tướng của sự ăn săn nằm ngửa, vô công đổi nghề, không chịu làm ăn lương thiện hay sao. Những lời của Lỗ Tấn đã gợi cho chúng ta ý rằng người sống vất vưởng thực ra rất dễ chịu, còn người sống thật sự lại cảm thấy rất buồn. "Đi hồn vi cương" sẽ làm mất đi ý chí

cách mạng của người đảng viên cộng sản, nhẹ thì là tắc trách, thiếu tinh thần trách nhiệm, nặng hơn sẽ trở thành kẻ quan liêu chủ nghĩa, làm tổn hại tới thanh danh của đảng, gây trở ngại cho công cuộc hiện đại hóa. Như vậy, lẽ nào những người mắc thói quen xấu này còn chưa mau tỉnh ngộ ?

Để loại trừ thói "sống vất vưởng", không thể không áp dụng các biện pháp hành chính như tinh giản cơ cấu cải cách cơ chế, kiện toàn chế độ, quy định rõ quyền hạn, chức tước... Ngoài ra, cần kết hợp giáo dục tư tưởng với các biện pháp tổ chức và quản lý hành chính, nếu làm được như vậy, những kẻ "sống vất vưởng" sẽ không còn đất dung thân nữa.

Học làm người tốt thì khó, còn làm người xấu rất dễ, hiện nay có nhiều người làm giỏi nhưng cũng không bằng kẻ lười biếng, sống vất vưởng. Nhiều người do biết cách xoay sở, nên thậm chí còn được hoan nghênh hơn cả những người làm giỏi. Vậy như thế nào là "sống vất vưởng" ?

Chúng ta thử xem bài viết "Bàn về biết sống vất vưởng" của tác giả Lưu Cát Đồng:

"Bạn bè gặp nhau, nghe tin ai đó thăng quan tiến chức mọi người sẽ đồng thanh trầm trồ "xoay sở giỏi quá". Nhất là khi một ai đó, chỉ trong thời gian ngắn liên tục "phát lên", chắc chắn sẽ được khen ngợi là "giỏi xoay sở, giỏi luôn lách..."

"Như thế nào là giỏi xoay sở? "Những người giỏi xoay sở là những người biết cách tìm con đường đi riêng. Ví dụ, anh công tác tại một đơn vị và殚 hết tâm chí, sức lực cho công việc ở đơn vị mình thì không được coi là biết xoay sở, mà phải là người biết luồn theo cách khác, theo con đường khác. Ví dụ: lãnh đạo cấp trên hay cha mẹ, người thân của lãnh đạo ốm đau bệnh tật thế nào, khi nào phải nầm viện? Gia đình họ có chuyện buồn vui, hiếu hỉ không v.v. Những thông tin như vậy họ nắm rất chắc và kịp thời đến thăm hỏi, quà cáp, quan tâm chăm sóc, lo toan. Còn nữa, cần phải biết vợ con, người nhà của lãnh đạo có thói quen, sở thích gì, cần gì, muốn gì để khi có cơ hội lập tức chiều theo. Ngoài ra, còn phải nắm vững nhà ở lãnh đạo lúc nào hết ga dun bếp cần thay, lúc nào cần sửa chữa dọn dẹp vệ sinh v.v. để có kế hoạch giúp đỡ, tốt nhất là đích thân làm. Cần thể hiện sự sốt sắng nhiệt tình còn hơn cả con đẻ của họ. Nếu làm được những điều như trên, con đường tiến thân chắc chắn sẽ rộng mở.

"Còn một loại người cơ hội, biết xoay sở khác nữa, đó là những kẻ giả dối. Chúng ta thường nghe thấy câu nói rất đao to búa lớn là: "làm quan một kỳ, tạo phúc một phương". Thực ra, muốn tạo phúc một phương đâu có dễ. Nếu không chịu vất vả, không lao tâm khổ tứ, thì chắc chắn phúc đó sẽ không bồng dung từ trên trời giáng xuống. Thế nhưng những kẻ xoay sở quyết không làm việc một

cách vô tư hết lòng mà bọn họ chỉ vì một chữ "hư". Không có doanh nghiệp sản xuất, họ liều "lập" ra vài đơn vị, sau này có tồn tại phát triển hay "chết yếu" cũng mặc. Không có khu công nghiệp, họ săn sàng "khoanh" một vùng đất, dù phải phá rừng hay đốt hoang cũng liều. Không có vốn đầu tư nước ngoài, liên tổ chức một đoàn cán bộ ra nước ngoài để thực hiện cái gọi là "thu hút đầu tư. Không có sản lượng, thì viết bừa, viết khống ra những con số "rất lạc quan, rất thành tích"... Hơn nữa, các quá trình "lập", "khoanh", "viết bừa" hay "thu hút" nói trên của họ được tổ chức rầm rộ, sôi nổi, khuếch trương, khiến cho khắp nơi xa gần đều được nghe danh, trên dưới đều biết tiếng, gây ấn tượng mạnh mẽ để chứng tỏ thành tích của họ đạt được là vô cùng to lớn, xuất sắc, còn họ đã tạo dựng tiền đồ tươi sáng cho phát triển kinh tế của địa phương. con đường làm giàu đã được rộng mở.

"Còn có một loại người sống xoay sở cao, cấp hơn, đầy đủ nhà cao cửa rộng, tiền của như nước, lại quen thói ong bướm, ăn chơi, cờ bạc, phè phán. Hạng "công bộc" này không những sống an nhàn sung sướng mà còn được hưởng vinh hoa phú quý. "Thuật xoay xở" của họ là thu xếp trên dưới, có âm mưu, bài bản rõ ràng. Nhiều lãnh đạo cấp cao hơn hoặc những nhân vật then chốt đều đã bị họ mua chuộc, nên họ có thể dễ dàng thao túng. Làm bất cứ việc gì, gặp bất cứ khó khăn nào đều có ô dù nâng đỡ, có thể hóa hung thành cát, hóa hiểm

nguy thành an bình. Không phải là đôi mắt của quần chúng không tinh anh, không nhìn thấu được thực hư, nhưng đôi với loại người như vậy chỉ có hoặc là không điều tra, hoặc không dám điều tra, không phải là điều tra không ra bằng chứng mà là điều tra mãi vẫn chỉ có kết luận là "người tốt". Tài luôn lách, xoay sở của những kẻ như vậy có thể coi là một thứ "nghệ thuật", và bản thân họ được coi là "vua xoay. "Thực ra, nội dung của từ" "xoay xở" vốn dĩ không tốt, mà thường là chỉ ý xấu như: xoay sạch, xoay như chong chóng, xáo trộn trăng đèn v.v. Nhưng điều kỳ lạ là, như phần trên đã miêu tả, hiện nay, nhiều người nhắc đến "biết xoay xở, biết tận dụng" đều với ý khen ngợi và thèm muốn. Ngược lại, những mĩ đức đối lập với nó như trung thành, chính trực, yêu ghét phân minh, chịu thương chịu khó, không quản ngại khó khăn, vất vả v.v... lại thường bị châm biếm, cười chê. Điều này chứng tỏ mặt đạo đức tinh thần của họ đã bị sa đọa và tụt lùi nghiêm trọng. Nguyên nhân của nó có thể là kết quả "của bài học" hiện thực, đủ khiến người đời phải suy ngẫm".

Có thể nói, bài văn trên đã có những bình luận xác đáng và sâu sắc, lột tả bản chất và chân tướng giá tạo xấu xa của những kẻ "sóng xoay xở" cơ hội, mưu mô. Nếu xã hội có thêm nhiều những kẻ như vậy, chắc chắn sẽ gây ra nhiều tổn hại cho công việc của chúng ta. Tính nguy hại của nó đúng như tác giả đã nói: "Đây chính là sự sa đọa và tụt

lùi nghiêm trọng về mặt đạo đức tinh thần". Tình trạng này tiếp tục diễn biến sẽ là một chất ăn mòn đáng sợ đối với nước với dân, với sự nghiệp kiến thiết và hiện đại hóa quy mô của đất nước. Có thể, chúng ta căm ghét tới tận xương cốt những kẻ tội phạm trộm cắp, giết người, nhưng lại thiếu những kiến thức cần thiết về những kẻ "sóng xoay xở", chỉ coi đó là tính cách tiêu cực cá nhân, không gây hại cho tập thể và xã hội. Nếu quan niệm như vậy quả là rất sai lệch.

Tác giả Kha Linh trong bài "Triết học sống bừa" đã viết: "Họ đã khiến cuộc đời trang nghiêm trôi qua trong sự đùa cợt... Trên thực tế, với người thì vờ vịt qua loa, làm việc thì quấy quá, bôi bác. Chỉ riêng một việc họ trở nên nghiêm túc lả thường, đó chính là những việc liên quan tới lợi ích cá nhân họ. Họ đúng là những kẻ theo "chủ nghĩa cá nhân". Còn dân tộc, xã hội, trên cán cân lợi ích cá nhân của họ, sẽ không có được trọng lượng, giá trị nào. Tình thông triết học sống bừa, sống xoay xở, có thể đi khắp thiên hạ, việc gì cũng được lợi. Còn ở bất cứ trường hợp nào, chỉ cần có mặt "chuyên gia sống", thì đến đâu cũng không lại".

Bài viết đã nêu ra một điểm rất quan trọng, đó là người theo chủ nghĩa sống bừa cũng là người của chủ nghĩa cá nhân, mưu lợi cá nhân, không suy tính tới lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, nhân dân và xã hội, chỉ coi trọng cái lợi riêng trước mắt.

Nếu họ có được chút quan niệm, suy nghĩ đến quốc gia, dân tộc, hẳn họ sẽ hiến thân vì những điều đó, phấn đấu di lên, mà không tiếp tục sống xoay xở, sống bừa nưa.

Tác giả Đường Thao đã viết: "Làm người nghiêm túc, suốt đời siêng năng chăm chỉ, không vụ lợi cá nhân, sống như vậy mới đúng là một người chân chính. Còn xoay xở là mặt trái của lối sống chân chính, chỉ cầu có đủ cơm ăn cho qua ngày là được... Khom lưng luôn cuộn, miệng cười xúm xoe, gió chiều nào che chiều đó, suốt ngày luôn cuộn nịnh bợ để cốt kiếm bát cơm manh áo...", tựu chung, đã làm người thì không nên sống ấu, sống bừa. "Xoay xở" thực chất là một sự thể hiện khinh mạn đối với cuộc sống, là đùa bỡn với chính sinh mạng của mình. Hãy mau tỉnh ngộ !

6. CHUYỆN LỚN HÓA CHUYỆN NHỎ, CHUYỆN NHỎ THÀNH KHÔNG CÓ GÌ

Khi phân tích tính cách của người Trung Quốc, tác giả Lâm Ngữ Đường từng nói: người Trung Quốc thật thà, hiền hậu, nhẫn耐, coi trọng sự khoan dung độ lượng, tránh gây chuyện thị phi rắc rối, đề cao chủ nghĩa sống hòa bình. Trước những việc sai trái, họ giữ thái độ nước đôi, không có ý kiến đúng sai dứt khoát, và theo họ, tốt hơn hết là không quan tâm. Khi có mâu thuẫn, họ áp

dụng biện pháp rút lui cho êm chuyện, giữ vai trò người hòa giải ba phải, dân gian gọi đó là "người ba phải". Khi hai bên có bất đồng, mâu thuẫn, "người ba phải" không bao giờ phân định ai đúng ai sai, mà đi khuyên nhán bên này, hòa giải bên kia, nói anh này không sai, anh kia cũng không có lỗi, nếu có lỗi lầm gì cứ dồn hết vào tôi, được chưa? Để ảnh hưởng đến hòa khí bấy lâu là không tốt, mà gây hiềm khích hận thù lại càng không nên, vạn sự đều nên dĩ hòa vi quý. Hơn nữa, tức giận, nổi nóng là gây tổn hại đến gan, không tốt cho sức khỏe.

Đã có tranh chấp, mâu thuẫn xảy ra, nhất thiết phải xem xét rõ nguyên nhân, nếu không chú trọng đến trách nhiệm, căn nguyên, đúng sai, thì coi như đã hoàn toàn không còn cộng bằng, hợp lý để bàn nữa. Dần dần, nó đã tạo ra thói quen xuể xỏa cho yên chuyện, hình thành nên những tính cách tiêu cực ở một số người: biến bình tĩnh hòa nhã thành hèn nhát yếu đuối, biến sự nhường nhịn nhẫn nại thành tính nhẫn nhục bệnh hoạn. Cứ như vậy, làm sao còn có sức sống dồi dào nữa?

Tác giả Thư Triển với bài viết "Luận người ba phải" đã phân tích kỹ lưỡng, "giải phẫu" cặn kẽ loại người ba phải. Xin trích giới thiệu để các bạn cùng tham khảo: "Nếu Đại quan viên tổ chức một cuộc bầu chọn, tôi dám khẳng định "người ba phải" Bảo Thoa chắc chắn sẽ giành được số phiếu cao nhất. Cô luôn "khiêm nhã" ít lời, già vờ ngây ngô,

an phận, ra vẻ vụng về ngốc nghếch". "Trong bụng có rõ chủ ý nhưng không bao giờ lộ ra, hỏi điều gì cũng lắc đầu không biết". Phủ Vinh Quốc to lớn như vậy, người khác ai ai cũng đua ganh, đấu chơi, Bảo Thoa lại dường như không màng, nên được tiếng thơm là "đoan trang hiền thục, dịu dàng đôn hậu". Vì vậy, Bảo Thoa được hết thảy mọi người, từ bậc baba trên như Giá Mẫu, Vương phu nhân, rồi các chị em cùng lứa ngang hàng, đến các a hoàn giúp việc yêu quý, khen ngợi.

Điều này là mà cũng không lạ.

"Người ba phải" không hẳn là người xấu, càng không phải là kẻ thù. Điều rắc rối chính là ở chỗ này. "Thế nhưng, vào giờ phút cần kíp, nghiêm trọng, nếu bản thân anh ta không được tăng lương, hay chưa được phân nhà ở, con cái họ không được xếp sắp ưng ý. Con mắt ngày thường vốn khép chặt nay sẽ lập tức mở to ra. Từ một con người không bao giờ tức bức nồng giận bỗng chốc sôi ruột gan, bỗng ngoài tuy không biểu lộ ra, vẫn giữ dáng vẻ cửa người ba phải, nhưng bên trong ngầm ngầm chạy chọt, vận động, dùng lời lẽ ngọt ngào để lung lạc lòng người, tạo dư luận có lợi cho mình. Hoặc từ một người xưa nay không tranh chấp với đời, giờ thậm chí có thể viết thư khuyến cáo kêu oan... Người "khoan hồng đại lượng" như Bảo Thoa so với Lâm Đại Ngọc thực ra còn hẹp hòi, nhỏ nhen hơn nhiều..

"Tại sao lại như vậy? Đó chẳng phải là sự trung thành với câu cách ngôn của Bảo Thoa rằng vừa muôn minh được lợi, lại không làm mất lòng người khác? "Dữ nhân vi thiện" (nhiệt tình giúp đỡ mọi người) hoàn toàn khác với "dữ thế vô tranh" (không tranh giành với ai). Mười năm nội loạn đã sản sinh ra loại người chuyên lấy việc trùng trị, chinh đốn người khác làm niềm vui, những nhân vật chuyên nghiệp đấu đá, loạn tranh giành loạn, tất nhiên bọn họ đáng bị nhân dân căm ghét, phỉ nhổ. Hạng "người ba phải" tất nhiên có tốt hơn so với những kẻ nói trên, nếu việc không liên quan tới cá nhân họ, nhất quyết họ sẽ không ra tay. Tuy nhiên, ở đây có một điểm không được lẩn lộn: những người có trình độ, phẩm chất chính trị cao, không chỉ đơn thuần là không thích nạt nộ người khác, họ dám ra tay, trong phạm vi có thể, chống lại những kẻ cực tả, có người thậm chí không ngại nguy hiểm, dũng cảm đứng ra bảo vệ rất nhiều đồng chí vô tội, họ sẵn sàng giơ vai gánh vác gánh nặng với người khác, không dùng lời nói dèm pha để hại người. Trong khi đó, người ba phải không khác gì bè lũ kia, cái mà họ sùng bái chính là quyền lực. Đúng như trong "Nho lâm ngoại sử" đã viết: "Làm ruồi trên đầu hổ không bằng xuống đất làm một kẻ đàng hoàng". Tục ngữ có câu: "Không sợ quan công đỏ mặt mà sợ nụ cười của bồ tát".

Sơ dĩ tôi sử dụng những đoạn phân tích của tác giả Thư Triển ở đây là vì theo tôi, bàn về vấn
400

đề loại "người ba phải", bài viết của ông là toàn diện và sâu sắc nhất. Những điểm chính trong bài viết của ông là:

- a. Từ nhân vật Bảo Thoa trong tiểu thuyết "Hồng Lâu Mộng", bí quyết làm một người ba phải của cô là: "Vừa muốn mình được lợi, vừa muốn không làm mất lòng người khác".
- b. Trước đây, đã có loại người ba phải, đến nay vẫn có, vì người ba phải không hẳn là người xấu, càng không phải là kẻ thù nên dễ khiến người ta xem nhẹ tác hại và mặt tiêu cực của nó.
- c. Người ba phải cũng gần giống như các nhân vật "phái gió" (gió chiều nào che chiều ấy) xuất phát từ mục đích mưu lợi cá nhân mà đấu đá, đua tranh với mọi người, bo bo giữ mình, không phân biệt đúng sai, yếu đuối hèn nhát.
- d. Cân nhận thức đầy đủ tác dụng tiêu cực của người ba phải, về mặt khách quan chính là dung túng, buông tha cho kẻ xấu, không đề cao người tốt, không có chính kiến đúng sai rõ ràng, không có một chút tình cảm chính nghĩa nào, chỉ biết: "Hôm nay thời tiết ha ha ha". Nếu tiếp tục như vậy sẽ vô cùng nguy hiểm, hại cho sự nghiệp cách mạng. Nếu trong xã hội, loại người ba phải ngày một đông, khi có kẻ làm điều sai trái, xấu xa, liệu còn có ai dũng cảm ra tay giúp đỡ, cứu giúp người bị nạn ?

7. CON ĐÀN, CHÁU ĐỐNG QUÝ HƠN CÁ VẠN QUAN (!)

Phong tục dân gian của Trung Quốc từ xa xưa đã lấy thạch lựu làm vật tượng trưng cho quan niệm đong con nhiều phúc, và phong tục này đã được lưu truyền qua biết bao nhiêu đời nay. Theo ghi chép của "Bắc Tề thư, Ngụy Thu truyện", hoàng đế An Đức Vương, thời Bắc Tề, một lần về dự tiệc tại nhà cha mẹ của Lý Phi. Mẹ của Lý Phi dâng lên hoàng đế 2 quả thạch lựu lớn. Hoàng đế bỏ hai quả thạch lựu sang một góc. Lúc này, thiếu phó (thầy giáo) của thái tử Là Ngụy Thu liền nói: "Quả thạch lựu có rất nhiều hạt, đức vua mới kết hôn nên thân mẫu của Lý Phi dâng thạch lựu có ý là hy vọng đức vua sẽ con đàn cháu đống". Hoàng đế nghe thấy vậy rất vui mừng, vội vàng sai Ngụy Thu thu lại hai quả thạch lựu, gói vào khăn lụa đào để mang về cung, đồng thời thưởng hậu cho Ngụy Thu. Qua câu chuyện có thể thấy: từ thời đó đã có phong tục tặng thạch lựu để bày tỏ lời chúc con cháu đầy nhà, con đong nhiều phúc rồi.

"Đong con, nhiều phúc" là một quan niệm luân lý, đồng thời cung là quan niệm sinh dục của xã hội phong kiến Trung Quốc. Vậy tại sao con cái càng đong lại càng tốt? Quan niệm này ra đời, chủ yếu là chịu ảnh hưởng của các quan niệm luân lý của Nho giáo như "bất hiếu có ba, không có người nối dõi là tội nặng nhất". Sinh nhiều con, trước

tiên là vì lẽ hiếu, nhằm phát triển nòi giống, nối dõi tông đường. Thứ đến là vì muốn hướng cái phúc được con cháu phụng dưỡng.

Miền Bắc Trung Quốc có lưu truyền câu "ngũ nam, nhị nữ", có nghĩa là mỗi gia đình tốt nhất nên có 5 trai, 2 gái. Con trai đông, lực lượng lao động trong nhà sẽ đông, đây là một thứ quan niệm tiêu nông. Còn có một cách giải thích khác, là nhà đông anh em, sẽ càng mạnh thế, không sợ bị người khác ức hiếp. Nếu chỉ có con gái sẽ bị coi là chưa hoàn hảo, mà phải có nếp, có tẻ. Thuyết "ngũ nam, nhị nữ" là tư tưởng trọng nam khinh nữ, hơn nữa nếu gia đình nào cũng như vậy, sẽ dẫn đến tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa tỷ lệ dân số nam và nữ. Trung Quốc là nước có dân số chiếm khoảng một phần tư dân số thế giới. Do những sai lệch trong chính sách dân số của Trung Quốc những năm 60, với cái gọi là "phê phán nhầm một người (chỉ Mã Dần Sơ), lỡ tăng bốn trăm triệu, đã dẫn đến tình trạng dân số Trung Quốc bị đặt ra ngoài vòng kiểm soát, đến giữa thập kỷ 70, tỷ lệ sinh trong cả nước đã lên tới khoảng 25%. Có người nói: tất cả các chính sách của nhà nước tôi đều tán thành, chỉ duy có chính sách sinh đẻ kế hoạch là tôi chưa thông. Chỉ sinh đột một đứa con không chút gì bảo đảm, nhớ có chuyện không may xảy ra thì sao? Làm cha mẹ nên có con trai, con gái song toàn, nếu sinh con một bể thì thật đáng tiếc, ít nhất cũng nên có một trai, một gái. Đứa trẻ chỉ có

một mình, không có anh chị em ruột thịt sẽ cảm thấy rất cô đơn, lớn lên chúng cũng sẽ không có cô, dì, chú bác nữa. Như vậy thì thật không hay... Do quan niệm lạc hậu, sai lệch, nên việc vi phạm chính sách sinh đẻ kế hoạch cũng không phải là chuyện hiếm thấy. Người thì khi mang thai phải lánh sang tỉnh khác, người thì cam tâm chịu phạt, đảng nào thì đứa trẻ cũng được sinh ra đời. Vì vậy, xuất hiện tình trạng mà người ta thường gọi là "đội du kích sinh con quá tiêu chuẩn", "mua con ngoài tiêu chuẩn, sinh đẻ kế hoạch với giá cao" ...

8. BA TÁC SEN VÀNG BỆNH HOẠN

"Bó chân nhỏ" là một đại phát minh của người Trung Quốc, là một cách chuyển xấu, làm đẹp, là cái độc nhất trên thế giới. Chiếc chân bó nhỏ của người con gái chỉ là để làm vui lòng đàn ông, thương thân chịu ngược đãi, tự làm hỏng chân, đó là một loại áp bức, lăng nhục phụ nữ và cũng là một tập tục xấu lưu truyền đã mấy ngàn năm. May mắn làm sao, con gái hiện đại không phải bó chân nữa, có tìm cũng chẳng thấy những chiếc chân bó nhỏ bệnh tật dị hình. Tập quán bó chân nhỏ có từ đời nào?

Về lai lịch của tập tục này, có thuyết nói rằng bắt đầu từ thời Tùy Dạng đế Dương Quang (năm 605 Tây lịch). Tùy Dạng đế là một hoàng đế hoang

dâm nhất trong những kẻ thống trị phong kiến. Một lần, nhà vua muốn theo sông Vận Hà đi du ngoạn miền nam, đã chọn một trăm cô gái trẻ đẹp kéo thuyền cho ông ta. Trong số đó có Ngô Nguyệt Nương, con gái một người thợ rèn, chị cô gái này đã chết trong tay Tùy Dạng đế, nay lại bị bắt đến kéo thuyền, cô căm hận đến cùng cực, quyết tâm giết chết Tùy Dạng đế. Cô gái bao ông bố đánh cho mình một con dao dài ba tấc, đem quấn vào dưới bàn chân. Khi kéo thuyền cô bị Tùy Dạng đế nhìn thấy vẻ xinh đẹp nên đã cho gọi cô đến bên, cô đã thừa cơ dâm Tùy Dạng đế, nhưng chỉ dâm trúng cánh tay nhà vua rồi nhảy xuống Vận Hà tự tử. Từ sau đó, khi lựa chọn mỹ nữ, dù người có đẹp đến đâu nhưng nếu bị bó chân Tùy Dạng đế nhất luật không chọn vào cung. Bắt đầu từ đó con gái trong thiên hạ vì sợ Dạng đế tuyển chọn đã bó chân lại. Lâu dài, bó chân trở thành thói quen.

Một thuyết nữa bắt đầu từ Lý Hậu, chủ nam Đường (năm 961). Truyền thuyết nói nhà vua đã ra lệnh cho một vũ nữ bó chân nhỏ, múa hát trên một đài hoa sen bằng vàng đặt cao 6m để thưởng thức. Thế là đàn bà con gái tranh nhau bắt chước, phong tục bó chân nhỏ dần dần hình thành. Những cái chân nhỏ được gọi một cách uyển chuyển là "sen vàng" hoặc "sen thơm". Từ đó gót sen vàng nhỏ nhắn được định làm một tiêu chuẩn để chọn con gái đẹp. Bó chân nhỏ còn có nhiều cách nói khác, tuy vậy chẳng cần nghiên cứu tỉ mỉ. Tóm

lại, tập quán bó chân nhỏ đã có lịch sử hơn một ngàn năm. Người ta dùng cuộn vải rất dài bó chân lại, thay thế cho đôi tất. Đó là một phương thức của xã hội phong kiến làm hỏng chân trần của phụ nữ. Bắt đầu từ bốn, năm tuổi các bé gái đã buộc phải dùng vải bó chặt đôi chân, làm cho xương chân biến hình trở thành "ba tát sen vàng vừa nhọn vừa nhỏ", giống như đóa hoa sen. Bắt đầu từ thời kỳ Ngũ Đại, số con gái bó chân dần nhiều lên. Theo ghi chép trong "Tống sử, Ngũ hành chí": "... cung nhân bó chân gọi là "mau lèn ngựa". Đến thời Minh, tục bó chân thịnh hành. Chân to hay nhỏ trở thành tiêu chí đánh giá số phận đàn bà. Con gái xuất giá phải xem chân to hay nhỏ, chân càng nhỏ càng được chuộng. Có một số người, được gọi là "bà chân to" thì hoặc là không lấy được chồng như ý, hoặc sau khi lấy chồng bị người cười chê, khinh ghét, thậm chí bị đánh chửi. Có thể thấy đôi chân nhỏ quan trọng biết chừng nào !

Tệ hại của việc bó chân rất dễ thấy. Đồi với người phụ nữ, về sinh lý cho đến tâm lý đều là một sự chịu ngược đãi. Tiên sinh Lâm Ngữ Đường đã viết: "Bó chân là tượng trưng cho việc phụ nữ bị giam cầm, bị áp chế". Trên thực tế, từ đầu đến cuối, bó chân. Sở dĩ đàn ông yêu thích tập quán này là vì họ coi đôi chân và đôi giày của phụ nữ là đối tượng luyến ái và sùng bái, còn phụ nữ yêu thích tập quán này là vì họ muốn được đàn ông sủng ái. Chân nhỏ của phụ nữ Trung Quốc không

chỉ làm đàn ông thỏa lòng thích mắt mà còn ảnh hưởng một cách kỳ lạ tê nhị đến cách đứng cách đi của phụ nữ Trung Quốc. Mông ưỡn ra sau giống như là đi giày cao gót hiện đại, đi đứng thì cực kỳ thận trọng, thân người không ngừng lắc lư, đường như hễ đụng tới là ngã. Xem một phụ nữ chân nhỏ đi đường, giống như xem một diễn viên đi trên dây thép. Bó chân đúng là một sáng tác tinh tế nhất về sức tưởng tượng một giác quan của người Trung Quốc. Tuy vậy, bọn đàn ông không thèm để ý đến thái độ của nữ giới, bắt đầu coi chán nhỏ là một đối tượng luyến ái, rồi sùng bái, thưởng ngoạn, khâm phục và ca ngợi... Sự sùng bái "sen vàng" thuộc phạm vi nghiên cứu bệnh lý học, tâm lý học về tính dục. Trong việc thưởng ngoạn những đôi chân nhỏ khác nhau, người ta đã thi thoả không ít tài năng. Đời Thanh đã có người viết hẳn một cuốn sách miêu tả "nghệ thuật" này, chia chân nhỏ ra làm 5 loài, 18 kiểu, nói chân nhỏ đẹp ở chỗ một là mím mím, hai là mềm, ba là xinh... Có thể thấy trong xã hội mà đàn ông là trung tâm, nam quyền chi phối tất cả. Đàn bà là vật phụ thuộc, thậm chí là đồ chơi của đàn ông. Tập tục tà ác quái đản bó chân, không nói ngày nay, mà đương thời cũng đã có một số hoàng đế và văn nhân thức thời phản đối và cấm đoán. Hoàng đế Khang Hy và Càn Long đều có lệnh cấm bó chân. Các văn nhân như Lý Nhị Trân, Viên Mục, Du Chính Nhiếp đều lên tiếng phê phán tập tục quái ác này. Chu Tác Nhân từng coi

việc bó chân của phụ nữ là một trong những khổ nạn của phái yếu. Trong bài "Bàn bạc về sự sùng bái chân", Chu Tác Nhân còn châm chọc một số người cuồng nhiệt sùng bái chân: tôi có một đồng hương, sống ở Bắc Kinh, nơi phong khí mờ mang dã lâu, dã học qua giáo dục cao đẳng, tư tưởng tương đối tươi mới, nhưng không ngờ, một hôm tôi cùng vị đồng hương này ra phố, tình cờ gặp ba, bốn cô nữ học sinh. Nhìn bọn họ, vị đồng hương của tôi nói: mấy cô gái này đẹp thật. Nhất là cô gái mặc áo hồng nhạt, mắt phượng, mày ngài, tuổi chừng mươi sáu thôi, đúng là một trinh nữ... chỉ tiếc là đôi chân to quá ! Tiên sinh Cô Thang, người được coi là Tagore của Trung Quốc đã phát biểu một cách cao đạo về thẩm mỹ: "Cái đẹp của đàn bà Trung Quốc hoàn toàn là ở điểm bó chân. Sau khi bó chân, huyết mạch ở chân và đùi đều dồn lên trên, đùi và mông đều phát triển một cách tự nhiên, lộ ra vẻ hấp dẫn thoát tha. Chính vì sự cuồng nhiệt sùng bái chân nhỏ mà đàn bà đã dụng công bó chân, càng nhỏ càng tốt. Xem ra sự sùng bái dã mang đến tai hại.

Nên nhớ rằng dã có không ít chuyện chua xót đằng sau ba tát sen vàng!

Bó chân nhỏ từng đã bị người nước ngoài cười chê là "sự sáng tạo cái mới hết sức kỳ cục", bị nhiều học giả nhiều nước công kích là "một sản vật dã man và phi lý tính". Một người Trung Quốc

từng lưu học ở nước ngoài đã ra sức nói về tác dụng gợi tình độc đáo của đôi chân chân phụ nữ. Nói rằng, từ xưa đến nay, người Trung Quốc vẫn tin tình dục của người đàn bà bó chân mạnh hơn người đàn bà không bó chân nhiều, còn với phần lớn đàn ông Trung Quốc, nếu trước khi làm tình mà không có đôi chân nhỏ để lật đi lật lại đùa chơi thì sẽ giảm hứng thú. Họ coi sen vàng và âm đạo quan trọng như nhau. Còn có một chứng minh nữa: phần lớn những bức tranh khiêu dâm thời xưa đều thể hiện sen vàng của phụ nữ, khi nằm mê về việc trai gái, bọn họ đều mơ thấy đôi chân nhỏ của đàn bà. Một số bài thơ ướt át, tiểu thuyết sắc hình, dân ca v.v... đều tập trung thể hiện ba tác sen vàng của đàn bà và các hiện tượng dâm dăng do nó gây ra.

Tập tục bó chân nhỏ đã truyền hơn một ngàn năm, sau cách mạng Tân Hợi, năm 1912 chính phủ Trung Hoa dân quốc đã ra lệnh cấm bó chân, từ đó tập tục bó chân mất dần, nói chung là đã bị pháp thuật thủ tiêu

9. SỰ SÙNG BÁI THẦN BÍ ĐỐI VỚI "MÀNG TRINH".

Có những tập tục rất thần bí kỳ quặc, "ham mê gái trinh" là một trong đó. Cái gọi là "ham mê gái trinh" là chỉ việc đặc biệt coi trọng và chỉ yêu

gái trinh, cũng tức là một loại sùng bái màng trinh. Có khi chỉ người đàn ông khi kết hôn yêu cầu người phụ nữ phải còn trinh; có khi chỉ người đàn ông khi chơi bời với phụ nữ hoặc kỹ nữ, chỉ đặc biệt yêu người còn trinh, tình nguyện trả giá cao để có được. "Ham mê gái trinh" là một loại tâm lý về tính rất tê nhị, là một lạc thú về tính rất thần bí. Xem xét từ lịch sử phát triển hôn nhân, đàn ông ham mê gái trinh, trước đời Tống chưa thấy rõ lắm, các đế vương đời Hán, đời Đường khi chọn phi, đã chọn cả phụ nữ đã có chồng, chỉ cần sắc đẹp hơn người. Ví dụ: theo truyền thuyết trước khi Triệu Tập Yên trở thành hoàng hậu của Hán Thành đế đã không còn là gái trinh. Từ đời Tống, đặc biệt là dưới ảnh hưởng lý học của Chu, Trình, sự ham mê gái trinh của đàn ông mới bắt đầu có dấu hiệu tăng lên. Đến đời Minh phát triển lên thành yêu cầu kiểm tra màng trinh, tất nhiên khác với sự kiểm tra của thầy thuốc hiện đại, nó không để ý tới sinh lý có phù hợp với bình thường hay không mà chỉ để ý xem có phải là gái trinh hay không. Thời đó có chưa quan chuyên làm rõ gái trinh. Ham mê gái trinh, ở miền bắc rõ nét nhất, miền nam xếp dưới.

Tập tục "ham mê gái trinh", bắt đầu từ đời Tống, đến nay vẫn tồn tại nghiêm trọng. "Ham mê màng trinh" là một hiện tượng lại giống (phản tổ) về văn hóa, và cũng là một loại truyền thống mê tín của dân gian. Loại tập tục này khẳng định là

không tốt, mang lại nhiều tệ đoan. Bất kể xưa nay, chữ trình vốn là tâm nguyện của nhiều phụ nữ. Đó là một tiến bộ khi loài người thoát khỏi tạp giao quần hôn nguyên thủy, và cũng là một yêu cầu tiết tháo tự thân trong sạch và duy trì tự tôn và nhân cách của nữ giới. Nhưng từ xưa đến nay, đạo đức phong kiến đã cường điệu vấn đề tiết tháo trong trắng của người phụ nữ đến độ cực đoan. Người ta coi trọng đàn ông vì môn đệ và tiền tài, người ta coi trọng phụ nữ vì tiết tháo trong trắng. Mà sự trong trắng của nữ giới lại chỉ chú trọng riêng tới bộ phận sinh dục, nhất là việc họ có còn màng trinh hay không. Giá trị của nữ giới bị đơn giản hóa thành giá trị thân phận gái trinh, đây cũng là một đặc quyền mà nam giới khống chế đòi hỏi ở nữ giới. Người ta coi giá trị thân phận gái trinh rất cao, có nghĩa là phải lưu giữ lại để cho kẻ chiếm hữu xác thịt sau này, báo đàm họ là người đầu tiên chiếm hữu. Vì vậy trong xã hội phong kiến, gái trinh được coi là một giá trị của cải và tiêu chí đạo đức, khi xuất giá có thể căn cứ vào đó ma thách cưới cao. Gái trinh "còn chưa rách màng" dù có là mại dâm thì thân giá cũng rất cao, có thể đòi một món tiền lớn. "Ham mê gái trinh" đặc biệt việc coi trọng màng trinh đối với vợ chưa cưới, là một của đàn ông trong xã hội, chọn vợ phải trọng "gái tân", khi kết hôn, trong đêm động phòng hoa chúc tất phải tiến hành "kiểm tra" cô dâu. Khi chơi bời phụ nữ, đàn ông cũng lấy việc chiếm đoạt đầu tiên gái

trinh làm tự hào... Đó là tư tưởng đặc quyền "chiếm hữu" hoặc "lũng đoạn" của nam giới đối với nữ giới.

"Ham mê gái trinh" lâu nay đã làm cho nhiều đàn ông như si như cuồng. Khi kết hôn, lần đầu tiên làm tình, nếu thấy người phụ nữ không chảy máu, hoặc chảy máu không như người chồng tưởng tượng là người đàn ông sẽ cương quyền xử trí người vợ: ngược đãi chán, ghét, thù hận... thậm chí giết vợ, những hiện tượng đó đã là việc thường thấy, bao nhiêu bi kịch đã xảy ra và đến ngày nay vẫn còn diễn lại.

Vì sao đàn ông đều "ham mê gái trinh"? Có hai nguyên nhân:

Một là, xã hội nam quyền đã tạo ra hàng loạt thần thoại, hoàn toàn suy luận theo chủ quan không có căn cứ khoa học. Nghe nói làm tình với con gái trinh (thậm chí cưỡng hiếp con gái trinh) có thể được khoái cảm sinh lý và hưởng thụ tâm lý đặc biệt. Thực ra khoa học tình dục hiện đại đã chứng minh từ lâu rồi: khoái cảm tình dục giữa hai bên chủ yếu dựa vào sự hòa hợp về cảm tình và sự điều phối của kỹ xảo tình dục. Cái gọi là "gái trinh độc vận" không phù hợp sự thực, chẳng qua là lòng hư vinh và dục vọng chiếm hữu của đàn ông tác quái mà thôi. Hai là, từ xưa trong dân gian Trung Quốc đã lưu truyền thuyết mê tín về "gái trinh tâm bô", cho rằng đàn ông nếu muốn càng

già càng khỏe thì cần phải "lấy âm". Mà cách hay nhất để "lấy âm" là giao hợp với gái trinh. Như "Động Huyền tử" trong nghệ thuật buồng the viết: khi nam nữ làm tình với nhau, tuổi người đàn ông càng lớn hơn người đàn bà thì người đàn ông càng có lợi, ngược lại là có hại. Và đưa ví dụ: Bành Tổ tinh thông thuật buồng the thời cổ đã sống tới 800 tuổi, đó là do ông ta đã lấy được chất tẩm bổ từ nhiều âm nữ, còn nói người phụ nữ lấy âm không cần xinh đẹp chỉ cần tuổi trẻ, khỏe mạnh. Những cách nói hoang đường đó nhiều năm nay đã trở thành căn cứ lý luận lôi kéo người ta "ham mê gái trinh"...

Quan niệm "gái trinh" trước sau đều có đầy đủ mùi vị bí hiểm, nó chịu sự chi phối của quan niệm giá trị thần bí và có mối liên hệ với ảnh hưởng của quan niệm truyền thống lâu dài. Thực ra xem xét từ góc độ tâm lý học, gái trinh so với đàn bà đã lấy chồng, chẳng qua là nhiều hơn một màng trinh. Còn xem xét từ góc độ xã hội học, gái trinh và phụ nữ đã lấy chồng chẳng có sự khác nhau về bản chất. Bất kể đàn ông hay đàn bà, đều tồn tại với tư cách là con người của xã hội. Thể hiện giá trị tự mình của người phụ nữ chủ yếu phải xem xét mặt bản chất xã hội của họ. Ví dụ: tâm linh có tốt đẹp hay không, tình cảm có cao thượng hay không, trí tuệ có phong phú hay không, tài năng có hơn người hay không v.v.. còn có là gái trinh hay không, không quan trọng.

Chủ nghĩa phong kiến đã từng đề cao trinh tiết của nữ giới tới mức cực đoan khi nói: "chết đói là việc nhỏ, thất tiết là việc lớn". Thế nhưng mặt khác, bọn thống trị lại tùy ý ngang ngược chiếm đoạt rất nhiều phụ nữ, tùy ý xâm chiếm phá hoại sự trinh tiết của họ...

Lý Thục Trân 22 tuổi, làm việc tại một nhà máy gia công chất dẻo. Hai năm trước, cô và kỹ thuật viên Trương Đại Bình, hơn cô 8 tuổi, yêu nhau. Hai người tình đầu ý hợp, lại thêm Thục Trân xinh đẹp đoan trang, nên Đại Bình đi đâu cũng khoe là mình có phúc. Hai người đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, chọn được ngày lành tháng tốt, chuẩn cử hành hôn lễ. Một hôm, Đại Bình mời cơm mấy người bạn thân đến sửa chữa, bố trí phòng mới. Rượu được vài chén, một người bạn ghé tai nói với Đại Bình: cậu và Thục Trân đã đến bệnh viện kiểm tra trước khi cưới chưa? Cậu nói đó làm Đại Bình ngây người ra. Tiếp đó, người bạn lại nói thêm, vào đêm động phòng, anh ta mới biết là người vợ mới cưới không còn mang trinh, từ đó đến nay mặc dù chung sống với nhau nhưng quan hệ luôn không tốt, anh ta không thể tha thứ và đến nay vẫn cò ri uất ức. Nghe lời bạn, hôm sau Đại Bình đề nghị Thục Trân đến bệnh viện kiểm tra. Kết quả ghi trên phiếu xét nghiệm là "màng trinh bị rách". Thục Trân cuống lên, nói: không thể thế được, em dám thề với trời đất nhưng dù cô khóc lóc, nói thế nào

Đại Bình cũng không tin. Giấy trắng mực đen còn đó ! Mặc dù Đại Bình còn rất lưu luyến, nhưng anh ta kiên quyết li hôn. Chỉ có bốn chữ "màng trinh bị rách" mà sức mạnh của nó đã lớn hơn sức mạnh của tình yêu trong suốt hai năm. Quan niệm màng trinh là cao hơn hết của Đại Bình đã phá hoại cuộc hôn nhân tốt đẹp của anh ta!

Lại như Mộng Na, nữ sinh viên năm thứ tư, khoa nghệ thuật trường đại học X. Có rất nhiều bạn trai theo đuổi cô, nhưng người thắng lợi là một giảng viên trẻ thuộc khoa Trung văn cùng trường. Anh này còn là một nhà thơ có chút tiếng tăm và đã viết nhiều bài thơ tình làm say mê Mộng Na. Sau một thời gian yêu nhau, hai người quyết định làm lễ thành hôn. Đêm tân hôn, hai người dám say trong cuộc mây mưa, nhưng sau đó chàng rể mới phát hiện là cô dâu không "chảy máu". Anh ta thầm nghĩ: có phải Mộng Na đã mất trinh trước hay là do nhân tố ngoài ý muốn nào đó làm màng trinh bị rách? Cuối cùng anh ta hỏi thẳng cô. Mộng Na là một cô gái thành thực, cô không nỡ dối lừa, nên đã kể câu chuyện không may khi cô bị một con quỷ dâm dục trong cùng chung cư cưỡng hiếp lúc cô còn là học sinh trung học. Lúc đó rất đau đớn và bị chảy rất nhiều máu, nhưng do xấu hổ chưa biết gì, nên không có dũng khí tố cáo. Vết thương lòng mẩy năm đã thành sẹo, không ngờ hôm nay... Người chồng sau khi biết rõ sự tình đã không giữ được bình tĩnh. Một hôm, cơn rượu say, anh ta đã

chùi Mộng Na là "đồ dĩ thoa". Mộng Na bị tổn thương sâu sắc, cảm thấy nhân cách bị xỉ nhục. Do tâm lý bị lấn cấn, cả hai người đều buồn bã, cuối cùng phải ly hôn để giải thoát cho nhau...

Nhân tiện nói thêm một chút về màng trinh. Màng trinh là một màng mỏng hình tròn phủ kín cửa âm đạo, bên trong nó có huyết quản và dây lỗ thần kinh, giữa màng có một lỗ nhỏ. Phần lớn phụ nữ lần đầu tiên tính giao, do lỗ lớp màng này quá nhỏ, nên màng bị rách ở một chỗ hoặc nhiều chỗ, tạo nên hiện tượng chảy máu. Sau đó, số lần tính giao tăng lên, âm đạo dần lớn thêm, màng trinh theo đó mà mất đi. Theo thống kê nghiên cứu của các chuyên gia sinh lý học, lần tính giao đầu tiên số phụ nữ có hiện tượng xuất huyết chiếm trên 70%, không có hiện tượng xuất huyết chiếm gần 30%. Sở dĩ không xuất huyết, là vì: vận động mạnh... mà màng trinh bị rách, vì nhiều lần thủ dâm, vì màng trinh tương đối lớn, lại có tính đàn hồi tốt nên có người sau nhiều lần tính giao mà màng trinh không bị rách và chảy máu... Vì vậy không nên lấy việc có chảy máu hay không chảy máu sau lần giao hợp đầu tiên làm tiêu chuẩn để phán định phía đàn bà có phải là gái trinh hay không, đã rồi từ đó nghi ngờ sự trinh tiết của người khác. Hơn nữa cần phải phá bỏ quan niệm gái trinh thần bí, không nên quá coi trọng giá trị của màng trinh. Sự trinh tiết của người đàn bà với việc lần đầu giao hợp có ra máu hay không, không có

mối liên quan tất yếu

Ham mê gái trinh, sùng bái màng trinh... đã
đến lúc phải phá bỏ rồi!

10. NÓI CHUYỆN GIẬT GÂN ĐỒI THỊNH "CƠN SỐT MẶT CHƯỢC"

"Ăn, uống, gái, cờ bạc" xưa nay bị người Trung Quốc xem là tập quán xấu. Lấy chuyện "đánh bạc" mà nói, những người mê đánh bạc bị gọi là bọn "qui đánh bạc" là "con bạc. Đánh bạc còn là một hành vi phạm tội. Các nhà xã hội học cho rằng "gái" và "cờ bạc" vừa cổ xưa vừa hiện đại, vừa có sức cám dỗ lại vừa có sức xuyên suốt !

Có nhiều phương thức đánh bạc: tôm, xóc đĩa, cá ngựa, mạt chược, tu lơ khơ... Hiện nay, câu nói "một tỷ nhân dân, một tỷ người đánh mạt chược", tuy có chút khoa trương, nhưng quả thực ngày nay đánh mạt chược đã thành phong trào trong cả nước, bất kể nam nữ, già trẻ, các ngành các nghề, trên dưới, sang hèn. "Đánh mạt chược" khẳng định là một loại cờ bạc, nhưng cờ bạc ở một mức độ nào đó thì còn có tính giải trí. Nhưng nếu một tối được thua tới vài trăm NDT, hàng ngàn, hàng vạn NDT thì rõ ràng là đánh bạc rồi. Tính nghiêm trọng của vấn đề là ở chỗ này: hiện nay phong trào đánh mạt chược quá thịnh hành trong người Trung Quốc, có tính chất toàn dân, phổ biến

khắp thành thị nông thôn. Đó là một hiện tượng xã hội khiến người ta phải lo lắng. Đó là một tập tục không lành mạnh. Nó đang cuốn hút hàng trăm triệu người, mà những tệ hại gây ra không nói cung rõ. Trước hết cần biết, quân bài mạt chược là một dụng cụ đánh bạc điển hình của Trung Quốc, và cũng được coi là một dụng cụ đánh bạc phức tạp nhất trên thế giới. Hiện nay, người Mỹ, người Pháp, người Nhật, người Triều Tiên đều đánh mạt chược. Có thể nói, việc người Trung Quốc phát minh ra đánh mạt chược đủ để chứng minh họ là dân tộc thông minh nhất thế giới. Từ đầu thế kỷ 20 đến nay, phong trào đánh mạt chược lúc nào cũng thịnh hành. Từ những năm cải cách mở cửa, mạt chược không bị cấm và đang ở trong cơn sốt.

Ngày 2/3/1986 trên báo văn học, tiên sinh Cốc Nê viết bài "Nói chuyện giật gân đời thịnh - cơn sốt mạt chược "đã nói rất trúng về những tệ hại của nạn đánh mạt chược. Thực ra, ngay từ khi mạt chược vừa ra đời, những loại tội ác đã đi theo, bất kể là ở vương triều đại Thanh hay là ở Trung Quốc cũ, nửa thuộc địa nửa phong kiến. Vì vậy không thể coi thường.

11. BÀ ĐỒNG CÓ THỂ ĐUỔI QUÝ, TRỪ TÀ U?

Làn gió ông đồng bà cốt hùng hực trong dân gian đều có biểu hiện đột xuất. Trong các hoạt động thường ngày của xã hội như cầu tự, gọi hồn, đuổi quỷ trừ tà, chữa bệnh, đánh cá, đi săn, làm

ruộng, sản xuất thủ công nghiệp, xây nhà dựng cửa v.v. không chỉ có thày phù thủy can dự vào mà còn có đông đảo quần chúng tham gia. Sự kết hợp của hai loại đó, nhất là tác dụng của loại sau đã hình thành nên cục diện làn gió ông đồng bà cốt và phép phù thủy pha tạp trong dân gian Trung Quốc. Từ sau những năm 50 của thế kỷ 20, hoạt động công khai của thày phù thủy chuyên nghiệp bị luật pháp và chính sách cấm chỉ, hạn chế nên càng ngày càng ít, nhưng phép phù thủy quần chúng trong dân gian xã hội thì trước sau vẫn tồn tại. Trong sinh hoạt của người Trung Quốc, cầu tự để có người nối dõi, luôn được coi trọng lâu dài. Vì vậy, trong hoạt động tập tục dân gian, tập tục cầu tự đã kết hợp với phép phù thủy và triển khai về nhiều mặt. Ví dụ như trong đêm động phòng, sau khi vào màn, có tập quán quăng giầy từ màn ra, giầy rơi xuống đất, nếu ngửa thì là triệu chứng sinh con gái, nếu sấp thì là sinh con trai. Tập quán dân gian này có chứa nhân tố phép phù thủy. Đến miếu đền cúng thần cầu tự đã là một truyền thống của đông đảo dân tộc Hán. Người cầu tự thường dùng thủ đoạn phù thủy "buộc hình nhân", "ăn trộm hình nhân" để đạt được mục đích sinh đẻ. Sau khi chuẩn bị vàng hương, sẽ đến cầu khấn ở đền thánh mẫu, có thể buộc chỉ đỏ vào cây ven đường, nhưng quan trọng nhất là buộc một sợi chỉ đỏ vào thân dứa trẻ mà thánh mẫu đang bế, nói rõ họ tên, nơi ở, nguyện vọng cầu xin đẻ con. Người

cầu tự cho rằng buộc chỉ đỏ vào đứa trẻ có nghĩa là nó đã thuộc về mình. Sau đó khẩu dầu trước thánh mẫu rồi ra về, dọn đường không được ngoại lai. Tiếp đó, nếu có mang, sinh nở, thì lại đến đền cúng tạ ơn. Tại một số vùng, dưới chân tượng thánh mẫu, người ta đặt một số tượng trẻ con bằng đất, người cầu tự, thửa lúc mọi người không chú ý, lén lấy một cái mang về bầy ở trong nhà, có ý là đứa trẻ đã đến nhà mình. Một khi sinh con đầu tiên, phải mang đến tặng đền thánh mẫu một trăm tượng trẻ con, để cho những người cầu tự khác đến lấy trộm.

Ngoài ra, trong hoạt động cầu tự còn có một số phép phù thủy có tính tượng trưng. Một là liên tưởng tương tự, người cầu xin đông con nhiều cháu liên tưởng đến một loại có nhiều hạt nhiều trứng như quả bầu, quả dưa, thạch lựu, cá, ếch v.v... Trong tập quán cầu tự, những vật nhiều hạt, nhiều trứng đó được người ta đặc biệt thích thú. Ví dụ, quả dưa hấu nhiều hạt là "vật cát tường" của những người cầu đông con nhiều cháu. Tranh tết mà vẽ quả dưa hấu, lại thêm hoa phù dung và một em bé mụ mẫm, là "nhiều con, phú quý".

Có nơi sau khi con gái lấy chồng, nhà gái phải gửi tặng dưa. Hai là vận dụng lực lượng của ngôn ngữ để đạt được mục đích sinh đẻ. Sinh con gái trước, muốn có tiếp con trai, thì đặt tên mụ của con gái là "Chiêu Đệ (gọi em). Nếu muốn sinh đứa thứ

hai, thì gọi tên đứa trẻ sinh trước là "Liên Sinh" (đẻ liền). *Chèo* làm cho đôi vợ chồng mới cưới ăn, chỉ nấu chín ba, bốn phần, cô dâu ăn *chèo* thấy không chín, nhất định sẽ nói "sinh" (vừa có nghĩa là đẻ, vừa có nghĩa là còn sống chưa chín), hoặc là bố trí người hỏi: *chèo* có chín không? Câu trả lời nhất định là "sinh" (chưa chín)... nói như vậy để đạt được mục đích sinh con. Còn đánh những dây chuyên bằng bạc, bằng đồng đeo vào cổ đứa trẻ, để nó mạnh khỏe lớn lên. Ba là sùng bái bộ phận sinh dục của đàn ông bằng đá, bằng sứ, bằng gỗ với hình dáng gần giống, bất kể là của thiên nhiên hay do con người làm ra, chỉ cần hình dạng tương tự là khiến các phụ nữ đi cầu tự vây quanh, hoặc là sờ mó, hoặc là nói lên đường như làm như vậy có thể làm cho mình thụ thai sinh đẻ. Những phép phù thủy trong hoạt động cầu tự còn rất nhiều, không thể kể hết.

Duối quỉ trừ tà tồn tại phổ biến trong các dân tộc Trung Quốc, nó là bộ phận có sức sống nhất trong hoạt động phù thủy và tôn giáo. Hoạt động đuổi quỉ chia ra làm cá nhân đuổi quỉ và tập thể đuổi quỉ. Phần nhiều hoạt động đuổi quỉ được tiến hành theo phương thức tập thể. Đặc biệt là ở một số vùng dân tộc thiểu số, đuổi quỉ thường là hoạt động công cộng của toàn thân trại, nói chung là vì sự bình yên của người và gia súc toàn thân trại. Để đảm bảo hoạt động tiến hành thuận lợi, tổ chức đuổi quỉ tập thể tương đối chặt chẽ, vì cần phải đề

phòng các yêu tà khác phá hoại, nên thường dùng biện pháp tránh tà. Ví dụ như hoạt động đuôi quỉ của dân tộc Lao thường do hai thanh niên đầu chít khăn bằng giấy đỏ trên có vẽ bìa, tay cầm kiếm thép sắc đi đầu đội ngũ, làm "tiên phong" đuôi quỉ. Theo sau là 4 người khiêng một vạc dầu sôi sùng sục và chiếc "thuyền thu họa lại", đan bằng tre. Phía sau nữa là thày phù thủy cầm kiếm niệm thần chú. Rồi đến hơn mười người cầm búa, cành đào, cờ ngũ sắc, đánh trống cồng nhạc. Nam nữ thanh niên trong làng nối đuôi vừa đi vừa hô hoán. Đội ngũ đuôi quỉ lần lượt đến từng nhà, từng hộ tiến hành "di thôn", sau khi làm phép xong, mỗi nhà đều mang rác rưởi trong nhà đổ vào chiếc thuyền tre, có nghĩa là đã tiêu trừ chết hai loại. Tiếp đó cầm cành đào lên cửa và dán bùa chú, để ngăn chặn quỉ ác từ ngay ngoài cửa. Làm xong "di thôn", đội ngũ đuôi quỉ tiến hành "di động" ra các hang, ruộng, sau khi biểu diễn một hồi ở hang, ruộng, thì ngắt lá, cỏ bỏ vào "thuyền thu họa lại", rồi dùng lửa đốt cháy hết. Cuối cùng thực hiện "cám thôn", trên đường đi vào làng, dựng một cái cửa, dán câu đối, bùa chú, cờ ngũ sắc để làm tiêu chí "cám thôn". Sau loạt trình tự đó là nghi thức đuôi quỉ đã làm xong.

Thuật gọi hồn có quan hệ với việc đuôi quỉ, người ta tin rằng sau khi chết con người có linh hồn. Do đó gọi hồn đã trở thành hoạt động được tiến hành thường ngày. Khi gặp phải một sự hoảng

sợ nào đó là có thể mất hồn; mộng du không tinh cũng có thể mất hồn, quỉ quái hiển hiện cũng làm mất hồn, kẻ thù địch dùng phép phù thủy lừa bịp cũng làm mất hồn, ma cũ ở âm phủ cũng đến bắt hồn... Đặc biệt, thường thấy trẻ con mất hồn nhiều, vì trong quan niệm của người ta, thân thể và tâm hồn trẻ con ở vào thời kỳ chưa thành thục, nên hồn rất dễ bỏ đi, hơn nữa quỉ quái phần nhiều cũng chú ý đến trẻ con. Vì thế khi đêm đến trẻ con cứ kêu khóc không thôi, hoặc tinh thần hốt hoảng, hoặc lạc đường không về, đều bị cho là đã mất hồn. Do vậy, việc mất hồn, gọi hồn phần lớn tập trung vào bọn trẻ con. Phương pháp gọi hồn, hú hồn khi trẻ con mất hồn ở các vùng dân tộc rất khác nhau.

Nếu người mắc bệnh nặng lâu ngày thì bị coi là quỉ đã bắt mất hồn phách phải mời thầy phù thủy dùng bói toán xác nhận xem hồn bị loại ma quái nào bắt đi, dự đoán phương vị của hồn phách và hướng đi của ma quái. Sau đó thầy phù thủy che mặt bằng vải đồ duỗi theo, nếu bắt được một động vật nhỏ nào đó thì coi là đã tìm được hồn phách người bệnh, nhanh chóng quay về nhà giao động vật nhỏ đó cho người bệnh, rồi cắm một cành cây hoặc một nhúm cỏ lên cửa nhà người bệnh, làm cho hồn phách được yên.

Hoạt động y tế là thể hiện sự đấu tranh của nhân loại đối với bệnh tật. Ngay từ xã hội nguyên thủy loài người do bị các loại bệnh tật giày vò tìm

tòi ra các phương pháp điều trị, chữa chạy. Thời thượng cổ, một chức năng quan trọng của thày phù thủy là chữa bệnh, có thể bằng cách vẽ bùa vào giấy vàng hoặc viết thần chú lên đó, rồi mang đốt đi hòa vào nước cho người bệnh uống; có nơi dùng cách "vẽ bùa trên nước", thày phù thủy liền ra tay làm phép, vẽ trên mặt chén nước ba đạo bùa, mồm lầm nhẩm niệm thần chú, sau đó phun chén nước vào người bệnh hoặc đưa cho người bệnh uống. Còn có phép phù thủy trị bệnh gọi là "thêm lương", tức là mời thày phù thủy, mua thịt, giết gà cúng thần. Người con gái bệnh nhân đã lấy chồng mang về một bơ gạo và hai sợi dây. Sau khi thày phù thủy thi hành pháp thuật, lấy giấy phủ lên bơ gạo. Dùng hai sợi dây mà người con gái mang về buộc kín bơ gạo lại, rồi đặt lên bàn thờ tổ tiên. Buổi sáng ngày thứ tư thì hạ bơ gạo xuống, mở tờ giấy ra, lấy gạo nấu cơm cho người bệnh ăn và... sẽ khỏi bệnh (!)

Trong hoạt động săn xuất của loài người, phép phù thủy được vận dụng rất rộng rãi. Thời thượng đã xuất hiện nhiều bài về cầu khấn và niệm chú. Trong *bóc từ* (lời bói) Ân Thương có câu: "Bói Quí Hão, hôm nay mưa. Mưa đến từ phía tây ! Mưa đến từ phía đông ? Mưa đến từ phía bắc ? Mưa đến từ phía nam !" Người vùng núi đi săn, ngư dân vùng ven biển ra biển đều phải cử hành các nghi thức phù thủy phức tạp. Trong quá trình lao động trồng cây, từ đốt hoang, cây bừa đên gieo

hạt, cây trồng, từ diệt sâu diệt cỏ đến thu hoạch nhập kho, cũng phải cử hành các loại nghi thức cúng tế khác nhau. Thuật phù thủy hăm hại trả thù người gọi là thuật phù thủy đen, trong đó yểm là một cách. Trong "Tả truyện" có ghi chép về việc yểm; hai đời Hán, Đường trong cung đình đều xảy ra nhiều sự việc yểm hại. Trong dân gian thường thấy thuật phù thủy báo thù bằng cách cắt người giấy, làm hình nhân nhỏ, sau đó viết tên họ ngày sinh, tháng đẻ của kẻ thù lên người giấy hay hình nhân, rồi dùng kim đâm, dao chém, đốt lửa, nhằm đạt được mục đích làm đối phương bị giày vò, ốm chết. Hồi hai mươi lăm trong *Hồng Lâu Mộng* có nói về thuật này. Kết quả làm chò Đại Ngọc kêu gào nhảy múa, Phượng Thư phát điên. Cái trò hại người này đến nay vẫn còn có chỗ đứng ở những vùng lục hậu.

12. HOÀNG ĐẾ LÀ CHÂN LONG THIÊN TỬ U?

Bọn thống trị phong kiến Trung Quốc thời cổ đại đã ra sức thi hành chính sách ngu dân, trong đó một nội dung quan trọng là tạo ra căn bệnh "sùng báu chính trị". Do trung tâm của chính trị xã hội phong kiến là hoàng quyền, hoàng đế, vì vậy Bùng báu chính trị thời xưa chủ yếu xoay quanh cái trung tâm hoàng quyền, hoàng đế, để phục vụ cho việc đoạt lấy hoàng quyền, củng cố ngôi vua. Có ba phương thức phục vụ chính: một là thần hóa

đế vương, hai là tạo ra diêm lành, ba là thêu dệt lời sám (sám ngữ). Đế vương cổ đại Trung Quốc, nhất là số đế vương khai quốc, thường có vòng sáng thần bí bao trùm, đó là cái gọi là "chân long thiên tử" ứng mệnh trời. Hán Cao Tổ Lưu Bang ra đời là do bà mẹ thường nghỉ ở bờ đầm lớn, mê thấy ngủ với thần, lúc đó sám chớp mù mịt, Thái công (bố Lưu Bang) đến nhìn, thấy giao long ở trên người bà. Sau đó, có thai sinh ra Cao Tổ". Lưu Bang được gọi là "long thần", sau khi thành người, trên người Lưu Bang lộ ra rất nhiều "tính cách long" (long tính). Sử ký miêu tả cuộc "chém rắn khởi nghĩa", con trai Xích Đế chém con trai Bạch Đế: "Cao Tổ say rượu, ban đêm đi qua đầm, lệnh cho một người đi trước. Người đi trước quay về nói: đừng trước có con rắn lớn chằn ngang đường, nên quay về! Cao Tổ đang say, nói: tráng sĩ đâu có sợ! Rồi tiến lên rút kiếm chém rắn dứt làm hai đoạn, đường thông. Chẳng ngờ đó là con trai Bạch Đế hóa làm con rắn chằn đường! "Con trai Bạch Đế" chỉ vua Tân, "con trai Xích Đế" chỉ Lưu Bang. Lưu Bang chém rắn được nói thành con Xích Đế chém con Bạch Đế, rõ ràng là đã tạo dựng dư luận thần bí cho việc Lưu Bang xây dựng nhà Hán thay thế nhà Tân. Khi làm hương trưởng ở Tứ Thủy, Lưu Bang thích rượu và gái, thường đến quán rượu của Vương Âu, Vũ Thủ ăn uống. Sau khi uống say thường ngủ trên giường cửa hai người. Bọn họ thường thấy rồng hiện lên trên người Lưu Bang

khi ngủ, cho là điều lạ, nên khi bán rượu thường giọt cho Lưu Bang nhiều hơn, có nợ tiền cũng không đòi. "Long thần" Lưu Bang bắt kể đi đến nơi nào cũng đều gặp mây lành.

Thời kỳ giữa đời Tây Hán, Đổng Trọng Thư đề xuất quan điểm "quân quyền là thần cho", rằng "trời" là vị thần tối cao, "con trời" (thiên tử) là đại biểu của Trời trong nhân gian, chịu mệnh với trời, thống trị nhân gian. Chỉ có ứng mệnh trời mới là chân long thiên tử, tất phải có chỗ khác với người thường... Tuy thần hóa đế vương đã xuất hiện từ Tam Hoàng, Ngũ đế thời viễn cổ, nhưng chỉ sau khi tư tưởng thần học của Đổng Trọng Thư được lưu truyền thì việc thần hóa đế vương mới phổ biến. Từ sau đời Hán, các vua khai quốc các đời hầu như đều có những hiện tượng thần bí tương tự. Ngụy Văn đế Tào Phi khi sinh có khí mây màu xanh và tròn, kéo dài suốt ngày, cho là điềm quý; hoặc nhà ở của Tôn Quyền thường có quầng sáng, mây ngũ sắc kéo dài mấy dặm, mọi người đều nhìn thấy. Các bậc phụ lão nói: đó là khí phi phàm, họ Tôn tất lên; hoặc bên nhà Lưu Bị có cây dâu cao hơn năm trượng như cái tán xe, sẽ có quý nhân ra đời v.v.. Còn có chuyện khi Đường Thái Tông ra đời, có hai con rồng đùa nhau ở trước cửa, ba ngày mới bỏ đi.

Khi Đường Thái Tông ra đời, chính sử chí ghi có mấy chữ: "Có hai con rồng đùa nhau trước cửa.

ba ngày mới bỏ đi", nhưng trong chuyện dân gian thì lại kể rất ly kỳ. Viên Vu Lệnh đời Minh trong hồi bốn "Tần Thúc Bảo trên đường cứu Đường công, Đậu phu nhân sinh thế tử trong chùa" của cuốn sánh *Tùy sử di văn* đã miêu tả sự kiện trên vô cùng sinh động: "Đường công Lý Uyên ngồi đến canh hai, nhân lúc ngài vươn vai, chợt người thấy mùi hương lạ xông vào mũi, vội nhìn vào chiếc bếp lò đẽ ở phía trước thì thấy đã tắt ngấm từ lâu. Điều kỳ lạ là lúc đầu chỉ thấy thoang thoảng, sau đó cảm thấy thơm tho khắp phòng, bèn sai người lên xem điện phật, trở về thưa rằng trên điện không thấp hương. Đường công cảm thấy kỳ lạ, vội ra chỗ giếng trời, chỉ thấy sao sáng mây lành đầu trời, hương thơm khắp nơi xông vào cái thai. Đang lúc ngửa mặt lên trời ngấm nhìn thì người nhà chạy vào thưa phu nhân vừa sinh thế tử thứ hai ! Trong tiểu thuyết khi miêu tả Lý Thé Dân ra đời, không chỉ có hương lạ đây nhả, đây trời mà trên trời còn có sao sáng mây lành, ráng lành mù đep, Lý Thé Dân là sao Phồn Vy giáng trần, sao Phồn Vy là đế tinh, viết như vậy nhằm nói chân long thiêん tử đã ra đời. Trong chính sử, dã sử, bút ký, tiểu thuyết, truyện dân gian, phần lớn đều thần hóa đế vương phong kiến, tạo cho bọn họ, nhất là các đế vương khai quốc một vòng hào quang thần bí, theo đó đế vương phong kiến đều là chân long thiênn tử ứng mệnh trời, là chúa cứu thế, an bang tế thế, cứu dân khỏi cảnh nước sôi lửa bùng. Từ sau khi lưu

hành "tư tưởng thần học quân quyền là được thần trao của Đỗng Trọng Thư, thuyết thiên tử chân mệnh đã cấm rẽ trong tâm lý văn hóa của dân chúng Trung Quốc, cứ vào dịp cải triều hoán đại (thay đổi triều đại) một số nhà chính trị đã tâm đã ra chế tạo gieo rắc các tin đồn thần hoá mình, chứng minh là chân mệnh thiên tử, làm cho trăm họ mè tín mệnh trời cứ trông chừng mà theo, ra sức đánh trận giành lấy thiên hạ cho mình. Trong lịch sử Trung Quốc, mỗi khi thiên hạ loạn lạc thay đổi triều đại, trong xã hội thường xuất hiện các lời sấm và Vĩ thư ghi chép lời sấm. Nhân vật, tập đoàn mới vùng lên để chứng minh tính hợp lý và tính hợp pháp của việc mình đoạt quyền, nói chung đều ra sức thêu dệt, truyền bá lời sấm nhằm mê hoặc lòng người; một số kẻ đầu cơ trực lợi cũng ưa thích thêu dệt lời sấm vào lúc đó để trực lợi. Cuối đời Tây Hán, hành động thay thế triều Hán của ngoại thích Vương Mãng lộ dần, ở Trường An có một thư sinh tên là Viên Chương, đã đóng hai cái tủ, một cái bên trên viết: "Thiên đế hành tỷ kim quý đồ" biểu thị đó là mệnh lệnh của thượng đế; trên chiếc tủ khác viết: "Xích Đế hành tỷ bang truyền dữ Hoàng đế kim sách thư", biểu thị Xích Đế trong ngũ đế nêu truyền ngôi cho hoàng đế, "Xích Đế" chỉ hoàng đế nhà Hán, "Hoàng đế" chỉ Vương Mãng. Trong sách còn viết "thái hoàng thái hậu nêu theo mệnh trời truyền ngôi cho Vương Mãng. Trong danh sách tân đại thần mới được già

tạo ra, Viên Chương không quên

lưu một chỗ cho tên mình: Đến đêm, Viên Chương đưa hai cái tủ đó đến miếu thờ Hán Cao Tổ. Ngày hôm sau, tất nhiên Vương Mãng đã tiếp thu một cách rất phấn khởi việc nhường ngôi của vua Hán, lên làm hoàng đế, xây dựng vương triều Tân Mãng trong lịch sử. Sau đó cẩn cứ vào lá bùa bổ nhiệm do Viên Chương tạo ra, phong chức cho quan lại, Viên Chương đã thỏa mãn nguyện vọng, được cử làm tướng quốc, phong là Mỹ Tân công. Tân Hán là thời kỳ sấm ngữ sôi nổi khát thường, các loại thế lực đều thêu dệt lời sấm để phục vụ chính trị của mình. Sau khi ướp được chính quyền, Vương Mãng cho thực hiện cải cách chế độ, làm cho đông đảo người bất mãn, gửi gắm hi vọng vào các hậu duệ họ Lưu nhà Hán. Trong đó Lưu Tú được coi là lực lượng rất có hi vọng, nhiều phần từ đầu cơ đã lũ lượt đến nương nhờ ông ta. Lý Thông liền thêu dệt ra một sấm ngữ: "Họ Lưu khôi phục, họ Lý là phù trợ". Lưu Tú chấp nhận lời sấm đó, khởi binh chương Vương Mãng, đoạt lại chính quyền, xây dựng vương triều Đông Hán. Đối với Lý Thông, người có công thêu dệt lời sấm, chế tạo dư luận, Lưu Tú rất tín nhiệm, trước sau đã cử giữ các chức Tiền tướng quân và Đại Tư không v.v... Cuối năm Kiến An thời Hán Hiến Đế, Tào Phi vẫn còn chưa thay nhà Hán, có người nhìn thấy đã tâm cướp ngôi của Tào Phi, đã khuyên Tào Phi làm, và lấy lời sấm trong Vỹ thư "Dịch ứng vận kỳ" làm

căn cứ. Sám Ngữ nói: "quỉ tại sơn, hoa liên nữ, vương tại hạ". Trong đó bốn chữ "quỉ", "sơn", "hoa", "nữ" hợp thành chữ "nguy" (tức là nguy nga) nhưng trong chữ "nguy" cũng có chữ "Ngụy" (tức là nhà Ngụy). Vì vậy Ngụy vương Tào Phi nên thuận ý trời xưng đế thay nhà Hán. Ngoài việc đế vương các đời tạo ra các lời sám ra, các lãnh tụ khởi nghĩa nông dân thời xưa cũng lợi dụng lời sám mê tín nhằm gia tăng tính thần bí và sức hiệu triệu của mình. Sử ký, Trần Thiệp thế gia "ghi truyện Trần Thắng, Ngô Quang trước khi phát động khởi nghĩa ở làng Đại Trạch đã nghe theo kiến nghị của thày bói để lấy "uy với quân chúng" đã lấy giấy son viết lên lụa trắng mấy chữ "Trần Thắng vương", sai người nhét vào bụng cá. Quân lính mua cá nấu ăn, thấy thư ở trong bụng cá cho là quái lạ. Lại ngầm sai Ngô Quang đến ngôi đèn, đêm thắp đèn lên làm già tiếng cáo: "Đại sở hưng, Trần Thắng vương" (nước Sở nổi lên, Trần Thắng làm vua). Quân lính ban đêm đều kinh sợ. Sáng hôm sau, kháo nhau, và đưa mắt nhìn Trần Thắng". Trần Thắng, Ngô Quang tạo ra việc nhét thư vào bụng cá và già làm cáo kêu lời sám khi thắp đèn, quả nhiên có hiệu nghiệm, sĩ tốt đều tin là Đại Sở sẽ nổi lên, Trần Thắng là chân mệnh thiên tử chịu mệnh trời, sẽ vâng mệnh trời làm vua, nên đã nhất tề đi theo. Cuối thời Đông Hán, trước khởi nghĩa khẩn vàng, Trương Giác đã sáng lập "đạo Thái Bình", lợi dụng tôn giáo của đạo Thái

Bình đế gây ảnh hưởng với tổ chức dân chúng. Trải qua phát triển tổ chức hơn mươi năm, thấy thời cơ đã chín muồi, Trương Giác liền đưa ra khẩu hiệu: - Trời xanh đã chết, trời vàng sẽ lập. Vào năm Giáp tý, thiên hạ đại cát" nhằm nói với mọi người, khí số nhà Hán đã két, quân khẩn vàng sẽ giành được thiên hạ, đến năm giáp tý (năm 184 sau công nguyên) thiên hạ sẽ thái bình. Khẩu hiệu của quân khẩn vàng trên thực tế là dùng mệnh trời để kêu gọi, có tính chất sấm ngôn. Lãnh tụ khởi nghĩa nông dân các đời đều am hiểu một cách sâu sắc công hiệu của việc dùng sấm ngôn, Vỹ thư để kích động dân tình và tăng thêm thanh thế, nên không ai là không lợi dụng, như Hàn Sơn Lương, Lưu Phúc Thông cuối đời Nguyên, nhân lúc triều đình trưng tập dân công trợ lý sông Hoàng Hà, đã ngầm tac một người đá một mắt và khắc ở sau lưng người đá này sấm ngôn: "Đừng tưởng người đá có một mắt, xúi giục thiên hạ Hoàng Hà làm phản đấy?" Rồi đem chôn ở một nơi sẽ phải đào tới. Sau khi dân công đào được, mọi người phẫn chấn, cho thằng phản Nguyên là ý định của trời, nên đã nhanh chóng dây lên cuộc đại khởi nghĩa nông dân có qui mô toàn quốc. Đế vương phong kiến sau khi thông qua việc tự thần hóa mình, bịa đặt ra sấm ngôn đạt được mục đích cướp lấy chính quyền còn luôn luôn chế tạo ra diêm lành, mỹ hóa hoàng quyền, hơn nữa để củng cố sự thống trị của mình. Xưa nay diêm lành đều được coi là tượng trưng cho

sự trị thế, là sự khen ngợi của trời đối với đức nghiệp của đế vương. Người xưa đã liên hệ việc xuất hiện các diêm lành với đức nghiệp của đế vương, sự thanh bình của xã hội lại làm một, nên mới có cái gọi là: "quốc gia hưng thịnh, tốt có diêm lành" ("Lễ ký"). Đống Trọng Thư trong "Xuân Thu phồn lộ, Vương đạo , cho rằng khi đế vương thi hành vương đạo nhân chính thì quốc phú, dân an, sẽ xuất hiện diêm lành như trời mưa cam lộ, phượng hoàng kỳ lân xuất hiện v.v. Khi người xưa phổ biến cho rằng diêm lành liên hệ làm một với đức nghiệp của đế vương, trị thế thái bình, thì các đế vương phong kiến đã lợi dụng điều đó chế tạo ra các diêm lành, nhằm ngu muội trăm họ, lũy hóa mình củng cố nền thống tri, thu phục lòng dân. Việc chế tạo diêm lành để rồi lợi dụng đời nào cũng có ở đây chỉ nêu "Sự kiện sách trời" do Tống Chân Tôn Triệu Hàng tự tay đạo diễn làm ví dụ. Sau khi ký "Liên minh Thiên Uyên" với nước Liêu, Tống Chân Tôn cảm thấy rất xấu hổ, thường buồn bực không vui, các đại thần chủ chiến cũng có lời chỉ trích kín đáo. Để đại thần văn võ và trăm họ trong thiên hạ biết rằng mình vẫn là chán long thiên tử thụ mệnh trời, bịt mồm thiên hạ, dựng lại hình tượng của mình. Tống Chân Tôn đã thân tự đạo diễn "Sự kiện sách trời" để tạo ra diêm lành. Tháng giêng năm Tường Phù nguyên niên, Chân Tôn triệu kiến tể tướng Vương Khâm Nhược. Vương Đán và nói với họ: nửa đêm tháng 11 năm

ngoài ta đã gặp thần nhân, cho biết tháng giêng năm nay sẽ giáng sách trời. Lúc này ty Hoàng thành đã tâu báo: ở góc năm cửa Thừa Thiên bên trái trên mỏ diều hâu, có một dải lụa vàng dài hai trượng niêm phong một cuốn sách, chỗ niêm phong mờ ảo có chữ. Bọn Vương Đán hiểu được dụng tâm của Chân Tôn, sôi nổi phụ họa cách nói của Chân Tôn, cho rằng rõ ràng đó là sách trời. Chân Tôn coi như việc đó có thật, nên đã đi bộ đến cửa Thừa Thiên, thấp hương bái vọng đón sách trời. Sau khi mở niêm phong, thấy bên trong có ba bức chữ vàng, văn từ có chút tương tự với trong "Thượng thư, Hồng Phẩm", "Lão tử", trước tiên ca tụng Chân Tôn, nói nhà vua rất có hiếu, rất có đạo, có thể nối nghiệp lớn, tiếp đó khuyên nhà vua phải trong sạch, bình tĩnh, chăm chỉ, tiết kiệm, cuối cùng nói ngai vàng mãi mãi hưng thịnh. Chân Tôn cất cái gọi là sách trời ấy vào tú vàng, sau đó đem việc này nói cho thiên hạ biết. Tháng sáu năm này, sách trời lại một lần nữa giáng xuống bắc suối Lẽ ở Thái Sơn, theo lời thỉnh cầu của các đại thần, Chân Tôn đã đến Thái Sơn làm đại lễ phong thiện. Trong vòng một năm, có mấy lần sách trời giáng, không chỉ làm cho Chân Tôn, người đạo diễn "Sự kiện sách trời" lâng lâng phơi phới, mà còn làm cho nhiều người tưởng rằng đó là diềm lành lớn nhất. Còn việc phong thiện Thái Sơn, chỉ có những đế vương có công đức lớn mới cử hành. việc Chân Tôn phong thiện Thái Sơn đã chứng minh nhà vua là

thiên tử thánh minh có công đức lớn. Sự kiện dùng mây việc' trên để lập lại uy quyền, khôi phục hình tượng của mình của Chân Tôn, sau này đã được Lý Chấp đời Minh, vạch trần là "thu phục bốn biển, khoe khoang với ngoại bang".

Ngày nay, người ta đều thấy "Sự kiện sách trời" chỉ thuần túy là một trò hề. "Sự kiện Bách trời" là việc tạo ra điểm lành điển hình, là sự kiện ngu dân mê tín chính trị.

13. CÓ THỂ SUY ĐOÁN ĐƯỢC SỐ PHẬN Ư?

Thế giới đều công nhận người Trung Quốc thông minh, trí tuệ, chỉ cần qua những cái phúc tạp, tinh xác tỉ mỉ của thuật bói toán đâu có thể khẳng định được điều này. Thế nhưng sự thông minh, tài trí đó của người Trung Quốc không được dùng vào nghiên cứu khoa học, phát triển sản xuất, tạo ra của cải vật chất mà lại đem dùng vào việc chiêm tinh, xem tướng, phong thủy, đoán mộng, chiết tự, lén đồng viết chữ cung như vào các thuật số *lục nhâm, thái át, kỳ môn độn giáp*... Thông minh đã biến thành mê tín, trí tuệ hướng về ngu muội. Hơn nữa, những thuật bói toán biến hóa khôn lường, đủ kiểu đó đến cuối thế kỷ 20 này vẫn còn lưu truyền rộng rãi, có thị trường rộng lớn. Thuật chiêm tinh được vận dụng sớm nhất vào việc nhà nông và săn bắn: Thời kỳ Xuân Thu, Chiến

quốc, thuật chiêm tinh được chuyên dùng để quan sát những biến hóa của tinh tượng và quan hệ đối ứng với nhân sự, dự báo việc lớn của quân quốc và cát hung nhân sự Thuật chiêm sinh liên hệ các sự kiện xã hội trọng đại như đế vương, tướng văn, tướng võ, ranh giới Cửu châu, quân quốc đại sự, thay đổi triều đại, vận nước thịnh suy, xã hội loạn hay trị v.v... Người ta cho rằng cùng với sự biến hóa của tinh tượng thì những người hoặc việc đối ứng nhất định sẽ xảy ra những biến hóa tương ứng. Các tinh tượng thường dùng của thuật chiêm tinh có Tam Viên, Tú Tượng, Ngũ Vỹ, Thất Chính cũng như sao Chổi, Bội tinh, Thiên Lang, Thiên Cầu v.v... Tam Viên tức là Tứ Vi, Thái Vi, Thiên Thị, Lần lượt đối ứng với đế vương, công khanh là 12 nước được phong đời nhà Chu ở nhân gian: Tứ Tướng tức là nhị thập bát tú, đối ứng với các châu quốc trên mặt đất. Ngũ Vỹ tức là năm sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, năm sao này cộng thêm mặt trời, mặt trăng là Thất Chính. Trong "Sử ký, Thiên quan thư" Tư Mã Thiên ghi chép, về mối liên hệ giữa tinh tượng trên trời với nhân sự, nói: "Sự hưng thịnh của nhà Hán, Ngũ tinh tụ ở Đông Tinh; Bình thành bị vây trăng quang, sao Tát thắt nặng; họ làm loạn, nhật thực đen tối bầy rước Ngô Sở phản nghịch, sao chơi dài vài trượng, Thiên Cầu qua Lương dã: nước Việt mất sao Hỏa gần sao Bắc đầu; Triều Tiên loạn, Tinh Bồ ở Hà giới...: "Tư Mã Thiên đã đem quân quốc đại sự trong hơn 100 năm

từ Cao Tổ nhà Tây Hán đến Vũ Đế cùng với sự biến hóa tinh tượng trên trời, đối với từng cái một, mà chỉ đạo lý luận là tư tưởng thần học cảm ứng trên trời. Các sử sách đời sau, căn cứ vào lệ cũ của Sử ký đều liên hệ sự biến hóa của tinh tượng với sự biến hóa của nhân sự. Còn một Bố Chiêm tinh, thường căn cứ vào thiên tượng để nói nhân sự, đã đưa ra những giải thích thần bí nhiều màu sắc, đầy mê tín đối với sự phát triển khách quan của lịch sử xã hội. Thuật xem tướng người là một loại thuật số bắt đầu tương đối sớm ở Trung Quốc cổ xưa, những điển tịch thời tiên Tần như "Tả truyện", "Quốc Ngữ" đều đã có những ghi chép tiêu biểu về tướng người. Bắt đầu từ đời Hán, thuật tướng dần được lưu hành, hơn nữa đã có hình thức lý luận sơ khai nhất định. Đến Lục triều, thuật tướng dần chín muồi, đã xuất hiện "Tướng định", một tác phẩm tướng thuật chuyên môn. Sau đời Tống, thuật tướng càng phát đạt, tiêu chí rõ ràng, việc xuất bản và lưu hành các tác phẩm thuật tướng như "Ma y tướng pháp", "Thái Thanh thần giám" càng mạnh. Thuật tướng bao gồm tướng mặt, tướng người, tướng tiếng nói, tướng xương v.v... Tướng mặt chủ yếu căn cứ vào tướng ngũ quan, thần thái khí sắc để dự đoán số phận tiền đồ của một người. "Có cái gọi là tướng phúc, thì tất phải "giữa trán đầy đặn, địa các vuông tròn", ..-mặt như trăng tròn, mũi thẳng móm vuông"; ngược lại thì nhất định "móm nhọn quai hàm như khi, mũi

khoảm mắt lác", nếu vận may, tất sẽ "mặt đầy ánh sáng đỏ"; ngược lại nhất định "sắc mặt u ám". Tướng mặt được ứng dụng rộng nhất trong thuật tướng người. Trên đây chỉ là mấy câu mà trong dân gian hầu như ai cũng nói được. Còn có những nghiên cứu phức tạp hơn, ví dụ như đem mắt, tai, mũi, lưỡi, mặt đối ứng với ngũ hành và phương vị cửu cung, lấy tai thuộc phương bắc, nhân, quý thủy; mắt thuộc phương đông, giáp, át, mộc; hôi thuộc phương nam, bính, đinh, hỏa; mũi thuộc phương tây, canh, tân, kim; mặt thuộc trung ương, mậu, kỷ, thổ, căn cứ vào sinh khắc của ngũ hành mà xác định sang, hèn, phúc, họa, cho rằng ngũ hành tương sinh thì giàu, sang, tương khắc thì nghèo, hèn. Trong "Ngũ hành tương sinh ca" viết: "Tai có ngọc rủ mũi có gò. Kim, thủy tương sinh chủ phát to. Nếu chẳng làm quan, cửa đầy kho. Môi vuông, mũi thẳng người càng quý. Kim thổ tương sinh làm quan to. Môi vuông mắt đen mộc sinh hỏa. Là người chí khí của đầy nhà Môi đầy dài là hỏa sinh thổ. Người này có phúc, trung niên vượng. Mắt dài, mày đẹp, đủ phong lưu. Thân sẽ làm quan vinh hoa nhiều. "Điều dễ thấy là ở đây đã mang ngũ quan của người so sánh một cách máy móc với âm dương ngũ hành, rồi căn cứ vào tương sinh tương khắc của ngũ hành mà suy đoán cát hung. Tướng hình chủ yếu thông qua đặc trưng hình thể và hành vi của người để suy đoán tâm tính và vận số của người. Ví như Tư Mã Ý, thời

Tam Quốc, không cần quay người đã có thể cùi đầu nhìn thấy lưng. Sài lang cũng như vậy, gọi là "lang cố", chính hành vi đó đã đặc trưng rõ tính tình tàn nhẫn ngầm của Tư Mã Ý... Tăng Quốc Thiên đời Thanh, khắp người mọc nấm, giống như vậy, người ta gọi là "rồng hùi", truyền thuyết dân gian nói Tăng Quốc Thiên là rắn lớn, khi ra đời, người Tăng Quốc thiên không cao, nhưng dáng đi cực vững vàng, người đời đều coi vảy nấm và dáng đi của họ Tăng là đặc trưng của đại quý. Tướng tiếng nói là căn cứ vào thanh âm của người mà suy đoán số phận của họ, tướng xương là thông qua việc sở đoán xương trên người để phán đoán số phận người. Lịch sử đã có nhiều ghi chép về việc dùng thuật tướng tiếng nói và xương dự đoán cát hung mà ứng nghiệm thần kỳ. Đến nay những thuật tướng người nói trên vẫn còn được không ít người tin tưởng. Thuật đoán số bằng sao là một loại thuật số trên cơ sở thuật chiêm tinh phát triển mà thành. Sự khác nhau của hai thuật này là ở chỗ, thuật chiêm tinh căn cứ vào sự biến hóa của tinh dương để dự báo kết quả những sự kiện quân quốc lớn có liên quan, số phận các nhân vật lớn, còn thuật đoán số bằng sao thì căn cứ vào sự thay đổi của tinh tượng mà dự đoán ra số phận cá nhân bao gồm cả tiểu nhân vật. Từ sau đời Đường, thuật đoán số bằng sao không căn cứ vào tinh tượng nữa mà căn cứ vào thời gian xuất sinh của người ta mà suy đoán. Các thuật sĩ đoán số bằng sao cho rằng,

số phận người và vị trí mà tinh trí ở lúc người ta ra đời có liên quan với nhau, mà thời gian xuất sinh của người lại biểu thị bằng can chi, can chi của năm, tháng, ngày, giờ hợp lại thành: "năm x, tháng x, ngày x, giờ x" vừa đúng tám chữ tục gọi là tám chữ thời thìn, còn các thuật sĩ thì gọi là tạo mệnh hoặc sinh canh. Phương pháp của thuật đoán số bằng sao lấy thiên can địa chi phối với cửu cung bát quái, âm dương ngũ hành, căn cứ vào sinh khắc, hình hại, xung hợp và sáu mươi nạp âm của tám chữ thời thìn thuộc vào ngũ hành để suy đoán số mệnh của người. Từ sau đời Bắc Tống, các tác phẩm về thuật đoán số bằng sao ra đời rất nhiều, trong đó những cuốn ảnh hưởng tương đối lớn là "Tam mệnh tiêu túc phú chí", "Tam mệnh chí mê phi", "Duyên Hải từ bình" v.v..., đã có nhiều độc giả trong dân gian. Và ngày nay, tại đâu phố cuối thôn, ở những chốn náo nhiệt hay ở những nơi yên tĩnh vẫn còn những thuật sĩ đoán số bằng sao hoạt động. Thuật phong thủy cũng là một phương thuật cổ xưa. Ngay từ thời Tây Chu, thuật phong thủy đã được vận dụng trong cuộc sống hiện thực. Thời Tây Hán và Đông Hán, bước đầu có hình thái lý luận. Thời Ngụy, Tấn, Nam Bắc triều, thuật phong thủy phát triển nhanh chóng, đã có chuyên luận "Táng kinh" phong thủy của Quách Phác. Sau đời Đường Tống, thuật phong thủy ngày càng hưng thịnh, tác phẩm phong thủy rất nhiều, có nhiều môn phái thuật phong thủy, trên đén để vương

khanh tướng, dưới đến trãm họ bình dân không ai là không sùng bái, coi trọng phong thủy. Thuật phong thủy có ảnh hưởng to lớn và sâu xa đối với quan niệm tư tưởng và sinh hoạt hàng ngày cũng như tâm lý văn hóa của người ta. Đặc trưng cơ bản của thuật phong thủy là thăm dò, nghiên cứu mối quan hệ đối ứng giữa số phận con người và môi trường địa lý. Thuật phong thủy chia môi trường địa lý làm hai long lớn, một là hoàn cảnh sinh sống lấy nơi cư trú là chính, tức dương trạch, hai là nơi an táng tức âm trạch. Thuật phong thủy đã liên hệ việc lựa chọn dương trạch và âm trạch với số phận con người, cho rằng sự sang, hèn, thọ, yếu, cát hung, họa, phúc có mối tương quan mật thiết với hình thế địa lý, bố cục phương vị, kết cấu kiến trúc... Thuật phong thủy Trung Quốc có lẽ chia làm hai lưu phái lớn, một phái hình thế chú trọng hình thế địa lý, coi trọng long huyệt, sa thủy, bố cục kết cấu; một phái lý khí vận dụng lý luận ngũ hành sinh khắc, cửu cung bát quái, sao chổi xuất hiện. Cá hai phái đều có ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội thương lưu và tầng lớp dân gian bên dưới. Khi xây dựng nhà cửa mỗi thầy địa lý đến xem vị trí đất đai, xác định hướng cửa, sau đó mới bắt tay xây dựng; sau khi vào ở nếu gia đình gặp nhiều sự không may, thường phải thay đổi phương vị của cửa nhà dưới sự chỉ đạo của thầy địa lý, hoặc phải rờ đi làm lại, thậm chí chọn nơi làm nhà khác. So sánh một chút lấy người Trung Quốc coi trọng âm

trạch hơn là dương trạch nhiều. Gia đình nào có người làm quan to, gia đình nào phát tài lớn, gia đình nào nhân khẩu đông đúc, gia đình nào hòa mục bình an, đều được giải thích bằng mồ mà, phong thủy của gia đình đó tốt. Vì vậy mọi người đều không tiếc tiền mời thày địa lý lựa chọn nghĩa địa gia tộc; nếu có thù oán là tính mưu tìm kế phá hoại phong thủy âm trạch của đối phương; có những nhà ham muốn thăng quan phát tài, theo sự chỉ điểm của thày địa lý đã chôn cất lại xương cốt của cha ông làm cho người chết rồi cũng không được yên. Những việc như vậy là điều thường thấy ở các vùng nông thôn rộng lớn. Các thành phố thực hiện hỏa táng, nhưng do thuật phong thủy đã đi sâu vào lòng người nên cũng rất coi trọng việc đặt hộp tro xương. Nằm mộng là một hoạt động tâm lý tiềm ý thức hoặc vô ý thức khi người ta đang ở trạng thái ngủ, nói chung nó không có thứ tự, không theo qui tắc, khó nắm bắt. Một mặt, ban ngày có suy nghĩ gì, ban đêm có thể mộng thấy cái đó, hành vi tâm lý ngày thường của người ta có thể ảnh hưởng đến nội dung giấc mộng; mặt khác, những giấc mộng kỳ quái, ngược lại cũng có thể ảnh hưởng đến hành vi tâm lý ngày thường của người ta, người ta muốn từ trong đó tìm ra một số điều mới, tìm ra cách giải thích, thế là thuật đoán mộng đã ra đời đúng thời cổ. Để đáp ứng nhu cầu đoán mộng, người xưa chia mộng thành "ba mộng" và "sáu mộng". "Ba mộng" chia làm Trí mộng, Ngụ

mộng (nằm mộng lúc tinh ngũ) và Hàm Trắc. "Sáu mộng" phân ra làm Chính mộng (không có xúc động gì bình yên tự mộng) Ngạc mộng (mộng dữ - do kinh hoàng mà nằm mộng) Tư mộng (có suy nghĩ gì, nhớ mà nằm mộng) Ngụ mộng, Hỉ mộng (vui mừng mà nằm mộng) Cụ mộng (sợ hãi, mà nằm mộng) (Chu Lễ - Xuân quan). Một số ghi chép về đoán mộng, sớm nhất thấy trên lời bắc giáp cốt đài Ân. Thời Tây Chu, triều đình đã lập chức quan đoán mộng chuyên trách. Thông thường giữa các giấc mộng với nhau không có mối liên hệ, mộng lại có rất nhiều thứ, người bình thường khó có thể căn cứ vào đó để đoán xáu tốt, suy ra cát hung... nhưng các thuật sĩ đoán mộng vẫn tìm cách để có thể giải thích, ở đó tuy có những nhân tố có tính chất phân tích tâm lý tiếp cận thời cận đại và cũng có sự vận dụng kinh nghiệm xử sự hàng ngày, nhưng phần đông là chủ quan, tùy tiện, khiên cưỡng, phụ họa. Trong diển tích, bút ký đã sử cổ đại có nhiều ghi chép về những giấc mộng và việt đoán mộng. Trong dân gian còn có những giải thích mê tín về mộng, như mộng thấy nước là điềm báo sê phát tài, mộng thấy lửa có khả năng gặp nạn, mộng thấy rắn có thể sinh bệnh...

Chiết tự là căn cứ vào số nét chữ để dự đoán kết quả cát hung của người và sự vật. Theo ghi chép trong "Nghi thất chí" đầu năm Thượng nguyên, Đường Cao Tông, có một người hái thuốc ở huyện Cốc Thành, Lạc Xuyên, khi lên núi hái

thuốc đa nhặt được một miếng đá có ghi chữ, người khắc chữ là khâu Thiên sư tu hành đắc đạo từ thời Bắc Ngụy: Người hái thuốc mang nộp miếng đá cho quan phủ, người ta nhận được trên đó có mấy câu "Mộc từ dương thiên hạ", "chỉ qua lon lòng", "cơ thiền ri vạn tuế"... nhận những câu đó để u là sấm ngôn, mỗi câu đều ngầm chứa một sự kiện lịch sử trọng đại, trong đó "chỉ qua long" nói họ Vũ sẽ làm thiên tử, là lời báo trước Vũ Tắc Thiên sẽ thay đổi triều đại. Người ta dùng cách chiết tự để giải thích câu "chỉ qua long", chiết chữ "vũ" ra, một chia hai tức chỉ, qua, từ thời Liên Tần đã có cách nói "chỉ, qua là vũ". Do đó người ta giải thích "chỉ, qua long" là người họ Vũ sẽ làm vua. Nghe nói đầu đời Nam Tống có một người họ Chu rất giỏi chiết tự. Khi Tống Cao Tôn về phía nam đến Hàng Châu, có một đại thần viết chữ "Hàng" rồi nhờ người họ Chu đoán, người họ Chu chia chữ "Hàng" ra làm hai nửa, rồi lại đem nét chấm ở trên chỉ "Cang" chuyển đến chữ mộc để hợp thành hai chữ "Ngột Thuật" rồi nói thống soái quân Kim là Ngột Thuật sẽ mang quân xâm lược miền nam. Không lâu sau, Ngột Thuật dẫn quân đánh chiếm Hàng Châu. Đầu đời Nam Tống, hai phái chủ hòa, chủ chiến đấu tranh kịch liệt với nhau, đại biểu phái chủ hòa là Triệu Đinh và đại biểu phái chủ chiến là Tân Cối. Truyền thuyết nói, lại người đều bí mật viết một chữ "thoái" (lùi) yêu cầu họ Chu bói, Chu nhìn chữ của hai người, nói: Triệu ắt phải đi, Tân

được lưu lại, Triệu viết chữ "thoái", chữ nhân cách chữ nhật rất xa, Tần viết chữ "thoái", chữ nhân và chữ nhật dính liền nhau, hai chữ viết đó lộ rõ việc đi, ở đã định". Sau đó không lâu, Triệu Đỉnh quả nhiên bị đẩy ra khỏi kinh đô... Loại ghi chép tương tự như trên có rất nhiều trong dã sử cổ.

Ngày nay, vẫn còn có không ít người thích thú trò chơi chiết tự. Những thuật bói toán nói ở trên đều có căn cứ lý luận thuộc ba văn hóa thần bí lớn: âm dương ngũ hành, "Kinh Dịch" và "Hà đồ lạc thư". Trong thuật số tuy có bao hàm ý muốn thăm dò, hiểu biết những cái chưa biết trong tương lai, có một số chỗ hợp với thường thức hoặc gần với khoa học, nhưng khuynh hướng tổng thể là nhằm làm cho người ta tin vào số phận và yên phận với số mệnh, từ đó hướng người ta vào mê muội và ngu dốt. Vì vậy, thuật bói toán là mê tín phong kiến, cần phải quét sạch.

LỜI CUỐI SÁCH

Hiện nay, việc nghiên cứu người Trung Quốc đã trở thành vấn đề quan trọng và cũng là bức thiết nhất. Nghiên cứu người Trung Quốc là môn học nghiêm túc đồng thời cũng là một đề tài thú vị. Có thể nghiên cứu toàn diện về người Trung Quốc, cũng có thể tiến hành từ một góc độ nào đó. Đã nghiên cứu hàng loạt ưu điểm của người Trung Quốc như tinh thần yêu nước, sự anh dũng, gan dạ, cần lao trí tuệ, thân mật lẽ nghĩa... thì cũng nên nghiên cứu cả những khuyết khuyết của họ nữa.

Cuốn sách này chủ yếu phản ánh hàng loạt thiếu sót của người Trung Quốc đương đại, như lời tiên sinh Lô Tán: "Vạch ra nguồn gốc của bệnh, để rồi tri liệu cứu chữa", có nhiên là với một thiện ý xây dựng. Với bút pháp nhẹ nhàng, cởi mở, khôi hài, bông gió, cuốn sách đã chỉ ra những khuyết điểm thường thấy nhất của người Trung Quốc, cố gắng đạt được cả nhã lãn tục, văn phong đơn giản mà hàm xúc, ngôn ngữ thú vị, thanh thoát, lấy động đàm độc giả làm đối tượng. Nhìn suốt lịch sử, lấy xưa nói nay, dẫn chứng bằng thực tế sinh động, sao cho tính lý luận, tính tri thức, tính thú vị được hài hòa, tạo thành cuốn sách lạ bàn về người Trung Quốc. Àu cũng là mong muốn của người viết vậy!

Tác giả

MỤC LỤC

trang

<i>Chương I.</i>	NHÂN CÁCH	5
1.	Ngoài mặt bắt tay hoan nghênh, dưới dùng chân ngáng chặn	5
2.	Chịu làm con cừu nhỏ mặc người lăng nhục giết hại	13
3.	Dù đường có dài hơn vẫn có thể đi theo đường cong	23
4.	Về truyện ngắn "Con kỳ nhông" đổi màu của A. Sêkhôp	30
5.	Không có tiền là tuyệt đối không được	35
6.	Không nhìn về phía trước, chỉ nhìn về phía sau	45
7.	Ở nơi tâm tôi có lực lượng gì vậy ?	50
8.	Nha môn là điện Diêm La	56
9.	Chỉ tin vào những gì mình đã làm	60

Chương II	AQ	71
1.	Bóng ma AQ vẫn vật vờ trôi nổi quanh ta	71
2.	"Chúng tao trước đây giàu hơn mày nhiều, mày là cái thá gì!"	82
3.	Một nam một nữ nói chuyện ở chỗ ấy, khẳng định là có trò rồi!	90
4.	Hói đâu sợ người chửi hoà thượng	94
5.	Khâm phục căm ghét vì không có nhiều rận như Vương Hồ	100
6.	Con cháu vượt tổ tiên, người đi sau vượt người đi trước	103
Chương III	QUAN TRƯỜNG	108
1.	Theo đuổi quan trường phải dựa vào thủ đoạn khôn khéo	108
2.	Bao giờ thì thôi dùng người chỉ căn cứ vào quan hệ thân cận	114
3.	Xưa nay quan trường nhiều thị phi	121
4.	Bà Vương bán dưa phải tự khoe	128
5.	Hai bộ mặt của chủ nghĩa quan liêu	134
6.	Hai hiện tượng hù bại của quan liêu	139
Chương IV	VĂN NHÂN	145

1.	Cuồng theo đuổi con đường làm quan	145
2.	Trời sinh có tài hắn được dùng	152
3.	Văn nhân từ xưa phần nhiều coi thường nhau	160
4.	Nỗi buồn, chàng hỡi có bao nhiêu?	168
5.	Chứng mềm xương của văn nhân	176
6.	Mua danh, chuốc tiếng	186
	Chương V ĂN MẶC	199
1.	Khoe giàu	199
2.	Ăn uống, tiêu xài của công大夫 nhiều cũng chẳng sót	207
3.	Vừa ăn vừa bàn, có nhiều vấn đề đáng bàn	211
4.	Làm tốt, làm xấu, nồi cơm to như nhau	218
5.	Thói quen lâu ngày cũng thành đúng	225
6.	Kịch vui châm biếm cái ăn	232
7.	Con mắt thế lợi chỉ nhìn ăn mặc	236
8.	Ba thế hệ ăn mặc giống nhau	241
9.	Ăn mặc cũng "bắt chước"	247
10.	Không nên ăn mặc nhố nhăng	251

11.	Hở hang là một dẹp sao?	257
	<i>Chương VI</i> NÓI NÀNG	260
1.	Thổi da trâu không bị đòn	260
2.	Lừa dối người mà không chịu trách nhiệm	271
3.	Rỗng tuyếch công thức doạ người	279
4.	Ché tạo ngôn ngữ	287
5.	Làm tổn thương còn hơn dao kiếm	291
	<i>Chương VII</i> HÔN NHÂN	294
1.	Vợ chồng gương ép cột chặt với nhau	294
2.	Phụ nữ bị mua bán như trâu ngựa	303
3.	Số phận vợ bé biết bao thê thảm	309
4.	Những cô gái bất hạnh lấy chồng là người nước ngoài	320
5.	"Hóng mát dưới cây đại thụ đáng buồn"	330
6.	"Tao cảm mày - một mét bảy chét tiệt!"	341
7.	Kết hôn phải chú ý thể diện và phô trương	351
8.	Tục náo động phòng trong buổi tân hôn	356
	<i>Chương VIII. PHONG TỤC TẬP QUÁN</i>	366

1.	Da mặt mỏng như tờ giấy	366
2.	Thói hứng thú không thể chấp nhận của lối khoanh tay đứng nhìn	375
3.	Ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng	379
4.	Thói quen nhờ vả, lợi dụng quan hệ riêng tư để làm việc	387
5.	Được chăng hay chớ, hôm nay không biết ngày mai	389
6.	Chuyện lớn hoá nhỏ, chuyện nhỏ thành không có gì	397
7.	Con dàn, cháu đồng quý hơn tài cả vạn quan (!)	402
8.	Bà tắc sen vàng bệnh hoạn	404
9.	Sự sùng bái thần bí đối với màng trinh	409
10.	Nói chuyện giật gân dời thịịnh "cơn sốt, mặt chược"	417
11.	Bà đồng có thể đuổi quỷ, trừ tà ư ?	418
12.	Hoàng đế là chân long thiên tử ư ?	425
13.	Có thể suy đoán được số phận ư ?	435

NGƯỜI TRUNG QUỐC TỰ TRÀO

(DƯƠNG QUỐC ANH biên dịch)

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN VĂN LƯU

Chịu trách nhiệm bản thảo

NGUYỄN CÙ

Biên tập:

PHÒNG TỔNG HỢP

Trình bày: LÊ NGỌC TÚ

Bìa: VĂN SÁNG

Sửa bản in: VĂN NGUYỄN

In 800 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Công ty In KHKT - Hà Nội.

Giấy phép số : 1037/76 CXB, cấp ngày 22-10-2001.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2002.

TRƯỜNG BÌNH TRỊ - DƯƠNG CẨM LONG

NGƯỜI TRUNG QUỐC TỰ TRÀO



NHÀ SÁCH
HÀ PHƯƠNG
6 - TRÀNG THỊ - HÀ NỘI

người trung quốc tự trào

1 001112 001243

45.000 VNĐ

<https://thuvienpdf.com>

GIA: 45.000Đ